

lê hữu

Quà tặng giữa mùa dịch



tập truyện

ARC

quà tặng giữa mùa dịch

Quà tặng giữa mùa dịch

lê hữu

Tập truyện



QUÀ TẶNG GIỮA MÙA DỊCH

Tập truyện, Lê Hữu

Bìa: Nguyễn Văn Thành

Giờ Ra Chơi, 2022

Copyright © 2022 by Le Huu

ISBN 978-1-7923-9017-3

MỤC LỤC

Quà tặng giữa mùa dịch	7
Hoa daffodils vàng mùa dịch	15
Sinh nhật Bố giữa đại dịch	25
Cuộc sống vẫn lao về phía trước	33
Khúc dân ca mùa dịch già	41
Ai cũng cần một vòng tay ôm	53
Trái tim em, lòng ngực anh	63
Las Vegas, đêm dài nhất	73
Giáng Sinh tháng Mười Một	93
Thư Giáng Sinh, viết từ Thiên Đường	101
Giọt lệ Chelsea	109
Hoa anh đào nở rộ	139
Bài nhạc Xuân hay nhất	147
Xuân phai	155
Một Mother's Day khác	185
Căn nhà cuối cùng của tôi	193
Có một vì sao	205
Nắng lạ	237
Thực, không đôi bờ	271

Quà tặng giữa mùa dịch

“Thật xui xẻo! Đúng là thứ Sáu 13.” Sue tặc lưỡi, liếc nhìn kính chiếu hậu. Viên cảnh sát bước xuống, đóng sập cửa xe, tiến về phía xe cô. Dây đèn xanh, đỏ trên mũ xe tuần tra chớp sáng liên tục. Sue đặt hai tay lên tay lái, cố tỏ ra bình thản. Viên cảnh sát hiện ra, ra dấu cho cô hạ cửa kính xe xuống.

“Xin chào. Cô vui lòng cho xem bằng lái, giấy đăng bộ xe.”

Sue lúi húi mở túi xách tay trên ghế bên cạnh trong lúc viên cảnh sát chống hai tay bên hông, mắt không rời động tác lục lọi túi xách của cô.

“Tôi có làm gì sai?” Sue hỏi trong lúc đưa giấy tờ xe cho anh ta.

Viên cảnh sát nói cảm ơn, không trả lời câu hỏi của Sue, liếc sơ qua tấm thẻ lái xe của tiểu bang Massachusetts.

“Có chuyện gì cần mà cô lái xe xuyên bang đến Minnesota trong lúc có lệnh hạn chế đi lại?”

“Tôi có một việc làm không chính thức trong bệnh viện kiểm dịch ở Duluth,” Sue trả lời, “tháng nào tôi cũng đi Minnesota.”

“Cô là bác sĩ?” viên cảnh sát nhướng mắt nhìn Sue. “Cô cũng điều trị cho người nhiễm coronavirus chứ?”

“Tôi làm việc ở khoa tim mạch,” Sue nói. “Khi có người nhiễm bệnh thì tôi cũng chăm sóc họ. Tháng này có rất nhiều người bệnh, bác sĩ, y tá làm đủ mọi việc.”

Viên cảnh sát gật gù.

“Cô chạy hơn 85 miles một giờ, vượt quá tốc độ quy định trên xa lộ này là 70 miles một giờ.”

“Oh..., vậy sao?” Sue làm ra vẻ ngạc nhiên. “Tôi thực tình không biết.”

“Cô ngồi yên đấy, đợi một lát.” Viên cảnh sát nói, quay đi, bước về chiếc xe tuần tra màu đỏ bordeaux vẫn đang chớp chớp đèn.

“Anh chàng trông cũng cao ráo, điển trai mà mặt mũi thì lại khó đăm đăm, không có nổi một nụ cười,” Sue nghĩ bụng. Cô không lo lắng, anh ta sẽ thấy là cô chưa hề bị cái ticket nào.

Xa lộ I-35 vắng hẳn tiếng xe từ ngày dịch bệnh bộc phát, mọi khi thì xe cộ chạy vùn vụt mấy làn đường. Một hàng chữ điện tử chạy nhấp nháy trên tấm biển lớn dọc xa lộ, “*Limit Travel - Stay Home - Save Lives - Beat Covid 19*”. Đây là lần đầu tiên Sue lái xe xuyên bang từ Boston đi Minnesota, trước giờ cô chỉ đi máy bay nhưng vào mùa dịch này thì ít ai muốn chọn cách ấy.



(Ảnh: Getty Images)

Viên cảnh sát quay trở lại, vẫn vẻ mặt lạnh tanh.

“Cô chạy đi đâu mà nhanh thế?” anh ta hỏi.

“Tôi không biết mình đang chạy quá nhanh,” Sue lúng túng. “Tôi chỉ muốn về nhà sớm để nghỉ ngơi và lấy lại sức sau những ngày làm việc căng thẳng ở bệnh viện.”

“Đấy là lối suy nghĩ vô trách nhiệm”, viên cảnh sát lắc lắc đầu, nhìn thẳng vào mắt Sue. “Cô muốn về sớm nhưng có sớm được đâu, cô đang phải ngồi đây. Thế cũng là may cho cô đấy, cứ chạy xe với tốc độ ấy thì có khi cô chẳng về tới nhà được mà còn gây tai nạn dọc đường, và xe cứu thương sẽ phải đưa cô trở vào bệnh viện. Khi ấy người ta sẽ phải điều trị cho cô thay vì cô điều trị cho bệnh nhân trong lúc nhiều bệnh viện và nhiều người bệnh đang cần bác sĩ hơn bao giờ hết. Nếu cô biết nghĩ cho người khác thì cô phải hết sức bảo trọng.”

Sue im lặng trong lúc anh ta tuôn ra một hơi dài. Cô từng nghe cách nói này, nhưng đây lại là một viên cảnh sát nói với cô. Liệu anh ta có quyền “lên lớp” cô như vậy? Sue vừa cố nén bực bội vừa cảm thấy lạ lùng.

“Cô không phải nhận giấy phạt đâu,” anh ta nói tiếp. “Tôi chỉ muốn nhắc cô thể thôi.”

“Cám ơn anh,” Sue bối rối. “Tôi xin lỗi... , thường thì tôi không chạy nhanh như vậy.”

Viên cảnh sát bước lại gần hơn, chìa ra vật gì đó, đưa qua cửa xe cho Sue.

“Cô giữ lấy cái này mà dùng.”

Sue đón lấy, cô nghĩ anh ta trả lại cô giấy tờ xe, nhưng không chỉ có vậy. Trong tay cô là một bọc gì cộm cộm.

“Không nên dùng lại những khẩu trang đã dùng rồi,” viên cảnh sát nói trong lúc Sue vẫn đang ngỡ ngàng.

Khi nhận ra trên tay mình là những chiếc khẩu trang y tế thì Sue hiểu ra. Anh ta đã nhìn thấy hai chiếc khẩu trang trong túi xách của cô lúc cô lục tìm giấy tờ xe.

“Nhưng... đây là của anh,” Sue ngập ngừng. “Anh cần nó mà.”

“Cô cần thứ này hơn tôi.”

Sue lặng người đi... Trong tay cô là năm chiếc khẩu trang N95 mới toanh. Sue không biết nói gì, nước mắt cô muốn ứa ra. Cô khẽ ngược nhìn viên cảnh sát. Trong làn gió se se lạnh thổi vào qua cửa kính xe, cô thấy dường như mắt anh cũng rung rung như mắt cô.

“Chúc cô một ngày bình an. Chạy xe cẩn thận nhé!”

Viên cảnh sát quay lưng, bước vội đi.

Dãy đèn màu chớp chớp trên mui xe tuần tra phụt tắt,

chiếc xe cảnh sát trườn ra đường lane ngoài cùng rồi phóng vụt đi.

Sue vẫn còn ngồi đó, gục đầu lên tay lái. Xa lộ vẫn trống vắng, mênh mông.

* * *

Bên dưới là những dòng trong Facebook của Sue.

Sau cùng thì tôi cũng biết tên anh ta, Bryan Swanson, một cái tên lạ hoắc. Sau khi tôi kể lại câu chuyện về “món quà” đặc biệt tôi nhận được từ anh, câu chuyện được chia sẻ rộng rãi và tôi gặp lại Bryan trong cái video clip trên trang Facebook của Minnesota State Patrol (MSP). Trông anh chàng tươi tỉnh chứ không còn bộ mặt hình sự như hôm ấy.

Khi được hỏi về năm chiếc khẩu trang N95 đã cho đi, Bryan nói đây là chuyện nhỏ mà ai khác cũng làm như anh thôi. Bryan kể lúc tôi mở túi xách để lấy giấy tờ xe, anh nhắc thấy hai chiếc khẩu trang đã dùng rồi và anh nghĩ tôi cần có khẩu trang mới. “Như thế tốt cho cô ấy hơn,” anh nói với các đồng nghiệp. “Cô ấy có một gia đình, có những người thân yêu luôn lo lắng mỗi khi cô ấy rời nhà đến làm việc ở bệnh viện. Tôi cũng vậy, các bạn cũng vậy, chúng ta đều có những người thân lo lắng mỗi khi chúng ta rời nhà vì công vụ. Mọi người đều cần được chia sẻ.”

Một lần nữa, Bryan làm tôi muốn ứa nước mắt.

Những chiếc khẩu trang N95 tôi cầm trên tay hôm ấy là của sở cảnh sát cấp phát cho Bryan để anh tự bảo vệ. Anh đã đưa lại cho tôi, nói rằng tôi cần chúng hơn anh. Không đúng đâu Bryan à, ai cũng cần cả. Trong lúc tôi làm việc

trong điều kiện được bảo vệ, che chắn cẩn thận thì anh tiếp xúc với đủ mọi đối tượng với nhiều bất trắc, rủi ro. Anh phải cần những khẩu trang đó hơn tôi chứ. Con virus ấy đâu có chữa anh ra.

Bryan, tôi không hề quen biết anh chàng cảnh sát này. Anh ta cũng chẳng nợ nần gì tôi, và tôi cũng chẳng yêu cầu anh giúp đỡ chuyện gì. Sao anh ta lại làm vậy? Anh ta đâu cần phải làm vậy.

Bryan, tôi chắc mình chỉ gặp anh ta một lần duy nhất trên con đường đời. Có những người ta chỉ gặp có một lần đầu đó trong đời này, nói dăm ba câu chuyện nắng mưa rồi chia tay đường ai nấy đi và chẳng bao giờ còn gặp lại lần thứ hai. Như là cơn gió thoảng qua vậy.

Dịch bệnh vẫn chưa có dấu hiệu nào là suy giảm. Mỗi ngày mỗi thêm những tin xấu. Con virus ấy đã lấy đi mạng sống của không ít đồng nghiệp tôi, những bác sĩ, y tá và nhân viên y tế bị lây nhiễm trong lúc điều trị, chăm sóc cho người bệnh. Tôi có sợ không? Sợ chứ. Ai mà chả sợ, nhưng không ai bỏ cuộc cả, trong lúc các thiết bị và dụng cụ bảo hộ y tế như khẩu trang thì vẫn thiếu thốn, vẫn phải dùng đi dùng lại.

Mùa dịch này rồi sẽ đi qua. Những người sống sót sẽ cho là mình may mắn. Có bao giờ họ nghĩ rằng trong những may mắn của họ có một phần đến từ những người sẵn sàng hứng chịu cái phần rủi ro.

Loài virus quỷ quyệt ấy không lấy đi được những tình cảm gắn bó và tương trợ giữa những con người đang phải vật lộn, chống trả với chúng.

Hơn lúc nào hết, tôi cảm thấy bình thản khi đương đầu với những thử thách của cuộc sống. Liệu có phải những chiếc khẩu trang tôi nhận được ở Bryan ấy đã làm dịu bớt những căng thẳng và âu lo, tôi không biết chắc, nhưng tôi tin rằng đi bên tôi vẫn không thiếu những người bạn đồng hành.

Vẫn không thiếu những anh chàng Bryan như thế trong cuộc sống ở quanh ta. □

Hoa daffodils vàng mùa dịch

Vào một sáng đầu tuần, Kim, cô chủ tiệm hoa ở Paramus, New Jersey, nhận được cú điện thoại.

“Plant and Flower Exchange phải không?” giọng một phụ nữ. “Tiệm cô có daffodils màu vàng chứ?”

“Có thưa chị. Mời chị ghé lại tiệm.”

“Cám ơn, gặp cô sau nhé.”

Khoảng một tiếng sau, một phụ nữ da màu mặc bộ áo blouse trắng của bệnh viện đẩy cửa bước vào, nhìn quanh và bước tới nơi trưng bày hoa daffodils. Cô ngắm nghía, chọn vài bó, mang đến quầy tính tiền.

“Hoa này tươi đấy,” cô gật gù ra vẻ ưng ý.

“Hoa mới cắt đấy chị, giữ tươi được lâu đến cả tuần.” Kim nói trong lúc gói giấy màu cho từng bó hoa.

“Tốt lắm, thế thì tôi lấy thêm bó nữa.”

Kim đọc thấy tên “Teresa” và tên bệnh viện ở tấm thẻ trên ngực áo khách.

“Chị làm việc ở Hackensack University Medical Center?”

Em cũng có vài khách quen ở đây.”

“VẬY sao? Tôi cũng sẽ là khách quen của cô.” Teresa nói, mỉm cười với Kim.

Ít hôm sau, và cứ cách vài ngày, Teresa trở lại lấy thêm ít bó hoa, cũng vẫn là daffodils vàng. Thường thì cô gọi phone trước để biết chắc tiệm vẫn còn hoa này, và Kim biết ý người khách hàng đặc biệt nên vẫn dành sẵn hoa cho cô.

“Tôi thích hoa ở đây,” Teresa nói, “đề lâu vẫn cứ tươi.”

“Chị mua hoa cho bệnh viện?” Kim hỏi.

Teresa khẽ lắc đầu, rồi lại gật gật đầu...

“Tôi mua cho mình,” Teresa ngập ngừng, “nhưng cũng là cho bệnh viện. Tôi... không biết trả lời cô như thế nào.”

Kim không hỏi gì thêm khi thấy khách có vẻ không được thoải mái. Teresa cũng ít trò chuyện, thường thì trả tiền xong cô vội vã ôm mấy bó hoa ra xe.

Cho đến một hôm, Kim có cơ hội được Teresa trả lời rõ ràng hơn câu hỏi của cô.

“Nếu chị không vội,” Kim nói, “em mời chị tách cà-phê.” Cô đưa tay về phía bộ bàn ghế thấp giữa sân vườn. “Vào mỗi sáng thứ Năm tiệm này có lệ mời những khách nào ghé tiệm dùng cà-phê với chúng em cho vui.”

“Ok,” Teresa mỉm cười. “Hay đấy, cũng là cách tiếp thị khéo đấy. Tình hình buôn bán lúc này thế nào?”

“Chị cũng biết đấy, mọi cửa hàng đều vắng khách trong mùa dịch bệnh này. Hoa hòe, cây cảnh lại không phải nhu cầu thiết yếu.”

“Hôm trước cô hỏi về chuyện mua hoa, tôi không tiện nói vì chuyện không mấy vui.” Teresa nhấp một ngụm cà-phê, đặt nhẹ tách xuống bàn, ngược nhìn Kim.

“Em không định tò mò, em hỏi vì thấy chị mua nhiều và đều đặn, trong lúc ít ai có hứng thú tặng hoa cho nhau vào lúc này.”

“Tôi không tặng hoa cho người sống.” Teresa nói sau một lúc im lặng. “Câu chuyện như thế này... Tôi làm việc ở bệnh viện ấy gần mười năm và không phải là bác sĩ hay y tá như cô tưởng. Cô có nghe nói đến chuyên viên giám định pháp y hoặc giáo nghiệm tử thi bao giờ?”

“Vâng em có nghe,” Kim mở to mắt, “nhưng không hình dung được công việc như thế nào và không nghĩ phụ nữ cũng làm công việc ấy.”

“Tôi không muốn kể dông dài,” Teresa đưa mắt nhìn Kim. “Từ bé tôi có cái ham muốn tìm hiểu về cơ thể con người và những bí ẩn về tâm linh. Tôi từng làm đủ mọi nghề, tiếp viên hàng không có, trang trí nội thất có, chủ tiệm hoa như cô cũng có, sau cùng tôi bỏ hết và theo học cái ngành này vì những thôi thúc khám phá về cơ thể học cũng như cách con người sinh ra và rời bỏ thế giới này. Tôi không lạ lẫm gì với thi thể người chết, nhưng chưa bao giờ tôi chứng kiến và phải làm việc với nhiều tử thi đến như vậy, những nạn nhân của Covid-19. Mỗi ngày một nhiều hơn, đến không còn chỗ chứa trong nhà xác của bệnh viện.”

“Thật đau xót!” Kim kêu lên thảng thốt. “Em có xem tin tức, hình ảnh trên báo chí.”

“Báo chí chỉ nói một phần,” Teresa nói chậm rãi. “Cô

không biết đâu, bệnh viện phải thuê những xe tải lớn có hệ thống đông lạnh để lưu trữ các thi thể không kịp chôn cất hoặc hỏa táng. Mỗi xe chứa được khoảng năm mươi xác. Mỗi ngày các nhân viên y tế sử dụng xe cồng kềnh di chuyển nhiều tử thi được phủ kín ra khỏi bệnh viện và đưa vào những chiếc xe tải đông lạnh ấy, giống như là những nhà xác di động vậy. Nhiều xe tải đông lạnh mười tám bánh xếp hàng dài trong những parking của bệnh viện, đến và đi mỗi ngày. Có nhiều hôm tôi làm việc cả ngày trong những nhà xác dã chiến ấy.”

“Kinh khủng thật!” Kim rụt cổ. “Lạnh lắm phải không chị?”

“Lạnh chứ,” Teresa gật đầu, “thế nhưng không phải là cái lạnh trong những nhà chứa xác mà tôi đã quen, ở đây là cái lạnh lẽo của những người phải lặng lẽ rời bỏ thế giới này trong vắng ngắt và cô độc, không một người thân nào bên cạnh, không một nghi thức tống táng nào cho tử tế. Tôi mất ngủ nhiều đêm và nếu nhắm mắt được thì chỉ toàn mơ thấy những dãy bao đựng xác người màu trắng và màu cam nằm xếp lớp im lìm, tầng trên tầng dưới, hàng hàng lớp lớp... Phải làm cái gì đó, phải có chút gì cho những kẻ bất hạnh ấy chứ. Tôi nghĩ vậy, và những gì tôi có thể làm được chỉ là đặt lên mỗi bao đựng tử thi ấy một nhánh hoa daffodil. Bây giờ thì cô đã hiểu rồi đấy.”

Kim lặng người. Nước mắt cô muốn ứa ra.

“Thế nhưng... vì sao lại là daffodils vàng?” Kim hỏi.

“Là như thế này... Chắc cô cũng từng thấy ở sân trước, sân sau các bệnh viện những nhánh hoa daffodils màu vàng



(Ảnh: Bryan Anselm/The New York Times)

cao khoảng 20 inches được các bác sĩ, y tá cầm xuống để chúc mừng những bệnh nhân Covid-19 vừa bình phục sau thời gian điều trị và được cho xuất viện. Thế thì cũng cần phải có hoa tươi cho những bệnh nhân kém may mắn hơn chứ.” Ngừng một chút, Teresa nói tiếp, “Còn một lý do khác nữa, chắc cô cũng biết ý nghĩa của loài hoa này?”

Kim nói thỏ thẻ cô được Mẹ kể cho nghe sự tích của hoa thủy tiên và đọc cho nghe bài thơ nổi tiếng *The daffodils* của William Wordsworth, thế nhưng loài hoa ấy ý nghĩa thế nào thì cô không rõ lắm.

“Cô cũng biết bài thơ ấy?” Teresa hỏi. “Hoa daffodils nở báo hiệu mùa xuân mới đang về và màu vàng tươi của sắc hoa mang ý nghĩa của sự tái sinh cho một đời sống khác tươi đẹp hơn. Mỗi bông hoa là một lời chúc lành. Đừng để cho loài virus quỷ quái ấy giết chết những hy vọng của chúng ta... Cô tin là có kiếp sau chứ, Kim?”

“Em không chắc lắm,” Kim ngập ngừng, “chỉ biết là thân xác rữa mục của con người sẽ được phục sinh trong ngày tận thế như câu kinh em thuộc, ‘Tôi tin xác loài người

ngày sau sống lại'. Và, những người yêu nhau mà không lấy được nhau vẫn cứ nói là 'Nhớ kiếp sau chờ nhau!'" Ngừng một chút, Kim hỏi, "Thế những người trong bệnh viện có biết việc chị làm?"

"Vài người biết. Bà Trưởng Phòng biết đầu tiên vì là người tôi bộc lộ về ý định của mình và xin phép bà để làm việc ấy. Bà nhìn tôi giây lâu rồi nói 'Được thôi, nếu cô thực sự muốn làm vậy'. Có lần, một ông chủ nhà quán theo tôi bước vào lòng chiếc xe tải đông lạnh để tiếp nhận tử thi. Đi giữa hai hàng thi thể, ông sững sốt khi nhìn thấy những bông daffodils trên mỗi bao đựng xác. 'Ở đâu ra những bông hoa ấy? Ai đã làm việc này vậy?' ông hỏi. Tôi trả lời 'Tôi đây'. Ông mở to mắt chăm chú nhìn tôi ra vẻ lạ lùng lắm."

"Teresa...", Kim nói, giọng cô như nghẹn lại. "Em muốn được chia sẻ với chị cách nào đó. Em có thể lấy một nửa giá thôi, những bó hoa daffodils ấy. Chị đã tiêu tốn không ít tiền, mỗi tuần chị lại mua nhiều hơn."

"Cô không phải làm vậy," Teresa lắc lắc đầu, mỉm cười. "Cô có công việc của cô, tôi có công việc của tôi. Bệnh viện cũng ngờ ý trả giúp tôi những chi phí ấy nhưng tôi không nhận. Tôi muốn được toàn tâm toàn ý để làm công việc này, việc nhỏ nhưng giúp tôi cảm thấy dễ chịu hơn."

Teresa đưa mắt nhìn những cánh hoa vàng rực. "Tôi phải cảm ơn cô, Kim. Nhờ cô, tôi không phải đi xa, tiệm cô gần bệnh viện và hoa lại tươi nữa."

Kim muốn nói câu gì đó nhưng không thốt nên lời.

"Con virus ấy không chừa một ai cả," Teresa nói thêm,

“và cũng chẳng phân biệt màu tóc, màu da. Mỗi người phải hết sức bảo trọng, cô cũng vậy.”

“Chị mới là phải cẩn thận vì có lắm rui ro nơi tuyến đầu,” Kim nói.

“Nếu mỗi người đều giữ vững được phòng tuyến của mình thì chẳng có tuyến đầu tuyến sau nào,” Teresa lại mỉm cười. “Câu chuyện buồn phải không? Cà-phê ngon lắm Kim, cảm ơn nhé, tôi sẽ nhớ ghé tiệm mỗi sáng thứ Năm.” Teresa nháy mắt và đứng lên. “Bây giờ thì tôi phải đi thôi, có nhiều việc đang chờ tôi.”

“*Nhiều xác người đang chờ chị ấy, nói đúng ra là vậy.*” Kim nghĩ.

* * *

Teresa còn ghé tiệm thêm ít lần, rồi không thấy cô đến nữa. Kim thường nhìn ra cửa vào mỗi sáng và chờ đợi cú phone nào gọi đến. Thịnh thoảng có người gọi phone, có người đẩy cửa bước vào, nhưng không phải Teresa. Kim ngồi thừ ra cả buổi. Teresa nói sẽ ghé lại một sáng thứ Năm nào, nhưng cô vắng bóng.

Có hôm Kim đọc được trên tờ báo ở địa phương câu chuyện về Teresa cùng tấm ảnh cô đứng trước sân bệnh viện với bó hoa vàng tươi thắm trên tay. Bài báo gọi Teresa là một trong những “hero” của mùa dịch bệnh này, đi cùng bức tranh nghệ thuật *A yellow daffodil* vẽ chân dung cô. Kim giữ kỹ tờ báo, chờ gặp Teresa để đưa cho cô xem bài báo ấy.

Một ngày kia, Kim để ý một người đàn ông mặc blouse trắng bước vào tiệm, hỏi mua hoa daffodils vàng. Ông chọn

ít bó rời bước đến quầy trả tiền. Kim giật mình, như cảm thấy điều gì đó bất thường.

“Xin lỗi, ông làm việc ở Hackensack University Medical Center?” cô hỏi ông khách.

“Sao cô biết?” ông khách quay nhìn Kim, hỏi.

“Ông biết chị Teresa chứ?” Kim không trả lời ông, hỏi ngược lại.

“Tôi làm việc chung với cô ấy,” ông khách nói. “Tên tôi là Mark. Không ai trong bệnh viện mà không biết đến Teresa. Cô ấy nhờ tôi đến đây mua hoa này.”

“Chị ấy bận lắm phải không?” Kim vội hỏi.

“Lúc nào mà cô ấy chả bận. Teresa bệnh mấy tuần nay.” Giọng Mark thấp xuống.

“Bệnh? Chắc không phải là...?” Kim kịp ngừng lại.

“Tôi hiểu cô muốn nói gì.” Mark nói. “Cô là Kim phải không? Teresa có nhắc đến cô. Trông cô có vẻ lo lắng, chúng tôi cũng lo lắng và cầu nguyện cho cô ấy chóng bình phục.”

“Cho tôi gửi lời thăm Teresa. Nhờ ông nói giúp là hôm nào chị ấy khỏe ghé lại đây, tôi có cái này cho chị.”

“Ok, tôi sẽ nói. Chào cô Kim nhé, tôi còn trở lại.” Mark nói và ôm hoa ra xe.

Mark nói thế nhưng không thấy ông trở lại. Teresa cũng không thấy trở lại. Tiệm vắng khách, nay càng vắng hơn. Kim vừa muốn bán được nhiều hoa lại vừa không muốn, nhưng cũng không hẳn là vậy, chỉ với hoa daffodils thôi.

Đôi lúc cô không biết mình như thế nào nữa. Giá như cô không biết đến câu chuyện ấy thì chẳng có điều gì làm cô bận tâm, kể cả tiệm hoa của cô có ế ẩm giữa mùa dịch này.

Trông hoa nhớ người, hoa daffodils vẫn khoe sắc thắm nơi kệ trưng bày. Chẳng hoặc có người tạt qua mua một vài bông. Kim cho cấm ở đấy tám biển nhỏ ghi giảm giá đến một nửa.

Vào một sáng thứ Năm, Kim ngồi trò chuyện với vài khách quen bên những tách cà-phê.

“Vì sao tiệm chỉ giảm giá hoa daffodils vàng thôi, còn những hoa khác thì không?” một bà khách hỏi.

“Câu chuyện như thế này...,” Kim lặp lại đúng câu Teresa nói với cô cũng bên tách cà-phê một buổi sáng nào.

Có một khoảng im lặng sau khi Kim kể xong câu chuyện.

“Chúng mình hãy cầu nguyện cho cô ấy,” bà khách nói.

“Tôi mong là Teresa không trở lại đây nữa,” một ông khách nói. “Như thế tốt cho cô ấy hơn. Mùa dịch sẽ đi qua và như cô ấy nói, hoa daffodils vàng sẽ mang mùa xuân trở về.” □

Sinh nhật Bố giữa đại dịch

Bố tôi thích đọc truyện trinh thám, xem phim gangster. Tình cờ, trong một lúc nghĩ đến Bố tôi bỗng nhớ câu chuyện phim Bố có lần kể tôi nghe về tình bạn của hai tay anh chị giang hồ. Một tay bị băng đảng gài bẫy đẩy vào một nhà tù kiên cố, khắc nghiệt, đã vào đấy thì chỉ có bỏ xác trong tù. Tay bạn kia tìm cách cứu bồ, cố tình gây án để được giam nhốt chung trong cùng nhà tù với bạn mình. Cả hai sau đó tìm cách vượt ngục... Chuyện phim gay gân, ly kỳ, tôi chỉ nhớ đại khái nhưng cũng đủ làm tôi nảy ra sáng kiến hay ho giúp cho Bố và tôi không phải xa cách nhau trong mùa đại dịch này.

Câu chuyện hai bố con tôi có khác một chút, tôi không phải đóng vai mạo hiểm để giải cứu Bố và bố tôi cũng không phải là tay anh chị dữ dằn đang xộ khám. Ông chỉ là một ông già hiền lành, ít nói, nằm bẹp trong một viện dưỡng lão. Trước ngày con virus quái ác ấy xuất hiện thì mọi chuyện tương đối ổn. Đến lúc mùa dịch bùng phát thì việc thăm viếng bị hạn chế tối đa và người nhà không được phép vào bên trong. Hai bố con bị ngăn cách bởi bức tường lạnh lẽo, tôi đứng bên ngoài nhìn Bố ngồi trên chiếc xe lăn qua

lớp kính khung cửa sổ, chỉ nói chuyện được với nhau qua điện thoại. Bố lại bị lãng tai nên nhiều lúc tôi phải hét lớn Bố mới nghe được. Khi hỏi Bố có khỏe không, chỉ thấy Bố cười cười tôi biết là Bố chả nghe được gì. Đến lúc vẫy tay chào Bố ra về, nhìn thấy giọt nước mắt lăn trên má Bố tôi cũng muốn khóc theo.

Qua mùa lạnh thì thăm viếng kiểu này còn tệ hơn. Seattle đã rét mướt lại thêm mưa dầm dề. Có lần từ trong nhìn ra thấy tôi đứng sát bờ tường, một tay cầm chiếc dù che mưa một tay cầm điện thoại, Bố nói “Ôi sao mà khổ thế, vừa ướt vừa lạnh... Thôi về đi con!” Bố xua tay ra dấu bảo tôi đi về. Thấy tôi còn chần chừ, Bố lùi chiếc xe lăn rồi lăn bánh quay vào trong, tôi đành phải ra về. Đến lúc thành phố có lệnh “stay home” thì tôi chịu chết, hai bố con ngỡ như “hai phương trời cách biệt”. Cứ nghĩ đến Bố phải trải qua mùa đông dài buồn bã trong viện dưỡng lão, rồi thỉnh thoảng lại nghe tin vài người lớn tuổi qua đời vì dịch bệnh Covid-19, lòng tôi càng thêm xốn xang.

Tạ ơn trên, vai diễn của tay anh chị trong cuốn phim Bố kể khiến trong đầu tôi bỗng lóe lên một ý tưởng. Sao không thử diễn một vai gần gũi như vậy? Sao không thử xin một công việc nào đó trong viện dưỡng lão ấy, bất cứ việc gì, miễn họ chịu nhận để lọt vào được nơi ấy và được nhìn thấy Bố? Nghĩ là làm, tôi bèn gọi thẳng vào số điện thoại văn phòng.

“Greenfield Senior Living. Cô cần gì?” tiếng người hỏi.

“Tôi gọi đến để hỏi xem ở đây có cần người làm việc bán thời gian hoặc cuối tuần không?”

“Ô..., cô đợi một chút nhé.”

Lát sau, tôi nghe giọng bà Carol, quản lý viện dưỡng lão.

“Cô có bằng y tá hay từng làm việc trong viện dưỡng lão nào trước đây?”

“Umm...,” tôi lúng túng, “thưa không, nhưng ngày trước tôi có học qua lớp huấn nghiệp về chăm sóc người cao niên. Tôi cũng từng chăm sóc bố tôi trong nhiều năm.”

“Vậy sao? Tốt lắm.” Ngừng một chút, bà ấy hỏi, “Bố cô vẫn khỏe chứ? Bây giờ ông cụ ở đâu?”

“Trong một viện dưỡng lão,” tôi trả lời. “Bố tôi muốn vậy, ông nói không muốn thấy tôi vất vả vừa đi làm vừa chăm sóc con nhỏ lại vừa phải lo cho ông.”

“Ông cụ nói thế là thương cô lắm đấy. Thế bố cô nằm ở viện dưỡng lão nào vậy?”

“Greenfield Senior Living, nơi tôi đang xin việc đây. Tôi chọn nơi này cho bố tôi, vừa là nơi tốt nhất lại vừa gần chỗ tôi làm việc.”

“Ô... hóa ra là vậy!” bà Carol bật cười. “Ha ha..., tôi hiểu rồi. Tôi thích những cô gái thông minh và có sáng kiến như cô. Thôi được rồi, ngày mai cô tới đây đi, tôi có việc cho cô.”

“Cám ơn..., cám ơn bà nhiều lắm.” Tôi vội vàng nói, chỉ sợ bà ấy vui miệng nói thế rồi lại đổi ý.

“Vậy nhé,” bà Carol nói tiếp. “Gặp cô lúc 3 giờ chiều mai... Quên hỏi, công việc hiện giờ của cô là gì?”

“Tôi làm việc ở một nhà in,” tôi trả lời vắn tắt.

Tất nhiên tôi không nói tôi là Giám đốc Dự án của nhà in ấy, và bà ta cũng không hỏi gì thêm.

* * *

Thật không ngờ là mọi việc dễ dàng hơn tôi tưởng, có lẽ nhờ tôi thiệt thà có sao nói vậy. Dining Room Server, tôi vớ được cái job này thay cho một cô mới xin nghỉ, đại để những công việc linh tinh như lau dọn phòng ăn, nhà bếp, sửa soạn bữa cơm chiều cho các cụ, rồi thu dọn bàn ăn, rửa chén bát, lau chùi sàn nhà..., gọi chung là tạp vụ.

Biết được phòng của Bố, hôm đầu tiên, khi mọi việc xong xuôi trước lúc ra về tôi ghé vào phòng. Bố nằm trên giường, mắt lim dim. Tôi ngồi dưới chân giường, ngắm nhìn Bố. Có lúc Bố khẽ mở mắt, nhìn tôi ít giây, rồi lại nhắm mắt. Tôi hiểu, Bố khó nhận ra tôi vì mọi người đều mặc quần áo bảo hộ, đeo khẩu trang sùm sụp, trông ai cũng giống ai.

Tôi khe khẽ gọi khi Bố vừa mở mắt. Bố không nghe được vì nặng tai. Tôi gọi lớn hơn. Bố mở to mắt, nhìn xuống.

“Con đây, Lara đây... Bố nhận ra con chứ?” Tôi lặp lại đến mấy lần.

“Lara..., con đây à?” Bố giật mình, ngược đầu, mở to mắt, hỏi với giọng kinh ngạc. “Làm sao con vào đây được? Ai cho con vào vậy?”

“Không ai cho cả”, tôi khúc khích cười, “con tự vào thôi. Tất cả là nhờ Bố đây.”

Tất nhiên là Bố không hiểu chi cả cho tới khi tôi kể ông nghe đầu đuôi câu chuyện.

“Bố chịu thua con,” ông bật cười, lắc lắc đầu. “Con có

trí nhớ tốt đấy, lại thông minh nữa. Cuốn phim ấy lâu lắm rồi, Bố cũng muốn xem lại... Tội nghiệp con tôi.”

Vui thật, tôi được hai người khen là thông minh, bà Carol và Bố. Trong lúc tôi tội nghiệp Bố thì Bố lại tội nghiệp cho tôi. Lúc nào Bố cũng xem tôi như còn bé bỏng lắm.

Thường thì tôi đến sớm một chút vào đầu giờ, mang ít trái cây, ít thức ăn nhẹ cho Bố, hỏi thăm Bố ngủ được không. Khi hết giờ làm việc, tôi lại đến tìm Bố chuyện trò, hoặc giúp Bố nói chuyện qua FaceTime với anh chị tôi ở tiểu bang xa, hoặc đưa Bố dạo chơi ngoài hành lang. Bố vui lắm. Tôi cũng vui nữa, thấy mình như tiếp thêm nguồn sinh lực cho Bố. Chỗ dựa của Bố bây giờ là các con, chỗ dựa của tôi bây giờ là Bố sau ngày Mẹ mất từ nhiều năm trước.

Đôi lúc tôi cũng thăm hỏi, chuyện trò cùng các cụ ông, cụ bà ở đây và thấy mình thật may mắn được gần gũi Bố, được chăm sóc Bố trong lúc con cháu các cụ đành bó tay giữa mùa cách ly này. Trông ánh mắt cụ nào cũng buồn bã, thẫn thờ.

Có hôm tôi được cô y tá tên Jane cho hay, hơn tháng nay ở đây ra thông báo tuyển dụng nhân sự nhưng tìm mãi không ra người vì ít ai muốn làm việc ở một nơi vẫn được xem là rất dễ rủi ro trong mùa dịch bệnh này. Thành thử, khi tôi gọi vào xin việc họ ngạc nhiên lắm. Thì ra là như vậy, chuyện này gọi là... “đôi bên đều có lợi”.

“Không ít người chết vì dịch bệnh trong những viện dưỡng lão, cô không sợ bị lây nhiễm hay sao?” Jane hỏi.

“Cũng sợ chứ,” tôi nói, “nhưng tôi sợ cho bố tôi nhiều hơn. Bây giờ thì tôi bớt sợ rồi vì quanh mình chả thấy ai sợ

cả. Chị cũng đâu có sợ, phải không?”

“Tôi làm việc ở đây nhiều năm và tôi yêu công việc của mình,” Jane nói. “Từ khi dịch bệnh bùng phát mọi người làm việc đến quên ăn quên ngủ và... quên sợ. Hơn thế nữa, có lắm người chịu nhiều rủi ro hơn chúng tôi như bác sĩ và nhân viên y tế ở các bệnh viện, nhưng họ cũng đâu có sợ. Không ai bỏ việc nơi những ‘tuyến đầu’ ấy cả.”

Họ, và cả Jane nữa, giống như những người lính “bám trụ” kiên cường, tôi nghĩ.



(Ảnh: Cory Morse/MLive.com)

Tin vui đến với các viện dưỡng lão khi vắc-xin Covid-19 được chính thức phê chuẩn và phân phối đến các nhóm đối tượng ưu tiên. Bố và tôi được chủng ngừa cùng ngày cùng lúc, tôi chẳng bao giờ ngờ trước được, tưởng như chuyện khó tin mà có thật.

Tuần sau nữa là ngày Sinh Nhật của Bố, tôi chắc Bố cũng chẳng nhớ đâu. Chiều hôm ấy tôi bước vào phòng Bố với món quà bất ngờ dành cho Bố, thế nhưng, một bất ngờ khác đến sớm hơn cho cả Bố và tôi.

“Bố có biết hôm nay là ngày gì không?” tôi hỏi.

Bố chưa kịp trả lời thì bỗng cửa phòng rộng mở. Nhiều người xuất hiện cùng lúc. Bà Carol với chiếc bánh sinh nhật trên tay, các cô y tá, trợ tá với những chiếc bong bóng đủ màu thật vui mắt. Mọi người vây quanh Bố trong lúc Bố còn ngẩn ngơ chưa kịp hiểu ra chuyện gì. Ngồi trên xe lăn, Bố tròn mắt nhìn chiếc bánh kem đặt trước mặt, thối mũi mới tắt được hai ngọn nến thấp trên hai con số 8 và mọi người vừa vỗ tay vừa hát bài “Happy Birthday!” thật rộn ràng... Bố cảm động đến ứa nước mắt.

Tôi muốn ôm Bố hết sức. Tôi thù ghét con virus ấy hơn bao giờ. Sau này Bố vẫn nhắc mãi những khoảnh khắc hạnh phúc hiếm hoi ấy.

Qua mùa xuân, trời đã bớt lạnh, các viện dưỡng lão bắt đầu mở cửa lại cho người nhà đến thăm viếng với thời lượng hạn chế.

“Mùa dịch sắp qua,” Jane nói, “việc thăm viếng rồi sẽ trở lại bình thường. Cô sẽ rời nơi này chứ, Lara?”

“Thoạt đầu tôi cũng định như vậy nhưng bây giờ tôi đổi ý,” tôi nói. “Cũng như chị, tôi thực sự yêu thích công việc của mình. Tôi vẫn ở lại đây.”

“Thật vậy sao?” Jane hỏi, giọng ngạc nhiên. “Cô không rời chúng tôi chứ?”

“Không,” tôi lắc đầu. “Tôi yêu mọi người và yêu cả nơi đây, nơi đã cho hai bố con tôi được bên nhau suốt mùa dịch này.”

Tôi nháy mắt, mỉm cười với Jane.

Đến đây hẳn người đọc cũng muốn biết món quà sinh nhật bất ngờ mà Bố nhận được nơi tôi là gì. Xin hãy đoán thử xem nào? □

Cuộc sống vẫn lao về phía trước

“Bây giờ chắc Bố hết giận em rồi,” Meg nói với chồng.

“Bố chưa bao giờ giận em cả,” Roy lắc lắc đầu. “Em không hiểu Bố bằng anh đâu.”

Meg khẽ ngược nhìn chồng dò hỏi. Sao Roy lại có thể nói với cô như vậy?

“Không phải em từng nói là Bố thương em nhất nhà sao?” Roy mỉm cười, quàng tay ôm vai vợ. “Thế nên làm gì có chuyện Bố giận em được.”

Đã lâu hai vợ chồng mới chuyện trò với nhau về người bố của Meg. Bố cô mất đúng một năm và hôm nay là ngày giỗ Bố. Từ lâu Roy cố tránh không nhắc đến cái chết của bố vợ tuy vẫn biết Meg khó mà quên được, nhất là khó mà quên được rằng chính cô đã gây nên cái chết của bố mình.

Cử chỉ thân mật của chồng làm Meg nhớ tới tấm ảnh cô vẫn để trên bàn làm việc của mình sau ngày Bố qua đời. Ảnh chụp ông Bruce, bố cô, tươi cười choàng tay qua vai con gái trong bữa tiệc vui họp mặt gia đình năm rồi. Đây là tấm ảnh sau cùng của hai bố con mà Meg còn giữ được.

Chỉ ít tuần sau, bố cô lặng lẽ từ biệt cõi đời này.

“Con xin lỗi Bố, con có lỗi với Bố quá. Bố tha thứ cho con nhé. Con nhớ Bố từng ngày.” Meg hôn lên tấm ảnh, thì thầm như đọc lời kinh nguyện mỗi đêm trước giờ ngủ.

Câu chuyện bắt đầu sau chuyến bay của Meg từ Boston đến Tampa, Florida vào tháng Ba năm ngoái để có mặt trong buổi tiệc sinh nhật và mừng thọ mẹ cô tuổi 80. Tiệc vui, chỉ người thân trong gia đình, không có khách mời nào vì dịch bệnh Covid-19 mới bùng phát vào lúc ấy.

Ít hôm sau, bố mẹ cô và cả Meg đều lên cơn sốt, ho và mệt mỏi. Ban đầu không ai nghĩ là nhiễm phải Covid-19. Mẹ cô và cô thì nhẹ hơn trong lúc tình trạng bố cô ngày càng xấu đi. Ông Bruce sốt cao ho nhiều, run rẩy, đau nhức toàn thân và đến một lúc ông cảm thấy hết sức khó thở thì Meg vội vàng gọi số 911.

Kết quả xét nghiệm cho bố cô là dương tính với Covid-19. Meg và mẹ cô cũng được xét nghiệm và cũng dương tính. Khi ấy Meg mới thực sự hoảng sợ. Cô lo lắng cho mình thì ít, lo cho bố mẹ nhiều hơn. Phải cách ly với cả nhà, cô chỉ ngạc nhiên là không thấy triệu chứng sốt cao và ho khan cho đến lúc cô phát giác mình không còn nếm, ngửi được những mùi vị quen thuộc.

Meg cố gắng nhớ lại những người cô đã tiếp xúc, những nơi cô đặt chân đến sau chuyến bay ấy. Nơi duy nhất cô đến là tiệm bánh quen thuộc để mua về ít bánh ngọt mà bố mẹ cô ưa thích những khi uống trà, cà-phê. Cô mang khẩu trang và cả găng tay khi vào tiệm. Nhân viên trong tiệm cũng mang khẩu trang và giữ khoảng cách. Cô không nhớ được

gì nhiều về khách hàng, cũng không nhớ họ có mang khẩu trang hay không nữa. Hôm sau, cô lạnh người khi đọc mẩu tin trên tờ báo địa phương nói nhiều nhân viên cửa hàng, trong số có tiệm bánh ấy, nhiễm dương tính Covid-19. Tuy không ai chỉ tay về phía Meg nhưng cô tin rằng, chính là cô chứ không ai khác, đã mang con virus độc ác ấy về nhà và lây truyền sang cho bố mẹ cô.

Từ lúc được đưa vào phòng chăm sóc đặc biệt bệnh tình ông Bruce chuyển biến xấu rất nhanh, cả nhà chỉ theo dõi qua Zoom chứ không vào thăm được. Thế rồi ông ra đi lặng lẽ, đơn độc trong trạng thái hôn mê và tang lễ cũng thật quạnh quẽ hết như những câu chuyện buồn giữa mùa dịch mà Meg từng nghe nhưng không ngờ rằng lại xảy đến cho gia đình mình.

“Tất cả là lỗi nơi em,” Meg nói trong làn nước mắt. “Giá như em không gọi 911 thì Bố vẫn còn ở với chúng mình.”

“Em đã làm đúng, Meg.” Roy nói. “Nếu em không làm vậy tình hình sẽ còn tệ hơn.”

“Lẽ ra người chết vì con virus ấy là em chứ không phải Bố, như thế sẽ dễ chịu hơn.”

Roy nhìn vợ chăm chăm, không nói gì... “Em chẳng có lỗi chi cả. Chuyện ấy có thể xảy đến cho bất cứ ai. Đừng có tự oán trách, dằn vặt mình như thế, chỉ hại cho sức khỏe thôi.” Anh nhiều lần nói với Meg như vậy nhưng những lời ấy không thuyết phục hay xoa dịu được nỗi ray rứt trong cô.

Meg mất ngủ nhiều đêm liền. Cô không thiết gì chuyện ăn uống và sút đến hơn mười pound chỉ trong vài tháng. Không còn đầu óc nào cho công việc ở sở, cô xin nghỉ bệnh

nhều ngày và rồi xin nghỉ hẳn, định bụng sẽ tìm công việc mới khi tâm trí được bình ổn. Gần như không ngày nào mà Meg không nghĩ về người bố thân yêu mới qua đời, nhiều lúc Roy bắt gặp vợ ngồi thẫn thờ, môi mấp máy như người nói chuyện một mình.

Roy thực sự lo lắng, anh làm mọi cách để vực dậy tinh thần Meg. Tháng trước anh tìm đến một nhóm hỗ trợ những gia đình có người thân qua đời vì Covid-19 và làm quen được hai phụ nữ cùng một cảnh ngộ như Meg. Anh giới thiệu Kay và Jane với vợ mình. Những đứa con mất cha trong mùa dịch bệnh tìm đến nhau, chuyện trò, chia sẻ những câu chuyện của mỗi gia đình. Meg có lúc tạm quên đi nỗi đau đè nặng trong tim mình từ khi có thêm những người bạn mới này.

Cho đến một hôm, một chuyện nhỏ thôi nhưng cũng làm Meg bùng tỉnh. Thức giấc lúc nửa đêm, Meg nhìn thấy phòng con gái mình vẫn sáng đèn. Cô nhẹ nhàng bước vào phòng con. Alice ngủ mà quên tắt đèn, tắt computer trên bàn học. Meg bước lại gần hơn, những hàng chữ trên màn hình đập vào mắt cô.

“Mẹ ơi, lâu nay chúng con chỉ nghĩ là mình đã mất ông Ngoại mà không nhận ra rằng chúng con cũng mất luôn cả Mẹ nữa.”

Tim Meg thắt lại, nước mắt cô ứa ra. Lâu này cô đã làm khổ cả nhà, làm khổ cả đến con mình. Không khí gia đình nặng nề cũng vì cô, ngôi nhà vắng tiếng cười cũng vì cô. Cô dẫn vật, giày vò mình cũng là dẫn vật, giày vò những người thân yêu của mình.

* * *

Hôm ấy Kay và Jane rủ Meg đi thăm mộ bố của các cô. Ba phụ nữ cầm trên tay ba khung ảnh người bố thân yêu và những đóa hồng vàng. Cả ba cùng mặc trang phục đen, cùng đeo khẩu trang đen trùm kín mặt, chỉ chừa đôi mắt. Trong đôi mắt sâu của Meg là cả một trời thương nhớ...



(Ảnh: Elise Amendola /AP)

Roy đứng đợi trước cửa đón Meg khi cô về lại nhà.

“Em có nhớ cái tiệm ăn Bố ưa thích mà vợ chồng mình đưa Bố đến vào ngày lễ Father’s Day năm nào?” Roy hỏi. “Em có muốn mình trở lại nơi ấy không?”

Tất nhiên là Meg nhớ. Nếu Roy hỏi cô vào lúc nào khác trước đây thì cô sẽ lắc đầu.

“Em gọi hai đứa bé,” Meg gật đầu. “Chúng sẽ vui lắm vì đã lâu không được bố mẹ cho đi ăn ngoài.”

Hai vợ chồng vừa đẩy cửa bước vào tiệm, cô chủ quán Tracy và các nhân viên trong tiệm cùng reo lên một lượt. Meg thực sự cảm động, họ vẫn nhận ra cô, vẫn nhớ gia đình cô qua bao nhiêu ngày tháng dài, bao nhiêu là đổi thay

của một mùa đại dịch.

“Cô biết rõ là tôi sẽ gọi món gì, phải không? Nếu món ấy hết rồi thì tôi đi nơi khác vậy.” Roy nói đùa với Tracy, lặp lại đúng câu nói đùa mà ông Bruce vẫn nói với cô mỗi khi bước vào tiệm này.

“Xin đừng bỏ đi, chúng tôi luôn để dành cho ông bà cái món mà ông vẫn nói là không đâu ngon bằng tiệm này.” Tracy cũng lặp lại đúng câu cô vẫn đối đáp với ông Bruce.

Những tràng cười rộ lên, Meg cũng bật cười theo. Trong cùng một lúc mọi người đều cùng nhớ về một người vắng mặt rất thân quen.

Từ lúc nào Roy đã lây nhiễm cái vui tính và thích nói đùa của bố vợ. Ông Bruce luôn mang lại tiếng cười ròn rã bất cứ nơi nào ông đặt chân đến.

“Cách tưởng nhớ có ý nghĩa nhất đến người thân nào đã khuất là hãy noi theo những tính cách cao đẹp của người ấy và hãy đi tiếp con đường người ấy đang đi, để thấy người thân yêu của mình chưa bao giờ rời xa mình.” Roy từng nói như thế với Meg nhưng đến nay cô mới hiểu ra. Meg tin là bố cô cũng muốn như vậy. Ông sẽ buồn khổ biết bao khi thấy cô buồn khổ vì ông. Những tính cách cao đẹp của bố cô chỉ là sống đơn giản, là tinh thần lạc quan, yêu cuộc sống tươi đẹp này và mang niềm vui đến cho mọi người.

Roy giữ cánh cửa tiệm ăn cho Meg và hai con bước hẳn ra ngoài. Meg bỗng nghe vọng lại từ phía xa những tiếng reo hò, la hét âm ỉ... Những âm thanh huyền ảo lớn dần và cô trông thấy hiện ra trên con đường trước mặt những đóa

trẻ đang gò lưng trên những yên xe đạp, cầm đầu cầm cổ ruột đuổi nhau. Những đứa trẻ xấp xỉ tuổi hai đứa con của vợ chồng cô. Đứa dẫn đầu đứng thẳng người trên pedal, ngoái cổ, giơ cao cánh tay ngoắc ngoắc, “Come on, you guys!” và những đứa chạy theo phía sau cúi rạp người trên yên, phóng nhanh tới trước như những tay đua chính hiệu.

Meg đứng bên Roy, hai vợ chồng cùng dõi mắt nhìn theo, nhìn theo mãi những vòng bánh xe đạp quay nhanh, quay nhanh như cuộc sống mỗi ngày vẫn lao nhanh về phía trước.

Meg như bưng bình tĩnh. Cô nhìn sang Alice và Max, hai đứa con cô hẳn cũng đang háo hức được tham dự vào những trò chơi như thế. Roy cũng quay sang nhìn vào mắt Meg, anh như đọc được những gì trong mắt vợ mình. □

Khúc dân ca mùa dịch giả

“Cô ca sĩ qua đời, bài hát ấy cũng qua đời.”

Ông bạn tôi, nhạc sĩ sáng tác Phan Tần, thốt lên câu ấy với giọng lòng khùng.

“Làm gì có chuyện bài hát qua đời,” tôi nói, “không người này hát thì cũng có người khác hát vậy.”

“Thế nhưng bài ấy thì chỉ có Phương Nhi, không tiếng hát nào thay được.” Chàng nhạc sĩ lắc đầu, giọng thần thờ. “Người đời có tiếc thương cô ca sĩ thì cũng tiếc thương bài hát ấy, có tưởng nhớ đến cô thì cũng tưởng nhớ đến bài hát ấy.”

Tôi chưa nghe ai nói lạ vậy, nhưng ngẫm nghĩ thì cũng có lý. Có những bài hát người ta không muốn nghe ai hát nữa từ khi tiếng hát gắn liền với những bài ấy đã tắt lịm.

“Bài hát qua đời” ấy là bài *Bến cũ đò xưa*, mang âm hưởng dân ca Nam bộ. Nói vừa dứt tiếng, tác giả bài hát ôm cây đàn guitar cất giọng ồm ồm.

*Chiều nay trên bến xưa
hắt hiu bóng con đò*

*Bến cũ cây già
tôi về nghe mưa khóc hoài con sáo bay xa...*

*Chim sáo bay xa rồi
trăng cũng bỏ tôi ngồi
giữa bến đời sấm sập mưa rơi*

Mưa “sấm sập”, ít nghe ai nói vậy, hẳn là mưa to gió lớn. Liệu cái “bến đời” heo hút của chàng nhạc sĩ có chịu nổi những gió mưa toi bời?

Giọng Phan Tấn nghe rung rung cảm xúc. Có điều anh chàng nói đúng, người ta không muốn nghe ai khác hát bài ấy ngoài Phương Nhi, kể cả tác giả bài hát. *Bến cũ đò xưa* hay những bài *Lý con sáo Bạc Liêu*, *Phải lòng con gái Bến Tre* thì chỉ có Phương Nhi. Không ít ca sĩ từng thử sức với những bài ấy, gồm cả những giọng hát chuyên trị dân ca, nhưng kể từ khi Phương Nhi cất tiếng thì những bài hát này đã ở lại với cô và gắn liền với tên cô.

Từ ngày cô ca sĩ rời bỏ thế gian này không lời từ giã, Phan Tấn ngân nga mãi câu hát...

*Rồi thì... sáo cũng bay xa
bỏ trên bến nước tiếng ca buồn hiu
Vàng trôi chẳng tiếc chi nhiều
tiếc thương em bậu chín chiều ruột đau **

“Con chim sáo bay mất biệt rồi,” Phan Tấn ngồi thờ ra.

“Chim sáo nào?” tôi hỏi.

“Chim sáo Phương Nhi.”

Nói quanh nói quẩn một hồi rồi cũng ra Phương Nhi.

* “*Lý con sáo Bạc Liêu*”, Phan Ni Tấn

Chàng nhạc sĩ của bài hát chim sáo vẫn chưa ngời nổi tiếc thương.

“Có kỷ niệm nào vui vui về cô ca sĩ kể nghe chơi?” Tôi chuyên hướng câu chuyện.

Phan Tần kể với giọng hào hứng về lần gặp đầu tiên giữa hai người. Đêm hôm ấy, giữa buổi tiệc sinh nhật người bạn trong giới nghệ sĩ sân khấu, một ca sĩ đàn chị dốt Phương Nhi đến gặp chàng nhạc sĩ đang ngồi ngoài vườn cây.

“Đây, nhạc sĩ Phan Tần là ông này đây. Hỏi riết, thấy dung nhan mặt mũi chưa?”

“Trời đất, chú là nhạc sĩ Phan Tần sao?” Phương Nhi tròn mắt. “Con hát hoài mấy bài của chú mà tới nay mới biết mặt chú.”

“Còn tôi thì biết mặt cô lâu rồi,” Phan Tần cười cười, nói. “Cô nói ‘Trời đất’ là sao? Chắc tưởng tôi là chàng trai trẻ cao ráo đẹp trai, ngờ đâu già chát chớ gì?”

“Hông phải dzậy,” Phương Nhi lắc lắc đầu. “Con biết chú lớn tuổi, ý con là trông chú... ngẫu quá.”

“Hong dám ngẫu đâu, ngó dzậy chú hiền khô à. Chắc tại bộ râu rậm rì, bữa nào chú cạo sạch sẽ là hết ngẫu ngay.”

“Đừng cạo uông chú,” Phương Nhi cười ngặt nghẽo, “chú cứ để vậy đi, nhìn riết cũng quen mắt. Mấy bài của chú con hát khán giả chịu lắm. Khi nào có bài gì mới chú nhớ gửi cho con nghe.”

Chỉ mới qua lại ít câu, nghe tiếng ai gọi “Phương Nhi, Phương Nhi ơi!” cô vội vàng chạy đi.

“Mấy chị trong đó réo con... Bữa nào mình nói chuyện

nhiều nhiều nghe chú.”

Phan Tần không nhớ đã hơn một lần kể tôi nghe chuyện Phương Nhi hơi... bị dị ứng với bộ râu cằm dài, rậm như râu đạo sĩ ấy.

“Có vậy thôi. Phương Nhi có lỗi nói chuyện rất tự nhiên cho dù mới gặp lần đầu.”

Từ đó, mỗi lần đi show, hát bài nào của Phan Tần được khán giả yêu cầu và tán thưởng, hoặc có chuyện gì vui buồn Phương Nhi hay kể cho ông chú nhạc sĩ nghe. Lần gặp sau cùng, có mừng vui đó nhưng cả hai không dám xấp lại gần vì “giãn cách xã hội” giữa lúc dịch bệnh lên đến cao điểm.

“Chú vẫn sáng tác đều chứ?” cô ca sĩ hỏi. “Lúc này có bài nào mới không chú?”

“Bài mới gì nôi. Lớp người bệnh, lớp người chết rần rần, chú còn lòng dạ nào mà đàn hát, mà kể chuyện tình yêu trai gái.”

“Không chuyện tình thì chuyện gì vui vui cho bớt lo lắng, rầu rĩ cũng được vậy chú.”

“Âm nhạc nào mà xoa dịu nỗi những đờn đau, những mắt mát của con người giữa thảm họa, tai ương này. Chú bó tay, không cầm nổi cây đàn.” Phan Tần nói giọng buồn xo.

“Hay là chú sáng tác bài dân ca nói về mùa cách ly, mùa dịch giã này đi.” Phương Nhi ra dáng ngẫm nghĩ. “Chưa có bài hát nào như vậy hết. Dân ca người mình cũng có bài vui, bài buồn vậy.”

“Cũng là ý kiến hay đó,” Phan Tần gật gù, “chú sẽ ngâm cứu đề nghị này. Nhưng mà nói gì thì nói, cũng phải có cảm

hứng thì mới sáng tác được.”

“Nói như chú thì biết tới chừng nào chú mới có cảm hứng,” Phương Nhi rụt cổ, lắc lắc đầu.

“Cũng khó nói lắm, có khi gặp con ở đây nói chuyện xong chú về nhà dạo đàn viết xuống liền, ngày mai có ngay bài hát mới toanh đưa cho con. Lại có khi mấy tháng liền không viết được một bài, như là trong mùa mắc dịch này.”

“Chi mà khó vậy chú?” Phương Nhi nhăn mặt. “Vậy chứ khi con đi hát khán giả yêu cầu bài gì thì mình hát bài đó chứ đâu có nói được là chờ tới khi nào... có cảm hứng thì mới hát được. Chú cứ nghe lời con đi, cứ cầm cây đàn lên là cảm hứng tới liền à.”

“Hong dám đâu,” Phan Tần cười hề hề. “Nhiều lần chú cầm cây đàn lên rồi phải bỏ xuống vì tiếng đàn nghe lạt lẽo, vô duyên, không có hồn vía chi cả. Con khác, chú khác. Con là ca sĩ, con có khán giả, con hát cho khán giả, còn chú...”

“Thì chú cũng sáng tác cho khán giả, cho người nào yêu nhạc của chú, hoặc là chú sáng tác theo lời yêu cầu của... con cũng được vậy.” Phương Nhi cười rinh rích.

“Ok, như vậy khi nào viết được bài ấy thì chú sẽ ghi lên đầu bài nhạc là ‘Tặng chim sáo Phương Nhi’ hoặc ‘Nhạc Phan Tần, ý Phương Nhi’.”

“Chú nói giữ lời ghen,” cô ca sĩ nhoèn miệng cười.

Chàng nhạc sĩ nhớ như in những lần chuyện trò, đùa nghịch, đối đáp qua lại giữa hai người.

“Phương Nhi nói chuyện thật vui, thật có duyên. Cô tới đâu là mang niềm vui tới đó và truyền cảm hứng cho người

khác. Có ngờ đâu cô lại vẫn số đến vậy.” Phan Tần nói, lộ vẻ trầm ngâm.

Phuong Nhi không phải là giọng ca thần tượng của tôi và cũng chưa có bài nào cô hát gọi là chạm tới trái tim tôi. Mãi tới khi được Phan Tần cho nghe một bài nhạc phổ thơ, tôi nói “Bài này nghe sướng tai thiệt. Nhạc hay, lời hay, cô ca sĩ hát cũng hay, giọng trong trẻo, ngọt ngào, mùi mẫn.”

*Bậu sang phà Rạch Miễu / thăm trường cũ Nam Phuong
Lư lắc lư xe thổ mộ / Chèn oi, quá dễ thương!
Tức mình theo bển gót σ...σ / Năn nỉ hoài (mà) hông nghe
Ước gì đương trặc trở / gặp nụ cười Bến Tre **

“Chèn oi, quá dễ thương!... Năn nỉ hoài mà hông nghe. Phuong Nhi hát mấy chỗ này thiệt hay, thiệt quá dễ thương.” Phan Tần tấm tắc khen.

Phà Rạch Miễu là con phà nào tôi không rõ. Trường Nam Phuong là ngôi trường nào tôi không rành. Con gái xứ dừa Bến Tre nghe nói đẹp hết biết tôi cũng chưa gặp bao giờ. Nói cho đúng tôi chưa từng đặt chân tới Bến Tre, vậy mà nghe bài hát, nghe giọng hát lạnh lốt, ngọt lịm như nước dừa tươi của Phuong Nhi tôi như nghe ra cái đẹp của những mối tình chơn chất, hiền hòa và dạt dào như sông nước miền Tây minh mông. Lại một điều, nghe thêm ít bài cũng với giọng hát ấy, có khi lại nghe man mác nỗi buồn, nghe da diết khắc khoải như có nỗi niềm nào u uẩn, có dòng nước mắt nào lặng thầm.

“Cái đó không lạ,” Phan Tần nói. “Cuộc đời Phuong Nhi

* “Phải lòng con gái Bến Tre”, Phan Ni Tấn & Luân Hoán

buồn nhiều hơn vui, cô thường giấu kín nỗi buồn.”

Phương Nhi không phải là danh ca nức tiếng, không phải là giọng ca vàng ròng, thế nhưng nội việc cứu mang đến hơn hai chục trẻ mồ côi, lại còn chăm sóc đến từng miếng cơm manh áo cho người nghèo khó giữa tâm dịch bệnh thì trái tim cô, tấm lòng cô đúng là vàng thật. Nhiều người nhắc tên cô diễn viên điện ảnh tốt bụng Angelina Jolie, tiền tài danh vọng gấp nhiều lần Phương Nhi nhưng số con nuôi thì vẫn không nhiều bằng cô. Phương Nhi không thừa tiền lắm bạc nhưng trái tim cô giàu có, tấm lòng cô hào sảng.

Đời ca hát của Phương Nhi không dài bằng nhiều ca sĩ khác, tiếng hát cô cũng chưa đạt danh hiệu nào sáng chói, thế nhưng cái chết của cô làm dậy sóng, làm rơi nước mắt không ít người. Loài virus độc ác ấy đã mang cô đi để lại nỗi tiếc thương cho biết bao người, cả trong nước lẫn ngoài nước, cả những người trước đó còn chưa biết nhiều về cô. Hơn bao giờ hết, trong mùa dịch giã này, cái nhân cách và lòng nhân ái được thương quý, vượt trên cả tài năng.

Chim sáo bất ngờ bay đi. Phương Nhi, cô sớm rời bỏ cõi tạm này khi những tâm huyết tâm nguyện, những ước mơ làm đẹp cho cuộc sống vẫn còn dở dang.

* * *

“Nếu cô ca sĩ chịu khó chích ngừa thì đâu có ra nông nỗi,” tôi nói. “Chỉ việc vén cánh tay áo lên là xong.”

“Không rõ nội tình thế nào,” Phan Tần trầm ngâm. “Nghe đâu khi ấy thuốc chủng ngừa còn khan hiếm nên cô lui về sau nhường mũi kim cho người khác.”

“Người khác nào nữa? Một người xông xáo, xả thân làm việc thiện nguyện giữa lúc dịch bệnh bùng phát thì có rất nhiều rủi ro.”



(Ảnh: yeuchim.net)

“Đôi mắt Phương Nhi buồn quá, buồn vời vợi.” Phan Tàn nói sang chuyện khác. “Cả những lúc cô cười, miệng cười mà mắt thì vẫn cứ buồn.”

Phan Tàn nói chàng nhớ, nhớ ánh mắt gợn buồn, nhớ giọng nói pha chút gì nũng nịu. Không nhớ không buồn sao được, bài nhạc chàng ưng ý nhất đã bay theo con chim sáo ấy.

“Bài hát ấy chết rồi, chết theo cô ca sĩ.” Phan Tàn lặp lại mãi điệp khúc ấy.

Chưa kịp nghĩ ra cách nào giúp chàng nghệ sĩ người ngoài nổi buồn “chim sáo bay xa” thì hôm sau Phan Tàn bất ngờ gọi cho tôi.

“Nói riêng thôi, tôi mới gặp Phương Nhi đêm qua.”

Tôi khựng lại mấy giây, ngỡ mình nghe lầm.

“Vậy sao!? Vui chứ?”

“Phương Nhi vui lắm,” Phan Tần tuôn ra một tràng. “Nàng nói ‘Chàng đừng buồn, đừng tiếc thương em nữa. Chim sáo đã bay về miền đất mới, miền cỏ cây hoa lá xanh tươi, không khổ đau, không dịch bệnh.’ Mới câu trước câu sau, chưa kịp hỏi han cho rõ sự tình thì nàng bất ngờ hỏi ‘Chàng đã viết xong bài ấy cho em chưa? Đừng bắt em chờ thêm nữa.’”

“Bài vở gì?” tôi hỏi.

“Làm sao tôi biết được,” Phan Tần trả lời. “Hỏi ra mới hay là bài mà nàng nửa đùa nửa thiệt yêu cầu tôi viết riêng cho nàng trong lần gặp sau cùng ấy, đại để ‘Khúc dân ca mùa dịch già’ hay gì đó...”

Phan Tần còn nói thêm những gì gì nữa, tôi chịu không hiểu nổi. Lúc thì “cô” khi thì “nàng”, lúc thì chú với con, khi thì chàng với em, chẳng biết đâu vào đâu.

“Vậy là Phương Nhi nói thiệt chứ đâu có đùa,” tôi nói. “Nhưng mà ‘miền đất mới’ của cô làm gì có dịch bệnh?”

“Thì tôi cũng nói vậy. Nàng lại nói rằng bài hát ấy sẽ xoa dịu phần nào nỗi mất mát, khổ đau của những nạn nhân trong mùa đại dịch này.”

“Thiệt hết biết,” tôi lắc đầu, “đã về trời rồi mà còn ngó xuống xót thương người trần gian.”

Thế rồi, ngay sau đó, chàng nhạc sĩ thức trắng đêm để thực hiện cho bằng được một lời hứa còn treo lơ lửng. Thế rồi, trước tấm ảnh cũ chụp Phương Nhi và chàng cùng ngồi đàn hát, cùng tập dượt bài *Bên dòng sông Trẹm*, Phan Tần ôm đàn cất tiếng hát cho cô ca sĩ nghe bài nhạc mới toanh

còn chưa ráo mực. Bài nhạc được viết xuống từ nguồn nhạc hứng trào dâng mà chàng có lúc tưởng đã tắt lịm.

*Chim sáo bay xa còn nhớ thương quê nhà
còn thương quê mình mùa dịch giã
Chim sáo muốn bay về
nhưng đường về quá xa
nhưng ngàn trùng cách chia...*

Sau Phương Nhi, đến lượt tôi được tác giả hát cho nghe sáng tác mới ấy, cũng với giọng ồm ồm khàn khàn, cũng nghe rung rung cảm xúc.

“Sao, nghe được không?”

“Được quá đi chứ,” tôi gật gù, “nghe cảm động lắm. Bài này chưa có tên à?”

“Tôi chưa nghĩ ra, thôi để cho Phương Nhi đặt tên vậy, bài hát của nàng mà.” Phan Tần trả lời tỉnh queo, không biết nói chơi hay nói thiệt. Rồi chàng đổi giọng buồn buồn, “Những bài trước tôi không viết cho Phương Nhi nhưng đã thuộc về nàng, còn bài này tôi viết riêng cho nàng thì tiếng hát ấy nay còn đâu.”

Giọng thờ than ấy nghe sao mà mũi lòng như là xuống câu vọng cổ nảo nùng.

“Nghe đâu có cô ca sĩ trẻ nào hát giống giọng Phương Nhi lắm,” tôi nói.

“Có giống tới đâu thì cũng chỉ là bản sao. Đâu cần hát giống, hát giọng nào cũng được, hát để tưởng nhớ Phương Nhi, để nghe lời chim sáo hát.”

Nghe vậy, tôi lặng im. Phan Tần cũng lặng im, dạo vài

nốt nhạc rời rạc. Tôi cụng chai bia nữa với chàng, rồi nốc cạn, nghe vị đắng đắng. Trên đường về tôi ngâm nghĩ câu nói của Phan Tần, “Hát để tưởng nhớ Phương Nhi, để nghe lời chim sáo hót...”

Mới sáng ra đã nghe tiếng nhấn chuông, gõ cửa. Một cái đầu thò vào, vẻ mặt rạng rỡ.

“Đêm qua tôi lại nằm mơ.”

Vẫn chưa hết chuyện, tôi nghĩ.

“Lại gặp Phương Nhi nữa chứ gì?” tôi hỏi.

“Không,” Phan Tần lắc đầu, kể bằng giọng phẫn khích. “Tôi đang ngồi đàn hát sau vườn nhà thì bỗng thấy chim sáo nâu từ đâu bay về đậu trên cành trúc la đà. Chim nghiêng đầu nghe hết bài hát, rồi chuyền cành sà xuống đậu lên vai tôi, rồi đậu lên cánh tay tôi, rồi đậu lên tờ nhạc hót lên mấy tiếng líu lo, rồi lượn một vòng rồi bay vù đi mất.”

“Tuyệt quá, vậy là xong!” Tôi đập mạnh vào vai Phan Tần. “Bây giờ thì chim sáo mới thực sự bay đi. Cánh chim bay đi mang theo niềm vui mới.”

Phan Tần đứng tựa cửa, ngược nhìn trời mây mông lung. Lâu lắm mới thấy chàng nhạc sĩ nở nụ cười tươi.

Từ nay có một người không còn buồn vì nỗi chim sáo bay xa.□

Ai cũng cần một vòng tay ôm

“Good night. Sweet dreams.”

Genny gửi đi dòng text cuối cho Dick, bạn trai và cũng là đồng nghiệp của cô ở sở cảnh sát Dallas, khi vừa đặt chân đến trước cửa căn apartment của cô trên lầu. Lúc ấy khoảng gần 10 giờ đêm. Cô về muộn hơn mọi ngày sau ca trực kéo dài suốt 14 tiếng. Một ngày đầu tuần khá mệt mỏi và nhức đầu vì những chuyện linh tinh chẳng đâu vào đâu. Cô cần nghỉ ngơi để lấy lại sức.

Khi vừa tra chìa khóa vào ổ khóa cửa phòng, Genny cảm thấy có điều gì bất thường. Cô luôn cẩn thận khóa cửa, tắt đèn mỗi khi rời nhà. Cửa dường như không khóa, cô xoay nhẹ tay nắm cửa, cánh cửa he hé mở. Genny khẽ giật mình, đặt tay lên báng súng như một phản xạ tự nhiên. Ánh đèn vàng từ bên trong hắt ra. Genny suy nghĩ thật nhanh. Ngoài Dick ra, không ai biết chỗ ở của cô. Kẻ nào đã đột nhập vào phòng cô?... Genny rút súng, lùi lại một bước, tay giơ cao khẩu súng ngắn, chân đạp mạnh vào cánh cửa.

“Đứng yên tại chỗ. Giơ tay lên!” Genny hét lớn.

Cửa mở toang. Cô trông thấy một gã đàn ông ngồi dựa

lưng trên ghế sofa, hai chân duỗi thẳng, tay cầm vật gì đó. Gã chồm người dậy, nhìn chòng chọc vào cô.

“Bỏ ngay cái đó xuống. Giơ hai tay lên!” Genny nắm chặt khẩu súng bằng cả hai tay, chĩa thẳng mũi súng về phía kẻ lạ mặt.

Trước mắt cô là gã đàn ông da màu lạ hoắc. Gã mặc quần short, tay cầm vật gì lấp lánh.

“Giơ hai tay lên! Bỏ cái đó xuống ngay, nếu không tôi bắn.” Genny quát lên và lùi lại một chút, hai tay vẫn nắm chặt khẩu súng.

Gã đàn ông đứng bật dậy, dáng cao lớn, khệnh khạng.

“Hey! Hey! Hey!” Gã trợn mắt lớn tiếng, xăm xăm bước về phía cô...

“Đoàng! Đoàng!” Genny nổ liền hai phát. Gã đàn ông bật ngửa ra sau, nằm ngay đơ, đầu gối lên thành ghế sofa.

Suốt những năm hành nghề cảnh sát, Genny vẫn được đồng nghiệp thán phục về tài thiện xạ, đã bắn thì không trật vào đâu được. Cô từ từ bước qua cửa, men sát theo vách tường rồi lọt hẳn vào phòng trong lúc hai tay vẫn không rời khẩu súng, hai mắt vẫn chăm chăm nhìn xuống thân hình bất động dưới chân mình. Gã da màu nằm im không nhúc nhích, máu loang trước ngực.

Genny đảo mắt một vòng, nhìn quanh. Trong vùng ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn phòng khách, cô thấy có gì là lạ. Genny lắc lắc đầu mấy cái cho thật tỉnh táo và quan sát kỹ... Cô bỗng lạnh sống lưng. Cô thấy chóng mặt, khẩu súng rơi khỏi tay cô lúc nào không hay.

Đây không phải là căn apartment của cô. Cô đã vào nhầm phòng.

Genny vội quỳ xuống bên người đàn ông. Gã nằm ngửa, hai mắt mở lớn, trợn trừng. Bàn tay phải mở ra cho thấy vật trong tay gã là chiếc muỗng nhôm. Một ly kem ăn dở và hộp kem mở nắp trên chiếc bàn thấp cạnh sofa. Máu vẫn loang trên sàn nhà...

Genny ngồi bật dậy, hoảng hốt... Cô đã làm gì vậy?! Cô đã giết người. Rồi Genny lại quỳ xuống, đặt tay lên ngực gã. Cô nhớ tới những thao tác CPR từng ứng dụng. Vô ích, viên đạn trúng ngay tim. Dưới chân cô đã là một xác chết. Cô nhìn lại bàn tay mình. Máu. Genny cố trấn tĩnh, gọi số 911 trước khi gieo mình xuống chiếc sofa mà người đàn ông đã ngồi trước đó ít phút.

Tiếng TV ở góc phòng phát đi bản tin về vụ cướp ở đâu đó. Genny nghe tiếng lao xao và tiếng chân người từ ngoài hành lang...

* * *

Phiên tòa bước sang ngày thứ năm, dự trù sẽ đưa ra phán quyết chung thẩm. Genny trông hốc hác, hai mắt trũng sâu vì thiếu ngủ. Cô phải trả lời nhiều câu hỏi từ công tố viên. Trả lời câu hỏi đầu tiên, Genny nói cô không biết gì về Bruce, người hàng xóm đã thiệt mạng vì hai phát súng nghiệt ngã của cô đêm ấy. Người thanh niên da màu chết thật bất ngờ, không hiểu được vì sao mình phải chết.

Bruce ở lầu số 3, trong căn phòng ngay bên dưới phòng của Genny, lầu 4. Anh là nhân viên kế toán của một công ty tài chính. Bruce kém cô ba tuổi, là một thanh niên hiền

lành và tốt bụng, hay giúp đỡ người khác. Ngoài công việc ở sở, anh là thành viên của Hội đồng Mục vụ Giáo xứ tại một nhà thờ ở địa phương trong nhiều năm.

Công tố viên muốn cô diễn lại trình tự mọi chuyện xảy ra vào hôm ấy và phóng ra liên tiếp những câu hỏi như không để cô có thì giờ đắn đo suy nghĩ.

“Chuyện gì làm cô không tỉnh táo hôm ấy?”

“Tôi không rõ. Có thể tôi đã làm việc quá sức. Tôi đã làm đến hơn 14 tiếng thay cho người bạn trong sở nghỉ bệnh.”

“Còn gì nữa?”

“Tôi về muộn, khá mệt mỏi sau một ngày dài làm việc. Từ lúc xuống xe ở parking, tôi vừa đi vừa text message với người bạn cùng sở nên không nhận ra mình đang ở lầu 3 chứ không phải lầu 4.”

“Mỗi phòng đều có tấm biển ghi số phòng gắn trên cửa, cô không nhìn số phòng?”

“Không,” Genny lắc đầu. “Phòng tôi ở dãy bên tay phải, cạnh phòng cuối cùng của hành lang. Rất dễ nhận biết, tôi cứ đi thẳng tới đó.”

“Luc mở cửa phòng, cô không nhận ra đây không phải là phòng mình sao?”

“Không,” Genny lắc đầu. “Đèn không đủ sáng. Cách bài trí nơi phòng khách khá giống với phòng tôi. Bộ sofa cũng gần như cùng một kiểu, một màu.”

“Cô nghĩ gì và phản ứng thế nào vào lúc ấy?”

“Kẻ nào đó đã đột nhập phòng mình. Tôi rút súng ra. Tôi cần phản ứng thật nhanh, nghề nghiệp dạy tôi như thế.”

Công tố viên không hỏi tiếp. Phòng xử chìm trong im lặng vài phút.

“Cô nghĩ gì trong đầu khi nổ súng vào người đó?”

“Tôi sợ,” Genny trả lời, giọng run run. “Tôi yêu cầu anh ta đứng yên và giơ tay lên đến mấy lần, nhưng anh ta bỗng hét lớn ‘Hey, hey, hey!’ như bị kích động và sấn về phía tôi. Tôi nghĩ anh ta sẽ giết mình. Tôi không còn cách nào khác ngoài phản ứng tự vệ. Bắn chậm thì chết.” Genny khóc nức lên...

Nhiều tiếng ào ào... Bà thẩm phán Tammie nhìn Genny chăm chú, khẽ gật gù.

“Tôi ngu ngốc quá!...” Genny nói trong tiếng nấc. “Tôi muốn được trừng phạt.”

“Cô nói tiếp đi, rồi sao nữa? Mọi người vẫn đang nghe cô.” Thẩm phán Tammie lên tiếng.

“Tôi thấy mình thật xấu xa, kinh tởm.” Genny nói nhỏ, cúi gằm mặt. “Tôi thù ghét tôi mỗi ngày. Tôi biết mình sẽ không bao giờ tìm được một ngày bình yên trong suốt phần đời còn lại.”

Genny sẽ nhận bản án chung thẩm hôm nay. Việc xét xử và nghị án có khuynh hướng khá bất lợi cho cô trong bối cảnh những đợt biểu tình phản kháng tình trạng bạo hành của cảnh sát đối với người da màu gần đây vẫn chưa lắng xuống. Công tố viên có vẻ muốn cáo buộc tội sát nhân cho cô hơn là ngộ sát để làm dịu bớt những làn sóng phẫn nộ.

Trong suốt phiên xử Genny tránh cái nhìn từ phía những người thân của Bruce. Cô tin là họ căm ghét mình và chỉ muốn cô phải chịu bản án nặng nhất.

Công tố viện đề nghị bản án 28 năm tù giam, bằng số tuổi của Bruce vào ngày sinh nhật của anh ta trong tháng này nếu như anh còn sống. Genny đã lấy đi những năm tuổi đẹp nhất của anh ta và cô phải trả lại đúng số năm ấy.

* * *

Sau nhiều giờ nghị án của bồi thẩm đoàn, Genny sau cùng nhận phán quyết chung thẩm là 10 năm tù giam và có thể xin được ân xá sau 5 năm ngồi tù.

Những người thân trong gia đình nạn nhân được phép lên tiếng. Alice, mẹ của Bruce, chỉ sụt sùi kể lể, không nói được gì nhiều. Beck, ông bố, lắc lắc đầu tỏ dấu không muốn nói gì cả. Mọi người hướng mắt về Ben, em trai của Bruce, người lên tiếng sau cùng. Chàng trai 18 tuổi, mặc bộ vest đen chỉnh tề, đeo kính trắng, khuôn mặt có nét tựa tựa ông anh cậu.

“Tôi không ghét chị, cho dù chị đã làm chúng tôi phải xa lìa Bruce.” Ben cất tiếng sau ít giây im lặng. Cậu đưa mắt về phía Genny, nói chậm rãi. “Tôi thực lòng mong muốn những điều tốt lành cho chị. Tôi cũng không muốn chị phải vào tù một ngày nào. Tôi tin là Bruce, anh tôi, cũng muốn như vậy. Tôi hiểu anh ấy hơn ai hết. Bruce rất mau quên và dễ tha thứ, anh ấy không muốn chị phải vào tù đâu. Bruce không hề oán ghét ai trên đời này và không hề muốn làm ai buồn khổ. Những gì tôi nói ra đây là những điều tôi học được từ anh ấy. Giả như Bruce có mặt ở đây thì anh ấy cũng

sẽ nói giống như tôi vậy thôi. Việc đã rồi, chị đâu có muốn như thế, phải không? Chẳng ai muốn như thế cả.”

Ben ngừng lại. Phòng xử không một tiếng động. Mọi người im lặng, chờ nghe cậu nói tiếp. Ben nhìn thật lâu vào đôi mắt Genny đỏ hoe.

“Bruce chắc chắn tha thứ cho chị. Chị cũng cần tha thứ cho chị.” Ngừng một chút, Ben nói tiếp, “Nếu chị không làm được vậy, chị hãy tìm đến với Chúa. Một khi chị biết lỗi và hối lỗi thì Chúa sẽ tha thứ cho chị. Phần tôi..., tôi cũng tha thứ cho chị.”

Ben lại ngừng một chút, rồi cậu hướng cái nhìn về phía bà thẩm phán Tammie.

“Liệu tôi có thể dành cho chị ấy một cái ôm không?”

Không có tiếng trả lời.

“Tôi có được phép ôm chị ấy không?” Ben hỏi lại lần nữa, giọng khản khản. “Tôi được phép chứ? Xin cho tôi...”

“Được,” bà thẩm phán nói, sau ít giây bối rối.

Ben rời bàn, bước xuống. Phía bên kia, Genny đưa mắt nhìn viên cảnh sát bên cạnh cô. Anh ta đứng lặng yên, không nói năng gì. Cô bước ra khỏi hàng ghế tiến về phía Ben. Khi tới gần Ben, cô dang rộng cánh tay, lao đến ôm chầm lấy cậu. Hai cánh tay cô quấn chặt cổ cậu.

Mọi người nghe rõ tiếng khóc nức lên của cả hai người.

Ben vòng tay ôm trọn tấm lưng Genny, hai bàn tay cậu xòe rộng xoa xoa, vỗ vỗ dọc lưng cô.



(Ảnh: Tom Fox/Reuters)

“Em tha thứ cho tôi, phải không?” Genny thì thầm. “Tôi không nghe lắm chứ? Tôi muốn được nghe lại một lần nữa. Xin làm ơn...”

“Tôi tha thứ cho chị.” Ben khẽ nói, chậm rãi. “Bruce muốn tôi làm việc đó. Anh ấy và tôi tha thứ cho chị.”

Genny áp mặt vào ngực Ben. Hai người có lúc buông nhau ra, rồi lại ôm chặt lấy nhau.

“Thế còn những người khác trong gia đình em?” Genny khẽ hỏi.

“Tôi không rõ, tôi tin mọi người rồi sẽ tha thứ cho chị.” Ngừng một chút, Ben nói, “Tin tôi đi, khi tìm đến với Chúa, chị sẽ được bình an thôi. Hãy can đảm lên, chị hứa với tôi đi.”

“Tôi hứa, tôi hứa...” Genny nghẹn lời. Khuôn mặt cô đầm đìa nước mắt.

“Peace be with you!” Ben thì thầm lời cuối trong lúc nhẹ nhàng buông cô ra.

Không một ai trong phòng nghe được họ nói gì. Viên cảnh sát dìu Genny về lại chỗ ngồi.

Ben quay nhìn Genny trong một thoáng trước khi rời phòng xử.

Ted, luật sư biện hộ cho Genny, chìa tay bắt tay bố của Ben khi cùng bước ra ngoài hành lang.

“Cậu bé này tốt hơn chúng ta rất nhiều, bản thân tôi cần học nhiều ở cậu. Chỉ có chiếc ôm ấy mới chữa lành được những vết thương.”

“Đúng vậy,” Beck khẽ gật gật đầu.

Rồi ông quay nhìn con trai mình đứng phía sau, gật đầu và đưa ngón tay cái lên dứ dứ. Hai bố con cùng bước xuống những bậc tam cấp của tòa án.

“Vây là xong,” Beck siết chặt vai cậu, nói. “Bố cảm ơn con. Bố yêu con, Ben. Bây giờ Bố cảm thấy nhẹ nhõm. Tạ ơn Chúa, giờ đây Bố Mẹ vẫn có con bên cạnh. Tất cả rồi sẽ qua đi. Chúng ta cần phải sống. Mọi người cần phải sống. Chúng ta không để bất cứ thứ gì đè nặng trái tim mình.”

Ben im lặng, cậu cũng nghĩ như Bố.

“Mỗi người một phần số,” Beck nói tiếp. “Chúng ta không làm khác đi được, nhưng chúng ta có thể làm nhẹ bớt phần nào những gánh nặng. Ai cũng cần một vòng tay ôm.”

Ben vẫn im lặng. Cậu hít sâu và thở ra một hơi dài. Cậu cũng cảm thấy nhẹ nhõm như Bố.

Luật sư Ted đứng lặng yên, dõi mắt nhìn theo họ.

Nắng đã tắt, chiều xuống dần. Beck lại bóp nhẹ nhẹ mấy cái vào vai Ben. Rồi ông choàng tay ôm lấy vai cậu và hai bố con khoác vai nhau bước đi chậm rãi, thân mật như hai người bạn.

“Bố nói đúng,” Ben thầm nghĩ. “Ai cũng cần một vòng tay ôm.” □

Trái tim em, lồng ngực anh

Câu chuyện thật, có điều không phải là chuyện tình lâm ly, ướm át. Cô gái trong câu chuyện đã trao trọn trái tim mình cho chàng trai trẻ chưa một lần quen biết.

Một mình một ngựa

Cô gái tên Abbey Conner, 20 tuổi. Chàng trai tên Loumonth Jack, 21 tuổi. Abbey đã từ biệt thế gian này để đi về một thế giới khác nhưng trái tim cô mãi mãi thuộc về chàng trai, và chàng sẽ chẳng bao giờ quên được nàng suốt phần đời còn lại.

Câu chuyện từng được Bill Conner, ông bố của cô gái, kể lại nhiều lần cho nhiều người, những ai từng đọc được hàng chữ “Abbey’s Ride for Life” trên tấm biển gắn đằng sau chiếc xe đạp Trek của ông.

Ông Conner có hai người con, Abbey và anh trai cô là Austin, 23 tuổi. Trong chuyến vacation hơn 5 tháng trước đây, cả hai được tìm thấy nằm bất tỉnh, úp mặt sâu xuống nước trong hồ bơi của một khách sạn ở Cancun, Mexico. Người ta chỉ cứu được Austin, riêng Abbey bị tổn thương

não nghiêm trọng. Cô được chuyển tới bệnh viện Broward Health Medical Center ở Fort Lauderdale, Florida. Tại đây, sau những cố gắng một cách tuyệt vọng, các bác sĩ tuyên bố cô đã chết não và đi tới quyết định giải phẫu để lấy nội tạng và các mô sinh học mà cô đã tự nguyện hiến tặng năm 16 tuổi khi cô mới thi lấy bằng lái xe.

Cùng ngày ông Conner choáng váng nhận được tin xấu về con gái mình, cách đó 670 dặm đường chim bay, tại Lafayette, Louisiana, bố mẹ của một thanh niên da màu cũng được các bác sĩ ngậm ngùi thông báo về số phận không may của con trai mình. Jack đang nằm chờ chết trên giường bệnh vì chứng suy tim trầm trọng sau hai lần trụ tim. Sự sống chỉ còn đếm được từng ngày trên những đầu ngón tay, ngoại trừ phép lạ.

Và “phép lạ” đến với anh thật. Trái tim còn tươi rói của Abbey được cấy ghép kịp thời vào trong buồng ngực của Jack. Anh như được tái sinh.

Một người chết đi cho một người được sống. Trái tim Abbey dọn về nơi cư ngụ mới. Không chỉ trái tim thôi, cô hiến tặng đến bốn nội tạng, giúp cho bốn người trong độ tuổi từ 20 đến 60 giành lại được sự sống trong cuộc chiến đấu với tử thần. Cô còn tặng cả đôi mắt đẹp của mình cho người khiếm thị ngắm nhìn được cuộc sống tươi đẹp muôn màu muôn vẻ.

Trái tim còn đập nghĩa là vẫn còn sự sống. Ông Conner tin chắc như vậy. Abbey, con gái ông, vẫn đang sống ở một nơi nào đó. Bằng mọi giá, ông phải tìm gặp đưa con yêu của mình.

Conner muốn rời khỏi nhà, tìm đến một nơi nào đó thật xa xôi để mong làm nhẹ bớt được nỗi buồn phiền đè nặng trong lòng. Hơn thế nữa, ông còn muốn làm điều gì đó để tôn vinh cuộc sống ngắn ngủi và cao đẹp của con mình.

“Tôi muốn làm cách nào để mọi người nhận thức được ý nghĩa, sự cần thiết, tầm quan trọng và lòng nhân ái của việc hiến tặng nội tạng mình khi lìa đời.” Conner chia sẻ điều này với những người thân và nảy ra ý tưởng: với chiếc xe đạp Trek của mình, ông sẽ thực hiện chuyến đi suốt chiều dọc nước Mỹ, từ Madison, Wisconsin, quê nhà ông, đến tận Ft. Lauderdale, Florida, nơi ông nhìn mặt con gái mình lần cuối, để quảng bá và vận động mọi người hưởng ứng việc làm tốt đẹp này.

“Tại sao không?” Conner nói. “Có gì ghê gớm lắm đâu, và chẳng thấm thía gì so với nghĩa cử của con gái tôi. Tôi thực sự mong muốn ngày càng có thêm nhiều người tham gia vào việc hiến tặng nội tạng như Abbey đã làm.”

Với ý chí mạnh mẽ và tình yêu không bờ bến của ông bố, Conner quyết định thực hiện việc này cho bằng được. Một mình một “ngựa sắt”, ông lên đường ngày 22 tháng Năm, ngay sau ngày dự lễ ra trường của Austin, con trai ông, tại University of Wisconsin-Milwaukee.

“Tôi tin rằng Abbey cũng muốn tôi làm điều ấy,” ông nói.

Tình không biên giới

Khi Jack được Louisiana Organ Procurement Agency thông báo về cuộc hành trình “Abbey’s Ride for Life” của ông Conner, anh tìm cách liên lạc với ông và nói rằng gia đình anh rất vui mừng được đón tiếp ông trong chuyến đi

miệt mài ấy.

Sau bốn tuần lễ rong ruổi, vượt 1.400 dặm đường, ông Conner đã gặp được Jack tại Baton Rouge Louisiana vào đúng ngày Chủ Nhật Father's Day. Trước mắt ông là chàng thanh niên da màu, vóc dáng thư sinh, tóc tai cắt ngắn, quần áo chỉnh tề. Trong Jack có vẻ hiền lành, dễ mến và ông có cảm giác thật gần gũi tưởng như đã từng quen biết nhau từ bao giờ.

Cả hai như bị hút vào nhau trong cái ôm dài đến hơn một phút. Nước mắt họ ứa ra.

Jack lần lượt giới thiệu gia đình mình, ông bà, bố mẹ, anh chị em, những đứa cháu... Hai ông bố, da trắng và da màu, ôm chặt lấy nhau, rung rung dòng lệ.

Da màu, thì đã sao! Ngay lúc này đây, ông Conner và mọi người ở quanh ông không ai nghĩ tới chuyện da trắng da vàng, da đen da đỏ. Hơn lúc nào hết, chuyện màu da, màu tóc, màu mắt... hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì. Điều thực sự có ý nghĩa là, trái tim Abbey trong lồng ngực Jack đã mang hai gia đình xa lạ lại gần với nhau.

Đấy không phải là tính cách của Abbey đó sao? Conner còn nhớ, cô bé từng kể ông nghe một cảnh trong cuốn phim mà cô xem đến hai lần, *To Sir, with Love*. Ông thầy giáo bị đứt tay và cô nữ sinh tỏ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy máu của ông thầy da đen cũng màu đỏ tươi giống như màu máu của cô vậy.

Trái tim Abbey và hình hài Jack cũng thế thôi, cũng cùng chung dòng máu.

“Happy Father's Day!” Jack bước đến bên ông Conner,

mỉm cười, cầm trên tay túi quà.

Conner đón lấy, mở ra. Một chiếc stethoscope, chiếc ống nghe của bác sĩ. Ông thoáng ngạc nhiên nhưng rồi hiểu ra.

“Cám ơn cháu. Cái này hay đấy.”

“Vói cái này,” Jack nói, “Bác sẽ nghe rõ tiếng đập của con tim cô ấy.”

Conner lặng người đi mấy giây. Ông bật ra một tiếng nắc không giấu được, đưa cườm tay quệt ngấn nước mắt. Jack cởi tung nút áo sơ-mi để lộ vết sẹo dài chạy dọc trước ngực. Conner cẩn thận gắn ống nghe vào hai tai, áp đầu dây bên kia vào ngực Jack, đúng chỗ trái tim cậu. Không, trái tim của Abbey, con gái ông. Ông nhắm mắt lại, chăm chú lắng nghe... Lát sau, ông gỡ ống nghe, lặng im vài giây như cô trần tĩnh, rồi buột miệng:

“Well, it’s working.”

“Oh yeah, definitely!” Jack đáp.

Không chỉ nghe rõ nhịp đập đều đều của trái tim, Conner còn nghe được cả tiếng thì thầm quen thuộc của Abbey, “Bố đây phải không? Bố đến thăm con đây à? Con vẫn ổn mà, Bố đừng lo cho con. Chỗ này, buồng ngực của Jack đây, tốt lắm Bố à. Bố con mình vẫn gần nhau mà, phải không Bố?”

Conner, ông đã bao lần ôm chặt con mình vào lòng, bao lần nghe hơi thở con, nghe nhịp tim con đập rộn ràng như thế này. Ông đã bao lần ôm ấp đứa con yêu, từ thuở cô còn bé bỏng, từ thuở mẹ cô còn sống, và cả những lần hai bố con xa nhau rồi lại gần nhau như thế này.

Conner cúi đầu thật sâu, hai mắt nhắm nghiền, nước mắt

lại muốn ứa ra.

“Đúng thế Abbey,” ông cũng thì thầm. “Bố đến thăm con đây. Bố đến thăm con để xem con đã ‘sống’ như thế nào kể từ ngày xa Bố. Tạ ơn Trời! Sau cùng thì bố con mình đã gặp được nhau, phải không ‘baby girl’ của Bố?”



(Ảnh: Caroline Ourso)

“Baby girl”, ông Conner nhớ từng gọi con bé như vậy.

“Cám ơn cháu nhiều lắm,” ông ngược lên, mỉm cười với Jack.

“Thật là một phép lạ,” Jack nói. “Abbey giống như là bà tiên có phép màu trong chuyện cổ tích vậy. Cháu đã chết đi, rồi được sống lại. Cháu mang ơn cô ấy nhưng không có cách nào để trả ơn.”

“Đừng nghĩ đến chuyện đền ơn đáp nghĩa,” ông Conner mỉm cười với chàng trai. “Cách trả ơn tốt nhất là hãy sống tốt. Đơn giản là vậy. Sống như Abbey vậy, giúp đỡ người

khác và mang niềm vui đến cho mọi người.”

“Cháu hiểu,” Jack nói nhỏ. “Cháu còn phải cảm ơn Bác nữa.”

“Bác phải cảm ơn cháu chứ,” Conner lại mỉm cười. “Nhờ có cháu mà Bác được gặp lại Abbey. Bác thật hạnh phúc.”

Conner ngắm nhìn chàng trai trạc tuổi con ông. Ông nhìn xuống chiếc ống nghe vẫn cầm trên tay, món quà đặc biệt Jack tặng cho ông. Trong đời mình, quả là ông chưa bao giờ nhận được quà tặng Father’s Day nào ý nghĩa hơn thế.

Nhờ có Jack, ông Conner biết được rằng trái tim con gái ông chưa có phút giây nào ngừng đập, chỉ có điều trái tim ấy đã dọn sang hình hài khác. Abbey đã cho không trái tim quý giá của mình. Cô đã cho không, không điều kiện, không có bất cứ sự lựa chọn nào. Dẫu cho hình hài ấy, da dẻ ấy có như thế nào thì trái tim cô vẫn rộn ràng những nhịp đập yêu thương.

Tình yêu cô gửi vào trái tim là tình không biên giới.

* * *

Abbey lia xa Bốn khi tuổi cô vừa tròn đôi mươi, tuổi tươi đẹp nhất của một đời người. Trái tim cô đang tràn đầy nhựa sống, tràn đầy ước mơ. Cô khao khát sống và thiết tha yêu đời. Cô theo đuổi ngành học Public Relations tại trường University of Wisconsin-Whitewater với ước mong có cơ hội mở rộng giao tiếp với nhiều người và cũng giúp được nhiều người.

Với Conner, con gái ông vẫn đang sống, và hơn thế nữa, cô thực hiện được điều cô luôn ước muốn là làm đẹp cho cuộc sống.

Với Jack, anh bắt đầu lại cuộc sống. Anh yêu cuộc sống hơn bao giờ. Jack sẽ trở lại trường học, sẽ nói lại những giấc mơ còn dở dang vì phải bỏ dở chuyện học hành. Anh sẽ đi tiếp con đường mà Abbey đã đi; hay nói một cách nào đó, anh đi theo tiếng gọi của con tim nồng ấm đang nằm gọn trong lồng ngực anh.

Chia tay gia đình Jack, ông Conner lần lượt ôm hôn từng người một trong gia đình anh. Sau cùng, ông lại ôm chặt lấy Jack, gục đầu lên vai anh, ngỡ như đang ôm ấp đứa con yêu quý của mình.

Và rồi Conner lại leo lên lưng chiếc xe đạp, lại tiếp tục chuyến đi đơn độc trên lộ trình dài hun hút. Ông phải đi cho hết cuộc hành trình suốt chiều dọc nước Mỹ. Lần này, ông có thêm bạn đồng hành là băng ghi âm tiếng nhịp đập con tim của Abbey mà gia đình Jack gửi tặng ông. Conner như được tiếp sức, ông cảm thấy sung sức hơn bao giờ.

Conner dự kiến ngày 10 tháng Bảy tới đây sẽ chạm “mức đến”, Broward Health Medical Center tại Ft. Lauderdale, Florida, là nơi mà Abbey đã được các bác sĩ giải phẫu lấy nội tạng. Nơi đây, ông sẽ thực hiện nốt việc làm sau cùng là rải tro con mình xuống lòng biển khơi, như một dấu chấm hết cho cuộc hành trình rông rã gần hai tháng trời.

Abbey yêu biển, cô sẽ về lại với “thiên đường” biển xanh, cát trắng, nắng vàng của Florida.

Trả lời các phóng viên báo chí về cuộc “hành trình đơn độc” 2.600 dặm đường trên lưng con ngựa sắt, ông Conner nói “Tôi không hề đơn độc. Lúc nào Abbey cũng ở bên cạnh tôi. Một khi bạn làm điều gì có ý nghĩa, bạn sẽ không cảm thấy đơn độc.”

Conner tin tưởng một cách mạnh mẽ sẽ có nhiều người cùng đồng hành với ông. Trong lá Thư Ngỏ gửi cho báo chí nói về cuộc hành trình “Abbey’s Ride for Life” nhằm vận động một phong trào ghi danh online để trở thành người hiến tặng nội tạng, có đoạn ông viết giống như lời tâm tình vậy.

“Thật là ích kỷ khi bạn nhất định chôn theo bạn những gì có thể cứu vớt được mạng sống con người. Bạn không mất gì cả trong lúc mang lại được hạnh phúc cho những kẻ xấu số. Vậy tại sao bạn lại từ chối hay ngần ngại? Sớm muộn gì thì bạn và tôi cũng phải chết mà, làm sao tránh khỏi được. Vậy thì đừng để cho cái chết của mình trở thành vô nghĩa và phí phạm.”

“Nếu bạn muốn để lại một di sản,” ông chia sẻ thêm, “không có di sản nào quý giá hơn là giúp cho người khác được tiếp tục sống một cuộc đời đáng sống.”

Phần tôi, rất “tâm đắc” đoạn cuối lá thư của ông Conner:

“Bạn vẫn đến nhà thờ, nhà nguyện để nguyện cầu sau khi chết sẽ được lên thiên đường chứ gì? Vậy thì bạn còn tiếc gì nữa mà không làm nghĩa cử hiến tặng ấy đi? Lời nguyện cầu của bạn sẽ được cứu xét sớm hơn. Hãy trao tặng lại người khác những gì Thượng Đế đã ban tặng cho bạn. Đây là lẽ công bằng. Bạn đâu cần phải mang theo tất cả, một khi thân xác bạn nhẹ nhàng thì bạn cũng dễ dàng... bay lên tới Thiên Đường.” □

Las Vegas, đêm dài nhất

*It was the longest night of my life
And the tears fall from my eyes.
("The Longest Night", Montell Jordan)*

“Tôi lấy thêm bia cho cô nhé?” Kodin hỏi.

“Vâng, cảm ơn.” Macy gật đầu, cười, “Xin anh một ly nữa. Tôi ít uống bia, nhưng tối nay vui quá.”

“Tôi cũng vậy. Cô chờ ít phút nhé, không lâu đâu.”

Nói xong, Kodin quay đi. Anh bước lại quầy bar sau sân khấu, đứng xếp hàng.

Macy nhìn quanh, đâu cũng người và người. Chỗ cô đứng khá tốt, cách cánh phải sân khấu ngoài trời gần hai chục mét. Tiếng nhạc sôi động. Ban nhạc chơi bài *When She Says Baby*. Jason Aldean, ngôi sao nhạc đồng quê, đội chiếc mũ cao bồi rộng vành quen thuộc, vừa ôm đàn vừa hát. Giọng ấm và truyền cảm. Cô nghe tên chàng ca sĩ đã lâu nhưng đến hôm nay mới trông thấy lần đầu trên sân khấu. Anh chàng có một vẻ gì lãng tử, bất cần đời.

*Just lay down by my side
Let me love you through this life...
Yeah, she's the perfect shot of faith*

*When every bit of mine is gone
Somethin' I can believe in, a best friend
A heaven sent love to lean on*

Màn trình diễn của Jason Aldean là phần cuối kết thúc chương trình ba ngày đại nhạc hội ngoài trời Route 91 Harvest. Macy nhìn đồng hồ, ít phút nữa là 10 giờ tối.

Cô đưa mắt tìm Kodin, chàng trai đến từ Ohio cô chỉ mới quen được vài giờ, thật vui tính và có những sở thích khá phù hợp với cô. Ngay từ phút đầu gặp gỡ, cả hai cảm thấy thật gần gũi và thoải mái, tưởng như đã quen biết nhau từ bao giờ.

Kodin trở lại, hai ly bia trên tay, đưa một ly cho cô gái.

“Đặc sản của Ohio đây. Cô nên thử qua cho biết.”

Macy nhấp một ngụm nhỏ, gật gù.

“Bia này có vị là lạ. Thơm và hơi đắng đắng.”

“Bia Columbus. Cô không thích vị đắng à?”

“Ồ thích chứ, bia là phải có chút vị đắng mới ngon và mới ra bia.” Nhấp thêm một ngụm, Macy nói tiếp, “Người Việt có thói quen ‘cụng ly’ trong các buổi tiệc vui, giống như ‘Cheers!’ vậy.”

“Thế thì ta ‘cụng ly’ đi,” Kodin cười, giơ cao ly bia của anh, “để đánh dấu một đêm vui, và cũng đánh dấu một tình bạn mới toanh nữa.”

“Cheers!” cả hai cùng reo lên khi hai chiếc ly chạm nhau. Kodin trông thấy ánh mắt Macy long lanh trong bóng đêm.

Yeah, that look in her eyes got me comin' alive

*And drivin' me a good kinda crazy
When she says baby*

Tiếng hát vẫn vang lộng. Chàng ca sĩ ôm đàn quay một vòng trên sân khấu. Macy và Kodin cùng nhóm bạn anh nhún nhảy, lắc lư theo điệu nhạc với vẻ hưng phấn.



(Ảnh: Robert Galbraith/Reuters)

“Pop-pop, pop-pop-pop...,” tràng âm thanh ròn rã từ đầu nổi lên như phụ họa cho bầu không khí vui nhộn.

Những tiếng nổ nghe thật gần, như thể tiếng pháo bông. Kodin khựng lại một vài giây, nghe ngóng, cảm thấy có điều gì bất thường. Macy cũng lặng im... Đột nhiên, tiếng người rú lên. Tiếng kêu rú tiếp theo, hoảng hốt. “Pop-pop-pop-pop-pop...,” từng loạt tiếng nổ liên tục, càng lúc càng lớn. Những thân người bỗng ngã đổ vào nhau. Tiếng nhạc phía sân khấu ngưng bật. Chàng ca sĩ đứng khựng lại, ngó quanh quất, rồi quay lưng chạy biến vào trong. Đền sân khấu vụt tắt ngúm.

“Chuyện gì vậy?” Macy hỏi, giọng lo lắng.

“Chạy! Chạy mau đi! Súng... Súng nổ.” Tiếng thét lớn,

hoảng loạn, trước khi Kodin kịp trả lời.

“Nằm xuống!” tiếng hét khác. “Nằm sát xuống đất. Đứng dậy!”

Đám đông nhón nháo, không biết phải nghe ai, chưa kịp hiểu ra chuyện gì. Kodin quay vội sang Macy. Anh chưa kịp nói câu gì thì cô bỗng ngã khụy xuống. Kodin giật bản người, anh nhào người xuống bên Macy như một phản xạ để che chắn cho cô.

“Macy! Macy!... Cô không sao chứ?” Kodin lay lay vai cô, gọi lớn.

“Pop-pop-pop-pop-pop...,” tràng tiếng nổ khô khốc thay tiếng Macy trả lời. Tiếng súng nghe thật rõ, thật gần như ở ngay trên đầu mình. Kodin ngược nhìn. Anh thấy nhiều tia lửa nháng lên từ ô cửa trên tầng cao của building phía bên kia đường. Những loạt đạn hẫ hẫ bắn ra từ đó, khách sạn và sòng bài Mandalay Bay.

“Macy! Macy!... Cô có nghe tôi không?” Kodin lại lay gọi Macy nhưng không nghe tiếng cô trả lời.

Rồi tiếng súng im. Tiếng gọi tên nhau âm ỉ lẫn trong tiếng chân người rầm rập.

“Kodin..., cậu đâu rồi? Cậu không sao chứ?” Kodin nghe tiếng bạn mình gọi.

“Minh ok, nhưng Macy... chắc bị trúng đạn rồi. Dick, cậu lại đây giúp mình với.”

Dick chạy vội đến, cúi mọp xuống thân hình bất động của Macy.

“Máu! Không xong rồi. Phải đưa cô ấy đi cấp cứu ngay.”

Kodin đỡ Macy dậy, rồi cả hai lúp xúp khiêng cô chạy theo đám đông đang tủa ra mọi hướng. Tiếng la hét, tiếng kêu cứu, tiếng chân chạy tán loạn. Nhiều người leo qua các rào cản cố vượt thoát ra ngoài.

“Pop-pop-pop, pop-pop-pop-pop...” tiếng súng lại tiếp tục, thật kinh hãi, như xoáy vào màng tai.

“Nằm xuống Kodin!” Dick hét lên. “Nằm yên, đừng có ngóc đầu lên.”

Hai người vội đặt Macy xuống. Tiếng rú, tiếng kêu khóc, rên la vang dậy. Kodin tưởng như đang nằm giữa vùng chiến sự, dưới cơn mưa đạn xối xả.

“Macy!... Tỉnh dậy! Tỉnh dậy đi!” Kodin gọi lớn trong lúc nằm sát bên cô, nhưng không nghe ngóng gì cả.

Rồi tiếng súng im bật. Kodin nhồm dậy, bế thốc Macy lên phóng qua chỗ rào cản bị phá tung. Thoát ra được phía ngoài, anh nhẹ nhàng đặt cô xuống bãi cỏ. Dick chạy lại, cả hai lần lượt làm các động tác hô hấp nhân tạo cho Macy. Cô vẫn im lìm. Dick nắm lấy cổ tay Macy bắt mạch...

Kodin đưa mắt nhìn quanh. Anh thoáng trông thấy một chiếc pick-up truck màu trắng đang lùi ra khỏi parking lot.

“Tránh đường!” Người lái xe thò đầu ra, la lớn. “Xin tránh đường. Xe chở người bị thương đi cấp cứu.”

Kodin vội vàng nhắc bỗng thân hình Macy, chạy ập đến.

“Cô này trúng đạn, rất nguy kịch. Xin cho cô ấy lên xe.”

Người đàn ông ngồi sau xe nhào người, đỡ lấy Macy trên tay Kodin, đặt cô nằm xuống bên cạnh những thân người

bất động.

Xe quẹo gắt, nhấn còi, lao ra khỏi parking trước khi Kodin kịp nói cảm ơn. Anh đứng nhìn theo, nhìn theo chiếc xe phóng nhanh trên Las Vegas Boulevard trong lúc tiếng còi hú inh ỏi của xe cứu thương từ xa càng lúc càng lớn dần.

* * *

Mọi cánh cửa bệnh viện đều khóa kín, không ai được phép vào. Kodin và nhiều người đợi mãi ở bên ngoài. Ngồi trên băng ghế đá, anh cố nhớ lại tuần tự mọi chuyện. Tất cả đến quá nhanh và đột ngột như diễn biến trong những thước phim hành động.

Kodin nhớ, anh và Dick đã quay trở vào khu vực sân khấu khi biết chắc tiếng súng đã ngừng hẳn. Cả hai tiếp tay nhân viên an ninh đưa những người bị thương ra phía ngoài cho tới khi các xe cứu thương và lực lượng cảnh sát đến phong tỏa hiện trường.

Kodin cũng nhớ, anh đã tìm lại chỗ Macy và anh đứng bên nhau phía cánh phải của sân khấu. Trên bãi cỏ ngồn ngang những ghế xếp ngã đổ, những túi xách, giày dép, mũ nón cao bồi... anh tìm thấy chiếc ví của Macy. Trong ví có thẻ tín dụng, ít tiền lẻ, nhưng không có thẻ ID và cell phone của cô. Kodin nhớ ra rằng Macy có cho anh số điện thoại trong lúc chuyện trò, anh bèn gọi đến số ấy. Một giọng phụ nữ trả lời, cho biết nhặt được chiếc phone gần sân khấu và cho anh số phòng ở Planet Hollywood để đến nhận lại.

Cầm trên tay chiếc cell phone của Macy, Kodin thấy hiện lên nhiều tin nhắn nhưng anh không vào xem được vì không có passcode. Còn đang loay hoay thì tiếng nhạc êm dịu phát

ra, anh áp điện thoại vào tai.

“Hello..., Macy? Cho tôi gặp Macy.”

“Tôi là Kodin, bạn Macy. Chúng tôi gặp nhau ở Route 91 Harvest.”

“Macy đâu? Tôi là Jeremy, anh rề Macy. Chúng tôi rất nóng ruột... Hãy nói với tôi là ‘Macy’s okay’.” Giọng nói khẩn khoản.

“Cô ấy bị thương...,” Kodin ngập ngừng, “đã được xe chở đi bệnh viện.”

“Bị thương?” giọng Jeremy hốt hoảng. “Làm ơn nói rõ hơn đi. Cho tôi cái tên bệnh viện?”

“Macy bị trúng đạn, tôi đã nhờ xe đưa đi cấp cứu. Tôi đi tìm cô ấy ngay bây giờ. Có tin gì tôi sẽ cho anh hay liền.”

“Trời đất!... Giữ liên lạc nhé. Tôi ở Washington state, nhớ gọi tôi ở số này.”

Kodin cuốc bộ đến bệnh viện gần nhất, Desert Springs Hospital, vừa đi vừa text cho người nhà và bạn bè biết là anh bình an...

Người nữ cảnh sát mở khóa cánh cửa chính của bệnh viện, từng người một lần lượt được cho vào. Kodin chạy đến quầy tiếp nhận bệnh nhân cấp cứu.

“Macy, phụ nữ Á đông, khoảng 30 tuổi, cao 5.3 foot, tóc đen,” anh nói với cô y tá trực.

“Có đặc điểm nhận dạng nào không?” viên cảnh sát đứng bên hỏi.

“Phía sau vai có xăm hình những bông cúc lớn màu tím

và xanh.” Kodin trả lời, nhớ lúc Macy xoay lưng khoe với anh những bông hoa xăm rất khéo trên vai cô khi hai người trò chuyện về nghệ thuật xăm hình.

Viên cảnh sát bỏ đi, chừng nửa tiếng sau quay lại, lắc lắc đầu.

Macy không có ở đây như anh tưởng. Kodin hết sức bối rối, anh gọi cho Jeremy, nói gửi cho tấm ảnh nào của Macy. Sau đó, anh lần lượt gọi đến các phòng cấp cứu theo danh sách các bệnh viện được cô y tá cung cấp. Bệnh viện nào không liên lạc được, Kodin thuê taxi đến tận nơi.

“Macy, phụ nữ Á đông, khoảng 30 tuổi, cao 5.3 foot, tóc đen, sau vai có xăm hình những bông cúc lớn màu tím, xanh.”

Đến đâu, anh cũng lặp lại câu ấy như một cái máy trong lúc chìa ra ảnh Macy.

Đến đâu, anh cũng nhận được những cái lắc đầu và ánh mắt thương cảm.

“Rất tiếc, chúng tôi đã check kỹ, không có người nào như vậy cả.”

Kodin không nhớ nổi đã đến bao nhiêu bệnh viện, đã gọi bao nhiêu cú phone, kể cả đường dây nóng Help Line được bên cảnh sát thiết lập để hỗ trợ việc tìm kiếm người bị nạn. Rời bệnh viện sau cùng, anh bước những bước không hồn trên hè phố.

Las Vegas, đúng như tên gọi, “Thành phố không ngủ”, vẫn rực sáng về đêm với những dòng người, dòng xe cuộn cuộn chảy. Những dòng người, từ khắp muôn phương, đua

nhau đổ về đây tìm kiếm những lạc thú trần gian trong những “canh vui suốt sáng, trận cười thâu đêm”.

Tiếng hú còi thất thanh của những xe cứu thương chốc chốc lại vang rền như xé rách màn đêm huyền hoặc. Hơn bao giờ hết Kodin thấy rõ cuộc sống thật ngắn ngủi và biên giới giữa hai cõi sống và chết thật là mỏng manh. Hơn bao giờ hết anh nhận rõ cái vô nghĩa đến tột cùng của cuộc sống đầy bất trắc.



(Ảnh: Thẩm Nguyễn/TRÉ Magazine)

Macy, cô gái anh chỉ mới gặp, mới quen vài giờ trước đây nơi quầy giải khát sau sân khấu. Anh chỉ mới biết cô, và cô cũng chỉ mới lần đầu tìm đến với âm nhạc đồng quê. Vậy mà như có gì làm cho hai người bị hút vào nhau. Có phải vì cô và anh có chung một tình yêu âm nhạc, có chung những sở thích về du lịch, thể thao như leo núi, chơi golf. Cũng như Kodin, Macy rất hâm mộ đội bóng rổ Golden State Warriors, vô địch giải NBA 2017. Cũng như Kodin,

Macy rất ham thích môn đánh golf. Anh nhớ đã phá lên cười khi cô đọc anh nghe câu dặn dò của người vợ cô đơn, “*When I die, bury me on the golf course so my husband will visit me.*” Macy thật tự nhiên, thật cởi mở và có sức thu hút đặc biệt. Anh nhớ mãi ánh mắt cô trìu mến và giọng cười cô giòn tan khi hai người vui đùa, trêu chọc lẫn nhau.

Macy, cô từ đâu bắt ngờ tới đây, bắt ngờ tạt ngang qua đời anh trong thoáng chốc, rồi bắt ngờ biến mất. Cô và anh đã đi bên nhau một quãng đường ngắn, thật ngắn ngủi rồi đột ngột chia tay, không kịp nói với nhau lời nào. Macy, cô đã mang đến cho anh chút hạnh phúc hiếm hoi, nhưng rồi hạnh phúc ấy bị cướp giật trên tay như ngọn nến vừa tỏa sáng bắt ngờ bị dập tắt.

Chưa bao giờ Kodin có cảm giác lạ lùng như đêm nay. Đường phố vẫn rực sáng ánh đèn, nhưng bước chân anh như đang trôi vào đêm tối mênh mông. Kodin ngược nhìn bầu trời đầy sao. Anh dõi mắt hướng về một ngôi sao thật xa, xa nhất. Ngôi sao mờ mờ, khi ẩn khi hiện trên nền trời đen thẫm, trông xa vẫn thấy nhấp nháy như có một linh hồn.

Macy, cô đang ở đâu? Liệu cô có qua khỏi? Anh bỗng nhớ Macy vô cùng.

Kodin thậm thì gọi tên cô, trong lúc một chiếc taxi tấp lại bên anh.

* * *

Kodin nằm xoải người, dang rộng tay chân trong phòng khách sạn. Bây giờ anh mới thấm mệt. Bây giờ anh mới thấy rõ những vết máu trên chiếc quần jeans anh đang mặc, trên tay áo và cả trên chiếc cell phone. Máu của Macy và

máu của những ai khác nữa.

Kodin nhìn đồng hồ. Gần 5 giờ sáng. Anh đã không ngủ suốt đêm, nhưng có hề chi. Las Vegas có đêm nào ngủ đâu, nhất là đêm nay. Biết bao người cũng đang thức suốt đêm như anh. Có đến hơn 20 ngàn người tham dự đại nhạc hội ngoài trời ấy. Bao nhiêu người thiệt mạng, bao nhiêu người bị thương, bao nhiêu gia đình, bạn bè lo âu tìm kiếm, hồi hộp trông đợi tin tức về người thân của mình.

Kodin nhìn tấm lịch. Theo lịch bay, trưa nay anh sẽ bay về lại Ohio. Nhưng anh không thể. Kodin biết mình phải làm gì. Anh đã gọi hãng Southwest Airlines, xin đổi vé máy bay. Anh đã gọi sở làm, xin lấy thêm ngày nghỉ. Anh chưa về được. Anh không thể, không thể để Macy ở lại một mình. Cô đã đến đây một mình, và cô đã có anh bên cạnh. Anh phải ở đây với cô, anh phải tìm cô cho bằng được. Kodin nằm thiếp đi lúc nào không hay.

*I don't want to let you go
Ooh I need you here with me
Don't leave me alone...**

Kodin nghe trong đầu văng lên câu hát ấy trong lúc mơ màng màng. Anh tưởng mình nghe được tiếng Macy thì thầm, “Đừng bỏ em một mình!” Kodin choàng dậy, mồ hôi tháo ra đầm đìa. Vừa lúc ấy anh nghe tiếng chuông điện thoại. Jeremy gọi đến, hỏi có tin gì mới. Kodin trả lời anh đã tìm khắp và còn tiếp tục tìm kiếm cho đến khi nào có tin Macy. Nghe một chút, Jeremy bỗng hỏi:

“Thế... anh đã đến Sunrise Hospital rồi chứ? Tôi không

* “Don't leave me alone”, Ashanti S. Douglas

liên lạc được bệnh viện này, lúc nào đường dây cũng bận cả.”

“Sunrise à?” Kodin nhòm dậy, tìm tờ giấy ghi danh sách các bệnh viện.

Anh không thấy tên bệnh viện này. Có thể là cô y tá đã quên sót hoặc cô tưởng anh đã đến đấy rồi. Kodin vội gọi số của Sunrise được Jeremy cho. Chuông reo mãi, không ai bắt máy.

“Được rồi,” anh nói với Jeremy. “Tôi đến đấy ngay bây giờ.”

Kodin gọi taxi trong lúc tháo đôi ủng cao bồi, xỏ chân vào đôi giày tennis và bước vào thang máy.

“Macy, phụ nữ Á đông, khoảng 30 tuổi, cao 5.3 foot, tóc đen, sau vai có xăm hình những bông cúc lớn màu tím, xanh.” Kodin chìa ra ảnh Macy.

“Anh chịu khó ngồi chờ ở phòng này,” cô y tá nhìn kỹ tấm ảnh trên cell phone. “Người này có thể đang ở đây.”

Kodin giật nẩy người. Sau cùng thì anh cũng sẽ gặp được Macy.

Phòng đợi đầy kín người, các bác sĩ, y tá và cảnh sát ra vào liên tục. Thoáng trông thấy bình pha cà-phê, vài hộp bánh Krispy Kreme doughnuts trên mặt bàn, Kodin sực nhớ mình chưa có gì trong bụng từ đêm qua. Anh nhón lấy một chiếc bánh, nhấp một ngụm cà-phê nguội lạnh.

Cứ khoảng mười lăm, hai mươi phút lại có một gia đình nhận được tin về người thân của mình, tin tốt hoặc xấu. Có những giọt nước mắt, những tiếng nấc, tiếng kêu thảng thốt

bên cạnh những ánh mắt lo âu và chập chờn hy vọng.

Kodin gọi cho Jeremy, nói anh đang chờ tin Macy ở Sunrise. Jeremy nói anh giữ máy, nói chuyện với Donna, chị lớn của Macy. Kolin nghe giọng cô rất giống giọng Macy. Donna nói Macy thật may mắn có anh bên cạnh và nói thêm cô và Jeremy sẽ có mặt ở Las Vegas chiều nay. Cả Kathy, chị kế của Macy và người chồng cũng bay đến từ California. Kodin nói anh có được Macy cho xem ảnh hai người chị cô trong một tiệc cưới.

Cứ một lúc Donna lại gọi cho anh, vừa ngóng tin Macy vừa như thể muốn ngồi cùng anh và chuyện trò với anh trong phòng đợi này. Qua câu chuyện, Kodin biết thêm được ít nhiều về Macy, cô gái có một cá tính mạnh mẽ, độc lập, thích quan tâm và dễ cảm thông người khác. Cô yêu rừng yêu biển, yêu các hoạt động ngoài trời như chạy bộ, leo núi, thám hiểm, và là một phụ nữ sẵn sàng đeo ba-lô đi khắp châu Âu.

“Quả cầu năng lượng luôn tỏa sáng” là biệt danh bạn bè gán cho Macy, cô gái sống hết mình, làm việc hết mình, tận hưởng đến từng khoảnh khắc của cuộc sống, luôn gắn trên môi nụ cười, luôn mang niềm vui và nguồn cảm hứng đến cho mọi người. “Bạn không cách gì buồn được khi có Macy ở bên cạnh,” những bạn bè cô nói vậy.

“Anh không biết đâu,” Donna nói, “Macy là tình nguyện viên cho Red Cross, hiến máu cho người bệnh hai tuần một lần và còn muốn hiến nhiều hơn nữa nhưng bác sĩ không chịu.”

Donna cũng nói mẹ cô và cả nhà đang trông đợi gặp lại Macy trong buổi tiệc vui sum họp gia đình vào cuối tuần

này ở San Jose.

Đồng hồ trên tường chỉ 11 giờ 15 phút sáng. Hai nữ bác bước ra, đến bên Kodin, nói anh đi theo họ vào một phòng nhỏ, kế bên phòng đợi. Một trong hai bác sĩ ra hiệu cho Kodin ngồi xuống ghế.

“Rất tiếc,” bác sĩ kia đặt nhẹ bàn tay lên vai anh, hạ thấp giọng. “Chúng tôi đã làm mọi cách, nhưng vết thương nặng quá. Macy không qua khỏi.”

Kodin lặng người đi trong mấy giây. Anh thấy tai mình ù đi, mắt mình tối sầm lại. Rồi anh bỗng thấy chóng mặt, thấy mọi vật như quay cuồng...

“Xin bác sĩ vui lòng lặp lại câu ấy với người nhà của Macy,” Kodin nói, sau một phút cố trấn tĩnh lại.

Rồi anh gọi cho Jeremy, cũng nói anh ta ngồi xuống, mở speakerphone để nghe rõ tiếng bác sĩ.

“Rất tiếc. Chúng tôi đã làm mọi cách nhưng vết thương nặng quá. Macy không qua khỏi.” Bác sĩ chậm rãi lặp lại.

Kodin tắt điện thoại.

“Cám ơn bác sĩ.” Như chợt nhớ ra điều gì, anh nói tiếp, “Tôi vào với cô ấy được chứ?”

Bác sĩ khẽ gật đầu.

Khi Kodin bước ra với đôi mắt đỏ hoe, vài người trong phòng đợi đứng lên, nhẹ nhàng đến bên anh, lần lượt ôm chặt lấy anh. Không ai nói với ai lời nào. Kodin có cảm giác thật hụt hẫng như người bước hụt vào khoảng không, đầu gối anh muốn khuỵu xuống. Anh được đỡ dậy, đặt ngồi lên

băng ghế. Đầu gục xuống, úp mặt vào lòng bàn tay, Kodin cảm thấy mọi sinh lực trong người mình bỗng như tiêu tán hết. Anh cứ ngồi yên, ngồi yên như thế không biết bao lâu trong lúc cánh tay ai đó quàng trên vai anh.

Một lúc sau Kodin thấy khá hơn. Anh gương đứng dậy, dừng lại một chút khi bước ra cửa bệnh viện, nghe loáng thoáng từ chiếc TV gắn trên tường bản tin nói có đến 58 người thiệt mạng trong đại nhạc hội ngoài trời đêm qua. Trong số ấy hẳn có tên Macy.

* * *

Bên dưới là những dòng Kodin viết trong Facebook của anh đi cùng tám ảnh chụp lễ tưởng niệm Macy ở San Jose, California.

“Macy, em biết không? Đêm hôm ấy anh đã một mình đi bộ suốt mấy dặm đường để về lại khách sạn Luxor mà em và anh thật tình cờ đã cùng thuê phòng ở đấy. Thế nhưng căn phòng của em thì vẫn để trống suốt đêm, chỉ một mình anh về lại. Một mình anh bước lặng lẽ trong đêm, giữa thành phố lung linh muôn ánh đèn màu, lung linh như ảo ảnh cuộc đời, như giấc mơ nào tan biến nhanh.

Anh như không còn biết đi đâu, về đâu. Anh như chập chờn giữa mê và tỉnh, giữa giấc mơ đẹp và cơn ác mộng. Macy! Anh đã gọi tên em biết bao lần.

Một người bạn anh vẫn nói rằng, có những câu chuyện thật ở ngoài đời còn gay gân lý kỳ và mang đến nhiều nụ cười, nước mắt hơn cả những câu chuyện dựng lên trong tiểu thuyết. Anh đã tin điều đó và anh đã gặp, như câu chuyện của em và anh.

Đôi lúc anh tự hỏi, vì sao những con người tốt và tử tế mà anh từng gặp vẫn cứ hay chết sớm, chết trẻ? Đôi lúc anh tự hỏi, vì sao một người lúc nào cũng ‘cho đi’ nhưng lại ‘nhận về’ những gì không tương xứng? Liệu như thế có là bất công? Liệu Thượng đế vẫn còn đây hay là đã đi mất biệt? Liệu sau những thảm kịch ấy người ta vẫn chỉ biết cho nhau lời khuyên nên tiếp tục cầu nguyện và cầu nguyện?

Dòng đời vẫn trôi đi dửng dưng, thời gian vẫn cứ lạnh lùng, những người chết đã chết, những người sống vẫn tiếp tục sống nốt phần đời còn lại, như anh vẫn còn đi tiếp đi mãi cho đến cuối con đường.

Macy, em biết không? Donna và gia đình em đã mời anh đến dự lễ tưởng niệm em hôm Chủ Nhật vừa rồi. Anh đã bay từ Columbus đến San Jose hôm qua để nói lời chia tay với cô bạn nhỏ yêu quý anh gặp lần đầu và cũng là lần cuối trong đời mình.

Macy, em biết không? Chiều hôm qua anh đã gặp được hai cô chị xinh đẹp của em mà em đã cho anh xem ảnh tối hôm ấy, Kathy và Donna. Anh cũng gặp những người thân khác trong gia đình em. Anh đã ôm lấy mẹ em, thật lâu, thật chặt.

Em có nhận ra anh? Anh ngồi ở một góc khuất, nhìn ảnh chân dung em phóng lớn, nhìn nét mặt em tươi vui, nhìn ánh mắt em biết cười. Vẫn là ánh mắt biết cười mang niềm vui và niềm tin vào cuộc sống đến cho bao người.

Bạn bè em đông lắm, Macy à. Anh chưa thấy lễ tưởng niệm nào có đông người đến như thế. Ai cũng nói những lời tốt đẹp và cảm động về em. Mọi người muốn anh lên nói

điều gì đó, nhưng anh còn gì để nói nữa bây giờ. Em biết không? Pablo, chồng của Kathy, đã nói một câu mà nhiều người sẽ còn nhớ mãi, ‘*You’d need a poet to tell you everything.*’ Đúng là cần có một nhà thơ để kể lại cho mọi người nghe câu chuyện này, câu chuyện về cô gái tuyệt vời là em, và câu ‘chuyện hai người’ gặp nhau chỉ vài giờ rồi xa nhau trọn kiếp trong một đêm định mệnh.

Tình yêu âm nhạc nào đã đưa chúng ta đến gần nhau, và rồi súng đạn nào, lòng thù hận nào đã tách rời chúng ta đến mãi mãi xa nhau.

Vì sao viên đạn nghiệt ngã ấy không cắm vào người anh mà lại cắm thẳng vào trái tim nhỏ bé của em? Anh to xác hơn em, anh phải là tấm bia dễ trúng đạn hơn chứ. Có lúc anh đã nghĩ lẫn thân như vậy?

Thật là dở khóc dở cười khi Donna, Kathy và gia đình em gọi anh là ‘thiên thần hộ mệnh’. Anh mà ‘thiên thần’ nổi gì! Anh đã bắt lặc, đã không giữ được em, không che chở được em. Macy ơi, chính em mới là thiên thần nhỏ, đã bay đến trong cuộc đời anh, đã xòe đôi cánh nhỏ đậu trên vai anh, đã cho anh những giờ hạnh phúc. Rồi em, rồi thiên thần nhỏ ấy vụt bay mất.

Rồi báo chí, rồi mọi người còn gọi anh là ‘người hùng’ nữa chứ, cứ làm như câu chuyện tình ‘Người hùng và giai nhân’ vậy. Thường thì sau một tấn thảm kịch nào, người ta cố tìm cho ra một vài người hùng để ca ngợi và làm dịu bớt nỗi thương tâm. Anh mà người hùng nổi gì! Anh có muốn làm người hùng cô đơn đâu, Macy. Anh chỉ muốn có em thôi, Macy à, mà em thì đã biệt xa anh.

Macy, anh biết mình sẽ khó mà quên em. Em như loài chim nhỏ hummingbird có đôi cánh mỏng đập hoài không biết mỏi. Em tràn đầy sức sống, em tràn đầy ước mơ. Em đã tạt ngang qua cuộc đời này, đã có những ngày tháng năm rong chơi đây đó, đã có những hạnh phúc ngắn ngủi và đã luôn khát khao làm được điều gì đó có ý nghĩa với tấm lòng nhân ái, với trái tim rộng mở.

Macy, cảm ơn em đã cho anh những khoảnh khắc tươi đẹp của cuộc sống. Em và anh, chúng ta hãy giữ mãi những khoảnh khắc ấy, tình bạn tuyệt vời ấy, như giữ cho những điều thiện, điều lành không biến mất trên thế gian này.

Macy à, dù thế nào anh cũng sẽ trở lại Las Vegas, trở lại Route 91 Harvest festival năm tới. Em cũng muốn anh trở lại nơi ấy mà, phải không? Anh sẽ trở lại cùng với những bạn bè anh mà em đã gặp trong đêm ấy. Em còn nhớ Dick không? Anh chàng thật vui tính và tốt bụng phải không? Anh sẽ tìm lại đúng cái chỗ chúng ta đứng bên nhau đêm ấy. Em nhớ chứ, bên cánh phải sân khấu đấy, một chỗ thật tốt mà anh đã tìm được cho chúng ta. Em và anh đã đứng ở ngay đấy, xem anh chàng Jason Aldean ‘quậy’ hết cỡ, vừa đàn vừa hát bài hát mà chúng mình đều yêu thích, *We Laughed Until We Cried*.

*Oh man, we were livin' / Didn't waste one minute
We talked, and drank, and danced, and said goodbye
We laughed until we cried*

Anh sẽ gọi đúng loại bia Columbus mà chúng ta đã ‘cụng ly’ với nhau đêm ấy và cùng với mọi người nhún nhảy theo điệu nhạc thật hưng phấn trong lúc anh nhìn ly bia sóng sánh, nhìn mắt em long lanh và nghe tiếng em cười ròn rã.

Anh sẽ tìm lại nơi ấy mà không có em bên cạnh, nhưng không hề chi, vì anh biết chắc một điều, từ nay tình yêu âm nhạc đồng quê của anh luôn có hình bóng em. Tình yêu ấy và hình bóng ấy còn ở mãi trong anh đến hết cuộc đời này.

Thế nào anh cũng tìm lại nơi ấy, Macy.” □

Giáng Sinh tháng Mười Một

Đón mừng lễ Giáng Sinh trong tháng Mười Một, tại sao không?

Jay nảy ra ý định này khi nghe tiếng nhạc giáng sinh đến sớm văng lên đâu đó. *I'm dreaming of a white Christmas...* “Phải hơn một tháng nữa mới đến lễ Giáng Sinh, biết mình có đợi được đến ngày ấy? Thế thì tại sao không làm ngay bây giờ đi?”

Anh nêu ý kiến ấy với Caroline. Thoạt đầu vợ anh có hơi bất ngờ trước sáng kiến “táo bạo” này.

“Anh nói sao?...” Caroline tròn mắt. “Đón Giáng Sinh trong tháng này à?” Thế nhưng, chỉ vài giây sau cô hiểu ra và đọc được những gì ở trong đầu ông chồng tội nghiệp của mình.

“Được quá đi chứ,” cô mỉm cười, gật gù tỏ dấu tán thành. “Chưa có ai làm như thế cả, nhưng có ai cấm mình đâu.”

Thế rồi, chỉ sau ít phút hội ý và “lên kế hoạch”, cả hai nhanh chóng đi tới quyết định sẽ tổ chức đón mừng Giáng

Sinh sớm hơn mọi năm trong căn nhà nhỏ của mình. Đây sẽ là một lễ Giáng Sinh hết sức đặc biệt. Thứ nhất, được tổ chức đúng một tháng trước ngày lễ Giáng Sinh truyền thống; thứ hai, có được sự góp mặt của một thành viên mới trong gia đình là cậu con trai 10 tháng tuổi của hai vợ chồng.

Jay nằm bệnh viện đã gần một năm. Giáng Sinh năm ngoái anh vẫn khỏe khoắn, sung sức hơn ai hết. “Sống ngày nào là phải tận hưởng cuộc sống đến từng phút giây, vì chẳng ai biết được ngày hôm sau chuyện gì sẽ xảy đến cho mình, kể cả những điều xấu nhất.” Jay vẫn nói với Caroline và bạn bè mình như vậy, nhưng không ngờ rằng “điều xấu nhất” ấy lại xảy đến cho mình sớm hơn anh tưởng, khi anh vừa bước qua tuổi 40. Hai tháng trước ngày Max, con trai đầu lòng của vợ chồng anh chào đời, trong một lần xét nghiệm chứng đau nhức âm ỉ ở vùng lưng và bụng, Jay được chẩn đoán mắc bệnh ung thư tụy tạng ở vào giai đoạn khá muộn màng. Cho dù bệnh viện tận tâm tận lực chữa trị, cho dù bác sĩ và các cô y tá lúc nào cũng tươi tỉnh, dịu dàng với anh, hơn ai hết Jay biết rõ sự sống của mình chỉ còn đếm được từng ngày.

Mỗi sáng thức dậy, anh lấy cây bút marker gạch chéo vào ô vuông của ngày hôm qua trên tờ lịch đầu giường để biết rằng mình được sống thêm một ngày. Mỗi phút giây với anh là mỗi thời khắc quý báu, và anh dành hầu hết những thời khắc ấy cho những người thân yêu nhất đang ở bên anh, Caroline và Max.

Với Caroline, cô là chiếc nạng cho anh tựa vào và gắng gượng đứng dậy để tiếp tục chống chọi với căn bệnh nghiệt ngã. Với Max, cậu bé là nguồn an ủi và hạnh phúc cuối đời

của anh, cho anh tìm thấy ý nghĩa và chút niềm tin vào cuộc sống.

Hơn thế nữa, Max còn là tặng phẩm bất ngờ và quý giá của Thượng Đế. Jay không thể ngờ được rằng sau cùng anh vẫn có được một đứa bé gọi mình là “Bố”. Phép màu xảy đến với hai vợ chồng được chẩn đoán là vô sinh. Caroline bất ngờ thụ thai và Max chào đời vào ngày mừng 9 tháng Giêng.

“Phải chăng Thượng Đế đã ban cho con nguồn ân sủng này và lấy đi thứ khác. Nếu quả vậy thì con bằng lòng đánh đổi và xin vâng theo thánh ý Ngài.” Jay thì thầm trong lời nguyện cầu mỗi đêm. Anh chỉ xin một điều ước duy nhất là được cùng đứa con yêu của mình đón lễ Giáng Sinh đầu tiên trong đời cậu bé.

Quý thời gian của Jay chẳng còn được bao nhiêu và mỗi ngày mỗi cạn, đưa anh tới quyết định tạm dừng hóa trị tại bệnh viện để dành được nhiều thì giờ hơn bên cạnh vợ và đứa con trai bé bỏng của mình.

Như một vận động viên chạy bộ đã đuối sức nhưng vẫn không chịu bỏ cuộc, Jay vẫn nhắm tới mức đến là lễ Giáng Sinh phía trước.

Giáng Sinh tháng Mười Một không phải là ý tưởng hay ho, Jay biết vậy nhưng anh không có sự lựa chọn nào khác khi không chắc mình có chạm được mức đến ấy.

* * *

“Phải có tuyết rơi thì mới ra Giáng Sinh chứ,” Jay nói, “nhưng mà tháng này làm sao có tuyết được?”

“Dễ thôi,” Caroline trả lời. “Em đi thuê cái máy làm tuyết nhân tạo là xong ngay.”

“Tuyệt! Có vậy mà nghĩ không ra. Max sẽ thích lắm khi được nhìn tuyết rơi.”

“Em sẽ đặt cho Max chiếc bong bóng có hàng chữ ‘My First Christmas’.”

“Và thêm một cái ‘My Last Christmas’ cho anh nữa.”

“Anh lúc nào cũng đùa được,” Caroline nghiêm nét mặt. Cô nghe mắt mình cay cay.

Jay vẫn được bạn bè quý mến và thích gần gũi do máu khô hài tình queo của anh trong mọi hoàn cảnh làm cho cuộc sống trở nên nhẹ nhõm và dễ chịu hơn. Anh cũng truyền được hứng thú và tinh thần lạc quan trong cuộc sống đến cho mọi người, vậy mà giờ đây anh phải nằm chịu trận trên giường bệnh.

“Minh sẽ mời những ai?” Caroline nói sang chuyện khác.

“Không mời ai cả, anh muốn dành trọn Giáng Sinh này cho Max và em. Quên, có thêm hai người bạn thân của chúng mình nữa chứ. Bruce sẽ hóa trang ông già Noel và khởi động máy phun tuyết. Susan giúp em trang trí cây Noel và chụp ảnh, quay phim.”

Bruce và Susan đến sớm. Caroline đặt bên dưới cây thông Giáng Sinh những gói quà vui mắt được “Ông già Noel” mang đến cho Max. Tuyết rơi đầy trước sân nhà, bay cả vào phòng khách, phủ trắng xóa những cành thông. Tiếng củi khô bén lửa reo lách tách trong lò sưởi. Ánh lửa lung linh, chập chờn và tiếng nhạc *Jingle Bells* rộn rã.

Max chưa biết mở quà. Những ngón tay nhỏ nhắn của cậu bé rờ rẫm mãi chiếc nơ xinh xắn.



(Ảnh: Features.co.uk)

Susan chụp đến cả trăm tấm ảnh. Jay cũng chụp selfie với Max và Caroline nữa. Cả hai cố cười thật tươi, cười hết cỡ và làm đủ mọi cách để Max phải cười. Tuy không ai nói với ai, mọi người đều hiểu rằng cậu bé Max sẽ chẳng bao giờ có được một đêm Giáng Sinh như thế này nữa. Đêm Giáng Sinh có đủ cả Bố lẫn Mẹ.

“Cười lên Max! Một hai ba! Nhìn Bố nè...” Jay phùng mang trợn mắt làm trò để chọc cười Max. Sau cùng thì cậu bé cũng rúc rích cười và bập bẹ phát âm được ít tiếng “Mama”, “Dada”.

Jay ngỏ lời cảm ơn hai người bạn quý đến chung vui với gia đình khi cả nhà ngồi vào bàn ăn sũa soạn nâng ly “Merry Christmas!” đón mừng Giáng Sinh đến sớm nhất dưới trần thế.

“Tụi này phải cảm ơn hai bồ chứ,” Susan vui vẻ trả lời,

“vì đã cho mọi người cơ hội tận hưởng một lễ Giáng Sinh thật là đặc biệt, thật tuyệt vời, chắc chắn là sẽ không bao giờ quên được.”

“Jay và mình còn phải cảm tạ Thượng Đế nữa,” Caroline nói. “Cách đây mấy hôm Jay bỗng nổi cơn đầu quàn quại nằm lăn lộn trên giường, tưởng đâu sẽ phải hủy bỏ kế hoạch đón mừng Giáng Sinh này. Vậy mà không hiểu sao khi mình bỗng Max chạy tới và khi Max bập bẹ ‘Dada...’ thì cơn đau bỗng dịu xuống và không thấy trở lại nữa.”

“Max là liều thuốc morphine của tôi đấy,” Jay cười lớn, quàng tay ôm lấy con trai ngồi bên cạnh. “Tôi ước mình được trông thấy Max tập đi, được trông thấy thằng bé chập chững đi vào đời, rồi sau đó ra sao cũng được. Nhưng mà... có vẻ tham lam quá phải không?”

Jay lại cười. Caroline đưa mắt nhìn chồng. Không khí bỗng chùng xuống, không ai nói câu gì để trả lời Jay.

“Cả nhà cùng hát Silent Night đi,” ông già Noel Bruce lên tiếng, chuyển đề tài sang hướng khác. “Giáng Sinh thì không thể nào thiếu bài hát này được.”

“Silent night! Holy night!...” Jay cất giọng ồm ồm.

Max cũng bập bẹ “Mommy... Daddy” như muốn hòa cùng giọng hát với mọi người.

Trở vào bệnh viện ngày hôm sau, Jay ngồi trên giường bệnh hí hoáy viết ít dòng chữ trên tấm thiệp giáng sinh gửi con trai mình trong lúc “đur âm mùa giáng sinh” vẫn còn đọng lại trong anh. Rồi anh viết thêm những tấm thiệp khác cho những mùa giáng sinh tiếp theo. Anh cũng làm như vậy với từng tấm thiệp “Happy Birthday!” cho ngày sinh nhật

của Max, cho đến năm cậu 18 tuổi. Caroline sẽ giữ hộ anh số thiệp này và sẽ lần lượt trao lại cho Max vào mỗi Giáng Sinh, mỗi Sinh Nhật của cậu bé. Jay thấy vui vui trong lòng khi cặm cụi với việc đang làm, anh mỉm cười một mình.

Trong tấm thiệp Giáng Sinh gửi Max năm cậu lên 10, Jay viết:

“Con trai yêu quý của Bố,

Bây giờ thì con đã biết ông già Noel là không có thật, cũng như lời Mẹ nói rằng nếu con ngoan và học giỏi thì Bố sẽ về chơi với con là không có thật. Đừng buồn, đừng trách Bố Mẹ nghe Max. Bố tuy có xa con đấy nhưng vẫn gần mãi bên Mẹ và con trong tình yêu của Mẹ. Yêu Mẹ thật nhiều nghe Max, như Bố yêu Mẹ, yêu con biết bao! Thỉnh thoảng có chuyện gì vui hay buồn kể cho Bố nghe với nhé, con chỉ nói thầm thôi là Bố nghe được cả.

Vào mỗi mùa Giáng Sinh, hai mẹ con hãy nhóm lên ngọn lửa nơi lò sưởi nhà mình. Vào lúc nào đó con sẽ nhìn thấy Bố trong ánh sáng lung linh của ngọn lửa ấm áp ấy. Đó cũng là ngọn lửa mà Bố và Mẹ đã nhóm lên trong một đêm vui thật là vui, là đêm Giáng Sinh đầu tiên của con trên thế gian này. Một đêm có Mẹ, có Bố, có con chỉ mới 10 tháng tuổi. Con chẳng nhớ được gì đâu Max, lúc nào đó Mẹ sẽ kể cho con nghe câu chuyện “Giáng Sinh trong tháng Mười Một” ấy, cũng đẹp tựa như câu chuyện cổ tích vậy.

Merry Christmas, Max! Bố yêu Mẹ, yêu con nhiều hơn con tưởng. Hôn Mẹ và con.”□

Thư Giáng Sinh, viết từ Thiên Đường

1.

Buổi chiều hôm ấy, hơn một tuần trước lễ Giáng Sinh, bà Ann bước ra sân sau ngôi nhà của hai ông bà để thăm vườn tược mùa đông thì phát hiện một vị khách không mời mà đến. Một chiếc bong bóng màu đỏ tươi bay là là trong vườn nhà. Bà đuổi theo cho đến lúc chiếc bong bóng bị vướng vào cành cây thông monkey-puzzle và không bay được nữa.

“Merry Christmas!” Bà Ann đọc thấy hàng chữ trên chiếc bong bóng. Bà cũng trông thấy một mảnh giấy, một phong bì nhỏ đúng hơn, buộc vào sợi dây cột quả bóng. Gỡ được sợi dây, cầm trên tay chiếc phong bì, bà đọc được dòng chữ “To my Dad in Heaven”. Bên trong là lá thư, nét chữ nguệch ngoạc. Ann đọc:

“Bố ơi,

Con viết thư này để nói với Bố là con nhớ Bố lắm. Bố vẫn khỏe chứ? Bố nhớ uống thuốc bổ nhé. Mẹ nói với con là trên ấy Bố vui lắm, có chuyện gì vui Bố kể cho con nghe với.

Mấy hôm nay trời lạnh quá, có tuyết rơi nữa. Trên

Bố có lạnh lắm không? Tuần sau là lễ Giáng Sinh rồi. Còn tháng sau nữa là Sinh Nhật của Bố đấy, Bố có nhớ không?

Con ước gì có Bố ở đây. Nếu Bố xin về thăm nhà được một ngày, Mẹ và con sẽ vui lắm.

Con ghi ra đây những món quà mà con thích nghe Bố: giày Nike, Rubik's cube, Lego Spider-Man, Nintendo amiibo, bút crayon colors, truyện tranh dinosaurs. Nếu Bố không có đủ tiền thì mua cho con một hay hai món cũng được ạ.

Con gửi lời thăm bà nội Bố nhé. Nhận được thư này Bố nhớ viết trả lời con rồi đặt ở dưới gối của con nghe Bố.

Con yêu Bố, yêu Mẹ. Con trai của Bố. Ben.

Merry First Christmas in Heaven, Daddy!!!”

Ann lặng người đi. Bà cầm mãi lá thư trên tay, ngẩn ngơ, không biết phải làm gì. Một lúc sau bà cầm chiếc bong bóng và lá thư trở vào nhà, tìm Dick, ông chồng bà, đưa cho ông xem lá thư gửi nhầm địa chỉ. Dick giải quyết nhanh hơn bà tưởng. Ông nói Ann viết thư về địa chỉ người gửi ghi trên phong bì, báo tin đã nhận được thư này và muốn tiếp xúc với người nhà của cậu bé tên Ben.

Sau đó hai ông bà bàn bạc với nhau sẽ làm gì, làm gì... nếu liên lạc được với mẹ của cậu bé.

“Nhận được thư này Bố nhớ viết trả lời con nghe Bố”, câu cuối trong lá thư ấy khiến Dick nảy ra ý tưởng làm điều gì đó.

Ann máng quả bong bóng đỏ có hàng chữ “Merry Christmas!” màu vàng óng ánh trước cửa nhà.

“Đây là lời chúc Giáng Sinh đến sớm nhất và cũng sẽ mang đến cho chúng mình những điều may mắn.” Dick nói với Ann, và ông nhớ tới câu chuyện chiếc bong bóng đỏ kỳ diệu trong cuốn phim *The Red Balloon* mà ông đã xem và say mê khi còn bé.



(Ảnh: Reynante Martinez)

2.

Buổi sáng cùng ngày, ngồi cạnh Ben, bà Kate chăm chú nhìn con trai đang nắn nót viết từng chữ lá thư gửi cho BỐ.

“Con muốn viết sao thì viết,” bà nói. “Viết dài dài một chút, BỐ rất thích đọc thư con.”

Viết xong, Ben đưa cho Mẹ đọc lại. Bà Kate đọc xong, khen con viết thư hay quá, rồi quay mặt đi không cho Ben nhìn thấy những giọt nước mắt. Bà đưa cho Ben cây bút marker để viết tên người nhận và địa chỉ người gửi lên phong bì, rồi cho lá thư vào và dán con tem có hình ông già Noel lên bì thư. Xong, bà cuộn tròn phong thư, buộc chặt vào sợi chỉ của chiếc bong bóng bay màu đỏ tươi. Ben

cầm chặt sợi dây, theo Mẹ bước ra khoảng sân trống sau nhà. Cả hai cùng cúi đầu lâm râm cầu nguyện cho lá thư đi nhanh để bố Ben sớm nhận được. Sau đó, hai mẹ con cùng nhau đếm ngược từ 10 đến 1.

“... 5, 4, 3, 2, 1. Thả sợi dây ra đi, Ben!”

Ben buông tay. Quả bóng đỏ khẽ rùng mình, nghiêng đầu qua trái, qua phải chào từ biệt mẹ con Ben rồi nhấc mình bay vút lên như chú chim sỏ lông. Vướng vào một tàn cây cao, quả bóng nhẹ nhàng lách ra, bay tiếp bay mãi lên không trung. Hai mẹ con ngược mắt dõi theo chiếc bong bóng đỏ trôi bèo bồng nơi xa tít, chỉ còn là một chấm nhỏ li ti trên nền trời xanh mây trắng bao la. Ben đứng nhìn theo, nhìn theo mãi cho đến khi chiếc bóng bay hoàn toàn mất dấu...

Chiều nào đi học về Ben cũng hỏi Mẹ có tin gì của Bố chưa. Hai ngày sau khi lá thư được gửi đi, bà Kate nhận được một phong thư với nét chữ là lạ, ghi tên người nhận là “Mẹ của cháu Ben”. Bà mở ra đọc. Thư ký tên Ann, tin bà hay là lá thư của Ben gửi cho Bố thay vì bay vào cổng Thiên Đàng thì bay lạc vào “Vườn địa đàng” của vợ chồng bà ở thành phố Bellevue. Người gửi cho số điện thoại và ngõ ý muốn được nói chuyện với mẹ của Ben.

Cũng như Ann, bà Kate lặng người đi một lúc. Như vậy là ngoài hai mẹ con bà, bây giờ có thêm ít nhất hai người nữa biết được câu chuyện Ben viết thư Giáng Sinh gửi cho Bố trên Thiên Đàng.

Từ Tacoma đến Bellevue, khoảng cách giữa hai thành phố ở Washington, là cuộc hành trình dài gần 40 dặm của chiếc bong bóng bay, từ lúc được Ben phóng đi cho đến lúc

cạn nhiên liệu.

Nghĩ ngợi một lúc, Kate gọi đến số điện thoại trong lá thư. Ann kể với bà câu chuyện bắt được lá thư như thế nào, và đề nghị với bà về “sáng kiến” của ông chồng mình: Dick sẽ thay bố của Ben viết thư trả lời cậu, và hai vợ chồng Ann sẽ tìm mua những thứ Ben xin Bố trong thư để làm quà Giáng Sinh cho cậu.

“Xin phép bà cho chúng tôi được làm việc này,” Ann khẩn khoản, “để mang đến chút niềm vui cho cháu Ben. Cháu sẽ thất vọng nếu thư đi mà chẳng có tin về.”

Bà Kate còn đang ngần ngừ thì Ann nói tiếp.

“Nếu bà cho phép, chúng tôi xem cháu Ben như là con trai mình. Chúng tôi cũng từng có đứa con trai, cháu mất vì bệnh, lúc trạc tuổi Ben.” Giọng Ann như nghẹn lại. “Bà không phải ngại, những món quà ấy không tốn kém nhiều. Tôi hiểu rằng, nếu chúng tôi không làm việc ấy thì bà cũng sẽ làm thôi. Tuy nhiên, xin cho vợ chồng tôi cái vui ấy, và như thế, tất cả chúng ta đều có được niềm vui chung trong mùa Giáng Sinh này.”

Ann đưa mắt nhìn Dick và trao điện thoại cho ông.

“Chiếc bong bóng đã bay vào vườn nhà chúng tôi và đập xuống trái tim tôi,” Dick nói.

Nước mắt Kate muốn ứa ra.

Câu chuyện tiếp theo, ai cũng đoán được. Hai bà mẹ tìm đến nhau, cùng ngồi gói những phần quà cho Ben, trong lúc Dick ngồi hí hoáy viết “lá thư từ Thiên Đường”.

3.

Sáng sớm Chủ Nhật, trong lúc bà Kate đang bày biện hang đá nhỏ và đặt cây thông Giáng Sinh bên cạnh bàn thờ thì Ben từ phòng ngủ trên lầu phóng xuống, hí hửng khoe với Mẹ cậu tìm thấy lá thư của Bố ở dưới gối khi vừa ngủ dậy. Hai mẹ con mừng vui ôm chầm lấy nhau và cùng chụm đầu đọc những dòng chữ trong thư Bố viết gửi cho Ben.

“Thiên Đường, ngày 24/12/2017

Ben yêu quý của Bố,

Bố nhận được thư con một ngày trước ngày lễ Giáng Sinh. Hai mẹ con đừng lo cho Bố. Ở trên này trời ấm áp, mọi chuyện đều ổn cả.

Cám ơn Ben nhắc cho Bố nhớ ngày Sinh Nhật của Bố. Bố rất vui biết con học giỏi và được phần thưởng. Con cố gắng chăm học và vâng lời Mẹ cho Mẹ vui, và Bố cũng vui nữa.

Lễ Giáng Sinh năm nay Bố vắng nhà. Nhưng không hề chi, Thiên Đường không xa lắm đâu Ben. Bất cứ lúc nào con nghĩ tới Bố là Bố ở ngay bên cạnh con. Bất cứ lúc nào con cầu nguyện hay chuyện trò với Bố là Bố đều nghe được cả.

Còn bây giờ con hãy nhắm mắt lại, hãy tưởng tượng bố con mình đang ngồi bên nhau như ngày nào, trong ngôi nhà ấm cúng của gia đình mình.

Hai bố con mình cùng hát với nhau bài *Don't Cry Mr. Snowman!* mà Bố dạy con hát mùa Giáng Sinh năm rồi đấy, con vẫn còn nhớ chứ? Vui quá phải không Ben?!

Bố đã nhờ ông già Noel mang đến cho con những món quà con thích. Bố và Mẹ và con, chúng ta nhớ nhau trong lời nguyện cầu, Ben nhé!

Hôn con và Mẹ. Bố yêu Mẹ, yêu con. Merry Christmas cả nhà!”

Đối với Kate, mọi chuyện xảy đến như là một “phép lạ” trong mùa Giáng Sinh này. Phép lạ này cũng mang đến cho bà hai người bạn quý.

“Mai đây,” Dick mỉm cười, nói với hai bà mẹ, “đến một lúc nào đó, cháu Ben hiểu ra rằng câu chuyện ngày hôm nay là không có thật, cũng như ông già Noel là không có thật, nhưng cháu cũng chẳng trách cứ gì chúng ta đâu và sẽ thông cảm với những người lớn về những lời nói dối ngọt ngào.”

Khi ấy, chỉ còn lại một điều có thật: bố của Ben hiện đang ở trên Thiên Đường. Ben và mẹ cậu, và những người thân trong gia đình cậu vẫn tin như vậy. Sau ngày bố cậu, một cảnh sát viên, hy sinh trong lúc thi hành công vụ, các cô các chú bạn của Bố đều nói với Ben rằng “Trên Thiên Đường đang cần một ‘người hùng’, và bố cháu được chọn.”

Đúng như lời Dick nói, cả hai gia đình có chung một niềm vui trong Giáng Sinh này. Người vui nhất là Ben, chưa bao giờ Ben nhận được nhiều quà một lúc đến như thế. Bố không những cho Ben thật nhiều quà mà còn cho cậu bé giấc ngủ thật êm đềm trong đêm Giáng Sinh. Ben mơ thấy Bố ngồi sát bên cậu y như Giáng Sinh năm rồi. Cánh tay Bố ôm choàng vai Ben. Bố cùng hát với Ben, cùng đọc truyện tranh với Ben, cùng chơi đùa với Ben những món đồ chơi Bố gửi về từ trên Thiên Đường.

Trong mơ, Ben nghe rõ cả tiếng cười của Bố, tiếng cười của hai bố con. Ôi, Bố chẳng lúc nào rời xa con! “Thiên Đường không xa lắm đâu Ben,” Bố đã chẳng nói vậy sao. Bố vẫn luôn ở bên cậu, mỗi đêm trên giường ngủ và mỗi khi cậu chấp tay nguyện cầu.

“Nhớ nhau trong lời nguyện cầu, Ben nhé!” Ben nhớ lời Bố dặn trong thư.□

Giọt lệ Chelsea

Dòng lệ thơ ngây có dạt dào?

(“Đôi bờ”, Quang Dũng)

Nghĩa ghé tôi, mang theo tờ Seattle Times. Hấn chỉ tay vào tấm ảnh trên trang nhất của tờ báo. Một đám đông người Việt vây kín ông Clinton trên đường phố Sài Gòn.

“Đây phải là tấm ảnh đẹp nhất,” Nghĩa nói, “và gây ấn tượng mạnh mẽ nhất của năm 2000.”

Trong ảnh, tôi nhìn thấy nhiều khuôn mặt trẻ trung, hào hức, những đôi mắt sáng rỡ, những miệng cười khoái trá, những thân người cổ chồm tới, cổ vươn tay về phía Tổng Thống Mỹ để được bắt tay ông, được chạm vào người ông. Tổng Thống cao lớn, nổi bật giữa đám đông, khuôn mặt rạng rỡ, nụ cười nở rộng, hai cánh tay vươn ra đón bắt những bàn tay, trông giống như một thần tượng nhạc trẻ hay ngôi sao bóng tròn được các *fan* cuồng nhiệt dàn chào.

“Bánh xe lịch sử quay nhanh thiệt, anh thấy không?” Nghĩa nói. “Chỉ sau một vòng 25 năm, mọi chuyện đều đảo ngược. Cảnh chen lấn, xô đẩy và những cái bắt tay hăm hở, vỗ vập ấy thực sự có ý nghĩa gì, nếu không phải là ‘Rất vui mừng được đón tiếp ông. Chúng ta là bạn thôi. Hãy đến với

chúng tôi! Hãy đứng về phía chúng tôi!’...”

Giọng Nghĩa phấn khích, sôi nổi. Hẳn là em của Nhân, bạn tôi. Hai anh em tính nết trái ngược nhau. Tôi lại chơi được cả anh lẫn em.



(Ảnh: Steve Jaffe/AFP)

“Tâm ảnh này có ý nghĩa đặc biệt,” tôi nói, “tuy nhiên theo tôi, vẫn chưa hẳn là gây được ấn tượng mạnh nhất.”

“Anh muốn nói tới cái gì khác?” Nghĩa nhíu mày. “Bài diễn văn mà ông Clinton đọc ở Hà Nội chắc?”

“Cũng chưa hẳn,” tôi trả lời. “Bài diễn văn và những cái bắt tay đó có thể đoán trước được. Phải là một cái gì khác thật bất ngờ.”

“Chịu,” Nghĩa lắc đầu. “Vậy theo anh là cái gì?”

“Thực ra thì cảm xúc mỗi người có khác nhau,” tôi cười. “Tôi ít đọc báo, mà chỉ xem tivi. Có một hình ảnh chỉ xuất hiện trên màn hình có mấy giây thôi nhưng thật là bất ngờ,

và nói như cậu, đã gây cho tôi ấn tượng thật là mạnh mẽ. Đó là những giọt nước mắt trên khuôn mặt của một cô gái Mỹ ở tuổi đôi mươi, cô Chelsea, con gái của ông bà Clinton, khi cô đứng cạnh bố mẹ tại địa điểm đang được đào xới để tìm hài cốt của một phi công Mỹ. Cô gái đưa tay quệt những giọt nước mắt đang chảy dài trên má. Một tay phóng viên người Mỹ đã ‘chộp’ được tấm ảnh này. Một tấm ảnh có ý nghĩa gấp nhiều lần một bài báo dài.”

“Em có xem tivi nhưng mà không để ý tới cảnh ấy, và cũng chưa được xem tấm ảnh ấy.”

“Hôm ấy là ngày đầu của chuyến viếng thăm Việt Nam. Ông bà Clinton được hướng dẫn tới một làng quê nhỏ ở ngoại ô Hà Nội, là nơi đang tiến hành việc đào xới để truy tìm hài cốt của một phi công Mỹ bị bắn rơi tại đây vào tháng 11 năm 1967. Tất nhiên đây cũng chỉ là một màn dàn dựng nặng phần trình diễn như những màn dàn dựng trước đó, có điều lần này chắc phải chu đáo hơn nhiều vì đích thân ngài Tổng Thống Mỹ đến tận hiện trường để xem xét... Ông Clinton đứng giữa hai người con trai của viên phi công Mỹ xấu số, đang chăm chú lắng nghe ‘báo cáo’ về diễn tiến khúc phim chiếc máy bay F-105D của không lực Hoa Kỳ bị bắn rơi trên không phận Bắc Việt 33 năm về trước, và quá trình tìm kiếm hài cốt của viên Trung Tá phi công tử trận. Chỗ ông đứng là một gò đất cao, nhìn xuống phía bên dưới là khu vực đang được đào xới. Một toán công nhân hỗn hợp Việt và Mỹ đang ‘khẩn trương’ làm việc. Phía người Việt, phần lớn là phụ nữ, ăn mặc luộm thuộm, đầu đội nón lá, hai ống quần xắn cao đến đầu gối. Đàn ông thì mặc quần áo bộ đội, áo bỏ ngoài quần, đội nón cối, đi chân không.

Nhóm người này đứng xếp hàng ngang thành một dãy chuyên và đang chuyền tay nhau những ki đất được đào lên từ một cái hố rộng để đổ lên bờ. Chelsea và mẹ cô đứng phía sau ông bố, mắt cô chăm chú quan sát đám người lam lũ đang ‘lao động tích cực’ dưới vũng bùn lầy lội, trong lúc tai cô lắng nghe những lời tường thuật phát ra từ một loa phóng thanh về câu chuyện chiếc máy bay Mỹ bị bắn rơi ngay tại chỗ cô đang đứng. Cô đã khóc, và cô đưa tay quệt những giọt nước mắt trào ra từ khóe mắt... Ông kính quay phim đã tình cờ thu được cảnh đó.”

“Không phải tình cờ đâu,” Nghĩa lắc đầu, “mấy tay phóng viên Mỹ ‘nhạy’ lắm. Rồi sao nữa, anh kể tiếp đi?”

“Có vậy thôi... Chẳng ai có thể biết đích xác được những ý nghĩ trong đầu cô gái Mỹ trong giây phút đó, nhưng chắc chắn là cô phải xúc động ghê gớm lắm. Nếu đây là những giọt nước mắt của cậu, hay của tôi, hay của bất cứ người đàn ông đàn bà nào có mặt trong suốt chiều dài của cuộc chiến tranh ấy thì cũng chẳng có gì đặc biệt lắm; thế nhưng, đây lại là những giọt nước mắt của một cô gái trẻ, mà lại là gái Mỹ, vừa tròn hai mươi tuổi, nghĩa là sanh sau để muộn đến 5 năm sau khi cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc. Chắc chắn là cô bé ấy đâu có hiểu gì nhiều về cuộc chiến lạ lùng và bi thảm đó... Cho dù là cô ta có ý định tìm hiểu hoặc chịu khó bỏ nhiều thì giờ để làm một cái research về đề tài chiến tranh Việt Nam đi nữa, thì nhiều lắm cô cũng chỉ thu thập được ít kiến thức lờ mờ qua một mớ tài liệu bao gồm sách vở, báo chí, phim ảnh ở các thư viện... Đây là chưa nói những tài liệu quý quái này chẳng biết được viết ra từ phía nào của cuộc chiến. Khi được đi cùng với bố mẹ đến thăm

lại ‘mảnh đất chiến trường xưa’ ở một đất nước xa xăm, nơi từng xảy ra trận chiến lịch sử cũng xa xăm như là truyền thuyết, chắc hẳn cô cũng đã bị thôi thúc bởi sự tò mò và ý định đi tìm lại dấu vết của cuộc chiến tranh tại vùng đất mà hơn 50 ngàn người lính Mỹ thuộc thế hệ cha anh của cô đã ngã xuống. Vậy mà, chỉ mới vừa chạm mặt với một phần rất nhỏ tàn tích của cuộc chiến tranh ấy, nỗi xúc động trong cô đã òa ra khiến cô không sao cầm được nước mắt.”



(Ảnh: Reuters/Nov 18, 2000)

Chúng tôi chấm dứt câu chuyện ở đó và như đã hẹn trước với nhau đêm qua, Nghĩa đưa tôi đến một quán ăn quen thuộc mà hẳn gọi bằng một cái tên hơi dài là “Trung tâm cung cấp mọi thông tin thời đại”. Thực ra quán có một cái tên, là tên của nữ chủ nhân. “Trung tâm” này chỉ là một quán ăn nhỏ trong khu phố người Việt, thực đơn hàng ngày chỉ có cà-phê và ít món điểm tâm nhẹ. Những món này cũng chẳng có gì đặc sắc lắm thế nhưng quán không lúc nào vắng

khách, nhờ vào hai lợi điểm: thứ nhất, chỉ cần ngồi ở đây một lúc thôi là có thể nắm bắt được mọi thông tin về đủ thứ chuyện trên đời, từ mọi sinh hoạt trong cộng đồng người Việt cho đến tình hình thời sự trong và ngoài nước; thứ hai, nữ chủ nhân là một bông hoa hương sắc, duyên dáng và thanh lịch, sẵn sàng hầu chuyện với những thực khách hào phóng tại những bàn đông khách hoặc tại quầy *cashier*. Bông hoa này tuy đã nở rộ và đã có một đời chồng nhưng vẫn còn mặn mà, duyên dáng lắm, và lại tỏ ra am hiểu chuyện thời thế, đáp ứng được yêu cầu của những tay ưa đầu láo, tán nhảm.

Trước đây tôi cũng từng ghé vào quán này vài ba lần với vài ba tên bạn, và tuy rằng cũng có chút thiện cảm với cung cách tiếp đón của nữ chủ nhân, tôi vẫn không ưa cái kiểu đàn đúm tụ tập ở đây chút nào. Khi còn ở trong nước tôi đã quá nản cái cảnh ngồi quán cà-phê dầm dề cả ngày của những anh chàng vô công rồi nghề, chẳng có chuyện gì để làm hay chẳng muốn làm lụng gì cả, qua tới Mỹ cảnh ấy lại tiếp tục tái diễn khiến tôi thêm ngán ngấm.

Chúng tôi ngồi vào một bàn quen. Nói là quen chứ thực ra quen với Nghĩa nhiều hơn là quen tôi. Không khí chuyện trò khá sôi nổi. Câu chuyện thời sự hàng đầu vẫn là cuộc chạy đua vào Tòa Bạch Ốc giữa hai ứng viên Tổng Thống Mỹ rất là gay cấn, chưa từng có trong lịch sử bầu bán của Mỹ. Sau hơn mười ngày kiểm phiếu, đếm tới đếm lui, đếm ngược đếm xuôi, đếm đi đếm lại, vẫn cứ bất phân thắng bại và nước Mỹ vẫn chưa có Tổng Thống mới. Đề tài kế tiếp là chuyện viếng thăm Việt Nam lần đầu tiên của một ông Tổng Thống Mỹ, sau 25 năm kết thúc cuộc chiến tranh dai dẳng

trên đất nước này. Những lời bình phẩm về lời lẽ ngoại giao khôn khéo và đầy ẩn ý trong bài diễn văn của ông Clinton tại Hà Nội... Tôi chỉ lắng nghe mà không có ý kiến. Câu chuyện bên những tách cà-phê vẫn tiếp tục sôi nổi cho đến lúc Phượng, cô chủ quán, nhẹ nhàng đến bên cạnh bàn.

“Các anh nói chuyện gì vui thế?” Phượng hỏi, giọng Bắc kỳ ngọt lịm.

Câu chuyện tạm ngưng, mỗi người nói một câu đề trả lời nàng. Phượng mỉm cười và quay sang phía tôi.

“Lâu quá không thấy anh ghé chơi?” nàng hỏi làm như đây là nhà riêng của nàng vậy chứ chẳng phải quán xá gì. Tôi trả lời lúc này lu bu quá, nhưng mà rất nhớ quán này.

“Nhớ quán và nhớ người nữa,” Nghĩa thêm vào.

Phượng chỉ khẽ mỉm cười, cúi xuống nhìn tấm ảnh trên trang báo Mỹ chụp cảnh đám đông người Việt vây quanh ông Clinton trên đường phố Sài Gòn, và nàng có ngay một câu nhận xét.

“Những khuôn mặt này trông trẻ măng. Chỉ xấp xỉ bằng tuổi cô con gái của ông bà Clinton.”

Tôi ngược lên nhìn Phượng. Ít ra thì cũng có được một người nhắc đến Chelsea.

“Anh Hữu có thấy vậy không?” Phượng hỏi khi mắt nàng chạm ánh mắt tôi. Nàng vẫn còn nhớ được tên tôi.

Thấy quá đi chứ. Tôi rất muốn trả lời là tôi thấy... đôi mắt nàng đẹp lạ.

Ít ngày sau, Nghĩa lại mang đến cho tôi một thứ khác, lần này không phải tờ báo mà là những trang giấy rời.

“Em có cái này cho anh,” Nghĩa nói, đưa tôi một tờ. “Anh đọc thử coi.”

Cầm tờ giấy Nghĩa đưa, tôi không đoán ra được là thứ gì.

“Cậu lấy cái này ở đâu ra vậy?” Đọc lướt qua ít hàng, tôi ngược lên hỏi hần.

“Trên internet. Tìm cái khác lại gặp cái này. Em in ra cho anh.”

“Thiệt hay giả đây?” tôi hỏi tiếp.

“Chịu,” hần trả lời. “Làm sao mà biết được! Chuyện ở Mỹ mà, cái gì cũng thiệt, cái gì cũng giả được hết. Em nghĩ là anh thích nó thì em mang lại anh coi cho vui vậy thôi. Chắc là thật vì đâu có ai giả những cái này làm quái gì.”

Tôi cúi xuống, đọc tiếp ít hàng...

“Còn đây là tấm ảnh mà anh nói. Có đúng ảnh này không?” Nghĩa đưa thêm cho tôi một tờ khác. Tấm ảnh in lại cũng khá rõ.

“Đúng đây. Thì cậu cứ đưa hết một lần cho tôi coi nào. Làm cái trò gì mà cứ thậm thà thậm thụt vậy?”

“Đâu có được,” Nghĩa lúc lắc đầu, cười cười. “Những cái này ‘tiền’ không, đâu có cho anh free được.”

Nói vậy nhưng rồi hần cũng đưa hết cho tôi. Tôi nhìn lướt qua những trang giấy dày đặc chữ mà Nghĩa gọi là “Những trang nhật ký của Chelsea”.

“Đã gọi là ‘nhật ký’ thì sức mấy mà lọt ra ngoài được,”

tôi nói.

“Chelsea đưa cho một cô bạn đọc, và cô này sau đó đã cho phổ biến trên net. Anh cứ đọc hết đi rồi biết.”

“Câu tài thật đấy. Đúng là chuyên viên sưu tầm tin tức.”

“Tài cán gì đâu,” Nghĩa nói, “một đứa bé cũng làm được. Anh chỉ cần gõ mấy chữ ‘Chelsea Clinton, Vietnam visit’ trong cái khung Search là ra hết. Thời đại bùng nổ thông tin mà.”

Nghĩa là tay chịu khó săn lùng tin tức về các sinh hoạt của cộng đồng người Việt ở đây và hẳn rất *enjoy* công việc này. Không rõ hẳn moi được những tin tức đó ở đâu, từ những nguồn nào, hay là có ai đó cung cấp cho hẳn. Mỗi khi cần tìm kiếm tài liệu gì, tôi thường phải nhờ tới hẳn. Lâu lâu cũng phải khen ngợi hẳn ít câu và tỏ vẻ thán phục thì sau đó cần chuyện gì hẳn sẽ mau mắn giúp cho. Tôi có được trong tay sớm nhất bài nói chuyện của ông Clinton tại Hà Nội cũng là nhờ hẳn. Lần này hẳn còn in thêm cho tôi mấy tấm ảnh đặc biệt về chuyến đi Việt Nam của ông Clinton, như ảnh ông duyệt hàng quân danh dự dàn chào, ảnh ông và đoàn tùy tùng ngồi trong một tiệm phở ở Sài Gòn, ảnh bà Hillary và Chelsea tươi cười đội những chiếc nón lá, ảnh gia đình Clinton vẫy tay chào tạm biệt dân Sài Gòn trước khi đáp *Air Force One* về lại Mỹ, và tất nhiên cả tấm ảnh có những giọt nước mắt của Chelsea nữa.

Tối hôm đó trước khi lên giường ngủ tôi đã bỏ ít thì giờ để đọc những trang giấy Nghĩa đưa. Lướt qua những đoạn tả tình tả cảnh, những tên tuổi một vài người bạn trai của Chelsea, những anh chàng Matthew, Andrew và Jeremy nào

đó, tôi chú ý những đoạn bên dưới.

Thứ Bảy, 18/11/2000

Mình đứng cạnh Mẹ trong lúc Bố đứng giữa Daniel và David, hai người con trai của Trung Tá Lawrence Evert. Bố đang lắng nghe Daniel kể lại với giọng nghẹn ngào những hình ảnh cuối cùng về người cha mà ông ta vẫn còn giữ được trong trí nhớ. “Tôi còn nhớ rõ hôm ấy là một ngày hè oi ả vào cuối tháng Bảy năm 1967, cả nhà tôi ra tận phi trường Phoenix, AZ, để tiễn bố tôi sửa soạn bay đi Nam Việt Nam. Ông ấy chậm rãi bước lên thang máy bay, chậm rãi quay lại vẫy vẫy chúng tôi trước khi bước vào lòng máy bay. Rồi bố tôi biến mất. Ông không bao giờ về lại nữa, và đó đúng là lần cuối cùng chúng tôi được nhìn thấy Bố.” Daniel nói khi ấy ông mới 8 tuổi và David, em trai ông, mới 6 tuổi. “Mẹ tôi kể, năm ngày sau khi máy bay bố tôi bị bắn rơi, Elizabeth, đứa em gái út của chúng tôi ra đời. Trước đó, Bố có gọi phone về nhà thăm hỏi mẹ tôi và nói là ông dự tính trở về Arizona sau phi vụ ấy để kịp có mặt trong ngày sinh của nó. Liz chẳng bao giờ biết mặt bố nó.”

Đến đây thì Daniel làm cho mình phải khóc thật. Mình cố kìm lòng nhưng nước mắt cứ ứa ra không sao ngăn lại được, và cảnh vật trước mắt mình bỗng dung nhòe đi. Mình lau vội nước mắt, nhưng có mấy phụ nữ người Việt ở gần đó trông thấy. Họ cứ nhìn mình chằm chằm. Chẳng biết họ nghĩ gì. Trông họ có vẻ quê mùa và hiền lành quá. Vài người trong số họ đội những chiếc nón lá cũ kỹ, đi chân đất, quần áo lấm bần.

Mình quay sang Mẹ, thấy khuôn mặt Mẹ lặng yên. Đôi mắt Mẹ giấu sau cặp kính đen nhưng mình chắc là mắt Mẹ

cũng đỏ hoe. Mẹ vẫn hay đeo kính đen như vậy. Mọi người vẫn cứ tưởng Mẹ là người phụ nữ cứng cỏi lắm, nhưng thực ra chỉ có mình biết là Mẹ rất nhạy cảm và dễ xúc động. Mẹ lại mới nhận được tin vui được bầu vào ghế thượng nghị sĩ của New York tuần trước. Bố Mẹ ôm nhau mừng rỡ. Cả nhà đều vui, nhất là Bố. Buddy cũng vui nữa, cứ luẩn quẩn bên Mẹ, ngúc ngoác cái đuôi. Mẹ phải trả lời nhiều cú điện thoại từ khắp nơi gọi đến chúc mừng... Chú Gore thì không biết thế nào, liệu có thắng nổi không, Bố cứ lo cho chú ấy. Ngày mình về chắc là đã có kết quả chính thức rồi.

Bắt chước Mẹ, mình cũng lấy kính mát đeo vào.

“Cô khóc à, Chelsea?” Nghe tiếng hỏi, mình quay sang và nhận ra David. Ông ta đứng cạnh mình từ lúc nào. “Câu chuyện không mấy vui phải không?” David nói. “Daniel không nên kể chuyện đó trong lúc này.” Rồi ông ta bỗng hỏi, “Có phải tên cô được lấy từ bài hát Chelsea Morning của Joni Mitchell không?” Mình gật đầu, ngạc nhiên, hỏi sao ông ta biết. David mỉm cười và nói ông ta còn biết nhiều chuyện khác về mình. Mình tính hỏi còn chuyện gì nữa, nhưng thôi. David nói ông ta thích cái tên ấy và hỏi ai đặt cho mình vậy. Mình trả lời, “Chắc là Mẹ. Mẹ tôi nói đó là tên của bài hát mà Bố và Mẹ đều yêu thích thuở hai người mới quen nhau.” David nói, “Thế thì cô phải cảm ơn mẹ cô. Mẹ tôi cũng thích bài hát ấy nhưng bà không nghĩ ra việc đặt tên nó cho đứa em gái tôi.” Mình thấy ông ta nói chuyện vui vui. Rồi David lại hỏi, “Buổi sáng cô là Chelsea, thế thì buổi chiều, buổi tối cô vẫn là Chelsea mà không phải là người nào khác chứ?” Mình không hiểu rõ lắm ông ta muốn nói gì, nhưng cũng trả lời, “Sáng trưa chiều tối gì thì cũng vậy thôi.” “Chắc chắn như thế chứ?” ông ta cười và hỏi

tiếp. Mình sợ câu hỏi ấy có thể là cái *trick* nên chỉ mỉm cười, không trả lời.

Bố đang nói gì đó với Daniel trong lúc chỉ tay xuống khu vực đang được đào xới, lổn nhổn những tảng đất bùn đỏ quạch.



(Ảnh: David Guttenfelder/AP)

“Cô biết không,” David nói, “có một dạo, lúc còn nhỏ, hai anh em tôi vẫn cứ nghĩ là Bố còn sống, và cứ bàn tính với nhau làm cách nào đến được Việt Nam để giải cứu Bố ra khỏi nhà tù và đưa Bố về lại nhà, giống như là những chàng hiệp sĩ trừ gian diệt bạo vậy. Thật buồn cười!”

Mình chẳng thấy chút gì gọi là “buồn cười” cả, làm sao mà có thể cười được những chuyện như thế chứ. “Chúng tôi nói với Mẹ,” David lại kể tiếp, “nhưng Mẹ chỉ im lặng, chẳng nói gì. Mẹ thường dắt chúng tôi đến nhà thờ để cầu nguyện cho Bố... Đến khi lớn lên một chút, tôi hiểu rằng việc ấy không thể nào thực hiện được, và tôi cũng hiểu được sự im lặng của mẹ tôi. Mẹ tôi đã im lặng như thế suốt bao

năm. Bà sống lặng lẽ như một cái bóng, hầu như không muốn tiếp xúc, chuyện trò với bất cứ ai về sự vắng mặt lâu năm của bố tôi, làm như là ông đã chết rồi vậy, mà đúng là ông chết thật. Mãi cho đến lúc không có mặt bố tôi trong số những người tù cuối cùng được trả về lần lượt bước xuống thang máy bay, tôi hiểu rằng mọi chuyện đã thực sự kết thúc, như là chiến tranh đã kết thúc, và cũng dập tắt hoàn toàn niềm hy vọng của mẹ tôi. Liz, đứa em gái út của tôi cũng ít nói ít cười giống như mẹ tôi vậy. Đôi lúc tôi... tôi không hiểu được nó.”

David nói với giọng đều đều như người nói một mình. Nước mắt mình lại muốn ứa ra, nhưng lúc này mình đã đeo kính mát nên ông ta không thể biết được. Mình chẳng biết nói sao nên chỉ im lặng. David trách Daniel kể chuyện buồn, nhưng câu chuyện ông ta kể nghe lại càng buồn hơn. Sau đó là những phút im lặng. David đứng yên một lúc, chăm chú quan sát đám người đang làm việc bên dưới, rồi ông hạ thấp giọng, bùi ngùi.

“Thật hết sức cảm động khi nhìn những người dân quê Việt Nam đang mải miết làm công việc cực nhọc, mò mẫm trong những vũng bùn lầy lội để thu nhặt cho bằng được từng mảnh xương vụn của bố tôi lẫn trong đó. Chúng tôi muốn nói cho họ hiểu được rằng chúng tôi thực tình yêu mến họ, và không hề giữ trong lòng chút hờn oán nào; mà ngược lại, chúng tôi còn cảm kích và biết ơn họ đã giúp đỡ tìm kiếm bố chúng tôi nữa.”

Nhìn vẻ mặt David lúc đó mình hiểu là ông ta nói thật.

“Tôi tin là bố tôi sẽ rất vui sướng khi mà những đứa con trai của ông sau cùng đã tới được nơi đây,” David nói thêm,

“để đưa ông về lại quê nhà, kể cận mẹ tôi.”

Thực tế, người ta chỉ đưa về được những mẫu xương vụn, mình nghĩ.

“Tôi cũng tin là như vậy,” mình chỉ biết nói phụ họa.

Trông David có vẻ thật thà, dễ mến. Ít ra thì mình cũng có được ai đó để chuyện trò trong chuyến đi này.

Im lặng một chút, David nói, “Tôi có vật này cho cô.”

Ông ta lấy ra từ trong túi áo một cái túi nhỏ, dẹt, giống như là cái bao đựng kính đeo mắt vậy, rồi từ từ rút ra một chiếc lược bằng nhôm. “Chiếc lược này được làm bằng một mảnh kim loại từ chiếc máy bay của bố tôi bị bắn rơi ngay tại chỗ này. Những người thợ thủ công Việt Nam ở đây đã làm thành những sản phẩm xinh xắn là những chiếc nhẫn và chiếc lược như thế này đây. Tôi có ý định tặng nó cho một phụ nữ nào đó trong chuyến đi này.” David nói, mỉm cười, nhìn thẳng vào mắt mình. “Khi này tôi thấy cô khóc vì câu chuyện của bố tôi, và bây giờ tôi muốn tặng cô chiếc lược này. Cô không từ chối chứ?” Mình ngạc nhiên, “Nhưng đây là kỷ vật của ông và gia đình, tôi không thể...” “Cô đã chia sẻ chút kỷ niệm về bố tôi nên tôi cũng muốn cô cùng chia sẻ với chúng tôi những kỷ vật này.” David nói và nhẹ nhàng đặt chiếc lược vào lòng bàn tay, xòe ra trước mặt mình với dáng vẻ trịnh trọng. Mình hơi lúng túng nhưng rồi không hiểu sao mình lại đưa tay cầm lấy chiếc lược ấy, và cả cái bao đựng lược nữa. “Cám ơn ông,” mình nói nhỏ, “tôi sẽ giữ mãi vật này.”

Sau đó David bước lại đứng cạnh Daniel, nghe Bố nói chuyện. Bố ngỏ lời khen ngợi và cảm ơn toán công nhân

Mỹ-Việt đang làm việc ở đây. Mắt Bố cũng róm lệ, và giọng Bố nghe run run, có lẽ cũng vì cảm xúc. Nghe nói ngày xưa Bố từng tham gia phong trào phản chiến trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Minh cũng không biết Bố làm vậy là đúng hay sai nữa. Chắc là Bố chỉ muốn kêu gọi mọi người ngừng tay bắn giết để chấm dứt thảm họa chiến tranh. Hơn 50 ngàn người lính Mỹ đã gục chết trên vùng đất xa xăm, quanh quê này, và nghe đâu tới mấy triệu người lính Việt nữa. Những con số thật khủng khiếp. Đã có biết bao nhiêu người con David mất cha, biết bao nhiêu người vợ Evert mất chồng. Những người đi rồi không về lại nữa... Minh đâu có biết gì nhiều về cuộc chiến tranh ấy. Liệu có phải đốc toàn lực binh hùng tướng mạnh để đánh nhau với những con người quê mùa, lam lũ như thế này?

Chiến tranh vô lý quá, tại sao người ta lại phải tìm cách giết hại lẫn nhau? Ở nước mình, muốn khép tội chết một người nào, phải qua bao nhiêu là thủ tục xét xử. Thế mà trong chiến tranh, người ta giết người hàng loạt, nhanh chóng và dễ dàng. Thật lạ lùng! Minh không hiểu nổi, nhưng mình chỉ nghĩ, việc đó không thể xảy ra trong một xã hội văn minh. Giết hại đồng loại là việc làm độc ác nhất trong số những việc làm độc ác... Vẫn còn hơn 1.500 người lính Mỹ mất tích nghĩa là vẫn còn những đứa con tiếp tục đi tìm dấu vết những người cha thân yêu, vẫn còn những người mẹ sống âm thầm như chiếc bóng. Rồi lại còn biết bao nhiêu người mẹ Việt Nam nữa chứ. Những bà mẹ Mỹ hay bà mẹ Việt Nam đều giống nhau. Như mẹ mình, như tất cả những bà mẹ trên thế gian này, mình tin là như vậy.

Đám đông, những người dân quê đứng quanh đó mở to

mắt nhìn chăm chăm vào đoàn người mới đến thăm ngôi làng nhỏ bé của họ như thể đang quan sát những sinh vật lạ lùng đến từ ngoài trái đất. Biết đâu gia đình họ lại chẳng có người thân đã thiệt mạng trong cuộc chiến đó. Thế nhưng, trong cái nhìn tò mò của đám người ấy, mình không thấy vẻ gì là oán ghét, thù hằn cả. Trông họ cũng không có vẻ gì là dữ tợn. Liệu họ có tìm cách che giấu vẻ dữ tợn trong cái vỏ hiền lành ấy không? Mình không tin như vậy. Mình chú ý nhất là những đứa bé đen đui, lem luốc, chỉ mặc độc chiếc quần cụt. Phía xa xa là những túp lều tranh lụp xụp, những thửa ruộng xiên xẹo ngập nước và bùn. Ngoài ra chẳng có gì cả. Họ sống trong những túp lều đó sao? Họ sinh ra, lớn lên, và sống như vậy suốt đời trên mảnh đất đó sao? Mình nghe nói đây là một đất nước nghèo nàn, nhưng mình vẫn không thể hình dung được cái nghèo của họ ra sao cho đến khi trông thấy tận mắt... Thực sự, chưa có chuyến đi nào làm mình phải khóc và mang cảm giác nặng nề đến vậy.

Chỉ ít tuần nữa thôi Bố đâu có còn là Tổng Thống nữa. Mình hiểu tại sao Bố đã dành những ngày tháng cuối nhiệm kỳ để đến thăm đất nước này. Bố từng nói với Mẹ và mình nhiều lần về ý định ấy, nhưng mãi đến bây giờ Bố mới thực hiện được. Bố có vẻ chuẩn bị rất kỹ cho bài diễn văn đọc ở Đại học Quốc gia Hà Nội hôm qua. Bố có đọc thử phần mở đầu và phần kết cho mình nghe.

“Con chỉ sợ chẳng ai hiểu gì cả khi nghe Bố nói mấy câu tiếng Việt mở đầu ấy,” mình chỉ cười và nói khi nghe Bố phát âm ngọng nghịu một ngôn ngữ lạ tai.

“Đây sẽ là bài diễn văn lịch sử, lần đầu tiên được đọc lên ngay giữa thủ đô của một nước từng là thù địch của Hoa Kỳ

trong suốt bao nhiêu năm.” Bố nói, làm ra vẻ trịnh trọng, nháy mắt với Mẹ và mình.

Bố hay dùng chữ “lịch sử” khi nói đến chuyện gì quan trọng. Mẹ chỉ mỉm cười, nhún vai, nói với mình “Bố muốn đi vào... lịch sử.”

Một đoạn khác:

.

“Ái nữ của Ngài thật tuyệt. Cô ấy làm tôi nhớ đến Emily, cô con gái yêu quý của Norman Morison, chiến sĩ đấu tranh cho hòa bình. Emily cũng từng sang thăm Việt Nam trước đây cùng với mẹ cô, và họ quả là biểu tượng đẹp cho tình hữu nghị thân thiết giữa hai dân tộc.” Bố kể mình nghe là trong cuộc gặp gỡ các nhà lãnh đạo ở Hà Nội hôm nay, người ta đã nói về mình như vậy. Khi mình hỏi Bố là giữa mình và cô Emily ấy (cô gái có ông bố tự thiêu trước Tòa Bạch Ốc năm 1965 để phản kháng chiến tranh Việt Nam) có điểm nào giống nhau, Bố chỉ cười, “Ông ấy nói chuyện chính trị ấy mà, đừng có thèm đẽ ý.” Mình ghét chiến tranh và cũng không thích chính trị chút nào hết. Thiếu gì những đề tài hấp dẫn và thoải mái hơn, như thể thao, văn chương và nghệ thuật chẳng hạn, tại sao người ta lại cứ phải đưa những lời lẽ ngoại giao và chính trị vào trong những câu chuyện tản mạn bên tách trà. Mình thấy những lời lẽ ấy có một vẻ gì không thật. Mình ghét sự giả dối. Đây là lý do mình sẽ chẳng bao giờ chọn con đường của Bố và Mẹ.

Tính Bố thì chẳng bao giờ xem việc gì là quan trọng cả và lúc nào cũng đùa được. Chẳng hạn, lúc bắt tay chào từ giã mọi người khi rời Hà Nội, Bố nói, “Tôi phải chạy về để xem thử ở nhà đã có Tổng Thống mới chưa.”

Chủ Nhật, 19/11/2000

.

Mình đã lo cho Bố khi Bố bị vây kín trên đường phố Sài Gòn. Mẹ cũng lo cho Bố, mọi người đều lo cho Bố, nhưng có vẻ như Bố chẳng lo sợ gì cả. Bố cứ sấn tới, mỉm cười, bắt tay từng người. Hầu hết là thanh niên. Đám đông chen lấn, xô đẩy, nhiều người cố chồm tới, vươn tay về phía Bố. Có người bị té ngã, rồi bị những người khác đè lên. Mình thấy những cảnh sát người Việt chạy tới chạy lui, la hét, nhưng không sao ngăn cản được họ. Những nhân viên an ninh cao lớn cũng phải chen lấn để bám sát Bố. Quang cảnh đường phố gần như hỗn loạn. Mình không thể nào biết được tình cảm đích thực của họ đối với Bố như thế nào, nhưng trông họ có vẻ thân thiện nên mình cũng bớt lo. Có người cuồng nhiệt quá như bị kích động, kêu lớn tên Bố, cố ý cho Bố nghe thấy. Rồi Bố cũng nghe thấy, nhưng người đàn ông đứng xa quá, Bố không tới gần được, Bố chỉ đưa tay ngoắc ngoắc.

Bố cũng đã được đón chào cách đó ở Hà Nội hôm kia. Thực ra, trong những lần đi cùng với Bố trước đây, mình cũng từng chứng kiến cảnh Bố được chào đón nồng nhiệt như vậy ở nhiều nơi khác nhau. Tuy nhiên, gần như đây là lần đầu tiên cảnh này diễn ra ở một đất nước từng là cựu thù của Mỹ, khi mà những vết thương chiến tranh không chắc đã lành hẳn và không ai biết chắc được tình cảm và phản ứng của dân chúng sẽ ra sao(?). Thế nào trong đám người trẻ tuổi chào đón Bố hôm nay lại chẳng có những người mà gia đình họ từng là nạn nhân của chiến tranh, của bom đạn Mỹ, vậy mà trông thái độ, cử chỉ, và mắt nhìn của họ cũng

đâu có vẻ gì là thù ghét người Mỹ.

Thình thoảng có tiếng gọi lớn tên Mẹ trong rừng người dọc hai bên đường phố.

“Chelsea! Chelsea!...”

Tiếng người nào đó gọi lớn tên mình. Giọng một phụ nữ thì phải. Đám đông nhón nháo, những cánh tay giơ cao, ngoắc ngoắc. Mình chẳng nhận ra ai cả.

“Chelsea, tôi đây nè! Tôi biết cô.”

Tiếng gọi lớn hơn. Chắc chắn mình không nghe lầm. Mình quay qua quay lại tìm kiếm, nhưng chỉ thấy người và người. Mình chỉ biết mỉm cười, bắt chước Mẹ, giơ tay vẫy vẫy về phía phát ra tiếng gọi ấy.



(Ảnh: Paula Bronstein/Getty Images)

Một đoạn khác:

.

Cái món “Pho” này cũng khá ngon đấy chứ. Mọi người

tỏ vẻ ngạc nhiên và thán phục khi thấy Bố sử dụng đũa có vẻ thành thạo. Họ đâu có biết là Bố đã phải *practice* nhiều lần, không phải mới đây mà từ chuyến đi Trung quốc năm trước. Trông Bố ăn ngon lành quá. Bố được cái là dễ ăn và ăn khỏe, cái gì cũng gât gù khen ngon, chả biết là khen thiệt hay khen vì lịch sự. Bố ăn đến hai tô lớn, một phở bò, một phở gà, trong lúc mình chỉ dám ăn một tô nhỏ. Ăn xong, Bố còn đòi uống thêm ly nước trái cây xay, và phải là xoài Bó mới chịu, rồi lại thêm một ly cà-phê sữa nữa.

Bố ăn rất nhanh, sau đó Bố lấy giấy bút viết ra những ý chính cho bài nói chuyện sắp tới. Bố có cái tài là có thể làm việc ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào, lúc ăn sáng hay ăn trưa, lúc trên xe hay trên máy bay, lúc trong phòng hay ngoài vườn. Lúc nào Bố cũng có sẵn cây bút, mảnh giấy trong người, lúc nào Bố cũng có thể tập trung tư tưởng, ghi ghi chép chép được. Mình vẫn phục tài ứng khẩu của Bố trong những lần nói trước đám đông. Mình lại không được như Bố, cứ thấy bao nhiêu cặp mắt chòng chọc nhìn về phía mình là mình đã run rồi.

Trong bài diễn văn đọc ở Đại học Quốc gia Hà Nội hôm kia, mình nghe loáng thoáng Bố nói đến việc xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho trẻ em Việt Nam và Hoa Kỳ của một thế hệ mới và sự hợp tác, tình hữu nghị bền vững giữa hai nước. Mình từng nghe Bố lặp đi lặp lại nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau những điều tương tự. Đó quả là những điều tốt đẹp và hẳn là mọi người đều mong muốn như vậy, thế nhưng có thực hiện được hay không vẫn là chuyện khác. Câu mình thích nhất trong bài diễn văn ấy là câu mà Bố trích dẫn lời của ông Đại sứ Peterson, “Chúng ta không thể

thay đổi được quá khứ, nhưng chúng ta có thể thay đổi được tương lai.”

Những đoạn tiếp theo là những hàng chữ rời rạc, có đoạn chỉ một hai hàng ngắn ngủi... Chắc là Chelsea chỉ ghi vắn tắt vì không đủ thì giờ hoặc không có chuyện gì đáng ghi, và tôi cũng chỉ đọc lướt qua... Mất tôi dừng lại ở một đoạn khác.

Thứ Tư, 22/11/2000

.

Thật lạ lùng! Mình nhớ rõ là đã bỏ chiếc lược ấy vào trong túi xách, và mình cũng nhớ rõ ánh mắt chăm chú của David nhìn mình vào lúc đó, nhưng bây giờ mình lại không thấy nó đâu nữa. Mình đã lục lọi từng ngăn nhỏ và dốc ngược cái túi xách để trút hết mọi thứ ra nệm giường. Tất cả vẫn còn nguyên, chỉ thiếu có chiếc lược, kỷ vật của David. Mình nhớ đến nó khi mình đang chải đầu. Mình hỏi Mẹ, Mẹ đưa cho mình chiếc lược của Mẹ vì tưởng mình cần nó.

“Không phải,” mình nói, “chiếc lược nhôm.”

“Chiếc lược nhôm nào?” Mẹ ngạc nhiên, hỏi. “Chiếc lược này cũng tốt vậy.”

Mình không muốn giải thích với Mẹ. Lúc David đưa mình chiếc lược, có Mẹ đứng gần đấy nhưng chắc Mẹ không để ý. Mình không hỏi Bố, vì tin chắc Bố chẳng biết gì. Mình thật vô tâm quá và có lỗi với gia đình ông ấy. Có thể là David vẫn có chiếc lược khác. Dù sao mình vẫn ân hận. Mình không chắc có dịp nào gặp lại ông ta. Liệu ông ta có hỏi mình về chiếc lược ấy? Liệu ông ta có muốn được

nhìn lại chiếc lược ấy? Minh sẽ trả lời sao đây? Minh không muốn nói dối và không quen nói dối ai bao giờ.

* * *

Tôi nhìn kỹ lại tấm ảnh chụp cảnh mà tôi chỉ nhìn thấy được trong một thoáng vài ba giây trên màn hình. Chelsea trong một cử chỉ tự nhiên đang đưa tay quạt những giọt nước mắt lã lã trên má. Ngấn nước mắt trông khá rõ. Khác với vẻ tươi tắn thường ngày, khuôn mặt cô khi ấy trông có vẻ thẫn thờ, xa vắng. Tấm ảnh chụp cận cảnh nên chỉ thấy có một mình Chelsea. Bên cạnh cô, phía tay trái là một bên vai và mớ tóc của một phụ nữ bị chiều dọc của tấm ảnh cắt lìa. Tôi đoán nhiều phần là bà Hillary tuy chỉ thấy được vài đường nét.

Điều may mắn cho ông Clinton không phải là ông đã mang theo được một bộ sậu hùng hậu, tả phù hữu bật, hay đoàn tùy tùng đến hơn một ngàn người với chi phí lên đến hàng trăm triệu mỹ kim cho chuyến đi này, mà là ông đã mang theo được cô con gái yêu quý của ông. Những giọt nước mắt và khuôn mặt đẫm lệ của Chelsea nói nhiều hơn bài diễn văn “lịch sử” dài đến năm trang giấy được nhiều người tán thưởng của ông Clinton. Những giọt vắn giọt dài ấy không phải là những giọt châu roi thánh thót hay những “giọt nước mắt ngà” lóng la lóng lánh nhỏ xuống tiếc thương cho những cuộc tình phù phiếm. Những giọt lệ nóng âm âm cũng nói cho mọi người biết rằng mọi chuyện đã thực sự kết thúc. Còn gì nữa đâu, chiến tranh đã đi qua, và cả những tàn tích, những dấu vết buồn phiền cũng đã được rửa sạch, đã trôi theo dòng nước mắt cô.

Hai mươi lăm năm sau cuộc chiến tranh ấy, khi nước mắt

của những người vợ khóc chồng, những người mẹ khóc con hồ như đã khô cạn thì mới đây thôi, những giọt lệ tươi rói cuối mùa vẫn còn chảy ràn rụa trên má cô gái Mỹ hai mươi tuổi đến từ bên kia bờ đại dương. Có giọt nào nhỏ xuống dưới chân cô, ngay chỗ cô đang đứng, trên mảnh đất nghiệt ngã đó. Cô khóc vì cảm thương câu chuyện người phi công xấu số, hay khóc vì xót thương người vợ trẻ góa bụa và đàn con nhỏ đại khi lớn lên không được trông thấy mặt bố mình, hay khóc vì động lòng trắc ẩn trước cảnh lao động chân tay cực nhọc của người dân quê Việt Nam nghèo hèn lam lũ... Cho dù cô khóc vì chuyện gì đi nữa thì những giọt lệ rung rung ấy cũng đã bộc phát từ một tấm lòng nhân ái, một trái tim ấm áp tình người.

Mai sau, dù có bao giờ, hồi tưởng lại những kỷ niệm về một chuyến đi đến một đất nước nhỏ bé cách xa cô mãi đến nửa vòng trái đất, hẳn Chelsea vẫn còn nhớ được rằng, đã có những phút giây nào đó trong đời, cô đã từng để lòng mình nghiêng xuống những nỗi bất hạnh của kẻ khác, đã từng để cho những cảm xúc tràn bờ trào ra thành những giọt nước mắt xót xa thương cảm cho những số phận rủi ro, những số kiếp hẩm hiu. Cô đã không tìm cách che giấu những dòng lệ dạt dào, che giấu những tình cảm bộc phát tự nhiên, như cô từng có những khi yêu khi ghét, những lúc vui lúc buồn.

Đây chắc chắn không phải là lần đầu Chelsea đánh rơi những giọt nước mắt. Cô cũng đã từng khóc những lần trước đây như cô cho biết ở một trang nhật ký khác, chẳng hạn như lần bố cô đắc cử Tổng Thống vào năm 1992, có điều ngày ấy cô còn bé quá, chỉ vì thấy Mẹ khóc cô bé 12

tuổi ấy cũng... khóc theo. Lần khác, cô cũng đã xúc động đến trào nước mắt trong vòng tay yêu thương của bố mẹ và lời chúc mừng thân mật của bạn bè trong buổi lễ tốt nghiệp tháng Sáu năm 1997, sau khi hoàn tất học trình bốn năm tại Sidwell Friends High School.

Chelsea không phải là cô gái xinh đẹp lắm. Cô có khuôn mặt hơi dài, miệng cô lại hơi rộng, nhất là khi cười trông càng rộng hơn, để lộ hàm răng trắng bóng, đều đặn. Về mặt cô lúc nào trông cũng có vẻ tươi tắn, có lẽ vì cô hay cười. Đôi mắt cô thường mở lớn khi ngắm nhìn sự vật, và như có chút gì rụt rè. Mớ tóc vàng hoe của cô cũng khá đặc biệt với những lọn tóc xoắn tít thả xuống quá vai. Chùng ấy đặc điểm hẳn là chưa đủ để tạo sức hút cho những đôi mắt nhìn ngắm. Nếu cô có được chú ý chẳng qua vì cô là *First Daughter*, ái nữ duy nhất của một ông Tổng Thống Mỹ đầy quyền lực. Tuy nhiên, có thể nói được rằng cô có một vẻ đẹp tự nhiên, không kiêu cách ngụy tạo, như thể trời sinh ra cô thế nào thì cô cứ là như vậy, khiến cô dễ chiếm được cảm tình của nhiều người.

Những đoạn nhật ký tiếp theo không thấy đề cập gì đến chiếc lược nhôm ấy nữa, chiếc lược Chelsea để lạc chỗ nào tìm mãi không thấy. Không rõ là về sau này cô có tìm được nó, và cô có còn nhớ đến nó hay đã quên nó như đã quên đi những dấu vết, những tàn tích của một cuộc chiến tranh đã trôi vào quên lãng. Có thể là cô cũng tiếc nhớ nó ít hôm, rồi thôi, chứ không đến nỗi ra ngẩn vào ngơ. Có chuyến đi nào mà cô lại chẳng mang về những vật lưu niệm linh tinh, rồi cô cũng chỉ cất giữ chúng được một thời gian, trên bàn *computer*, trên đầu tủ, đầu giường, hay trong những ngăn

kéo, ngăn bàn nào. Trí nhớ cô đâu có thể lưu trữ tất cả mọi thứ, mọi chuyện, những kỷ vật ấy có tồn tại hay biến mất cũng không mang ý nghĩa gì nhiều lắm và cũng không may mắn làm xáo trộn nếp sinh hoạt thường ngày của cô. Chiếc lược nhôm ấy, cô sẽ dễ dàng quên đi thôi, như đã quên đi bao nhiêu chuyện vặt vãnh trong đời mình. Cô còn nhiều chuyện quan trọng hơn để làm, còn nhiều vật đáng giá hơn thế nữa để tiếc, để nhớ.

Tấm ảnh mới nhất của Chelsea, ít ngày sau chuyến đi Việt Nam mà Nghĩa in ra được cho tôi là ảnh chụp Chelsea trong dáng điệu “phấn khởi, hồ hởi”, đang cầm dao và nĩa hăng hái xẻ thịt chú gà tây trên bàn ăn trong ngày Lễ Tạ Ơn ở trại David, Maryland. Vẫn là chiếc miệng rộng, đôi mắt mở lớn và nụ cười rạng rỡ nở rộ trên khuôn mặt cô. Cùng với gia đình, cô sẽ “tạ ơn” những gì đây trong ngày lễ ấy? Tạ ơn bà mẹ vừa được bầu vào chức vụ dân cử mới khi sắp sửa từ bỏ danh vị *First Lady*. Tạ ơn ông bố được bình yên, tai qua nạn khỏi sau hai nhiệm kỳ tám năm nhiều sóng gió. Tạ ơn Trời sau vài chuyện lục đục giữa bố và mẹ, gia đình cô vẫn cứ là một gia đình “ấm no hạnh phúc”. Tạ ơn những người bạn trai dễ mến đã tạt ngang qua cuộc đời cô, đã mang đến cho cô chút tình yêu đầu đời, rồi lặng lẽ xa cô vì không đi được chung một đường, chung một hướng. Tạ ơn gia đình cô vừa trở về an lành sau một chuyến đi xa thật là xa.

Nhớ lại chuyến đi ấy, liệu cô có tạ ơn đất trời về cái may mắn là gia đình cô đã không phải dính dấp, không phải chịu đựng những hệ quả của cuộc chiến tranh nghiệt ngã đã gây biết bao thương tổn cho biết bao gia đình người Mỹ khác? Cuộc chiến tranh nào cũng đều là mất mát là chết chóc, là

hủy diệt là tàn bạo, cho dù ở phía nào của cuộc chiến. Nếu cô ra đời sớm hơn chừng một phần tư thế kỷ, hẳn cô đã nhìn thấy rõ hơn bộ mặt đáng ghét của cuộc chiến tranh ấy, và có khi cô sẽ phải lựa chọn đứng về phía nào của cuộc chiến. Không giống như là những lựa chọn trong tình yêu đâu. Tất nhiên trong tình yêu, cô khó có thể yêu cả hai chàng trai cùng một lúc, nhưng vẫn có thể yêu hơn kém chút đỉnh, nếu cả hai đều... đáng yêu. Còn trong chiến tranh thì không thể nào có chuyện đó được, mà chỉ có yêu và ghét, hai phía đối nghịch. Một khi cô đã yêu bên này thì cô phải ghét bên kia, và phía ấy sẽ là thù địch. Cũng không thể có chuyện vừa yêu, vừa ghét theo kiểu “giận mà thương” được.



Tender moment
(Ảnh: Susan M. Ogrocki)

Trong những giờ phút *enjoy* bữa tiệc gà tây cùng với gia đình, tôi chắc là Chelsea đã chẳng còn nhớ gì nữa. Sau bữa tiệc này, cô sẽ phải gấp rút trở lại với những chồng sách vở ở trường học sau khi đã nghỉ hẳn một *Fall quarter* để được gần Bố nhiều hơn trong những tháng cuối cùng của nhiệm

kỳ Tổng Thống, và cũng để theo phụ giúp mẹ trong mùa vận động tranh cử ở New York vừa qua.

Rất nhiều thứ đang chờ cô phía trước. Cô sẽ rất là bận rộn trong năm học cuối ở Stanford để chuẩn bị cho ngày ra trường mùa xuân năm tới. Rồi sau đó lại còn phải sửa soạn cho *quarter* đầu tiên ở ngôi trường mới Oxford University nữa chứ, ngôi trường bố cô từng theo học nhiều năm trước đây. Con đường trước mặt cô còn dài thật dài, và cô cũng sẽ còn nhiều chuyến đi xa kỳ thú khác.

* * *

Sắp tới đây ông Clinton sẽ không còn là Tổng Thống nữa. Hai nhiệm kỳ tám năm ròng rã của ông chỉ còn lại những ngày tháng phù du. Có thể là sau khi về vườn ông sẽ dành thì giờ để viết sách, viết hồi ký, hoặc sẽ làm một chuyến giang hồ đây đó, và biết đâu ông lại chẳng ghé thăm Việt Nam thêm một lần nữa, để lại bắt tay thêm một lần nữa những người trẻ của một đất nước mà lớp tuổi dưới ba mươi chiếm đến hai phần ba dân số. Lớp tuổi mà đối với họ, chiến tranh đã đi qua như một kỷ niệm buồn. Chẳng ai muốn gọi lại mãi những kỷ niệm buồn. Những chương sách cũ đã khép lại. Những người trẻ tuổi lớn lên sau chiến tranh, họ muốn viết tiếp những chương sách mới, muốn những đổi thay cho đất nước họ. Và Clinton, ông đã được chào đón nồng nhiệt, được hăm hở, vồ vập bắt tay là vì ông đáp ứng được lòng mong mỏi, khát khao của họ. Ông cũng dễ dàng chia sẻ với họ những hoài bão, những ước mơ lớn lao làm nên những chuyện quốc gia đại sự để mang về một vận hội mới cho đất nước, cho dân tộc họ. Ông là biểu tượng của tự do và nhân quyền, và cũng là biểu tượng của sự trẻ trung,

tiền bộ và đổi thay nữa.

Ông Clinton còn trẻ lắm khi mới đắc cử Tổng Thống nhiệm kỳ đầu, và đến bây giờ trông ông cũng vẫn còn trẻ trung. Ông đã làm việc sôi nổi, như đã yêu sôi nổi. Ông cũng chẳng tài cao đức rộng gì cho lắm mà có đủ cả hai mặt tốt, xấu lẫn lộn theo cái nghĩa “nhân vô thập toàn”, chưa kể có lắm chuyện bê bối như ông từng thú nhận. Người Mỹ không *care* lắm chuyện đó, miễn ông làm được việc, và quả là ông đã làm được việc. Người Việt trong nước cũng chịu ông và tỏ ra ngưỡng mộ ông, nhất là giới trẻ, vì họ cảm thấy ông gần gũi với họ, và vì họ cũng muốn được thành công như ông vậy.

Ông Clinton hẳn cũng thấy được điều đó trên các đường phố ở Việt Nam qua những tiếng reo hò, những tràng pháo tay, những cánh tay vẫy vẫy, những tiếng kêu lớn tên ông đầy kích động. Và khi đến gần họ hơn, ông còn nhận được những bàn tay siết chặt, những ánh mắt đồng tình, những nụ cười đồng cảm. Không có ai nháy mắt hay kẻ tai ông nói nhỏ điều gì, nhưng mà ông thấy được, nghe được, hiểu được. Ông đã có chủ đích trong chuyến đi, đã gặp gỡ được những đối tượng ông cần gặp gỡ.

Chuyến đi “lich sử” của ông Clinton mai đây sẽ chỉ còn lại những tấm ảnh màu giữ làm kỷ niệm; thế nhưng, nếu đây là một trong những kỷ niệm khó quên trong cuộc đời làm chính trị của ông, chắc ông vẫn muốn đi tìm lại những kỷ niệm ấy. Bắt tay những người trẻ thêm một lần nữa, những người trẻ yêu mến ông và xấp xỉ tuổi con gái ông, có lẽ ông Clinton cũng chỉ muốn như thế nếu còn dịp nào đi thăm lại Việt Nam. Nếu chỉ vì muốn ăn thêm tô phở nữa, ông đâu có

cần phải đi xa đến vậy. Ngay tại đây, tại khu phố Little Saigon này, lúc nào cũng sẵn có và còn ngon hơn phở trong nước nữa là khác.

Sắp tới đây Chelsea cũng chẳng còn là *First Daughter* nữa. Nhưng điều đó cũng đâu có gì là quan trọng, và chắc cô cũng chẳng thiết tha gì lắm với cái danh vị đó. Chắc chắn một điều là nhiều người vẫn còn nhớ đến cô, và vẫn còn nhớ đến những giọt nước mắt cô trong chuyến thăm Việt Nam vừa qua. Những giọt nước mắt hiếm hoi ứa ra nơi khóe mắt cô gái Mỹ đang sống giữa những tháng năm tươi đẹp nhất của một đời người. Cô đang sống những năm tuổi đôi mươi, tuổi thanh xuân, tuổi hoa bướm, tuổi mộng mơ, tuổi ngọc tuổi ngà gì gì đó trên một đất nước từng được gọi là “The land of dreams”. Chắc hẳn là cô cũng từng có những giấc mơ ngọt ngào. Một trong những giấc mơ của cô, tôi nhớ có đọc ở đâu đó, là được trở thành bác sĩ chuyên khoa chữa trị bệnh tim cho trẻ em. Cô yêu trẻ em, và cô cũng yêu thú vật. Cô không hiểu rõ lắm về chiến tranh Việt Nam như cô từng thú nhận. Cô cũng không cần biết chiến tranh là gì, cô chỉ thấy nó thật là vô nghĩa, thật là độc ác, khác với cuộc sống bình lặng thường ngày của cô. Như ở đất nước cô người ta chẳng bao giờ đánh đập thú vật cả, như cô thích vuốt ve chú Buddy thân thiết vẫn luẩn quẩn bên cô, như trẻ em không hề biết nói dối, như mọi người vẫn mỉm cười *say hi* với những người quen và không quen khi gặp nhau ở ngoài đường.

Một người trẻ tuổi nào đó trong đám đông những người trẻ tuổi trên đường phố Sài Gòn đã gọi lớn tên cô, cô quay đầu tìm kiếm, và cô ngoắc ngoắc tay chào tất cả. Cô cũng

đã mỉm cười và *say hi* với họ bằng chiếc miệng rộng của cô. Chiếc miệng cô quả có hơi rộng một chút thật nhưng cũng chẳng sao, vẫn cứ tươi tắn, vẫn cứ đẹp như thường vì đã được cô gắn lên nó nụ cười thân ái. Thế là đủ. Cô đã khóc và rồi cô lại cười. Cầu cho những bóng mây buồn bã chỉ thoáng hiện trong phút giây thôi, rồi sẽ nhanh chóng bay đi, trả lại cô bầu trời xanh ngắt trong khuôn viên đại học Stanford ngày cô trở lại trường.

Hãy quên đi, quên đi nhé, Chelsea!... Nhìn lại tấm ảnh cô lần nữa, nhìn lại ngón lệ đọng trên má cô lần nữa, tôi muốn nói nhỏ với cô theo lối nói thông thường của người Mỹ, “That's ok, Chelsea. It's over. Everything will be fine.”

Tôi cẩn thận lấy kéo cắt rời tấm ảnh màu được Nghĩa in ra từ *internet*. Chỉ là tấm ảnh cắt ra trên giấy, nhưng cũng ok, có còn hơn không. Bộ ảnh sưu tập của tôi lại vừa có thêm tấm ảnh mới, tấm ảnh mà Nghĩa đặt tên là “Giọt lệ Chelsea”. □

Viết phỏng theo tin báo về chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên sau năm 1975 của Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton, tháng 11/2000

Hoa anh đào nở rộ

Dưới tàn cây thấp rộng trong công viên Green Lake Park, người đàn ông khiếm thị có bộ râu quai nón màu trắng bạc ngồi lặng lẽ trên băng ghế. Ông mặc chiếc áo overshirt dài tay kẻ sọc màu xanh đậm, cầm trên tay chiếc gậy dò đường màu trắng và đỏ. Tiết trời mát dịu, không còn se se lạnh như mấy hôm trước đây. Ông thấy dễ chịu, có cảm giác từng làn gió nhẹ nhẹ mon trón trên da thịt.

“Hôm nay là Chủ Nhật đây, hẳn là đông vui hơn mọi ngày,” ông nghĩ. Thỉnh thoảng ông quay đầu sang phải, sang trái, nghe ngóng. Ông nghe ào ào bên tai đủ mọi âm thanh lớn nhỏ, xa gần.

Tiếng động gần nhất ông nghe được là tiếng chân ai đó bước lên về phía mình. Im lặng. Ông nghe rõ những tiếng hít vào, thở ra đều đặn, chậm chậm, ở ngay bên cạnh mình. Người này chắc đang vận động tay chân cho bài tập thể dục dưỡng sinh nào. Tiếng thở ra một hơi dài sáng khoái, rồi tiếng băng ghế động đậy, tiếng áo quần sột soạt của ai đó vừa ngồi xuống chỗ trống bên cạnh ông. Một cánh tay hay bàn tay nào chạm nhẹ vào vai ông.

“Ô... xin lỗi,” giọng một thanh niên.

“Không hề chi. Xin chào.” Ông dịch người sang bên, chừa rộng chỗ cho người mới ngồi vào.

“Chào chú.” Chàng thanh niên quay sang ông, “Cháu tên Dan.”

“Tôi tên Mac,” người đàn ông khiếm thị nói.

Dan là một thanh niên trạc 30 tuổi, cao ráo, trắng trẻo, đeo kính râm, khuôn mặt khá điển trai.

Mac lắng tai nghe tiếng chim hót líu lo đầu đây, thật gần, như là ở ngay trên đầu ông vậy.

“Bây giờ là mấy giờ nhỉ?” Mac quay sang, hỏi.

“Cháu không có đồng hồ,” Dan lúng túng. “Chắc khoảng 11 giờ sáng.”

“Hôm nay có vẻ tốt ngày nhỉ,” Mac gợi chuyện.

“Vâng...,” Dan ngần ngừ, “một ngày đẹp trời.” Chàng trai bắt chéo chân, quay mặt nhìn sang phía khác.

Vài phút im lặng, rồi Mac bỗng lên tiếng:

“Này Dan, cậu thấy được gì, kể cho tôi nghe với.”

“Xin lỗi, cháu... không hiểu?” Dan quay lại, nhú mào, hỏi.

“Nếu không phiền cậu,” Mac nói, giọng ngập ngừng, “cậu có thể tả sơ cho tôi nghe những gì cậu trông thấy được ở quanh đây.”

“Ồ vâng vâng. Xem nào... Bầu trời trong vắt. Nắng lấp lánh trên những ngọn thông xanh.”

Mac hơi nhô người về trước, có vẻ chờ được nghe tiếp.

“Mấy chú bồ câu lững thững đi dạo. Bầy chim sẻ chuyền cành, rượt đuổi nhau riu ra riu rít. Lại thêm mấy chú chim Goldfinch lông màu vàng thật đẹp từ đâu bay lại.”

“Tiếng chim hót thật vui tai,” Mac nói. “Cậu trông thấy gì nữa?”

“Nhiều người đang đi bộ trên con đường mòn chạy quanh bờ hồ. Có người đi dạo thong thả, có người đi nhanh thật nhanh. Có người đi một mình, có người đi một nhóm với nhau. Một cô gái đẹp dắt theo chú chó nhỏ lông xù màu trắng chạy loăng quăng. Một cậu bé trượt ván từ xa phóng tới suýt đâm sầm vào cô, may mà cô lách người tránh kịp.”

“Hú hồn!... Dạo này nhiều người chịu khó vận động quá nhỉ. Cậu thấy gì nữa?”

“Một anh chàng người Á châu đang chạy bộ giật lùi, thoát đầu chạy chậm chậm rồi càng lúc càng nhanh mà không đụng vào ai cả.”

“Chạy bộ giật lùi? Không đụng ai cả, kể cũng tài thật.”

“Cũng chẳng tài cán gì,” Dan nói. “Chỉ là vì chạy đến đâu thì mọi người tránh dạt ra cả vì sợ bị đụng phải.”

“Vui nhỉ!” Mac bật cười ha hả.

“Một bà mẹ trẻ đẩy chiếc xe nôi bên trong có đứa bé gái xinh xắn, ông bố thì cõng cậu con trai ngồi vắt vẻo trên vai. Ố ồ... một chú chim bay vụt qua mổ vào túi bắp rang trên tay cậu bé làm cậu giật bắn người. Hai bố con loạng choạng đến suýt ngã. Bà mẹ chỉ đứng cười.”

“Ha ha... Vui quá! Cậu thấy gì nữa, Dan?”

“Tùng đàn hải âu màu trắng bạc bay lượn trên mặt hồ. Bầy vịt lội lúp xúp dưới mé hồ giành giật từng mẩu bánh mì được mấy đứa trẻ đứng trên bờ ném xuống. Còn nữa..., một cặp vợ chồng, những đứa con nhỏ và bạn bè ngồi quanh chiếc bàn picnic. Ở đầu bàn là cậu bé chừng mười tuổi ngồi trên chiếc xe lăn. Nhiều bong bóng đủ màu sắc máng trên chiếc xe cậu và quanh bàn. Trước mặt cậu là chiếc bánh kem sinh nhật hình tròn có cắm mấy ngọn nến xanh đỏ tím vàng.”

“Happy Birthday cậu bé!” Mac nói. “Một ngày vui cho cả nhà... Còn gì nữa không?”



(Ảnh: YouTube/screen shot)

“Xem nào... Bên tay phải của chú, trên bãi cỏ rộng, một cô gái đeo kính râm mặc bikini có thân hình gợi cảm vừa nằm tắm nắng vừa đọc sách báo gì đó.”

Mac háp háy mí mắt, mỉm cười.

“Còn phía tay trái chú, một đôi tình nhân nằm dài trên thảm cỏ. Chàng trai bỗng nhồm dậy, nhón một trái cherry

trong chiếc hộp nhựa đặt lên môi cô gái. Cô vừa hé môi thì chàng trai giật tay về, cứ thế... Sau cùng, cô gái nằm ngửa há miệng rộng cho chàng trai thả trái cherry vào.”

“Tình yêu luôn có vị ngọt của trái cây. Ai cũng có một thời để yêu.” Mac nói, ngửa mặt lên trời, mắt nhắm nghiền lại như muốn tận hưởng những thời khắc sáng khoái.

“Chú cũng từng có một thời để yêu, phải không?” Dan hỏi, mỉm cười. “Vẫn chưa hết, một đôi trai gái khác ngồi bên nhau dưới vòm cây xanh kia. Chàng trai ôm chiếc đàn guitar vừa đệm đàn vừa cất tiếng hát, cô gái ngả đầu lên vai chàng và hát theo. Chú nghe thấy tiếng đàn chứ?”

“Chịu,” Mac nghiêng một bên tai, “tôi không nghe ra.”

“Cháu cũng không nghe được, chỗ này hơi xa. Không rõ họ hát bài gì.”

“Bài ‘Mùa hoa anh đào’.” Mac cất giọng, khe khẽ, “*Mùa xuân sang có hoa anh đào. Mùa hoa tôi trót yêu từ lâu...*”*

“Ô... chú không nghe thấy tiếng đàn nhưng lại nghe được tiếng hát?”

“Đùa cho vui vậy,” Mac cười, “có nghe ngóng được gì đâu. Tự nhiên tôi nhớ tới khúc hát có giai điệu Nhật ấy.”

“Chú hát hay đấy chú Mac. Chắc là chú có kỷ niệm nào với bài hát ấy?”

Im lặng. Mac lại nhắm nghiền mắt, đầu hơi cúi xuống. Một lát, ông ngẩng lên.

“Tôi yêu hoa anh đào,” ông hạ giọng, nói chậm rãi,

* “Mùa hoa anh đào”, Thanh Sơn

“đúngra là yêu màu hoa anh đào, từ lâu lắm, khi tôi còn trẻ. Hoa màu trắng, màu hồng nhạt, hồng đậm, màu nào cũng đẹp cả.” Ngừng một chút, ông nói thêm, “Nói đúng hơn nữa, tôi yêu màu hoa của người tôi yêu. Nói thế cậu hiểu được chứ? Khi ta yêu một người nào là yêu cả những gì người ấy yêu, có phải vậy không?”

“Cháu không rõ lắm, hẳn là chú Mac nói đúng vì chú đã từng yêu.”

“Cậu chưa yêu ai bao giờ sao?” Mac hỏi. “Lạ nhỉ!”

“Đúngra là có,” Dan nói. “Cháu yêu một người không yêu cháu. Cô ấy yêu và lấy một người khác.”

“Lạ nhỉ!” Mac thốt lên, lặp lại hai tiếng ấy. “Một chàng trai đáng yêu và có duyên như cậu.”

“Cám ơn chú Mac, cháu chưa được ai khen như vậy.”

“Nếu cậu không thật đẹp trai thì cũng không đến nỗi xấu xí,” Mac nói, “nhưng cậu hẳn phải đẹp trai.”

“Ha ha...” Dan bật cười. “Người ta vẫn nói ‘trông mặt bắt hình dong’ còn chú chỉ nghe tiếng nói thôi mà biết được con người. Chú Mac ơi, tình yêu vẫn có những cái không tài nào giải thích được.”

“Vậy là cậu còn biết rành về tình yêu hơn tôi đấy,” Mac gật gù. “Ta nói chuyện khác đi... Cậu còn trông thấy gì nữa không, nhìn kỹ xem?”

“Lạ thật!...” Dan bỗng kêu lên. “Ồ đằng kia có cây hoa anh đào nở rộ, màu hồng phơn phớt như chú nói. Nhìn màu hoa là thấy ngay mùa xuân.”

“Ô, vậy sao?” Mac nhòm người dậy. “Tuyệt quá! Vậy là

mùa xuân đến sớm đây. Tôi yêu những cánh hoa màu hồng phấn ấy. Tôi cũng yêu cả thiên nhiên, yêu con người ở quanh đây.”

“Cái park này là một thế giới thu nhỏ đấy, chú Mac ơi!”

Mac nghiêng người về phía chàng trai, lim dim mắt, mỉm cười, khuôn mặt như sáng lên.

* * *

Trên băng ghế đầu lưng với hai người là một phụ nữ trẻ, mặc bộ quần áo thun thể thao. Không rõ cô ngồi đấy từ lúc nào, chắc là tạm nghỉ mệt sau một vòng chạy bộ. Cô gái nhìn trời đất băng quơ, không mấy để ý đến câu chuyện của hai người, cho đến lúc tiếng hát của ông già khiếm thị cất lên thì cô quay ngược ra sau, lắng nghe.

Hoa anh đào nở rộ?! Làm gì có chuyện đó. Cô đưa mắt nhìn quanh, nhìn trước nhìn sau, nhìn xa nhìn gần. Chẳng thấy hoa hòe nào cả, chỉ có những mầm tulip mới nhú lên khỏi mặt đất báo tin mùa xuân đang đến gần.

“Hoa anh đào ở đâu nào?” cô gái quay nhìn Dan, hỏi. “Chỉ cho tôi xem với.”

Dan không trả lời, làm như không nghe thấy.

“Xin lỗi chú,” chàng trai quay sang Mac. “Cháu có việc phải đi bây giờ.”

“Cám ơn, cám ơn Dan nhiều lắm! Cậu thật là tử tế.” Mac quơ quơ bàn tay tìm bờ vai Dan, bóp nhẹ nhẹ mấy cái... “Cuộc sống thật ý nghĩa, thật tươi đẹp.”

“Vâng,” Dan mỉm cười. “Cháu mới phải cám ơn chú chứ,

được nghe chú nói chuyện thật là thú vị. Chúc chú Mac một ngày vui nhé!”

“Tôi vui lắm. Cậu cũng vậy nhé, Dan!”

Cô gái chăm chú nhìn chàng trai. Sau cặp kính râm lớn, trông anh chàng có một vẻ gì bí ẩn. Không nhìn cô, anh chậm rãi cúi khom người, thông một cánh tay xuống dưới băng ghế, kéo ra một chiếc gậy màu trắng tựa tựa chiếc gậy của ông già khiếm thị ngồi cạnh. Rồi anh đứng thẳng người dậy, một tay sửa lại gọng kính râm, một tay cầm chiếc gậy trắng khua khua nhẹ ra phía trước. Rồi anh chậm chậm bước lần xuống thảm cỏ, men theo lối đi dành cho người đi bộ trên con đường mòn vòng quanh bờ hồ. Mũi gậy lúc quơ quơ, lúc gõ gõ xuống mặt đường theo một nhịp đều đặn.

Cô gái ngồi bật dậy, nhìn theo mãi tấm lưng thẳng và dáng đi thông thả tự tin của chàng trai cho đến lúc bóng anh khuất dần sau một khúc quanh. Cô nhìn quanh cái park trống vắng. Mùa xuân đang còn ở nơi đâu, vẫn chưa thấy đến. Ông già khiếm thị vẫn còn ngồi đó, im lìm. Cô bước lại gần ông, ngồi vào chỗ chàng trai vừa mới rời đi.

“Ô... tôi thấy rồi, đẹp quá!” Cô gái nói lớn, cố ý cho ông già nghe thấy. “Hoa anh đào nở rộ!” □

Bài nhạc Xuân hay nhất

“Bài nhạc Xuân nào hay nhất, theo anh?” Thịnh thoảng tôi vẫn được hỏi như vậy.

Thường thì tôi kể ra được vài bài, thế nhưng, người bạn tôi vẫn muốn biết tôi yêu thích bài nào nhất trong số ấy.

“Bài nào cho anh nhiều kỷ niệm nhất?” anh bạn hỏi thêm khi thấy tôi còn lưỡng lự.

Ô..., nếu hỏi thế thì dễ cho tôi trả lời hơn.

“Một bài của Phạm Đình Chương,” tôi nói.

“*Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi...?*”

“Không phải bài ấy,” tôi lắc đầu, “bài Xuân Tha Hương.”

Đôi lúc người ta yêu thích bài hát nào đó chỉ vì bài ấy gắn bó với kỷ niệm vui, buồn nào. Xuân Tha Hương là bài hát như thế, với tôi.

Không giống những bài nhạc Xuân vui tươi khác của nhạc sĩ Phạm Đình Chương như Ly Rượu Mừng, Đón Xuân..., Xuân Tha Hương là nỗi niềm tâm sự của kẻ sống xa quê trong những ngày Tết đến Xuân về với nỗi tiếc nhớ

bao kỷ niệm dưới mái gia đình ấm êm và những tháng năm tươi đẹp nhất của một đời người.

Bài hát, tôi nghe được lần đầu qua giọng Thái Thanh, đến nay đã hơn nửa thế kỷ. Tuy rằng ngày ấy tôi chưa hề biết đến những lưu lạc, tha phương, ly hương, viễn xứ này nọ, thế nhưng bài hát và giọng hát ấy cũng gieo vào lòng tôi những cảm xúc nao nao, buồn buồn.

Bài hát, với nhịp điệu Boston chậm chậm buồn buồn, với nét nhạc dịu êm, nhẹ nhàng mà sâu lắng, là câu chuyện kể về mùa xuân nào đã vắng xa, khởi đầu bằng những câu hát...

*Ngày xưa, Xuân thăm quê tôi
bao nhánh hoa đời đẹp tươi
Mẹ tôi sai uốn cây cành
vun tưới hoa mùa xinh xinh...*

“Ngày xưa”, hai tiếng ấy nghe sao êm đềm quá! Ngày xưa ấy là những ngày ấu thơ, là mái ấm gia đình, là hạnh phúc đơn sơ trên một quê hương yên bình.

Bài hát, tôi từng nghe đi nghe lại không ít lần mỗi mùa xuân sang trong những không gian, thời gian khác nhau trên những chặng đường đời mình.

Mùa “Xuân tha hương” đầu tiên của tôi là cái Tết của cậu học trò xa nhà lên Sài Gòn trọ học. Không rõ vì sao Xuân năm ấy tôi lại không về quê ăn Tết, chỉ nhớ được rằng đêm giao thừa và ngày mừng Một Tết cậu học trò “nằm trong căn gác điều hiu”, nghe Thái Thanh hát Xuân Tha Hương mà thèm cái không khí sum họp gia đình ngày Tết hơn bao giờ.

Thế rồi, những Tết xa nhà trong quân ngũ cũng là những Tết tôi bầu bạn với Xuân Tha Hương, bầu bạn với những câu hát “xa xăm”, “mặt mừng”, “hắt hiu”, “rung rung”, “lạnh lẽo”, “âm thầm” ấy, nghe nặng trĩu một nỗi niềm hoài hương.

*Thời gian nay quá xa xăm
tôi đã xa nhà đậm ấm
sống bao Xuân lạnh lẽo âm thầm*

Thế rồi, lịch sử sang trang, và những mùa xuân tôi đón Tết trong tù. Những ai từng đi tù trong nước sau năm 1975 đều biết rõ là những ngày Tết ở trong tù người ta không thể nào thoải mái... hợp ca “Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi”, nếu không muốn... tra chân vào cùm. Có thềm hát lắm cũng chỉ có thể hát khe khẽ, hát vừa đủ cho nhau nghe, để những câu hát chỉ quanh quẩn trong bốn bức tường kín, không bay lọt ra ngoài được. Đêm giao thừa, đêm duy nhất trong năm được phép thức khuya, ngồi xúm xít quanh vuông chiếu nhỏ, quanh ống điếu thuốc lào và những chén trà nóng, những người tù chúng tôi đã có một chương trình văn nghệ bỏ túi, đúng là “Hát cho nhau nghe” như tên gọi phổ biến về sau này.

“Nhớ nhà quá, ai thuộc bài nhạc Xuân nào thì hát cho anh em nghe với,” một người đề nghị.

Lần lượt mỗi người hát vài câu, vài đoạn, ít ai nhớ được trọn bài. Đến lượt tôi, tất nhiên vẫn là Xuân Tha Hương.

*Hoa xưa dân qua biết bao kỳ đâm bông
Riêng ai buồn thương hắt hiu còn trông mong
và Xuân thay áo, mấy mùa đợi chờ*

*Mắt huyền lệ rung rung,
sầu héo đến bao giờ...*

Có một khoảng im lặng nặng nề sau câu hát cuối.

“Bài hát hay nhưng buồn quá!” một người thốt lên.

Tôi nhớ mình nói câu gì đó để khóa lấp nỗi buồn khi ấy, đại để rằng “Hẹn đến mùa xuân nào anh em mình cùng hát chung một bài Xuân vui.”

Tôi cũng nhớ, một anh bạn tù cứ theo tôi, nhờ đọc cho anh ta chép lại bài hát ấy. Tôi nói anh chịu khó nhớ chứ không nên ghi chép vì bài “nhạc vàng” ấy được xem là mặt hàng “quốc cấm”. Hẳn anh ta có kỷ niệm nào với bài hát. Hỏi ra thì anh nói là... nhớ mẹ.



(Ảnh: Hoàng Phước)

Cũng như anh bạn tù, những câu hát ấy cũng làm tôi nhớ đến mẹ tôi, nhớ rằng nơi chốn xa quê nhà vẫn có người mẹ già tựa cửa mòn mỏi ngóng tin con.

Tôi không đếm được bao nhiêu Tết xa nhà, bao nhiêu Xuân tha hương sau lần ở tù về, và đến nay lại càng không

đếm nỗi vì chẳng thấm tháp vào đâu so với 25 mùa xuân ly hương dài đằng đẵng nơi xứ người. Những Xuân tha hương nối tiếp, nối tiếp theo nhau mãi đến tận Xuân này. Quê hương đã mờ mịt lại càng thêm mờ mịt. Và tôi, cứ mỗi chiều 30 Tết, lại cho chạy lại đĩa nhạc cũ, nghe lại giọng hát cũ, nghe lại nỗi khát khao được tìm về mái nhà xưa, tìm lại chút hạnh phúc êm đềm bên người mình thương quý nhất trên đời này.

*Chiều nay lê bước phiêu du
thăm nhớ xuân về làng cũ...
Đường đi xa lắt lể thê
thêm khát khao ngày về quê
để sống vui quê mẹ lúc xuân về*

Tôi nghe một nỗi khắc khoải, một nỗi nhớ se sắt đến rung rung. *Thời gian nay quá xa xăm... nay càng thêm xa xăm.* Bao nhiêu mùa xuân đã đi qua kể từ *Ngày xưa, Xuân thấm quê tôi, bao nhánh hoa đời đẹp tươi ấy.*

Xuân Tha Hương được nhạc sĩ Phạm Đình Chương sáng tác năm 1956 sau ngày đất nước chia đôi và ông cùng gia đình di cư vào Nam, để hoài niệm những mùa xuân Hà Nội đã vắng xa. Hẳn chàng trai 27 tuổi năm ấy cũng từng có những cái Tết xa nhà như tôi, những cái Tết dỗi mắt nhìn mây trôi về phương nào xa xôi mà rung rúc nhớ một quê hương đành lìa bỏ.

Mây Tàn ơi, cho nhớ bao niềm thương!...

Ít người biết rằng bài Xuân Tha Hương từng được chọn làm nhạc nền chính cho cuốn phim *The Quiet American* (Người Mỹ Trầm Lặng) do đạo diễn Joseph L. Mankiewicz

nổi tiếng của Hollywood thực hiện (1958), chuyển thể từ tác phẩm cùng tên của nhà văn người Anh Graham Greene, với phần ngoại cảnh được quay tại Sài Gòn. Ở những thước phim lắng đọng, người ta nghe vẳng lên giai điệu man mác buồn của bài Xuân Tha Hương làm tăng thêm chiều sâu cảm xúc cho câu chuyện phim.

Tôi cũng nhớ xem được trong một video clip (1991), ca sĩ Mai Hương hát Xuân Tha Hương trong một chương trình nhạc Phạm Đình Chương ở Nam California, giới thiệu tuyển tập nhạc *Mộng Dưới Hoa* gồm những bài nhạc phổ thơ của người nhạc sĩ. Bài hát, sau bao nhiêu năm vẫn gọn lên trong tôi những cảm xúc nao nao, buồn buồn. Điều ít ai ngờ, hơn một nửa trong số những nghệ sĩ góp mặt trong chương trình hiếm hoi ấy (Thái Thanh, Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Anh Ngọc, Hoài Trung, Hoài Bắc, Phạm Thành, Nguyễn Đức Quang và Mai Thảo), thoát đã ra người thiên cổ.

Trong số những ca sĩ từng hát Xuân Tha Hương tôi nhớ được vào thời ấy, có những giọng hát đã về trời như Sĩ Phú, Quỳnh Giao, Mai Hương, Thái Thanh, có những giọng đã bật tiếng im hơi như Duy Trác, Kim Tước.

Riêng Tết năm nay, nghe lại bài hát ấy tôi nghe có gì khang khác. Tôi không còn nữa nỗi *khát khao ngày về quê, để sống vui quê mẹ lúc xuân về*. Tôi không còn nữa nỗi ray rứt về hình bóng người mẹ già *buồn thương hắt hiu còn trông mong*. Tôi không còn nữa những nỗi niềm ấy, vì mẹ tôi đã lìa đời. Mẹ tôi không còn buồn nữa, cũng không còn *mấy mùa đợi chờ nữa*, cũng không còn *khóe mắt huyền lệ rung rung* nữa... Hình ảnh *Mẹ tôi sai uốn cây cảnh, vun*

tươi hoa mùa xinh xinh trong bài nhạc Xuân ấy cũng mịt mờ, xa xăm như là mùa xuân cổ tích. Tôi nghe một nỗi hệt hẫng và trống vắng đến mênh mang.

Kỷ niệm gần nhất tôi còn giữ được về bài hát ấy là Tết năm rồi tôi có gửi về cho mẹ tôi một đĩa nhạc gồm những bài nhạc Xuân mà bà yêu thích, trong đó có Xuân Tha Hương, và bà cứ nghe đi nghe lại mãi đĩa nhạc ấy. Trong năm, hay tin bệnh tình bà trở nặng, tôi vội bay về, kịp nắm lấy bàn tay gầy guộc và lạnh lẽo, kịp đưa tiễn bà về Trời. Trở về gian phòng nhỏ nơi bà nằm dưỡng bệnh những năm tháng cuối đời, gặp lại đĩa nhạc ấy, tôi cho vào máy nghe CD cũ, một mình ngồi trong căn phòng tối, một mình nghe hết bài hát cả hai mẹ con đều yêu thích. Tôi nghe mà nước mắt chảy thấm.

Xuân Tha Hương, bài hát về những đời người đã cũ, về những mùa vui đã đi qua không bao giờ trở lại. Bài hát có buồn thật nhưng chỉ là cái buồn nhẹ nhẹ, phơn phớt như làn mưa phùn ngày xuân. Nghe Xuân Tha Hương, dù có hay không kỹ niệm nào với bài hát, cũng nghe một thoáng chạnh lòng. Tôi cho như vậy cũng đủ để yêu một bài hát.

“Bài ấy hay nhưng buồn quá!” Anh bạn tôi lặp lại đúng câu người bạn tù nói với tôi trong đêm giao thừa nào.

“Thì buồn chứ sao,” tôi nói. “Đời sống là vậy, có lúc vui, có khi buồn. Cái vui một bài hát mang đến cũng chỉ là cái vui tự tạo.”

Dân tộc thế nào thì âm nhạc thế ấy, hay ngược lại. Cách nói nào cũng cho thấy nhạc Việt xưa nay vẫn buồn nhiều hơn vui. Liệu đấy có phải là mối tiên cảm cho vận mệnh của

dân tộc mình? Liệu có dân tộc nào phải sống kiếp tha hương
biên biệt bao năm như dân tộc Việt, suốt đời chỉ mơ về một
mùa xuân yên vui, một cái Tết sum vầy trên quê hương
mình?

Cuối năm, nghe lại bài hát cũ, thử tính nhằm con số
những Tết xa nhà, những Xuân tha hương đã đi qua trong
đời, tôi bỗng giật mình nhận ra rằng con số ấy đã vượt trội
hơn một nửa số tuổi đời mình. Hẳn là nhiều anh em, bạn bè
tôi cũng thế thôi.

“Bài hát ấy đã theo tôi bao nhiêu mùa xuân qua,” tôi nói
với anh bạn, “đến nay với tôi vẫn là bài nhạc Xuân hay nhất.
Thế còn anh, bài nhạc Xuân nào anh yêu thích nhất? Chắc
phải là một bài nhạc vui?”

“Không đâu,” anh bạn lắc đầu, “cũng là một bài Xuân...
buồn.” □

Xuân phai

Thời gian trôi tan tác, mang theo ngày xuân
(“Tiếng thời gian”, Lâm Tuyền & Dạ Chung)

Xin lỗi, anh là người Việt?”

Vĩnh quay lại. Khi ấy chàng đang cúi húi sắp xếp lại chồng báo tiếng Việt ở tầng kệ dưới cùng. Vỗ vồ lại xấp báo cho ngay ngắn, Vĩnh đứng dậy, quan sát trong vài giây cô gái vừa hỏi mình. Cô gái còn trẻ, gọi chàng bằng “anh”. Trông cũng khá xinh, mắt đen lánh, nước da trắng trẻo. Chàng vẫn thích phụ nữ nước da trắng. Hôm ấy Nga cắt tóc ngắn, trông tươi tắn và có một vẻ gì hóm hỉnh.

“I’m sorry?” Vĩnh làm bộ hỏi lại.

“You speak Vietnamese?” cô gái hơi bối rối.

“Umm... chút chút. Cô cần chi?”

Đôi mắt đẹp nhìn chàng thoáng vẻ ngờ vực.

“Em tìm một cuốn sách giáo khoa. Sách dạy tiếng Việt.”

“Cho người Mỹ hay người Việt?” Vĩnh hỏi.

“Người Việt, trẻ em.”

Vĩnh đảo mắt qua các kệ sách.

“Cô có thể dùng cuốn này... hoặc cuốn này,” chàng rút hai cuốn sách ở tầng kệ trên cùng đưa cho cô gái. “Sách cũ nhưng vẫn có giá trị.”

Nga cầm lấy cuốn *Quốc Văn Giáo Khoa Thư*, liếc nhìn tấm bảng tên trên ngực áo chàng, rồi liếc chàng bằng đôi mắt thật sắc.

“Anh phải là người Việt.”

“VẬY sao? Cảm ơn cô nhắc cho tôi nhớ.”

Cả hai cùng cười.

“Tôi tên Vĩnh,” Vĩnh nói, “có dấu ngã. Vĩnh viễn, vĩnh phúc, vĩnh hằng, vĩnh biệt tình em.”

Nga nói tên nàng. Họ quen nhau như vậy. Sáng hôm ấy thư viện vắng khách, hai người trao đổi với nhau một vài câu băng quơ. Vĩnh đưa thêm cho nàng ít cuốn Việt Sử bằng tranh, ít tập nhạc thiếu nhi. Thư viện có một dãy kệ sách báo Việt ngữ. Thỉnh thoảng có ít khách người Việt lui tới. Vĩnh không gặp ai quen ở đây. Nga cho chàng biết nàng đang phụ trách một lớp dạy tiếng Việt cho trẻ em ở vùng này với tính cách thiện nguyện, và nàng cần ít tài liệu giáo khoa. Vĩnh hứa hẹn sẽ tìm thêm cho nàng vài cuốn sách ở các thư viện khác. Chàng cũng chỉ Nga cách sử dụng computer để tìm và mượn sách.

“Cô có thể place a hold mấy cuốn đó ở đây. Thư viện sẽ báo cho cô khi sách được chuyển về. Thường chỉ mất từ vài ngày đến một tuần lễ nếu không có người mượn trước. Nếu cô có email thì sẽ nhận được thư báo nhanh hơn.”

Nga nhờ Vĩnh *check out* cho nàng mấy quyển sách,

trong đó có một tập truyện ngắn trước năm 1975 của một nhà văn Việt Nam mà Nga nói nàng rất yêu thích, nàng đã đọc qua một lần và còn muốn đọc lại. Nàng cũng đưa cho Vĩnh ít tờ *flyer* giới thiệu chương trình dạy tiếng Việt để nhờ chàng đặt ở thư viện. Nga nói thỉnh thoảng nàng có đến đây nhưng không gặp Vĩnh bao giờ. Vĩnh nói chàng mới nhận cái *job* này được mấy tuần nay.

Trong những lần gặp gỡ về sau câu chuyện giữa hai người càng trở nên thân mật. Có lần Nga cần gấp một quyển sách, nàng nhờ Vĩnh, và chàng tìm thấy tên sách trên computer.

“Nếu cô quen nhìn bản đồ, tôi sẽ chỉ cho cô đường đi đến thư viện Burien. Không xa đây lắm. Ở đây có cuốn sách này. Hoặc nếu cô có thể chờ được đến khi tôi xong việc ở đây, tôi sẽ đưa cô đến đấy.”

Nga hỏi bao giờ chàng mới xong việc. Vĩnh nói còn hơn một tiếng nữa.

“Lâu quá,” Nga nói. “Biết làm gì ở đây!”

“Thiếu gì chuyện để làm. Thư viện là một nơi người ta có thể ở đó suốt cả ngày mà không bao giờ hết việc. Kể cả việc kiếm một chỗ nào đó đánh một giấc ngon lành mà không sợ bị ai quấy rầy.”

“Em đâu phải là dân homeless,” Nga nói.

Lúc ra cửa Vĩnh bảo nàng cứ để xe nơi parking của thư viện và đi cùng xe với chàng cho tiện. Lấy được cuốn sách, hai người vào một tiệm nước, Nga nói nàng muốn trả công cho chàng.

Vĩnh gọi thức uống, ít bánh ngọt. Buổi chiều êm ả. Vĩnh nghe giọng hát trầm trở của Sarah McLachlan văng ra từ một góc quày. Tiếng nhạc đẽm réo rất. Nga khẽ gõ gõ những ngón tay trên mặt bàn, hát theo nhỏ nhỏ. *I will remember you. Will you remember me? Don't let your life pass you by, weep not for the memories. Remember the good times that we had?... I'm so afraid to love you, but more afraid to lose...* * Đôi mắt đen lánh nhìn Vĩnh cười cười.

“Anh không uống cà-phê sao?” Nga hỏi.

“Ngày trước, thỉnh thoảng. Từ khi vợ bỏ tôi cũng từ bỏ được nhiều thói xấu. Cà-phê, thuốc lá, rượu chè.”

“Chúc mừng anh,” Nga nói, nâng cao ly nước cam ngang tầm mắt.

“Tôi không rõ ý cô,” Vĩnh nói. “Cô định chúc mừng cái gì?”

“Tất cả mọi thứ anh vừa nói đó,” Nga cười. “Anh không cho đó là điều đáng mừng sao?”

Vĩnh nhìn Nga chăm chăm. Chàng như muốn đọc xem trong cái đầu xinh xắn của nàng chứa đựng những ý tưởng kỳ quặc nào. Nga cũng chống tay vào cằm nhìn chàng bằng đôi mắt đen lánh. Đôi mi cong và dài thỉnh thoảng chớp chớp. Tia mắt ánh lên vẻ tinh nghịch. Khi nàng vuốt ngược tóc, hai bàn tay đan phía sau gáy, Vĩnh nhìn thấy một nốt ruồi khá lớn nằm trên chiếc dải tai bên phải. Chiếc dải tai trắng hồng. Chàng muốn hôn lên đó.

Hai người nói với nhau đủ thứ chuyện trên trời dưới đất.

* “*I will remember you*”, Sarah McLachlan

Những câu chuyện có khi chẳng ăn nhập gì đến nhau. Nga thường đổi đề tài đột ngột, dẫn Vĩnh đi ngoắt ngoéo từ chuyện này quặt sang chuyện khác, hết như chú sóc nhỏ, ngúc ngoắc cái mỏ nhọn, liến thoắng sục sạo đầu này tới đầu kia. Có lúc Vĩnh cảm thấy hụt hơi vì phải bám riết để theo kịp nàng. Nga có giọng cười khúc khích rất tự nhiên, có chút gì trẻ con, đôi lúc hơi lớn tiếng. Vĩnh phải “suyt, suyt” khi chàng thoáng trông thấy vài người Mỹ ở bàn bên cạnh liếc nhìn về phía hai người.

Nga cho biết nàng sang Mỹ được gần hai năm cùng với bố mẹ, nhờ một người chị lớn bảo lãnh. Gia đình nàng phải chờ đợi một thời gian khá lâu và tốn khá nhiều tiền để nhận được giấy xuất cảnh. Nàng hiện vừa đi học ở một trường *Community College*, ngành *Cosmetology*, vừa phụ việc cho một cửa tiệm uốn tóc của gia đình người chị. Tiệm ế, hôm làm, hôm nghỉ. Khách người Việt, thỉnh thoảng có vài bà già Mỹ. Mỗi chiều thứ Sáu nàng có nhận thêm mấy giờ *volunteer* cho một lớp dạy tiếng Việt.

Khi Nga hỏi chàng sang đây theo diện nào, Vĩnh trả lời “Diện H.O.” Vừa thốt ra, Vĩnh muốn rút lại câu nói, nghĩ mình chẳng nên “thật thà khai báo” làm gì, nhưng đã lỡ buột miệng. Nga nói nàng cũng có ông chú diện H.O. mới qua đây tháng trước.

“Anh đi H.O. mấy vậy?” Nga hỏi.

“Tôi cũng chả biết, đi theo ông già. Chỉ biết đi là đi thôi, đâu có hỏi ông làm gì.”

Vậy mà Nga cũng tin thật. Vĩnh nhớ lúc mới lò dò qua Mỹ, cấp sách đi học lại, mấy cô bạn học người Việt cũng

hay hỏi chàng câu đó. Cô nào gọi chàng là “Chú”, Vĩnh phải nói thật. Cô nào gọi chàng là “Anh” chàng trả lời “Cũng chả biết H.O. mấy, tôi đi theo... ông già”. Sở dĩ Vĩnh mạnh miệng nói đùa như vậy là vì những người gặp chàng lần đầu thường ít khi chịu tin vào tuổi thật của chàng. “Thì ông cứ tính thử là biết liền chứ gì,” Vĩnh phải cố chứng minh. “Một tay H.O. trẻ nhất năm nay cũng phải bao nhiêu rồi.” Mấy cô bạn người Mỹ cùng làm việc ở thư viện với chàng như Betty và Jennifer thì chẳng có chút khái niệm gì về tuổi tác của người Á đông nên khi Vĩnh nói chàng “Thirty five” đều tỏ vẻ ngạc nhiên, “Oh, really? You don't look your age at all.”

Có một điều khá chua xót mà ít ai nhận biết được là Vĩnh, qua lối nói đùa như vậy, dường như tự cố ý đánh lừa mình, dường như còn cố gắng níu kéo lại phần nào quãng tuổi xuân đã phai tàn, dù biết rằng chỉ là sự cố gắng vô ích. Mọi người vẫn thường nói quãng tuổi đôi mươi cho tới ba mươi là những tháng năm tươi đẹp nhất của một đời người. Vậy mà Vĩnh, chàng đã phải đốt hết quãng thời gian này không thương tiếc. Hai mươi tuổi đã vào lính, ba mươi tuổi còn chưa ra khỏi tù. Khi nói về những năm tù tội của mình, Vĩnh thường bảo, “Đâu có phải là tôi, mà là một người nào khác đã sống.” Chàng nói thêm, “Vì vậy, theo lẽ công bằng, phải trừ lại cho tôi số tuổi của những năm đó chứ.”

“Bố anh còn khỏe chứ?” Nga hỏi.

“Cám ơn cô, mấy năm trước khi mất thì ông cụ vẫn... khỏe. Tháng trước tôi có làm cái ghế cho Cụ, không biết cô để mời.”

Liếc thấy Nga đang mở to mắt nhìn chàng với vẻ dò xét, Vĩnh cố tạo vẻ mặt rầu rĩ. Thực sự thì chàng mò cô bố từ

năm lên tám, hình ảnh người cha vì vậy rất là mù mờ trong ký ức chàng. Ông bố chàng ngày xưa nghe nói cũng là niềm tự hào của gia đình. Vĩnh nghe những người bác người chú kể lại, ông là người tài hoa, ưa thích hoạt động và cũng có chút địa vị trong xã hội, không hiểu sao lại mất sớm, nghe đâu vì bệnh tim. Chàng lại chẳng kế thừa được chút tài năng nào của bố. Những bạn bè thường nhận xét chàng có nhiều nét giống mẹ. Con trai giống mẹ thường yếu đuối. Làm sao chàng có được sự cứng cỏi, vững chãi của người cha sau nhiều năm được nuôi dưỡng, bảo bọc và lớn lên trong tình yêu thương của mẹ.

“Ông cụ như vậy kể cũng là thọ rồi,” Vĩnh nói thêm. “Già rồi thì phải chết thôi, qui luật của trời đất mà. Trẻ trung được như cô...”

“Anh tưởng em còn trẻ lắm hay sao?” Nga nói.

“Như vậy có thể là cô bắt đầu trẻ lại từ lúc sang đây. Nhiều quý bà quý cô trông phơi phơi ra khi sống trên đất Mỹ.”

* * *

Những gặp gỡ sau này khiến hai người gần gũi nhau thêm. Nga có vẻ hay lui tới thư viện nhiều hơn, mượn sách báo nhiều hơn. Vĩnh cũng giới thiệu cho nàng những cuốn sách, cuốn phim để mượn về xem. Xem xong, có cuốn nàng chê dở, có cuốn nàng nói tầm tàm, chưa thấy cuốn nào nàng khen hay. Nga cũng biết cả giờ giấc làm việc của Vĩnh. Thỉnh thoảng nàng còn đem bài tập *homework* ở trường vào làm ở thư viện.

Có lần Nga bắt Vĩnh tìm cho nàng đủ mọi loại sách báo nói về ảnh hưởng của tivi đối với trẻ em vì nàng đang làm

một cái *research* về đề tài này. Nàng có vẻ chú ý đến những vấn đề liên quan đến việc giáo dục trẻ em trong cộng đồng người Việt. Nga nói nàng hiện phụ trách việc thành lập một ban văn nghệ của trường Việt ngữ để đưa các em đi trình diễn vào những dịp lễ hội như Tết Trung Thu, Hội chợ Tết của người Việt...



(Ảnh: Glencoe Public Library, IL)

Nga thường có lối hỏi chuyện đột ngột, đi thẳng vào vấn đề. Vĩnh vẫn nói nàng giống con trai, có lẽ cũng vì nàng xem chàng như một ông anh chảng.

“Vợ anh đâu?” có lần chàng bị Nga hỏi.

“Em hỏi làm anh tủi thân. Đã kể rồi mà, cô ấy bỏ anh từ khuya rồi.”

“Rồi con anh?”

“Thằng bé có khuynh hướng theo mẹ. Anh là người bỏ tội lỗi.”

“Em không tin.”

“Đa nghi là bản chất của phụ nữ. Em muốn anh làm gì bây giờ? Thè thốt hay...”

“Thôi khỏi.”

Thực ra thì Vĩnh cũng không quen nói dối. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt phải tự vệ hoặc xét thấy nói thật là hoàn toàn bất lợi. Riêng về chuyện vợ bỏ, Vĩnh chỉ nói đúng có một nửa. Người vợ thứ nhất có bỏ chàng thật, nhưng không phải hoàn toàn do lỗi nàng mà có phần nào lỗi của chàng nữa. Vợ chồng vừa lấy nhau chưa kịp có một đứa con thì con bão năm 1975 ập đến. Như mọi sĩ quan khác, chàng được mời đi “học tập cải tạo”. Nàng ngược xuôi thăm nuôi chồng, năm chờ tháng đợi mòn mỏi. Một năm, hai năm rồi ba năm. Chàng làm ra vẻ mã thượng khuyên người vợ trẻ cứ tìm đường vượt biên (thà vậy còn hơn đến lúc nghe tin vợ bỏ mình đi lấy chồng khác như bao nhiêu cảnh ngộ phũ phàng xảy đến cho những người bạn tù, khi ấy chàng đã nghĩ vậy). Tội vạ gì mà hoài phí tuổi xuân để đợi chờ anh chồng xấu số chẳng biết ngày nào ra tù, chẳng biết đến bao giờ mới “học tập tốt, lao động tốt”. Ba năm thủ tiết, gánh gạo nuôi chồng đã quá sức, là vượt mức chịu đựng của những cô vợ chân yếu tay mềm trong cơn lốc xoáy của thời thế đảo điên. Nói mãi, cuối cùng nàng đành nghe lời chàng, đi cùng chuyến với mấy ông anh, thoát được, và định cư ở Úc.

Ngày ra tù, nghe phong phanh vợ chàng đã có người khác, chàng viết thư hỏi. Nàng xác nhận, và xin chàng tha lỗi. Nàng có lỗi gì!?... Mẹ chàng nói đúng, “Tại mày bảo nó đi thì nó đi chứ nó có muốn đi đâu. Mất vợ là phải thôi con à.” Chàng cảm thấy như mình có lỗi với mẹ già.

Sau mấy chuyến vượt biên thất bại, và lại ở tù thêm lần nữa, chàng đầu hàng số phận, và tìm cách đền cho Mẹ một

nàng dâu khác cho đến ngày được gọi đi diện H.O. Cô vợ sau cũng có chút nhan sắc, gặp nhau trong một chuyến vượt biên hụt. Nếu “Yêu nhau không phải là nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng” thì rõ ràng là chàng và nàng đều cùng dõi mắt trông vùi về miền đất xa xăm bên kia bờ Thái Bình Dương. Cùng chung hướng nghĩa là “cùng chung lối mộng”, khi ấy chàng lạc quan nghĩ vậy. Cô nàng tuy không hẳn là vợ hiền dâu thảo nhưng cũng không đành tâm bỏ chàng một mình trong lúc chàng vất vả chạy ngược, chạy xuôi lo hồ sơ xuất cảnh.

Cuộc hôn nhân diễn ra êm thấm cho đến ngày vợ chồng qua Mỹ. Không ai đành lòng bỏ ai cả. Hay đúng hơn, hai người đều đồng ý bỏ nhau, đồng ý chia tay trong ôn hòa, bất bạo động. Chỉ sau một thời gian ngắn chung sống nơi xứ lạ quê người cả hai đều thấy rõ là không có chỗ nào có thể gọi là hòa hợp hòa giải với nhau được. Mọi cố gắng thỏa hiệp đều vô ích. Những khác biệt đã phát triển gay gắt như ngày với đêm, mặt trời với mặt trăng, ánh sáng và bóng tối. Đến một lúc nào đó, hai người đã chẳng nhìn nhau mà cũng chẳng “cùng nhìn về một hướng” nào nữa. Cái chung duy nhất là đứa con trai ba tuổi được tòa xử theo mẹ. Nàng còn có được nghề móng tay móng chân để nuôi con, còn chàng khi ấy chẳng có gì ngoài ít tiền mặt trợ cấp của welfare. Một lần nữa mẹ chàng lại nói đúng, “Chỉ tại mày thôi, mày đòi lấy nó chứ có ai bắt mày đâu.”

Lần khác, Nga hỏi chàng bao nhiêu tuổi.

“Điều tra gì dzữ dzậy? Bộ tính coi hai đứa có hợp tuổi nhau không chắc. Theo phép lịch sự ở Mỹ, người ta thường không hỏi tuổi đàn ông.”

Vĩnh cố ý nhấn mạnh tiếng “hai đứa” nhưng không thấy Nga có phản ứng gì.

“Đàn ông mà cũng sợ già.” Nga nghiêng nghiêng đầu ngắm chàng. “Trông anh cũng khó đoán tuổi. Có lúc ngó thấy trẻ, có khi lại thấy già sao đâu. Đâu anh thử ngồi yên coi, đừng có nhúc nhích, làm mặt nghiêm coi... Như vậy được đó. Đừng có cười nhiều, mỗi lần cười là thấy đuôi mắt hiện ra ‘những dấu chân chim’.”

“Tuởng em khen anh đẹp trai làm anh mừng. Ai cũng nói cười là liều thuốc bổ, làm cho người ta trẻ ra, chỉ có em là không chịu cho anh cười... Thôi đừng nói chuyện tuổi tác nữa em. Hãy cho đàn ông một cơ hội.”

“Cơ hội để lợi dụng chắc.”

“Xin lỗi cô à. Không biết ai lợi dụng ai.”

“Bây giờ thì em bắt đầu tin là anh bị vợ bỏ thật.”

“Cô độc ác quá!” Vĩnh nhăn mặt, áp bàn tay lên lồng ngực bên trái. “Vết thương kỷ niệm bây giờ lại rướm máu.”

“Làm cho phụ nữ cảm động cũng là một chiến thuật của đàn ông.”

“Anh rất dốt về chiến thuật, chiến lược.”

“Vậy chứ anh giỏi về môn gì?”

“Để nghĩ coi... Xem tướng phụ nữ. Hát karaoke.”

“Hai thứ đó đâu có liên quan gì với nhau.”

“Sao không? Cô nào trông có vẻ lãng mạn, đa sầu đa cảm, dứt khoát là có khuynh hướng thích nhạc buồn. Cứ chọn loại nhạc tình cảm sướt mướt, chia ly dang dở mà hát. Thế

nào cũng được khen hay.”

“Cái đó cũng gọi là chiến thuật vậy.”

“Chiến thuật tôi chỉ dẫn đến thất bại.”

“Cô vợ bỏ anh là vợ thứ mấy vậy?”

“Lại xâm nhập gia cư bất hợp pháp. Có khi nào anh thắc mắc là em đã có mấy đời chồng đâu.”

“Đừng nói nhảm. Chưa chồng thì nói là chưa chồng. Em đâu cần gì phải nói quanh co như anh.”

Vĩnh tin nàng chưa lập gia đình thật.

“Như vậy tốt.”

“Tốt cho anh hay cho em?”

“Cả hai,” Vĩnh cười trừ, nói kiêu huê vốn.

“Anh làm ở đây được họ trả cho mấy đồng một giờ?”

“Nữa! Lại hỏi toàn những chuyện cấm kỵ. Bộ không ai nói cho em biết là ở Mỹ có những câu hỏi riêng tư mà người ta thường kiêng cử trong lúc chuyện trò hay sao?”

“Em hỏi là có lý do,” Nga nói. “Em chỉ cho anh một cái job khác tốt hơn.”

“Thôi cảm ơn em. Anh mệt mỏi quá rồi em ơi. An phận cho xong. Thả mỗi bắt bóng làm chi nữa. Có muốn cũng chẳng làm giàu được ở cái xứ này.”

Nga chống tay vào cằm, nhìn Vĩnh chăm chú như thể đang quan sát một sinh vật lạ lùng đến từ hành tinh nào ngoài trái đất.

“Anh nói nghe như ông già. Trông anh có vẻ thư sinh

quá. Bên Việt Nam anh biết làm những thứ gì, nói thử em nghe coi?”

“Không nên coi thường nhau. Ngày xưa anh cũng bảnh lắm.”

“Chắc có chắc không, ai mà biết được.” Nga trề môi. “Anh nói giống y chang mấy ông H.O. Ông nào cũng hay kể chuyện đời xưa, thời vàng son thế này thế nọ. Người Mỹ thực tế hơn, họ đâu cần biết là ngày xưa ai làm vương làm tướng gì. Hễ làm việc tốt là họ quý trọng thôi. Tù binh Mỹ được thả về nếu có khả năng vẫn làm đến dân biểu, nghị sĩ được như thường.”

Vĩnh cảm thấy mình bị “kê tử đứng” hơi nhiều. Chàng chưa tìm ra được lời gì để chống chế. Chàng cũng nhận thấy Nga khá thông minh và đôi lúc có những nhận xét rất tinh tế.

“Khó vừa vừa thôi em, còn để lấy chồng nữa chứ. Cũng phải thông cảm thôi, không cho họ nói những chuyện đó thì họ còn biết nói chuyện gì khác bây giờ.”

“Em thấy mấy ông H.O. ông nào cũng có vẻ tàng tàng” Nga đưa ra nhận xét tiếp theo. “Ông chú em cũng vậy... Có nhiều ông bị vợ bỏ.”

“Hey, đừng nói vậy để xa nhau à ghen!... Chuyện của mấy ông H.O. thì đâu có liên quan gì tới anh.”

“Em chỉ thấy sao nói vậy,” Nga nghe răng cười. “Chưa chi mà đã động lòng.”

Vĩnh thấy Nga có một chiếc răng khểnh mà lâu nay chàng không để ý. Có lẽ vì mỗi khi cười nàng thường lấy tay che

miệng. Chiếc răng nhỏ, trắng và nhọn, trông ngồ ngồ.

“Em không nên cười đùa trên sự đau khổ của người khác,” Vĩnh dịu giọng. “Cần phải biết thương yêu đồng loại.”

“Ai thương em?”

Vĩnh muốn nói “Anh” nhưng chàng kịp ngừng lại. Chàng bắt chước lối đổi đề tài giống như Nga.

“Anh thích chiếc răng khềnh của em. Nó đâu có tội tình gì mà em cứ phải giấu đi.”

“Em ghét nó. Mấy lần em tính nhổ đi rồi làm lại cái răng khác. Ở đây làm dễ lắm.”

“Đừng có dại dột. Cái duyên trời cho. Em không nghe nói đôi khi chỉ vì một cái má lúm đồng tiền, một cái răng khềnh mà người ta lấy nguyên cả một cô vợ à? Nhỏ mắt là ế chồng ráng chịu.”

“Vô duyên.”

“Sao mà anh không thấy em khen anh được chỗ nào hết vậy cà.”

“Đàn ông con trai gì mà cứ tươu tươu, tươu tươu. Hồi mới quen anh em đâu có thấy anh nói nhiều đến vậy đâu. Anh còn nói tiếng Việt không rành nữa mà... Anh tính bao giờ thì lấy vợ lại?” Nga lại đổi đề tài.

“Sao mà khó quá!” Vĩnh thở ra.

“Gì mà khó. Để từ từ em kiếm cho một cô. Trong lớp em có mấy chị sồn sồn trông cũng được lắm, để em hỏi xem có bà nào ở một mình...”

Vĩnh không biết nàng nói chơi hay nói thiệt.

“Thôi em à. Để anh nghỉ ngơi một chút.”

“Ngó anh thấy mệt mỏi quá,” Nga lại trề môi, lúc lắc đầu.
“Lúc nào cũng như ông già.”

Vĩnh đoán Nga chưa tới ba mươi tuổi. Chàng nhớ tới câu hát ngày xưa mà chàng và các bạn chàng vẫn lấy làm đề tài để cười nhạo thay vì cảm thương cho mối tình éo le, ngang trái. *Khi em còn trong nôi, anh đã lo việc đời...**

Chàng tự nhủ tuổi Nga và chàng làm gì mà chênh lệch tới mức đó... Và giá dụ có đến thế đi nữa thì ở xứ Mỹ này cũng là chuyện thường tình thôi, đâu có gì lạ lùng. Nhiều cặp còn chênh lệch tuổi tác hơn thế nữa mà vẫn lấy nhau thoải mái, vẫn hạnh phúc dài dài, nào có ai thắc mắc gì đâu.

Có mấy lần Nga rủ Vĩnh cộng tác với trường Việt ngữ mà nàng đang dạy ở đây.

“Họ đang cần một số volunteer,” Nga nói. “Em thấy anh dạy học được.”

“Anh cũng muốn lắm. Để xem có còn thì giờ không. Làm việc với trẻ em vậy mà thoải mái, đỡ phải nhưc đầu như là với người lớn. Cứ nhìn những khuôn mặt thơ ngây, những đôi mắt sáng, những...”

“Thôi đi ông...,” Nga làm chàng hụt hửng, “đừng có tưởng tượng nhiều quá. Không đơn giản như anh tưởng. Lũ trẻ ở đây không ngoan ngoãn, dễ dạy như ở bên mình đâu. Có nhiều đứa lì lợm kinh khủng. Lắm lúc nổi quạu, muốn bỏ dạy luôn. Làm giáo viên ở bên này không dễ như trong

* “Hai mươi, bốn mươi”, *Y Vân*

nước đầu.”

“Hồi nhỏ đi học anh chỉ thích học với cô giáo,” Vĩnh nói sang chuyện khác. “Năm mười ba tuổi anh đã biết yêu cô giáo dạy môn Văn. Yêu sớm thì khổ sớm, yêu nhiều thì khổ nhiều...”

“Mười ba tuổi thì có hơi sớm,” Nga nói. “Còn tuổi anh bây giờ mà nói chuyện yêu đương thì lại muộn màng.”

“Tình yêu làm gì có tuổi em. Em làm như anh già lắm vậy. Tuổi trẻ thường háo hức, vội vã, bông bột. Đến khi đứng tuổi người ta yêu từ tốn hơn, chín chắn hơn, đầm thắm hơn. Em có nghe bài hát...”

“Em chỉ biết có bài ‘Chuyến tàu hoàng hôn’. Ông chú em thích bài đó. Ông cũng mê cô ca sĩ. Có lần em hỏi ông H.O. là viết tắt của những chữ gì, ông nói là Hoàng Oanh.”

Thình thoảng nàng lại đưa ông chú H.O. của nàng vào câu chuyện.

“Không dám Hoàng Oanh đâu. Chương trình H.O. sắp sửa hạ màn mà giờ này ông chú em mới lò dò qua đây thì đúng là ông đi ‘chuyến tàu hoàng hôn’ thiệt.”

“Em không biết tại sao ông thích bài ấy. Ông cứ nghe đi nghe lại hoài. Có khi ông còn hát theo nữa.”

“Anh khác ông. Anh không thích điệu boléro.”

“Vậy chứ anh thích điệu gì? Rap chắc?”

“Hai đứa mình nói chuyện âm nhạc chắc là không hợp nhau rồi. Thôi bỏ qua vụ ông chú của em đi. Nghe mệt quá!”

Vĩnh lại nhấn mạnh mấy tiếng “hai đứa mình”. Nga dường như cũng không để ý.

Cũng như Nga, Vĩnh tự hỏi vì sao ông chú của nàng lại thích bài nhạc đó. Hẳn là ông phải có nỗi niềm tâm sự chi đây. Một bài nhạc đôi khi đối với người này chẳng có gì là hay ho nhưng đối với người khác thì lại khơi dậy cả một trời kỷ niệm. Bài hát như thế nào nhỉ? Chàng chỉ nhớ có mỗi câu cuối. *Nếu mai đây về, cũng trên chuyến tàu hoàng hôn...* Câu hát cứ lặp đi lặp lại, nhỏ dần nhỏ dần rồi tắt hẳn, như tiếng còi tàu xa dần, như bóng con tàu mờ dần...

Hình ảnh con tàu và sân ga thường vẽ ra cảnh tượng buồn bã của một cuộc chia tay nào đó. Ông chú nàng đã trải qua bao nhiêu cuộc chia tay trong đời? Liệu có cuộc chia tay suốt mướt nào còn đọng lại, còn hằn sâu mãi trong tâm trí ông?... Chia tay với sân ga, hay chia tay với con tàu, cũng là chia tay với một mối tình. Mối tình nào, tiếng còi tàu nào vẫn còn đuổi theo ông mãi cho đến tận bây giờ?...

Còn chàng, Vĩnh nghĩ, liệu chàng có đang đi về trên một “chuyến tàu hoàng hôn” nào đó không.

* * *

Vĩnh vừa trả lời điện thoại xong cho một người khách gọi tới hỏi về giờ giấc làm việc của thư viện thì chàng thấy Nga bước vào, ném mấy quyển sách lên mặt quầy.

“Hi, khỏe anh? Em trả mấy cuốn này. Anh xem thử có cuốn nào renew được thì giữ lại cho em. Em chưa đọc hết.”

Nói xong, nàng đi lại phía kệ báo, lục lấy mấy tờ báo chợ ngồi đọc. Khi cầm đến cuốn sách thứ hai, Vĩnh thấy là lạ, chàng ngó cái tựa sách. *Một thời để yêu, một thời để chết.* Nga lấy được cuốn sách này ở đâu? Trong thư mục của thư viện chàng làm gì có cuốn này. Vĩnh hiểu ra khi nhìn thấy

hàng chữ “Seattle Public Library” trên bìa sách. Chàng nhớ đã dặn Nga một lần, chỉ những cuốn nào có đóng hàng chữ “King County Library System” ở ngoài bìa sách thì mới mang trả ở đây thôi, còn ngoài ra là thuộc các hệ thống thư viện khác. Vĩnh giờ quyển sách, lật qua mấy trang. Chàng nhớ hình như đã có đọc qua truyện này hồi còn ở trong nước. Vĩnh trông thấy một tờ giấy, đúng hơn là một lá thư gấp lại. Chàng tò mò mở ra đọc...

“Nga yêu,

Vĩnh liếc nhìn về phía Nga. Nàng ngồi đó, trên chiếc ghế bành, khuôn mặt bị che lấp bởi trang báo. Chàng cẩn thận đặt lá thư vào giữa lòng quyển sách, đọc tiếp.

Anh muốn viết cho em mỗi tuần một lá thư, nhưng anh sợ em không có thì giờ để đọc, hay là không còn muốn đọc anh nữa. Anh nghe nói ở bên Mỹ đàn bà con gái thường mau quên, vợ chồng dễ bỏ nhau lắm. Em còn tuổi trẻ, còn tương lai, còn cả quãng đời dài trước mặt. Rồi em sẽ gặp những người đàn ông khác, trẻ trung hơn anh, học thức hơn anh, địa vị hơn anh và... không xài tiền Việt Nam như anh. Đã gần ba tháng nay anh chưa nhận được thư em. Anh nóng lòng muốn biết tin em. Ở bên Mỹ nghe nói ai cũng bận rộn. Em lại vừa đi học vừa đi làm, chắc không còn thì giờ nào để nghĩ tới anh. Đến một ngày nào đó không còn nhận được thư em nữa, anh hiểu rằng em đã thực sự quên anh, anh sẽ chẳng trách cứ gì em. Anh cầu chúc cho em...

(Đoạn sau hơi có vẻ cải lương... Vĩnh liếc xuống những hàng chữ dưới cùng).

Hôn em. Người bạn lòng xa em đến nửa vòng trái đất.

Chưa hết. Người viết còn tham lam muốn nói thêm nữa...
Hai dòng bên dưới chữ ký ngoằn ngoèo.

*Nhớ em đến tận cùng nỗi nhớ. Từ vóc dáng đến nụ cười,
mái tóc, khuôn mặt...*

Nhớ đừng nhớ chiếc răng khểnh của anh!"

Vĩnh gập vội quyển sách lại. Chàng đưa mắt nhìn quanh như sợ ai đó bắt gặp, có cảm giác ngượng ngập như vừa lấy trộm một thứ gì. Nga vẫn ngồi đó. Vĩnh không biết nàng đã vô ý bỏ quên lá thư giữa những trang sách hay nàng cố tình làm vậy để chàng có cơ hội đọc nó không chừng. Chàng lặng người đi trong giây lát. *Chiếc răng khểnh của anh!* Không phải của chàng. Nga đã thuộc về một người khác. Vĩnh vẫn biết điều đó, nhưng chưa bao giờ thực tế lại hiện ra trước mắt chàng rõ rệt hơn phút này.

Nhớ em đến tận cùng nỗi nhớ. Ở đâu chàng cũng nghe, cũng đọc thấy câu ấy. Người đàn ông kia chắc chắn là phải yêu Nga hơn chàng nhiều. Tình yêu ở chàng chỉ mới vừa chớm, nhưng nếu cứ ở gần mãi bên nàng, ngày nào đó chàng sẽ yêu Nga nhiều hơn, nhiều hơn cả anh ta nữa không chừng. Lòng chàng dễ mê đắm, tim chàng dễ yếu mềm. Vĩnh biết rõ nhược điểm của mình. Anh chàng kia chỉ sợ mất đi chiếc răng khểnh. Còn Vĩnh, chàng đã từng mất mát nhiều thứ, đã từng đánh rơi nhiều vật quý giá hơn thế nữa. Có mất thêm thứ gì nữa, một bóng cây, một dòng suối, một giếng nước bên đường cũng không phải là điều gì ghê gớm lắm, cũng không đến nỗi làm chàng phải ngã quy. Chàng vẫn còn có thể gượng đứng dậy được. Rồi chàng sẽ quên đi như đã từng tập quên đi. Chàng đã quen rồi những mất mát, những rủi ro, những khổ đau, những chia lìa. Những thứ đó

từng là bạn đồng hành quen thuộc của chàng trong cuộc đời tẻ nhạt này.

Vĩnh thấy lòng mình chùng xuống. Chàng nghĩ đến việc sẽ xin đổi đến một cái *branch* nào khác. Nơi ấy thật xa xôi, thật ít người Việt, cũng chẳng có được cuốn sách giáo khoa tiếng Việt nào. Chàng sẽ dặn lại những người cùng làm việc với chàng ở đây để nếu Nga có hỏi cũng chẳng ai nói cho nàng biết chàng đã đi đâu, về đâu. Nga có tìm đến đây, có ngồi ở thư viện hết ngày này sang ngày khác cũng chẳng bao giờ còn trông thấy được chàng. Rồi Nga cũng sẽ mau chóng và dễ dàng quên chàng như đã từng quên đi những anh chàng vớ vẩn có lần đụng phải, có lần gặp gỡ phát phờ đầu đó trong đời nàng mà chẳng bao giờ còn gặp lại lần thứ hai. Nàng cũng sẽ thản nhiên đi tiếp, đi mãi cho đến hết con đường của nàng mà chẳng hề có chút hình ảnh nào của chàng đọng lại ở góc nào trong tâm trí nàng.

Nhưng rồi Vĩnh lại nghĩ, đâu có việc gì mà phải trốn tránh như vậy. Chàng tự nhủ hãy cứ giữ lòng bình thản. Nào đã có gì đâu. Chỉ là một lá thư, chỉ là những dòng chữ. Một lá thư với những dòng chữ thương thương, nhớ nhớ như bao lá thư khác chàng đã từng viết, từng đọc. Thế mà cũng đã làm cho chàng phải sưng sờ đến như vậy. Rồi Vĩnh tự cười mình. Chàng thấy mình đã từng tuổi này mà vẫn còn đa sầu đa cảm, vẫn còn ra vẻ lãng mạn. Chàng thực sự đâu đã biết tình cảm của Nga đối với chàng như thế nào. Và tình cảm của nàng đối với người đàn ông kia lúc này ra sao. Anh ta lại ở xa nàng quá, xa mãi đến “nửa vòng trái đất” đúng như là anh ta viết. Xa mặt thì phải cách lòng, ông bà mình đã nói vậy, đâu có sai được. Trong lòng chàng lại nhen nhúm

một tia hy vọng mơ hồ.

Vĩnh ngó đồng hồ. Chàng đi lại chỗ Nga đang ngồi, làm ra vẻ tự nhiên, đặt mấy cuốn sách lên chiếc bàn thấp bên cạnh nàng.

“Anh nghỉ lunch break. Ra ngoài kiếm gì ăn không?”

“Em không đói.”

“Thì ngồi coi anh ăn.”

“Chỗ nào gần thôi. Em không đi xa đâu.”

“Gần xít. Tiệm McDonald's ngay bên cạnh. Đi bộ mấy bước là tới.”

“Ồ đó có gì mà ăn. Em ghét thức ăn Mỹ. Em biết có một tiệm phở ở gần đây.”

“Đấy là tiệm phở dở nhất Seattle. Em muốn ăn phở hôm nào anh dắt đi chỗ khác. Bữa nay thì không đủ giờ.”

Hai người chọn một bàn khuất. Trưa vắng. Vĩnh nói Nga chờ một chút trong lúc chàng đi lấy thức ăn. Lúc quay về chỗ ngồi, Vĩnh thấy Nga đang cúi đầu đọc cái gì đó. Nghe tiếng chân Vĩnh, nàng gấp vội cuốn sách lại, đôi mắt ngược nhìn chàng dò hỏi. Cuốn sách có lá thư trong đó.

“Cuốn sách ấy là của Seattle Public Library. Anh cũng gọi renew cho em rồi.”

Nga không nói gì. Vĩnh cảm thấy đói, chàng ăn uống tận tình, một loáng đã xong phần của chàng.

“Trông anh ăn ngon lành quá,” Nga nói.

“Phải ăn để mà sống chứ em. Anh dễ tính, dễ nuôi từ khi ở tù về, có gì ăn nấy, không đòi hỏi gì cả.”

“Anh mà cũng ở tù sao?” Nga hỏi.

“Sao không?” Vĩnh lơ lơ, dành tìm cách giải thích, “Sau năm 75 cả nước đi tù, đâu phải mình anh. Không tù này thì cũng tù kia. Cột đèn mà biết đi thì cũng đâu có chịu ở lại, em không nghe nói vậy à?”

Sợ Nga hỏi thêm, Vĩnh làm bộ đứng dậy đi lấy thêm ít khăn giấy. Trở về bàn, chàng thấy Nga ngồi yên lặng như đang suy nghĩ chuyện gì, miệng nhăm nháp mấy lát *french fries*, mắt lơ đãng nhìn ra phía ngoài. Vĩnh lặng lẽ ngắm nhìn nàng. Khác với cách nói, cười khá ồn ào thường ngày, Nga có lối ăn chậm rãi, nhỏ nhẹ. Trước giờ, Vĩnh ít khi muốn nhìn phụ nữ trong lúc họ ăn uống, chàng vẫn cho rằng những lúc ấy trông họ không lấy gì làm đẹp lắm. Ở Nga, chàng lại thấy khác. Vĩnh kín đáo quan sát từng cử động nhỏ nhặt của nàng. Bàn tay mềm mại, những móng tay cắt khéo, hai ngón tay thon thả nhón từng lát khoai, thong thả chấm nước sốt *ketchup*, thong thả đưa lên miệng. Đôi môi xinh xinh chúm lại, thong thả ngậm lấy chiếc ống hút. Một chiếc nốt ruồi nhỏ xíu ẩn hiện nơi khóe miệng. Chàng như mỗi ngày lại khám phá thêm ra điều gì đó mới lạ ở nàng. Giống như cách ăn uống của người Mỹ, miệng nàng vẫn khép kín trong lúc nhai. Đôi môi hơi mím lại, chiếc cằm nhỏ xinh xắn chuyển động thật nhẹ nhàng. Một dáng vẻ lơ đãng, uể oải, lại như có chút gì nghiêm nghị.

“Nhìn gì dzữ dzậy?” Nga hỏi.

Vĩnh thấy đôi má nàng ửng đỏ. Đôi mắt sắc, hàng mi cong.

“Ăn gì giống như mèo. Bộ diet chắc?”

Nga không trả lời.

“Sao bữa nay hiền quá vậy ta? Nhớ bồ à?” Vĩnh gọi chuyện.

“Hông dám đâu. Ngày mai em có cái final.”

Vĩnh dọ dẫm ít câu, sau cùng Nga cũng bộc lộ đôi chút về người yêu của nàng.

“Ảnh hiền lắm, cũng ham đọc sách như anh vậy. Em thì lười, truyện gì ngăn ngắt thì còn đọc được, dài quá thôi chịu. Ảnh cũng khá lớn tuổi, chắc cũng gần bằng tuổi anh vậy... (*Em biết tuổi anh bao nhiêu đâu mà nói, Vĩnh nghĩ bụng*). Ảnh hay có mặc cảm là già hơn em... (*Thì anh cũng vậy, Vĩnh nghĩ*). Ngày em đi ảnh buồn lắm. Tội nghiệp, ảnh chỉ sợ mất em. Gia đình em lại có vẻ không thích ảnh, cứ nói em mà lấy chồng là khỏi có được xuất cảnh...” (*Đúng quá rồi! Vĩnh lại nghĩ*).

“Nhu vậy là em cũng đâu có yêu thương gì anh chàng đó. Hoặc là yêu chưa đủ ‘đô’. Chỉ mới ‘hình như, có lẽ, chắc là tình yêu’. Nếu thực tình yêu nhau là em phải tình nguyện ở lại. Anh biết nhiều cô khước từ chuyện xuất cảnh, bắt chấp gia đình, nhất định ‘tử thủ’ với người mình yêu. Nước Mỹ đối với họ là con số không vô nghĩa.”

“Em đâu có muốn đi, tại ảnh cứ bắt em...”

“Vừa thôi cô. Ai bắt nổi cô! Em làm như anh dễ tin lắm vậy.”

“Thật ra thì em với ảnh tính với nhau, em qua đây ít năm, học xong rồi về lại, hai đứa...”

“Không dễ gì đâu cô ơi! Lòng người..., rồi ngoại cảnh, rồi bao nhiêu thứ...”

“Anh nói em thay lòng đổi dạ chứ gì?”

“Anh không định nói như vậy,” Vĩnh nói và chàng nghĩ đến lá thư nằm trong lòng quyển sách.

“Hay là anh ấy thay dạ đổi lòng?”

“Anh đâu có mong cho em điều đó. Anh chỉ muốn nói là có những cái mà người ta không thể nào tiên liệu trước được... Có những điều mà hôm nay người ta vẫn cho là đúng, ngày mai có thể là sai, hoặc sẽ không còn hoàn toàn đúng nữa. Hoặc, đôi khi chỉ đúng vào lúc này mà không đúng vào lúc khác. Ví dụ, em có thấy là nước Mỹ ngày hôm nay khác với những gì em đã tưởng tượng khi còn ở trong nước, và cũng khác với cái nhìn đầu tiên của em ngày em mới đặt chân đến?”

“Anh có vẻ có nhiều kinh nghiệm. Vậy anh khuyên em phải làm sao?”

“Làm sao anh dám khuyên em điều gì,” Vĩnh nói. “Anh khuyên anh còn chưa xong. Đời anh đã là một chuỗi dài những lỗi lầm, thua thiệt trong tình yêu, thất bại trong hôn nhân. Kinh nghiệm nếu có thực ra chỉ là những bài học cay đắng rút ra từ những thất bại. Một trong những cái mà anh đã học được là phải biết tự quyết định. Dù đúng dù sai, dù hay dù dở. Phải dứt khoát, rạch ròi. Phải là chính mình, chứ không thể bắt cứ ai khác, quyết định lấy mọi chuyện, trách nhiệm lấy cuộc đời mình. Cũng như chuyện năm 75 chẳng hạn, em cũng thấy đó, chỉ một phút một giây quyết định khác đi thôi, xuống tàu hay lên tàu, là cuộc đời mỗi người đã rẽ sang một hướng khác. Người ta chỉ sống có một lần thôi em à.”

Vĩnh thấy mình có vẻ dông dài. Nga bảo chàng nói nhiều cũng là phải. Có đôi lúc chàng nói năng lung tung. Có đôi

khi chàng không biết là mình đang nói gì. Chàng đang nói với Nga hay nói với chính mình? Và Vĩnh cũng không hiểu chàng nói với Nga những lời ấy để làm gì, để mong thuyết phục nàng điều gì đó chẳng? Chàng muốn Nga phải quyết định cái gì đây? Chàng có thực tâm mong muốn những điều tốt đẹp đến cho nàng? Vĩnh ngờ vực cả chính mình.

Vĩnh cũng thấy dường như Nga có vẻ nghi ngại. Ánh mắt nàng nhìn chàng có khác hơn mọi ngày. Chàng không thể đọc được những gì đang ở trong đầu nàng. Nàng đang suy nghĩ về những câu nói của chàng, hay nàng chỉ làm ra vẻ suy nghĩ mà chẳng suy nghĩ gì cả. Đôi lúc chàng thấy Nga có vẻ khó hiểu. Nàng kém chàng đến bao nhiêu tuổi? Vĩnh không biết được. Nàng đâu có còn ở độ tuổi thơ ngây, nàng phải khôn ngoan hơn chàng tưởng. Liệu chàng có thực sự hiểu được nàng? Sau bao lần vấp ngã, dường như Vĩnh vẫn không tỏ ra hiểu biết gì nhiều hơn về phụ nữ, về tình yêu.

Từ lúc chia tay với cô vợ sau, chàng cũng có đôi lần gặp gỡ những người đàn bà khác, cũng có những thoáng xao động vậy, thế nhưng những ngọn sóng lãn tãn ấy cũng chẳng kéo dài được lâu. Sau khi hồn sỏi chìm lắng xuống đáy hồ, mặt nước lại trở nên phẳng lặng. Trái tim chàng đã chai cứng, hay sau những lần đổ vỡ, chàng buộc phải đắn đo, dè dặt.

Nga vẫn lặng yên nhìn chàng, ánh mắt vẫn có vẻ khác lạ. Dù sao thì đây cũng là lần đầu tiên hai người nói chuyện với nhau có vẻ đúng đắn một chút.

* * *

Từ sau buổi ấy, Vĩnh đã không gặp Nga suốt hơn hai tuần lễ. Chàng không hiểu và cũng không đoán được chuyện gì

xảy ra. Có phải vì những điều chàng đã nói với Nga? Không có lẽ nào, câu chuyện đâu có gì là nghiêm trọng. Và chàng nhớ là mình cũng đâu có nói điều gì quá đáng. Hơn nữa, chàng nghĩ tính Nga dễ quên, nàng đâu có phải là dạng người dễ bận tâm về những chuyện linh kinh như vậy. Cho đến một hôm Vĩnh nhận được một cái *postcard* gửi đến thư viện cho chàng. Vĩnh đọc thấy tên chàng. Rồi hàng chữ “White Center Library”. Rồi hàng địa chỉ ghi sai một con số. Vậy mà cũng tới được. Tấm ảnh chụp chiếc cầu Golden Gate. Mấy dòng chữ ngoáy, có vẻ như người viết đang vội vã.

“Gửi cho anh chiếc cầu mà anh thích. Em đang ở San Francisco. Tuyệt lắm! Lúc nào về em kể cho nghe. Em đi với mấy nhỏ bạn. Tính rủ anh đi cho vui mà sợ anh bị mất job tội nghiệp. Đừng ham làm việc quá. Phải relax như em vậy. Nhớ tìm cuốn sách đó cho em nghe, sẽ có quà cho anh để thưởng công...”

Chỉ thiếu dòng chữ cuối, “Nhớ anh” hoặc “Hôn anh” thì đúng là thư của một người tình viết cho một người tình. Như vậy là Nga hiện không có mặt ở thành phố này. Nàng đang ở xa chàng. Dù sao nàng cũng đã nhớ tới chàng. Ý nghĩ Nga không còn ở cạnh chàng và nàng đang vui chơi cùng bạn bè làm lòng Vĩnh se lại.

Bạn bè Nga là những ai? Vĩnh nhớ chàng có gặp một vài lần ở thư viện. Có hôm, trong lúc đang ngồi *check in* những sách khách mang trả Vĩnh nghe thấy tiếng gọi.

“Hi, Nga. Làm gì ở đây vậy?”

Người gọi Nga là một thanh niên đeo kính trắng, ăn mặc kiêu cạo, trông khỏe mạnh và khá bảnh trai. Lúc ấy Nga đang

ngồi ở bàn computer. Vĩnh thấy Nga ngược lên, mỉm cười, rồi lại cúi xuống tiếp tục gõ lên bàn phím. Chàng thanh niên tiến về phía Nga, đứng sau lưng nàng, xem nàng làm việc. Rồi anh ta vừa cúi xuống nói gì đó vào tai Nga vừa chỉ chỗ vào màn hình, hai người nói cười vui vẻ. Có lúc chàng thấy hai bàn tay anh ta đặt lên vai Nga, vuốt ve xoa nắn tự nhiên. Nga vẫn để yên, tiếp tục gõ gõ bàn phím. Có lúc Nga thấy đau hay nhột nhạt sao đó, nàng rướn người lên, rụt cổ lại, rồi tiếp tục gõ bàn phím.

“Anh chàng nào mà ‘lả lơi’ vậy em?” Vĩnh hỏi, khi Nga đến gần.

“Tuấn, học chung lớp em. Quậy lắm. Nó kém em mấy tuổi, cứ đòi làm em em. Tuấn giỏi computer lắm anh.”

Tuấn bước lại gần, Nga giới thiệu chàng thanh niên. Anh ta chỉ ngó chàng cười cười rồi quay sang nói chuyện với Nga. Chàng nghe hai người nói với nhau ít câu tiếng Việt xen ít câu tiếng Mỹ. Nga nguýt Tuấn và nói câu gì đó, rồi Tuấn bậm môi, đăm dứ dứ vào vai Nga. lát sau, Tuấn quay sang chàng.

“Chú làm part time ở đây à?”

Vĩnh thấy Nga quay đi mỉm cười.

* * *

Nga vẫn chưa thấy đến. Vĩnh nghĩ thế nào nàng cũng phải đến. Nàng nói sẽ đến thư viện để mượn lại cuốn sách hôm trước. Nga cần nó cho lớp dạy tiếng Việt tuần này. Vĩnh không biết là sách gì để giữ lại cho nàng.

Chàng bỗng nhớ Nga lạ lùng. Nhớ những lúc nàng chổng cằm nhìn chàng, mắt chớp chớp, ngón tay cái đỡ lấy chiếc

cằm xinh xắn. Nhớ những lúc nàng che miệng cười để giấu chiếc răng khểnh. Nhớ từng câu hỏi thảng thùng, từng câu nói bất bẻ của nàng. Nhớ lúc nàng hỏi chàng, “Vợ anh đâu?” Nhớ đôi mắt sắc, nhớ đôi má ửng hồng khi nàng hỏi “Nhìn gì dzữ dzậy?” Nhớ chiếc bàn computer nàng vẫn thường ngồi đó, những ngón tay xinh xắn gõ nhẹ lên bàn phím. Nhớ những lúc nàng giơ cao ngón tay trỏ, gọi Vĩnh “Help, help, please!” để nhờ chàng đến bên nàng chỉ dẫn. Nhớ chiếc ghế bành bọc nệm ở một góc khuất sau những dãy kệ sách, nơi nàng vẫn thường ngồi dựa lưng đọc những tờ báo chợ, đầu ngửa ra, hai chân bắt chéo gác lên chiếc bàn thấp. Chiếc ghế đó bây giờ trống trơn.

Vĩnh không biết Nga sẽ nghĩ sao khi chàng nói với Nga rằng chàng yêu nàng. Chàng không tiên liệu được phản ứng của Nga sẽ ra sao. Nàng có bị bất ngờ, có mở to mắt ngạc nhiên, có lại chăm chú ngắm nhìn chàng như thể đang quan sát một sinh vật lạ lùng nào đến từ ngoài trái đất. Dù sao, Vĩnh nghĩ chắc nàng sẽ không cho là chàng nói đùa. Nếu phải ngỏ lời với Nga, Vĩnh không biết sẽ phải bắt đầu như thế nào. Chàng thấy mình ngớ ngẩn, vụng về như chàng trai mới lớn, mới biết yêu lần đầu.

Vĩnh không thể biết được chuyện gì sẽ xảy ra sau đó, sau khi chàng ngỏ lời với nàng. Chàng sẽ mất nàng, sẽ mất tất cả, chàng sẽ làm hư hỏng mọi chuyện, sẽ tự làm vuột mất chút hạnh phúc hiếm hoi đang có trong tay mình? Nàng sẽ bay vụt đi mất. Chàng sẽ tiếc ngẩn ngoe!...

Dù sao, chàng cũng đã có được những phút vui ngắn ngủi bên nàng. Dù sao, Nga cũng đã có những thoáng phút giây nào đó nghĩ đến chàng. Những phút giây êm đềm. *Weep not*

for the memories. Remember the good times that we had?... Nga đã chẳng hát cho chàng nghe câu hát này một lần đó sao? Vĩnh buồn rầu nghĩ đến một ngày nào đó chàng sẽ phải thực sự xa nàng.

Vĩnh ngó ra ngoài ô cửa kính. Bóng tối đã phủ trùm từ lúc nào. Chàng nghĩ đến những buổi tối đi về một mình, như đêm nay, như lát nữa đây, chàng lại vẫn đi về một mình. Đêm nay có phải là đêm năm cùng tháng tận, có phải là đêm trời đất giao hòa? Vĩnh nhớ khi nãy Jennifer hỏi chàng có phải đêm nay là New Year's Eve của người Việt. Chàng như không còn nhớ được ngày tháng. Đã mấy mùa xuân lạnh lùng, buồn tẻ đi qua nơi xứ người... Vĩnh cúi nhìn đồng hồ tay. Đã gần chín giờ tối. Như vậy là Nga đã không đến. Nàng bận chuyện gì đó, có thể hôm sau chàng sẽ biết. Nhưng còn quyển sách thì sao?...

Tiếng Jennifer nói qua *speakers* thông báo với khách còn ít phút nữa thư viện đóng cửa. Vĩnh đánh một vòng, hạ các màn cửa, tắt bớt vài ngọn đèn, tắt các máy computer, thu nhặt những tạp chí rải rác trên các mặt bàn.

Những người khách cuối cùng lần lượt đứng dậy chuẩn bị rời thư viện, xếp hàng một trước quầy *front desk*, mỗi người cầm trên tay một vài cuốn sách hoặc đĩa CD, DVD... Vĩnh thấy trong số ấy có một người đàn ông Việt Nam khá lớn tuổi, dáng cao và ốm, vẻ mặt trông khắc khổ. Chàng thấy quen quen nhưng không nhớ rõ đã gặp ở đâu. Khi sách vừa *check out* xong, ông ta vội vã bước ra.

“Excuse me, sir. You forgot your book.” Tiếng Jennifer đuổi theo.

Người đàn ông không nghe thấy. Vĩnh vội cầm lấy cuốn

sách, rảo bước theo sau.

“Xin lỗi, ông còn quên cái này.”

Người đàn ông kịp dừng lại khi vừa đẩy cánh cửa dõm bước ra phía ngoài, quay nhìn chàng nói cảm ơn. Bàn tay vừa định cầm lấy cuốn sách bỗng đập mạnh vào vai chàng.

“Kìa, Vĩnh phải không?... Nhớ mình chứ? Toàn đây. Già quá nhận không ra phải không?... Khi nãy thấy cậu quen quá mình tính hỏi, bây giờ mới nhớ ra. Trông cậu vẫn thế, ít thay đổi... Mình mới qua Mỹ được mấy tháng. Cậu đi H.O. mấy?”

Ông ta tuôn ra một tràng. Vĩnh khựng người, quên trả lời. Chàng nhìn xuống cuốn sách vẫn còn trên tay mình, *Em Học Việt Ngữ*.

“Mình cứ hay quên như vậy. Mượn cho nhỏ cháu. Nó dạy tiếng Việt cho mấy đứa bé ở đây ấy mà... Gặp cậu mừng quá. Chắc cậu qua trước mình lâu rồi?”

Bây giờ Vĩnh mới định thần, nhìn kỹ người đàn ông. Đúng là Toàn. Toàn “mánh”. Trại tù A 30. Nhưng nếu anh ta không nói, chàng khó lòng mà nhận ra được. Toàn trông ốm và già hẳn đi, tóc nhiều sợi bạc, mặt nhiều nếp nhăn, hai má móm mém, chắc không còn được cái răng nào. Kết quả của những năm dài tù tội...

Và Vĩnh, chàng bỗng thấy mình cũng già sạm đi hơn bất cứ lúc nào.□

Một Mother's Day khác

Có một lần, cách đây nhiều năm, tôi đến dự tiệc sinh nhật một cô bạn. Trong lúc chuyện trò, anh bạn ngồi cạnh tôi bỗng hỏi.

“Sinh nhật của ông là ngày nào? Ông thường tổ chức sinh nhật như thế nào?”

“Tôi cũng... chả nhớ ngày nào,” tôi trả lời, làm ra vẻ hững hờ. “Nhiều sinh nhật của tôi qua đi trong âm thầm, lặng lẽ vì tôi chẳng thiết tha gì đến sinh nhật, sinh nguyệt chi chi cả. Tánh tôi không thích bày vẽ kiểu cọ, trình diễn màu mè, hơn nữa cuộc đời mình cũng chẳng có thành tích vẻ vang nào để tự hào, để ‘vinh danh’ hay để ăn mừng.”

“Ông nói vậy là sai rồi,” người bạn nói.

“Sai chỗ nào?” tôi hỏi, hơi khựng lại.

“Nói như ông là biết một mà không biết hai, là không hiểu ý nghĩa của ngày sinh nhật mình. Ngày sinh nhật không phải là ngày ông bày vẽ ra cho có chuyện để mà vui chơi hay ăn mừng, mà là ngày để ông tưởng nhớ đến đấng sinh thành; hay nói rõ hơn, tưởng nhớ đến bà mẹ của ông, người

đã phải mang nặng đẻ đau để cho ông được mở mắt chào đời, người đã phải nhọc nhằn cưu mang ông, nuôi dạy ông nên người. Ngày sinh nhật cũng không phải là ngày để ông ca ngợi hay ‘vinh danh’ ông mà là ngày để ông vinh danh... bà mẹ của ông. Nếu mẹ ông ở gần thì ông cần phải có món quà gì đặc biệt cho mẹ mình. Nếu mẹ ông ở xa thì ít nhất cái việc mà ông có thể làm được trong ngày ấy là gọi điện thoại về thăm hỏi mẹ, và khoe với mẹ ông rằng ‘Mẹ ơi, hôm nay là ngày sinh nhật của con, là ngày Mẹ sanh con ra, Mẹ nhớ chứ? Con luôn ghi nhớ ngày này và con cảm ơn Mẹ nhiều lắm!’ Những lời thăm hỏi và cảm ơn ấy là món quà ý nghĩa nhất và làm cho mẹ ông vui nhất. Cần phải biết ơn và nói lời cảm ơn mẹ ông, người đã trao tặng cho ông cuộc sống quý giá trên thế gian này. Còn chuyện cuộc đời ông chẳng ra chi, ‘chẳng có thành tích gì vẻ vang đáng để tự hào’ là do lỗi của ông chứ không phải của mẹ ông. Mẹ ông không thể nào sống dùm ông cuộc đời của ông được.”

Tôi cũng người. Trời đất!... Tôi phải cảm ơn người bạn ấy biết là chừng nào. Người đã làm tôi tỉnh ngộ, đã làm “vỡ” khối óc ngu muội của tôi. Và, kể từ ngày ấy, tôi hết sức trân trọng ngày sinh nhật của mình. Và cũng kể từ ngày ấy, với riêng tôi, ngoài ngày lễ gọi là Mother’s Day (hay Mothers’ Day) cho tất cả những ai có được một người phụ nữ yêu quý trên đời này để gọi là “Mẹ”, tôi còn có thêm một Mother’s Day khác nữa cần được cử hành thật trang trọng, hoặc đơn sơ nhưng trang trọng, đấy là ngày sinh nhật của tôi, ngày Mẹ sinh ra tôi, ngày Mẹ cho tôi cuộc sống đáng yêu đáng quý trên thế gian này. Tôi cho rằng mỗi đứa con đều cần có riêng cho mình một ngày Mother’s Day ấy để nhớ về người mẹ yêu quý của mình, hoặc còn ở bên con, hoặc ở xa

con, hoặc đã từ biệt thế gian này để đi về một thế giới khác.

Người bạn tôi thì đặt một cái tên khác cho ngày sinh nhật của mình, “Ngày Của Con”. “Có Ngày Của Mẹ thì cũng phải có Ngày Của Con chứ,” anh ta nói. “Gọi thế để nhớ cái ngày Mẹ sinh ra mình.”

Ngày sinh nhật của con cái mang ý nghĩa như thế thì ngày sinh nhật của các bà mẹ lại càng phải được trân trọng hơn. Không có ngày sinh nhật mẹ thì làm sao có... ngày sinh nhật con.

Tháng trước, lần đầu tiên trong đời mình, tôi làm được một việc tạm gọi là có ý nghĩa của một đứa con. Thay vì gọi điện thoại về thăm hỏi Mẹ trong ngày sinh nhật lần thứ 90 của bà, tôi đã có hành động tích cực hơn: đưa vợ và con bay về thăm Mẹ và cùng với mấy anh chị em tổ chức lễ Thượng Thọ cho Mẹ.

Mẹ tôi ở với vợ chồng chú em. Hai vợ chồng đi làm cả, đứa con trai cũng đi làm, Mẹ ở nhà một mình hết đọc báo rồi đọc kinh. Gặp lại bà chị lớn của tôi sau nhiều năm xa cách, chúng tôi ôm nhau thật chặt, buồn vui lẫn lộn. Tôi nói, “Chị già đi nhiều!” Chị tôi nói, “Em già đi nhiều!” Vậy là cả hai chị em đều già (và đều “nói thẳng nói thật” với nhau). Mẹ tôi còn già hơn nữa, già đến mức tôi không đành nhìn thẳng vào khuôn mặt hằn sâu những vết trũng, vết nhăn. Mẹ gầy ốm, lưng đã còng lại còn gù lên khiến thân hình như gập xuống, như thể bao nhiêu nhọc nhằn từ đời thuở nào chất chồng lên lưng Mẹ. Mẹ lại thêm bệnh “lấn”, lúc nhớ lúc quên. Nhìn Mẹ chống gậy bước đi lom khom, chậm chạp, đầu hơi cúi xuống trong lúc đôi mắt cố nhướng lên nhìn con, lòng tôi dâng lên nỗi xót xa... Hơn lúc nào hết, tôi

nhận rõ những phôi pha, lạnh lùng của năm tháng khi chiếc bánh xe nặng nề của thời gian đã lăn đi một vòng.

Tôi đã biệt biệt xa Mẹ bao năm, những năm đi học xa nhà, rồi những năm đi lính, rồi những năm đi tù “cải tạo”, sau cùng là đi định cư ở nước ngoài để mong tìm một tương lai tốt đẹp hơn cho vợ con mình và cho mình trên một quê hương khác. Tôi có là đứa con ích kỷ? Nhiều lần tôi tự hỏi vậy và nhiều lần tôi tự biện bạch cách này cách khác hòng vui bớt nỗi đau vặt. Không phải là Mẹ đã muốn tôi ra đi hay sao? Không phải là Mẹ đã từ chối ra đi cùng gia đình tôi hay sao, dù biết rằng hai mẹ con rồi sẽ xa nhau muôn dặm? Phần tôi, một khi đã đi là đi biệt, chỉ vài năm một lần bay về thăm Mẹ và những người thân yêu còn lại ở quê nhà, ít hôm rồi lại... bay đi.

* * *

Các bà mẹ Việt Nam đều giống nhau, người ta vẫn nói vậy. Như những bà mẹ khác, mẹ tôi không muốn được nói nhiều về mình, cũng như bà chỉ muốn lễ Thượng Thọ tổ chức đơn giản, gọn nhẹ trong không khí gia đình giữa những người thân quý, chẳng ai là khách khứa. Tuy nhiên trong buổi tiệc vui đêm ấy chúng tôi đã mạn phép làm... trái ý Mẹ (như tôi vẫn hay làm trái ý Mẹ) để vắn tắt kể ra một vài đức tính của bà mẹ mình mà các con cháu thật cảm phục và lấy làm tự hào về bà, như...

Lònghy sinh đến quên cả hạnh phúc riêng mình. Mẹ sớm trở thành góa phụ khi còn xuân sắc và đã ở vậy nuôi dạy đàn con nhỏ dại đến khi nên người.

Tính lương thiện và ngay thẳng giữa cuộc sống bon chen, xô bồ mà không phải lúc nào người ta cũng giữ được sự

ngay thẳng, lương thiện.

Tính nhẫn nhục và chịu đựng vô bờ để gượng dậy và đứng vững sau những mất mát, tai ương đến từ cuộc đời nghiệt ngã.



(Ảnh: LH)

Là một nhà giáo chuyên nghiệp, từng điều hành trong nhiều năm một trường tiểu học trước năm 1975, bà đã truyền dạy những bài học về tình bác ái, đức công bằng và đạo lý làm người cho các thế hệ con cháu. Mãi đến nay, nhiều học trò cũ đã thành danh trong xã hội và nhiều đồng nghiệp cũ vẫn nhắc đến bà với những tình cảm thương quý. Có thể nói, bà là một trong số rất ít mẫu người thầy cô giáo “classic” hiếm hoi còn sót lại của một thời nào “tôn sư trọng đạo” đã phai tàn.

Mẹ tôi nặng tai đến gần như điếc nên bà chỉ nghe được loáng thoáng những gì tôi nói đêm ấy, vì thế những lời đó còn là lời tôi muốn được chia sẻ cùng những anh em, bạn bè ngồi quanh tôi, là những đứa con còn mẹ hay đã mất mẹ.

Có khá nhiều câu “danh ngôn” nói về tấm lòng, trái tim người mẹ, trong số ấy tôi nhớ mãi nhớ hoài câu của nhà ngụ ngôn Aesop, “Trên đời này tôi biết có hai dạng đàn bà, một làm ta đau khổ; một đau khổ vì ta. Về dạng thứ hai, tôi biết có một người: mẹ tôi.”

Riêng tôi vẫn ân hận một điều, từ bé cho đến khi lớn khôn, hầu như tôi chưa bao giờ nói với mẹ tôi ba tiếng “Con yêu Mẹ”, mặc dầu nhiều lúc tôi rất muốn. Khi ra đời, nhiều năm xa nhà, tôi không được ở gần Mẹ để nói với Mẹ lời ấy, thế nhưng những lúc quay về bên Mẹ tôi vẫn... không sao thốt nên lời, làm như có gì ngăn tôi lại. Có thể vì tôi không có thói quen tỏ bày tình cảm riêng tư bằng lời nói, tôi cảm thấy ngượng ngượng thế nào khi thốt lên câu nói ngắn ngủi ấy. Tôi chắc là bà mẹ nào cũng muốn được nghe câu ấy từ cửa miệng con mình ngày nào mẹ còn ở bên con. Bây giờ dẫu tôi có muốn nói cũng không dễ chút nào, vì mẹ tôi chẳng còn nghe được những gì tôi muốn rót vào tai bà. Mặc tôi muốn nói gì thì nói bà chỉ... cười cười. Nếu muốn bà nghe được, tôi phải hét thật lớn, và điều ấy lại hóa ra kỳ cục. Tôi đành phải... nói thầm ba tiếng ấy cho một mình tôi nghe. Dầu sao tôi tin rằng mẹ tôi đã “nghe” được câu nói ấy qua việc làm mới đây của các con mình.

Sau lễ Thượng Thọ Mẹ, vợ con tôi phải về trước, tôi còn ở thêm được với Mẹ ít hôm rồi cũng vội vàng quay trở lại nơi tôi sống xa nhà bao năm nay, như sợ rằng nếu còn dưng dăng nán thêm nữa tôi khó mà rời xa Mẹ được.

Tội nghiệp Mẹ, tối hôm ấy khi tôi bước xuống lầu với hành lý trên tay, Mẹ ngạc nhiên nhìn tôi hỏi, “Con đi đâu vậy?” Mẹ không biết là tôi sắp sửa rời xa bà trong ít phút

nữa. Tôi nói, “Con về lại Mỹ.” Bà không nghe được, hỏi lại lần nữa. Tôi nói như hét lớn, “Con về lại Mỹ.” Mẹ tôi đứng ngây ra. Vài giây sau bà nắm chặt lấy tay tôi, hỏi, “Con đi thật sao? Mẹ tưởng...” Những đầu ngón tay Mẹ bầu chặt cánh tay tôi. Tôi nhẹ nhàng gỡ những ngón tay Mẹ, nói, “Mẹ lại đây chụp với con tấm hình.” Mẹ tôi vẫn đứng ngây ra. “Mẹ không muốn chụp hình với con sao?” tôi hỏi, dắt Mẹ đến giữa phòng khách. Hai mẹ con đứng bên nhau, tôi nói chú em bấm cho mấy tấm ảnh.

“Mẹ cười lên!” tôi nói. “... Một, hai, ba!”

Mẹ cười dúm dỏ. Taxi vừa trở đến, chờ ngoài cửa. Đặt nhẹ bàn tay lên vai Mẹ, tôi nói “Thôi nhé, con đi!” (và nhớ ngày xưa đi lính, những lần về thăm Mẹ, lúc quay về lại đơn vị tôi cũng nói với Mẹ y như vậy).

Mẹ theo tôi ra ngoài cửa. Chú em tôi lên xe trước, tôi quay nhìn Mẹ nói, “Mẹ vào đi, nhớ khóa cửa sắt lại, có mình Mẹ ở nhà.” Mẹ tôi vẫn đứng đó, thẫn thờ. Tôi nắm tay Mẹ dắt vào trong, rồi bước ra, kéo cánh cửa sắt lại. “Mẹ nhớ khóa cửa lại cho con,” tôi nói và bước lên xe. Mẹ đứng lặng yên sau khung cửa sắt nhìn ra. Cánh cửa sắt nặng nề có những chấn song trông như những song sắt nhà tù, một nhà tù của cô đơn. Đây là hình ảnh sau cùng về Mẹ tôi còn giữ được.

Xe chạy thẳng, tôi không ngoái lại, cũng không vẫy vẫy tay về phía Mẹ để không phải ứa nước mắt.

Chuyện đến đây là hết. Nếu có đọng lại chút gì thì đây là những tấm ảnh màu chụp Mẹ tôi ngồi giữa đàn con cháu với nụ cười tươi và bó hoa cũng tươi thắm trên tay. Những bông

hoa thơm ngát của lòng biết ơn mà chúng tôi dâng tặng Mẹ trong đêm ấy cùng với lời chúc mừng tuổi Mẹ vừa tròn 90. Những bông hồng màu đỏ thắm ấy cũng bày tỏ nỗi sướng vui của những đứa con thật may mắn còn có Mẹ, tuy tuổi Mẹ đã già, sức Mẹ đã yếu như bóng chiều quạnh quẽ trong buổi hoàng hôn của đời người.

Một Mother's Day thôi thì chưa đủ, tôi nghĩ thế. Cần phải có thêm những Mother's Day khác, những ngày làm ta nhớ đến Mẹ, như ngày sinh nhật Mẹ, ngày sinh nhật con và ngày giỗ Mẹ nữa, của những đứa con không còn Mẹ.□

(Mother's Day, 2010)

Căn nhà cuối cùng của tôi

Ôi, lãng du quay về điêu tàn!...

(“Trở về mái nhà xưa”, Phạm Duy)

Tôi không nhớ được gì nhiều về “căn nhà đầu tiên” của mình, như có người từng kể cho chúng ta nghe trước đây,* tuy nhiên về “căn nhà cuối cùng” thì tôi biết rõ hơn vì đây là nơi tôi đang cư ngụ và cũng muốn chia sẻ với các bạn ít chuyen vui buồn về căn nhà khá đặc biệt này.

Tôi dọn về đây cũng hơn hai năm. Nhà chỉ có một phòng và tôi cũng chả biết gọi nó là gì, không phải *studio*, cũng không phải cái *suite*. Ai muốn gọi sao thì gọi, có điều là tôi rất chịu cái nhà này. Lúc mới dọn vào tôi chỉ sợ là sẽ lạnh lẽo vì nhà chẳng có máy sưởi máy *heat* chi cả, thế nhưng lạ một điều là càng ở lâu thì càng cảm thấy ấm áp.

Trong đời mình tôi đã bao lần thay đổi nơi cư trú, trong số ấy có những căn nhà đã cho tôi mái ấm gia đình và những thời kỳ hạnh phúc. Tôi vẫn thường nói với bạn bè, điều có ý nghĩa không phải là sống trong ngôi nhà nào mà là sống với người nào. Riêng căn nhà cuối cùng này thì tôi chẳng sống với ai cả. Nhà được thiết kế khá phù hợp cho người

* *Căn nhà đầu tiên của tôi*, Trần Mộng Tú

lớn tuổi thích sự tĩnh lặng và thích sống một mình, “độc lập-tự do-hạnh phúc”. Kể ra thì nhà có hơi tối và cũng hơi chật một chút, tuy nhiên ở lâu thì cũng quen thôi, hơn nữa trong nhà cũng chẳng có vật dụng gì nhiều. Trước ngày dọn về đây tôi đã quăng đi không biết bao nhiêu đồ đạc linh tinh như một cách thu gọn lại cuộc sống và tự giải phóng mình ra khỏi những trói buộc của tiện nghi vật chất mà con người tạo ra để rồi trở thành nô lệ cho chúng. “Sắm sửa làm gì cho lắm,” tôi vẫn nói với vợ con, “đến lúc chết có mang theo được đâu.”

Mặc dù đã nói trước với người nhà là nơi tôi dọn đến có sẵn mọi thứ và tôi không cần mang theo gì cả, vậy mà hôm chia tay mọi người vẫn lẳng xăng đóng gói cho tôi món này món nọ, cả đến cây thánh giá nhỏ bằng đồng, bộ sách Kinh Thánh toàn tập (chắc họ nghĩ đây là những vật bất ly thân của tôi), bộ *vest* màu xám đất tiền mà tôi ít khi mặc (chắc để tôi đóng bộ cho trình trọng đi gặp ai đấy), chưa kể không biết bao nhiêu là hoa tươi (chắc để chưng bày trong nhà mới cho vui mắt). Ngó mặt mũi ai nấy rầu rĩ như là đưa đám, tôi cũng đành nhận cho xong chuyện.

Nghĩ cho cùng, đây không phải là căn nhà tôi vẫn mơ ước đấy sao? Này nhé, thường thì khi chọn mua nhà tôi chú trọng đến cái *view*, rồi đến cái *neighborhood*. Căn nhà nằm giữa đồi cỏ rộng thênh thang, bốn bề gió lộng, cách biệt hẳn tiếng động rì rầm của xe cộ và mọi sinh hoạt nhốn nháo của đời thường. Thằng con tôi biết ý bố nó nên chọn cho tôi lô đất nằm dưới bóng rợp của một tàn cây sồi râm mát. Sáng ngẩng cảnh mặt trời lên và chiều xuống thật êm đềm với màu nắng vàng phai trải rộng trên sườn đồi gợi nhớ câu hát trong bài *Chiều vàng* của Nguyễn Văn Khánh, *Trên đồi*

xanh chiều đã xuống dần / mặt trời lấp ló sau đồi chiều vàng... Lúc đêm xuống thì cảnh vật vắng lặng và chìm trong bóng tối mờ mờ vì khu vực này ít đèn đuốc. Tối thì có tối nhưng từ ngày tôi dọn về đây cũng chẳng có chuyện gì xảy ra, có lẽ vì trộm cướp cũng biết nhà cửa ở đây chẳng có tài sản quý giá gì. Hàng xóm láng giềng khá tử tế, dễ chịu và không ồn ào, chẳng ai làm phiền ai.

Tôi cũng chịu điếm nữa là nhà nào cũng xây cất gần như cùng một kiểu và cũng chỉ có một phòng tạo cảm giác bình đẳng, thoải mái do không có sự cách biệt giàu nghèo. Cũng có những gia đình bố mẹ con cái cùng dọn về đây nhưng không ở chung mà mỗi người một nhà trong cùng một lô đất. Như vậy cũng tốt thôi, thỉnh thoảng qua lại thăm nhau vẫn hơn là ở chung chạ dễ có những va chạm dẫn đến mất mát tình cảm. Có những lô đất được ai đó mua sẵn (thường là ở cạnh nhà của người thân trong gia đình), nhưng khá lâu vẫn chưa thấy xây cất chi cả.

Năm đây tôi có nhiều dịp suy gẫm về cái vô nghĩa và phù vân của kiếp người. Người ta phung phí tiêu pha hết một đời để đua chen những danh, lợi, quyền, và mãi mê tìm kiếm những hoan lạc của cuộc sống trần tục. Đời sống ngày càng thu ngắn lại, với những người lớn tuổi thì một ngày sống là một ngày đi lần về phía cái chết. Ai cũng biết rõ là như vậy nhưng mọi người làm như đấy là chuyện của người khác chứ không phải chuyện mình. Thật buồn cười, cho dù cái chết không chừa ai, và những người bạn đồng hành của mình trên con đường đời lần lượt kẻ trước người sau bỗng ngã lăn quay ra như những người lính bị bắn sè.

Nhận thức rõ điều ấy nên vào những năm tháng cuối đời

tôi không còn màng đến những chuyện vặt vãnh thế gian thường tình. Kẻ sang người hèn, kẻ trọng người khinh, kẻ thắng người bại, kẻ khen người chê, kẻ yêu người ghét, tất cả đều chẳng có nghĩa lý gì khi con người sắp sửa rẽ vào *exit* cuối của *freeway* Đường Đồi, và rồi biến mất khỏi mặt đất này.

Cuộc sống thật là ngắn ngủi. Nhiều lúc tôi tưởng như mình chưa từng hiện hữu trên thế gian này bao giờ. Khi phải đặt bút tính sổ cuộc đời, tôi lấy làm hổ thẹn chẳng có nổi thành tích nào gọi là vẻ vang, để khi bức màn sân khấu đời từ từ khép lại đành ngửa mặt lên trời than rằng “Ta đã làm chi đời mình!?” Lỗi lầm lớn nhất của tôi là tiêu xài hoang phí vốn liếng thời gian để đuổi bắt những ảo ảnh cuộc đời, cho đến lúc quỹ thời gian gần cạn vẫn chẳng thấy đâu là bến, là bờ. Giá mà được sống thêm một lần nữa chắc tôi sẽ bắt đầu lại khác hơn. Tôi biết mình sẽ phải đi trên con đường nào, sẽ có những chọn lựa và quyết định khôn ngoan hơn để không làm hỏng đời mình. Nhưng làm thế nào được, người ta chỉ sống có một lần.

Năm đây tôi cũng có dịp suy gẫm về nhân tình thế thái. Những người lâu nay tôi vẫn xem là thân thiết thì lại không phải vậy. Những người trước giờ tôi không kể là thân tình thì lại tình nghĩa thấm thiết. Chắc phải đợi đến lúc nằm xuống mới biết đâu là tình thật, đâu là tình giả, như là câu hát trong bài “không tên” nào, *Triệu người quen, có mấy người thân? Khi lìa trần, có mấy người đưa?*

Năm đây, tôi cảm nhận được những đổi thay kỳ diệu và nhạy bén của thời tiết, mùa màng. Bây giờ đang là cuối thu, những xác hoa tàn úa và từng cánh lá khô rụng đầy mặt đất.

Tôi để mặc chúng rã mục, ngấm vào lòng đất lạnh, như ngấm vào lòng tôi âm lạnh. Tôi cảm nhận được cả *hương thu mầu tím buồn*, như câu hát của ông nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, tràn vào phòng tôi kể từ mùa thu trước. Hơn thế nữa, tôi cảm nhận được bao hương vị lâng lâng của đất trời, của cây cỏ thiên nhiên thấm vào trong tôi cả bốn mùa. Có hạnh phúc nào bằng!

Có lúc tôi tận hưởng cái thú cô đơn của mình, có lúc tôi mong được ai đó gõ cửa đến thăm. Thay vì trái tím thắm “Welcome!” trước cửa nhà như cách người ta vẫn làm, tôi tính nhờ thằng con tôi khắc câu gì đó trên tấm biển gắn trước nhà nhưng chưa nghĩ ra câu nào hay ho. Tiếng Mỹ tiếng Việt gì cũng được. Có thể là câu gì vui vui, chẳng hạn *Khi thấy buồn em cứ đến chơi / Chim vẫn hót sau vườn đầy thoi...* như là trong bài hát nào đó, nhưng có hơi dài dòng. Câu nào ngắn ngắn thì người ta dễ nhớ hơn, và tránh những câu nhiều nhà vẫn hay dùng như là “Stop by anytime!”, “Thanks for coming!”, “Coming soon!”, “See you soon!”...

Hỏi ý cô bạn hàng xóm thì cô nói đùa, “Viết gì thì viết, chú nhớ đừng có ghi là ‘See you tonight!’ làm cho người ta sợ.” Tôi cười, “Không dám đâu! Muốn thăm viếng gì thì cũng phải hẹn hò trước chứ, ai lại xông xộc đến nhà người ta bao giờ.” Sau cùng tôi tạm bằng lòng với câu “Welcome to my last house!”

* * *

Tôi thực lòng cảm kích những ai còn phút giây nào nhớ đến mình. Những người đến thăm tôi thường không hẹn trước, chắc họ cũng biết ban ngày tôi ít ra khỏi nhà, chỉ ban đêm đôi lúc đi dạo loanh quanh một vòng cho đỡ gôn gôn,

bớt tù túng và tận hưởng không khí tịch lặng chỉ mình ta với ta.

Thường thì mấy anh chị em tôi vẫn hay ghé chơi vào dịp Tết hoặc những ngày lễ tôn giáo. Thỉnh thoảng cô vợ cũ cũng nhớ chút tình xưa nghĩa cũ mà ghé thăm chốc lát (vào những năm cuối đời chúng tôi thỏa thuận trả tự do cho nhau sau thời gian dài chung sống trong ngôi nhà rộng vắng tiếng cười). Lần nào cô cũng cầm theo bó hoa tươi thắm, cắm vào chiếc bình hoa đặt trước thềm nhà. “Em đến thăm anh,” cô nói thì thâm đủ cho tôi nghe. Khuôn mặt lạnh lẽ, thoáng buồn và ánh mắt xa xôi. Nhìn cô chậm rãi đi lại trước hiên nhà, cảm lạnh như chiếc bóng, lòng tôi dâng lên nỗi xót xa.



(Ảnh: Ashley Whitworth)

Cô ấy tốt hơn tôi tưởng, chỉ có tôi là ít chịu nhìn thấy những cái tốt của người khác. Cô dọn cỏ sạch sẽ và trồng trước nhà tôi cụm bông hồng *Lady Banks' Rose*, loại hồng leo không có gai, nở những bông hoa nhỏ phơn phớt màu

vàng nhạt là màu tôi vẫn yêu thích. Chắc cô vẫn nhớ tôi gọi giống cây ấy là “Xanh hoài ngàn năm” (*Evergreen*) vì không chết theo mùa đông.

Người chịu khó đến thăm tôi nhất là thằng con tôi, mỗi tháng ít ra cũng một lần vào ngày nghỉ cuối tuần mặc dù tôi biết nó khá lu bu với công việc và bạn bè. Có những hôm bất chợt nhìn ra ngoài tôi đã thấy nó đứng đấy từ bao giờ. Ngồi bên tôi khá lâu, nó nói những lúc buồn và cô đơn nó hay nghĩ về tôi và muốn tìm đến tôi, ngỡ như hai bố con vẫn bên nhau như ngày nào. “Lúc nào con cũng tưởng như Bố vẫn luôn ở bên cạnh con,” nó nói. “Bây giờ con hiểu Bố nhiều hơn và thấy thương Bố nhiều hơn.” Tôi để cho nó nói hết, chỉ lặng yên và lắng nghe. Ngó bộ mặt thằng nhỏ rầu rầu. “Đúng thế,” tôi nói thầm với nó. “Con yêu, Bố luôn ở bên con trên đường đời. Bố luôn dõi theo bước con đi, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Con không cô đơn đâu.” Tôi nói và cảm thấy ngượng vì biết mình nói dối. Tôi còn làm được gì cho nó bây giờ!

Cả những lúc gặp chuyện gì khó xử nó cũng kể tôi nghe, làm như tôi vẫn là “cố vấn tối cao” của nó vậy, cách nó thường gọi đùa tôi. (Cố vấn tối cao gì nổi, “tôi thui” thì có. Những điều tôi khuyên nó thường là những điều tôi không làm được nhưng biết chắc là đúng đắn, rút kinh nghiệm từ những thất bại ê chề trong đời mình). “Bố biết không,” nó nói, “mỗi khi gặp chuyện gì đau đầu, con tự hỏi giá như Bố có ở đây thì Bố sẽ làm như thế nào, và con tìm ra được cách giải quyết vấn đề.” Hóa ra tôi vẫn là “thần tượng” của thằng con mình. “Bố biết không,” nó hạ thấp giọng, “Mẹ vẫn kể là ngày xưa Bố thường...” Có khi nó cười, có khi

nó khóc, quệt những giọt nước mắt, làm tôi mũi lòng muốn khóc theo. “Đừng khóc,” tôi nói. “Con trai không khóc. Mạnh mẽ lên, dũng cảm lên, con trai của BỐ!” (Nói cho ra vẻ vậy, chứ thằng bố của nó lắm lúc cũng yếu xìu).

Một trong những điều tôi vẫn ân hận trong đời mình là tôi chỉ có đứa con duy nhất. Trông dáng vẻ nó lúc nào cũng cô đơn đến tội nghiệp, vì nó chẳng có anh chị em chi cả để bầu bạn. Nhiều lúc hai bố con trò chuyện với nhau như là hai người bạn. Đến thăm tôi, có lúc nó đi một mình, có lúc với bạn gái nó. Trông mặt con nhỏ cứ bơ bơ, chẳng thèm chào hỏi ngó ngàng gì đến tôi, chỉ bám riết lấy thằng bố nó. Có khi thằng con tôi đi với đứa khác, đứa nào nó cũng nói là bạn gái nó. Tôi cũng chịu thua bọn trẻ bây giờ. Thây kệ, miễn nó vui là tôi vui. Nó còn nghĩ tới mình, còn chịu khó tới lui thăm viếng mình là phước đức lắm rồi.

Vui nhất là tên bạn nổi khổ lâu lâu ghé thăm. “Sao, lúc này có gì lạ? Tình cảm, công việc thế nào? Everything’s ok chứ?” Lúc nào hắn cũng lặp lại câu hỏi cũ rích cũ rơ mỗi lần hai thằng gặp nhau. Rồi hắn đốt cho tôi điếu Malboro. “Làm một điếu đi,” hắn nói. “Bây giờ là hút thoải mái thôi, cho bác sĩ đi chỗ khác chơi, đêch còn sợ ung thư, lung phổi gì gì nữa.” Xong, hắn rút ra trong túi quần chiếc khẩu cầm và đưa lên miệng thổi bài *Come back to Sorrento*, bài hát hai thằng đều thích từ thuở còn đi học và tôi vẫn bắt hắn chơi cho tôi nghe.

*Về đây nhé, cảm xong chiếc thuyền hồn
Ôi, lãng du quay về điêu tàn!...*

“Thêm một bài nữa nhé!” hắn nói, chùi sơ chiếc khẩu cầm vào gấu áo rồi chơi thêm bài *If you go away*, bài hát

ngày xưa tôi vẫn ngêu ngao mỗi khi thất tình và có một kỷ niệm nhớ đời về mối tình dang dở. Tôi nghe mà chảy nước mắt. Tên này đúng là bạn mình thực sự, biết tổng mọi sở thích sở nguyện, tánh tốt tánh xấu của thằng bạn chán đời.

*If you go away as I know you must
There'll be nothing left in this world to trust
Just an empty room full of empty space
Like the empty space I see on your face*

“Enjoy nhé!” hấn nói. “Thôi, tao dzọt. Ghé thăm mày chút chút vậy. Lúc này tao cũng đuối rồi, chắc cũng sắp sửa theo chân mày thôi.”

Từ khi dọn về đây tôi có cái vui được gặp lại những người thân yêu mà trước đó tưởng như chẳng bao giờ còn trông thấy nhau lần nữa. Trước hết là ông bố tôi. Ông lìa xa mái ấm gia đình từ thuở tôi còn bé tí, đến nỗi nhiều lúc tôi quên hẳn là mình từng có một người bố. Hai bố con gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, giống như là câu chuyện gia đình phân tán, bố mẹ con cái lưu lạc nhau đến mấy mươi năm sau chuyến vượt biển hải hùng tìm tự do. Nước mắt rung rung, bố tôi nói ông thật có lỗi đã thiếu hẳn phần chăm sóc tôi khiến tôi lớn lên thiếu vắng tình thương của người cha. Tôi nói, “I’m ok, Dad. Bố có muốn như thế đâu phải không?” Ông hỏi thăm nhiều về mẹ tôi, tỏ ra cảm động khi biết bà tuy già yếu lụm khụm vẫn cứ lâm râm đọc kinh mỗi ngày cầu Chúa ban phước lành cho ông. (Thỉnh thoảng tôi vẫn về thăm Mẹ. Bà đã lẩn nhiều và cứ nói với mọi người rằng bà vẫn gặp tôi trong... giấc mơ).

Rồi đến đứa em gái tôi, anh em cách biệt nhau từ khi nó quyết định bỏ đi thật xa không lời từ giã sau cơn bão tàn

khóc của lịch sử năm 1975. Khi tôi ở tù “cải tạo” về thì không còn thấy em đâu nữa. Hai anh em ôm chầm lấy nhau mà ứa nước mắt. Em tôi không muốn kể và tôi cũng không hỏi em đã “sống” như thế nào trong suốt bấy nhiêu năm. Chúng tôi đều muốn quên, quên hết. Sau cùng thì anh em tôi đã gặp được nhau, thế là đủ.

Rồi đến cả những bạn bè cũ thân thiết, cả những tên bạn mất tích trong cuộc chiến mà tôi cứ ngỡ chẳng bao giờ còn gặp lại vì chắc đã chết mất xác, âm dương đôi đường cách biệt. Vui nhất là thằng bạn mà chúng tôi vừa làm một cú tiền đưa tháng trước. Tên này hiền khô lại tốt bụng với bạn bè nên ai nấy cũng sù sì. Bất ngờ gặp tôi, nó sững sờ đến tròn mắt, há hốc mồm, “Trời đất, mày tới đây hồi nào vậy? Có chuyện gì vậy? Sao lại mò xuống đây? Sao không báo tao ra đón?” Nó hỏi một tràng, tôi chẳng biết đăng nào mà trả lời. Thằng này thật buồn cười, đưa vớ dĩ, cứ làm như đi du lịch không bằng. Nó làm như tôi tiên liệu, sắp đặt hết được mọi chuyện vậy. Cuộc sống vốn lắm cái bất ngờ, sống ngày nào biết ngày đó, ngủ một đêm sáng mai ra biết còn trông thấy ánh mặt trời. “Thì nhớ bạn bè,” tôi nói, “kiếm mày đi nhậu thôi.” “Mày lúc nào cũng đùa được,” nó nhăn mặt. “Thôi để tao tính cho.” Tôi cũng chả biết nó nói “tính” là tính cái gì.

Tất cả, bao nhiêu người thân quen, những con người “tuyệt tích giang hồ” đã bao năm, bỗng dung xuất hiện cùng một lúc như từ phía sau bức màn quá khứ bước ra, nói cười, đi lại như trong một giấc mơ kỳ lạ.

Có những buổi chiều vàng, nhìn ra bốn phương tám hướng là đồng cỏ rộng mênh mông với từng vạt cỏ may

rập rờn “cuốn theo chiều gió” chạy về những phía xa chân trời, tôi như gặp lại tôi của những ngày xưa còn bé, cùng lũ bạn thả diều, bắt đê, chạy nhảy trên khắp cánh đồng tuổi thơ. Bất giác, tôi nhớ tới đoạn văn trong truyện dài *Bướm trắng* của Nhất Linh...

Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhảy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu trong những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không còn biết đau khổ là gì nữa. Trên mặt đất, chỗ chàng nằm, chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ.

Đoạn văn ấy, những câu văn êm ả, buồn buồn ấy như “thấm” vào lòng chàng trai mới lớn là tôi từ thuở còn ngồi ghé nhà trường. Tôi đã ngẫm nghĩ về cái chết từ đạo đọc được đoạn văn tả tình tả cảnh ấy, và giờ đây tôi thấy mình cũng chẳng khác gì anh chàng Trương tội nghiệp ở trong câu chuyện.

Và ở một nơi nào đó, Thu mà chàng không bao giờ quên được, vẫn cười nói, vẫn đi lại, vẫn sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia.

Tôi thoáng chạnh lòng nhớ đến cô bạn cũ và mối tình đầu vụng dại của một thời tuổi trẻ sống sôi nổi, yêu thiết tha. Giá mà trời xui đất khiến cô ấy chịu khó “em đến thăm anh một chiều mưa” như buổi chiều này thì tôi nhắm mắt cũng cam lòng. Thế nhưng, tôi biết đây chỉ là mong ước hão huyền và nỗi đợi chờ trong vô vọng. Cô ấy chắc chẳng còn phút giây nào nhớ đến tôi, một kẻ nhạt nhẽo và tầm thường chỉ tạt ngang qua đời cô trong chốc lát không để lại chút gì so với những anh chàng bảnh hơn tôi nhiều đã chiếm trọn

trái tim cô. Dẫu sao tôi vẫn mong cô sống hạnh phúc, và cho dù *Từ nay mãi mãi không thấy nhau...* thì xin *Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em / vẫn chờ / vẫn chờ đợi em...* như những câu hát sâu thẳm trong bài *Mùa thu chết* của bố già Phạm Duy.

Nói chuyện nọ lại xọ chuyện kia, e đến cả ngày cũng chưa hết chuyện. Thôi để dành đấy, hẹn ngày nào ta gặp nhau tay bắt mặt mừng khi ấy mặc sức mà tâm tình.

Lúc nào tiện mời các bạn ghé qua chỗ tôi một lần cho biết nhà. Để không phải sục sạo tìm kiếm mất thì giờ và lẫn lộn nhà này với nhà kia, cứ nhớ là trước nhà có hàng chữ “Welcome to my last house!” □

Có một vì sao

Mãi đến bây giờ, nhắm mắt lại tôi vẫn hình dung được khuôn mặt tĩnh lặng của An, đôi mắt sâu ẩn chứa những sóng mơ hồ, nụ cười hiền hậu và nhất là giọng nói thật mềm mại, dịu dàng như là cô giáo đỡ dành đứa học trò nhỏ hay người nữ y tá vỗ về bệnh nhân khiến người nghe có cảm giác được vuốt ve thật là dễ chịu.

Giọng nói ấy tôi nghe được lần đầu vào một buổi tối cách đây gần hai năm, ít phút sau tiếng chuông điện thoại vào lúc vợ chồng tôi và đứa con nhỏ vừa xong bữa cơm tối. Người thường xuyên phụ trách công việc nghe và trả lời điện thoại trong gia đình tôi là Kim, chứ không phải tôi, người vẫn hay bị vợ cản nhắc là ít khi nào chịu nhắc ống nghe. Thực ra tôi cũng có lý do, người gọi điện thoại từ đâu tới, với tôi, cũng giống như là người khách không mời mọc, không hẹn hò gì trước, xông xộc tới gõ cửa nhà người khác, không cần biết chủ nhà có đang ở trong tình trạng rảnh rỗi và thoải mái để mà tiếp đón mình hay không. Vì vậy, tôi cho là đối với những vị khách bất ngờ kiểu này, chủ nhà được phép tiếp hoặc không tiếp... Có thể là tôi hơi khó tánh một chút, nhưng không có gì bực mình cho bằng giữa lúc đang chăm

chú làm việc, nghe tiếng chuông réo lên, vội vàng chạy đến nhấc ống điện thoại chỉ để nghe những câu chào hàng kiểu “Hế-lô, xin chào anh Lê Hữu. Em là Thu Hương ở hãng AT&T đây anh. Hãng em mới có chương trình đặc biệt giảm giá tối đa cho khách hàng gọi về Việt Nam...” Cứ mỗi tối phải trả lời chùng ít cú điện thoại như vậy thì rất dễ nổi quạu mặc dù Kim vẫn nói, “Anh phải thông cảm thôi. Cái job của người ta mà.”

Trở lại câu chuyện, tôi nghe tiếng Kim nói, “Sorry, but I don't understand... You want to talk to him?” và hiểu người ở đầu dây bên kia muốn nói chuyện với tôi. Tôi lúc lắc đầu ra dấu cho Kim là tôi không muốn trả lời. Kinh nghiệm cho tôi biết là những người Mỹ mà tôi có quan hệ công việc rất ít khi gọi vào giờ này, thường chỉ là những hãng quảng cáo gọi lung tung để kiếm khách hàng.

“Thì anh cứ nghe thử xem sao,” Kim nói. “Bà ấy nói có chiếc xe van làm sao đó, em không hiểu chuyện gì...”

Tôi miễn cưỡng cầm lấy ống điện thoại từ tay Kim.

“Hế-lô!” tôi nói.

Đầu giây bên kia, giọng người đàn bà Mỹ xa lạ hỏi có đúng tên tôi là “Hiu” không. Thật chán đời, cái tên Hữu của tôi nào có phải là “hiu” hắt hay gió thổi “hiu hiu”. Từ ngày qua tới Mỹ tới nay cái tên kỳ cục này cứ dính chặt với tôi. Cứ mỗi lần nghe một giọng Mỹ nào gọi đến nó là tôi phải tự động hiểu đó là tên mình, phải nhận là mình, nếu không muốn mất quyền lợi. Riết rồi cũng đành chịu, đành rán làm quen với nó, không phản kháng gì được.

“Hiu speaking,” tôi nói.

Với giọng có vẻ vui mừng, tôi đoán vậy, bà ấy tự giới thiệu tên mình là Anne hay Ann gì đó. Tiếp đến, bà nói cái gì mà tôi phải nghe lần thứ hai mới hiểu ra được. Thì ra, không có vấn đề xe cộ gì cả. Không phải là hai chiếc xe *van* như Kim nghe được, mà *two vans* ở đây chỉ là... Thu Vân, tên của một cô gái người Việt. Cô Thu Vân này có ông chồng Mỹ, khi trước có làm việc chung với tôi ở một lớp dạy tiếng Việt của Hội thân hữu Việt Mỹ tiểu bang này.

Bà An (xin được giải thích sau vì sao bà có cái tên Việt Nam này), vì lịch sự, muốn tránh sự đường đột khi gọi đến và cũng tránh cho tôi sự nghi ngại khi phải tiếp chuyện một người không quen nên phải thưa trước là cô bạn Thu Vân của tôi đã giới thiệu tên tôi với bà và cho bà số điện thoại của tôi. Bà cho tôi biết là hôm hội chợ Tết Việt Nam năm ngoái bà có được thưởng thức các tiết mục văn nghệ rất là đặc sắc do các em thiếu nhi trình diễn. Sau đó bà được biết những em thiếu nhi này là học sinh của các lớp tiếng Việt mà tôi cùng một nhóm giáo viên thiện nguyện hiện đang phụ trách. “Great!” bà An nói, tỏ ý thán phục. Tôi chỉ nói cảm ơn. Những tiếng “great”, “wonderful”, “perfect” của người Mỹ đôi lúc cần phải xem xét lại.

Tôi không hỏi bà An quen Thu Vân trong trường hợp nào, và kiên nhẫn nghe tiếp coi thử bà ấy muốn cái gì. Sau đó, bà hỏi tôi là bà có đưa con gái nhỏ, liệu bà có thể đưa con đến học múa hát và học tiếng Việt ở Trung tâm Việt ngữ không. Đến đây thì tôi đã hoàn toàn hiểu được ý bà. Tất nhiên tôi trả lời là được quá đi chứ. “Sure,” tôi nói. “Welcome to Van-Lang Vietnamese Cultural Center!”

Tôi cũng cho bà hay là các em học sinh hiện đang tập

dượt để chuẩn bị cho chương trình văn nghệ thiếu nhi Tết năm nay và nếu bà ấy muốn thì tuần sau có thể đưa con bà đến tham gia các buổi tập dượt văn nghệ ấy. Bà An nghe vậy thì “Great, great!” một lần nữa, hỏi tôi ngày giờ và địa điểm để đưa con bà đến tập tành.

Điều tôi ghi nhận được là bà Mỹ này có giọng nói thật trong trẻo và êm dịu, thỉnh thoảng lại điểm thêm những tiếng cười tự nhiên nghe rất vui trong lúc nói chuyện. Cái lối phát âm kéo dài những tiếng “gr...e...a...t” của bà nghe thật... dễ ghét. Trước khi cúp máy, bà còn nói tôi là “big help” và “I truly appreciate it” mấy lần. Sau đó, tôi quay lại nói với Kim, đang chăm chú nhìn tôi chờ đợi một lời giải thích, “Cái bà Mỹ có chiếc xe van của em nói chuyện rất là lịch sự.”

Câu nói đùa của tôi không ngờ hóa ra lại đúng sự thật. Bà An này quả là có chiếc xe *van* thật. Tôi có dịp trông thấy chiếc xe này lần đầu hôm đến xem các cô giáo tập văn nghệ cho các cháu tại trường (là cơ sở của một trường tiểu học của người Mỹ, được họ cho mượn sử dụng vào những ngày cuối tuần). Vừa xuống xe ở parking, tôi thấy một người đàn bà Mỹ ngồi trên chiếc *van* đậu cạnh chỗ tôi. Chiếc Toyota khá lớn. Cửa xe mở rộng, tôi thấy bà ta đang lục soạn những túi đồ gì ở trên xe. Bà quay lại, mỉm cười và *say hi* khi thấy tôi. Tôi cũng cười và *say hi* lại. Thoạt đầu tôi nghĩ có thể bà Mỹ ấy là bà An, nhưng vì không thấy có đứa bé nào bên cạnh bà nên tôi cho là không phải. Bước vào hội trường, tôi thấy có đông các em học sinh. Trên sân khấu cô giáo Nhung đang hướng dẫn một tốp các em nhỏ những động tác của một điệu múa mới. Tôi lại gần, đứng xem một lúc.

“Mạnh giỏi cô Nhung? Mấy cô giáo kia đâu rồi?” tôi hỏi khi Nhung cho các em tạm nghỉ.

“Chào anh. Chị Phượng mới chạy về lấy cái băng nhạc chị ấy để quên ở nhà,” Nhung vừa quệt mấy giọt mồ hôi rịn ra hai bên thái dương vừa trả lời.

“Mệt lắm không cô?”

“Có mấy em mới, chưa quen động tác nên tập cũng khá mệt. Mấy em cũ thì nhuyển rồi.”

“Có một bà Mỹ xin đưa con đến tập múa bữa nay, cô đã gặp bà ấy chưa?”

“Em có thấy bà Mỹ nào đâu,” Nhung nói. “Anh hỏi chị Phượng coi, em tới sau nên cũng không rõ.”

Tôi nhìn quanh hội trường, không thấy có em nào người Mỹ ở đây. Vừa lúc đó cô giáo Phượng đi vào. Phượng là giáo viên chính dạy múa cho các cháu, khá xinh, hơn Nhung vài tuổi.

“Chị Phượng đây nè. Anh hỏi chị có gặp bà Mỹ nào đó chưa?”

“Rồi anh,” Phượng trả lời. “Bả tới đây sớm lắm.”

“Con gái bà ấy đâu tôi không thấy?” tôi hỏi, nhìn quanh một lần nữa.

“Đó anh,” Phượng chỉ tay về phía đứa bé đứng một mình ở góc xa sân khấu.

“Tôi nói con của bà người Mỹ mà.”

“Thì đó,” Phượng nói, “con bả đó.”

“Ồ ô... con bé đó à?” Nhung kêu lên. “Ngó giống Phi-líp-

pin. Hèn chi, tập cho nó mệt gần chết. Không hiểu tiếng Việt, không chịu nói, không chịu làm. Ba không.”

“Nó đâu phải Mỹ,” tôi ngạc nhiên.

“Mỹ Tho,” Phượng nói. “Vietnamese trăm phần trăm chứ Mỹ gì anh.”

Tôi gật gù. Con bé chừng bảy, tám tuổi, không phải là một đứa bé xinh xắn. Trông nó đen đũi và quả là có giống Filipino như Nhung nói. Nó đứng đó một mình, bộ mặt trông bí xị.

“Bà Mỹ chạy ra ngoài mua đồ ăn cho nó,” Phượng tiếp. “Bà nói nó không ăn được thức ăn Việt Nam.”

“Coi bộ nó không thích học múa,” Nhung nói. “Có mấy đứa cũng y chang. Vậy mà bố mẹ cứ đưa tới. Tập cho ba cái đứa đó ngất ngư luôn.”

“Thôi mấy cô chịu khó,” tôi nói. “Cháu nào mới đầu thì cũng thế. Trẻ em dễ bắt chước. Cứ hướng dẫn theo điệu nhạc, bảo nó làm theo y như mấy đứa kia là xong ngay.”

“Anh nói nghe dễ lắm...”

Bà An bước vào. Đúng là bà Mỹ tôi gặp khi nãy ở ngoài parking. Hai tay xách hai túi đồ có vẻ khá nặng, bà mỉm cười chào cô giáo Nhung và nhìn tôi với chút ngạc nhiên.

“Chao cố,” bà nói với tôi bằng tiếng Việt. “Tôi là Ann.”

Tôi khựng người trong vài giây, và cũng trả lời bà chậm rãi bằng tiếng Việt.

“Tôi là Hữu. Hân hạnh chào bà.”

“Oh..., cố la Hiu? Hân hạnh chao cố.” Bà nói tiếp và có

vẻ thích thú được thực hành chút vốn tiếng Việt ít ỏi của mình.

“Bà nói tiếng Việt giỏi lắm,” tôi mỉm cười với An. “Bà học ở đâu vậy?”

An tỏ vẻ không hiểu tôi nói gì. Phượng hỏi lại bằng tiếng Mỹ và An trả lời cô Thu Vân dạy cho bà. Khi tôi giải thích rằng bà gọi Thu Vân hoặc hai cô giáo ở đây là “cô” thì ok chứ bà không thể gọi tôi như vậy được vì tiếng “cô” chỉ dùng cho *girls* hoặc *young unmarried women* mà thôi, bà An tròn mắt, nói “Uh-oh, really?” và cười quá xá. Hai cô Nhung và Phượng cũng cười theo. An nói trước giờ bà vẫn tưởng là “cô” tiếng Việt cũng tựa “you” tiếng Mỹ nên già trẻ lớn bé, đàn ông đàn bà gì bà cũng “cô” thoải mái, bây giờ mới hiểu ra. Bà hỏi thêm về ý nghĩa của mấy câu tiếng Việt rất tầm bậy tầm bạ mà người nào đó đã dạy cho bà, và khi được trả lời bà lắc đầu le lưỡi nói, “Oh my God!” Từ đó trở đi An hết dám thực hành tiếng Việt và nói sẽ ghi danh xin học lớp Việt ngữ ở đây.

An có vóc người gọn gàng, chiều cao trung bình so với đàn bà Mỹ, nhưng cũng đủ hơn hai cô giáo gần một cái đầu. Nước da bà thật trắng, mịn màng, nét mặt luôn tươi tỉnh, đôi mắt khá đẹp thường mở lớn khi nói chuyện, và trời còn cho bà mái tóc vàng óng mà tôi tin là những cô gái hay nhuộm tóc phải thích lắm. Không thể làm một sự so sánh nhan sắc bà với những người đàn bà Mỹ trẻ trung và hấp dẫn mà tôi đã từng gặp vì dầu sao bà cũng hơi lớn tuổi, nhưng phải nói là bà vẫn còn giữ được những nét duyên dáng đặc biệt. “Hồi còn con gái chắc bà phải đẹp lắm,” các cô giáo sau này hay nói vậy. Tôi ước chừng An cũng phải

trên bốn mươi. Nhận xét đầu tiên của tôi là trông bà có vẻ trí thức và dễ gây được cảm tình với những người tiếp xúc bà lần đầu, có lẽ là nhờ cái miệng có duyên và tiếng cười đôn rất là thoải mái tự nhiên của bà.

“Mai. Lại đây.” An ngoắc tay gọi con bà.

Con bé vẫn đứng yên một chỗ, lắc đầu.

“Con gái tôi đó. Tên nó là Mai.” An phát âm tiếng “Mai” khá chính xác.

Tôi có hơi ngỡ ngàng nhưng bắt đầu có những suy đoán. An mở các túi đồ, lấy ra những hộp *pizza*, hai thùng nước ngọt. Bà nói mua cho các cháu ở đây.

“Ô, cảm ơn bà,” Phụng nói. “Nhưng mà chúng tôi có chuẩn bị đầy đủ thức ăn thức uống cho các cháu rồi. Bà không phải lo việc này.”

Mặc dầu cô giáo Phụng đã nói vậy An vẫn cứ mang bánh ngọt và thức uống đến trong những buổi tập dượt văn nghệ sau. Các phụ huynh khác thường chỉ đưa con em tới và trở lại đón chúng sau buổi tập, riêng An thì muốn ở lại với con mình và hỏi chúng tôi là liệu có phiền hà gì nếu bà ở lại đó xem các cháu tập tành. Khi được trả lời chẳng có chi phiền, chỉ e mất thì giờ của bà thôi, bà nói cảm ơn nhiều lắm. Không rõ là An có thực sự hứng thú việc ngồi đó xem các cháu múa hát không hay chỉ vì bà không mấy yên tâm khi gửi con mình cho các cô giáo. Có điều là bé Mai, con bà, lại có vẻ không thích bà có mặt ở đó khi nó đang tập. Tôi thường thấy nó nhăn nhó, vùng vằng với bà. Có một lần con bé hất mạnh tay An ra khi bà chạm vào người nó và la lớn “Get out of here!” Các cô giáo giật mình, kín đáo liếc

nhìn nhau. An quay nhìn chúng tôi, cười vói về gương ngịu, nhưng rồi dường như đã quen với chuyện đó nên bà cúi xuống nói nhỏ cái gì vào tai con bé. Nó lắc đầu lia lia và bỏ đi chỗ khác, tỏ ý không muốn nói chuyện với bà nữa và An sau đó lặng lẽ đến ngồi ở một góc, quan sát những đứa bé khác tập. Nét mặt bà lúc đó trông vẫn bình thản với một vẻ gì nhẩn nhục.

Rồi chúng tôi cũng quen dần với sự có mặt của An trong các buổi tập văn nghệ tiếp theo; hơn thế nữa, sự có mặt của bà càng về sau này lại càng trở nên cần thiết. Ngay từ buổi tập đầu tiên, thấy các cô giáo quá bận bịu, An hỏi liệu bà có thể giúp các cô được chuyện gì. Thấy bà có vẻ vui tính và dễ chịu, các cô đã không ngại ngùng nhờ bà phụ giúp một số việc thay vì để bà phải ngồi mãi một chỗ cũng buồn. Thực ra thì An là dạng người quen hoạt động, dễ gì bà chịu ngồi yên một chỗ. Bà tình nguyện làm đủ mọi thứ việc, từ khiêng bàn khiêng ghế, dọn dẹp vệ sinh đến phân phát thức ăn thức uống, thay quần thay áo cho học trò, mở và tắt băng nhạc *cassette*, cho quay tới quay lui, điều chỉnh âm lượng lớn nhỏ, sửa sang lại một vài động tác múa cho các cháu... An tỏ ra quen thuộc và yêu thích công việc này. (Sau này chúng tôi được biết là bà từng có thời gian dạy học ở một trường tiểu học, và cũng từng phụ trách công việc tập múa hát cho học sinh Mỹ). Bà cũng giỏi và khéo tay trong việc cắt may. Các cô giáo chỉ cần đưa An xem qua một mẫu quần áo là bà có thể góp nhặt đâu đó ít vài vóc để ráp nối thành những bộ trang phục nhiều màu sắc rất vui mắt cho các cháu mặc trình diễn trong các vũ khúc, các vở kịch, các màn nhạc cảnh. An còn phụ trách việc vẽ mặt vẽ mày cho các diễn viên tí hon để phù hợp với vai tuồng trình diễn trên

sân khấu. Các cô giáo hay gọi đùa bà là “chuyên viên hóa trang và thiết kế y phục”.

An rất yêu thích trẻ em và dễ dàng trong việc làm quen với chúng, và chúng cũng rất thích bà. Tôi thường chứng kiến các cháu vây quanh An trong giờ nghỉ giải lao, hỏi han đủ thứ chuyện và An cười nói vui vẻ với chúng, chỉ trừ bé Mai là trước sau vẫn cứ tránh né bà. Dường như nó cũng không hòa đồng được với những đứa trẻ khác và không mấy enjoy việc tập tành văn nghệ mặc dầu xem ra nó cũng khá thông minh, có khiếu bắt chước và theo kịp những đứa khác không khó khăn gì lắm.

Trong số những công việc mà An phụ trách thì vai trò mà bà đảm nhận và hoàn thành xuất sắc nhất là việc đưa đón, chuyên chở các cô giáo và học trò đến địa điểm tập văn nghệ. Có lần một cô giáo gọi tới nói không đến được vì nhà ở xa và xe cộ hư hỏng sao đó, cô Nhung tính chạy lại nhà đón, bà An nói cho bà biết địa chỉ để bà đi thay, cô ở lại tập cho các cháu. Lần khác, có vài cháu bố mẹ phải đi làm cuối tuần, không đưa con đến tập được, An cũng thay các cô giáo tìm đến từng nhà để đưa các cháu đến tập. Hoặc có những cháu đợi mãi không thấy người nhà tới đón sau buổi tập, bà cũng hỏi địa chỉ để đưa từng cháu về nhà. Dần dà những công việc như vậy được các cô giáo trao phó hẳn cho An và trở thành cái *job* thường xuyên của bà. Tất cả những việc này được thực hiện hoàn hảo nhờ vào chiếc xe van của bà. Công bằng mà nói, các cô giáo cũng có hơi lợi dụng một chút tính tình vui vẻ, dễ dãi và sốt sắng của bà. Khi một cô nói “Tôi nghiệp bà” thì các cô khác nói “Bà thích làm thì cứ để bà làm. Không có chuyện gì làm bà lại buồn.”

Đến ngày trình diễn, chiếc *van* của An trở thành hữu dụng hơn bao giờ hết, phát huy tối đa năng lực với thành tích chuyên chở gọn gàng số đông giáo viên và học sinh từ trường đến khu vực Seattle Center, địa điểm tổ chức Hội Chợ Tết, rồi lại chở về trường sau khi chương trình kết thúc. Một chuyến không hết thì hai ba chuyến. Những cháu nào không có phụ huynh đưa đón thì được chiếc *van* đưa rước tận nhà. Buổi trình diễn văn nghệ thiếu nhi thành công hơn mức dự kiến, liên tục nhận được những tràng pháo tay tán thưởng giòn giã của đông đảo khán giả Việt và Mỹ. Bé Mai góp mặt trong hai tiết mục, vũ khúc “Trồng com” và hoạt cảnh “Đám cưới trên đường quê”, trong khi An là một phụ tá đắc lực cho các cô giáo ở hậu trường trong việc sửa soạn và thay đổi trang phục cho các diễn viên trong tiết mục trình diễn kế tiếp. Mọi việc diễn tiến tốt đẹp và hôm đó An rất vui.

Mùa xuân năm đó, An đã thực hiện được điều mong ước của mình là dắt con đến Trung tâm Việt ngữ Văn Lang để ghi danh học cho cả hai mẹ con. Bé Mai học lớp vỡ lòng, còn bà theo học lớp tiếng Việt dành cho người bản xứ. Lớp học này được mở ra nhằm đáp ứng yêu cầu của một số người Mỹ có nhu cầu sử dụng tiếng Việt như chồng Mỹ vợ Việt, chồng Việt vợ Mỹ hoặc có quan hệ giao tiếp với người Việt trong công việc làm ăn.

Lớp có chừng mười mấy học viên. Người phụ trách lớp học đặc biệt này là cô giáo Bảo Ngọc, có tôi là phụ tá, tạm thay cô trong những lúc cô đến trễ vì bận hẹn hò với bồ hay kẹt công chuyện chi đó. Bảo Ngọc khá thích hợp với công việc này vì cô đang là giáo viên *bilingual* tại một trường

tiểu học của người Mỹ. Các học viên Mỹ rất chịu cô giáo nhờ cô có vóc dáng trông khá bắt mắt, khuôn mặt khả ái, nụ cười rất tươi, tuy cô không còn trẻ lắm. Cô lại dạn dĩ, khéo léo, cử chỉ điệu bộ duyên dáng rất tự nhiên, rất gần với tính cách của người Mỹ. Có vài kẻ chắc là ganh tị với cô kể lại cho tôi nghe cô có một ông bồ Mỹ khá bảnh trai, hai người cặp với nhau một thời gian rồi bỏ nhau, rồi cặp lại, rồi bỏ nhau lần nữa, rồi lại mới vừa ráp lại với nhau. Tôi chẳng thắc mắc chi chuyện đó và cũng không có nhu cầu tìm hiểu. Và lại, nếu đúng vậy thì có sao đâu. Khi mà người ta yêu nhau thêm một lần nữa thì lần sau hẳn là phải mặn nồng, đắm say hơn lần trước.

Các học viên Mỹ có vẻ thích thú khi được biết được rằng mỗi cái tên của người Việt đều mang những ý nghĩa hay, đẹp. Khi Bảo Ngọc đề nghị là mỗi người nên có thêm một cái tên tiếng Việt để tiện gọi trong giờ học và làm quen với những tên Việt Nam thông dụng thì họ hưởng ứng tức thì. Thế là từ đó Bill hóa thành “anh Bình” (cho có vẻ đồng âm), Jack thành “anh Giác”, Fred thành “anh Phát” (không phải “Phúc”, để tránh hiểu lầm theo lối phát âm tiếng Mỹ), Alice thành “cô Ái Liên”, Susan thành “cô Xuân”... Học viên nào cũng muốn biết ý nghĩa tên Việt Nam của mình. Có những cái tên thực tình tôi cũng không rõ nghĩa, khi bị hỏi tôi bèn chế ra một cái nghĩa hay ho nào đó cho họ vui vậy. Đến lượt An—tên đúng của bà là Ann Martin—thoạt đầu tôi định chọn cho bà tên “Ánh”, nhưng sau tôi nói, “Tên của bà không cần phải thay đổi nhiều lắm, chỉ cần bỏ bớt đi một chữ ‘n’ là thành ra một cái tên rất Việt Nam.” An hỏi tên đó có nghĩa gì. “Peace of mind”, tôi trả lời. Bà có vẻ thích cái nghĩa đó. Thực ra, trước khi chính thức nhận cái tên này, bà

cũng đã được các thầy cô giáo và nhiều học trò ở đây gọi một cách thân mật là “bà An” rồi. Còn những ai chưa biết tên đó thì thường gọi bà là “Bà Mỹ có chiếc xe van”.

Tiểu là quá trình học tiếng Việt của An lại không kéo dài được lâu (chỉ đủ cho bà hiểu được rằng trong cách xưng hô của người Việt, ngoài tiếng “cô” mà bà đã học được trước đây, còn có “ông, bà, anh, chị, em...” nữa). Lý do là trường có nhu cầu mở thêm một lớp ESL, thể theo lời yêu cầu của số đông phụ huynh, và bà An được đề cử là người phụ trách lớp này vì trong số những người Mỹ học tiếng Việt ở đây chỉ có bà là quen thuộc với việc dạy học. Bà vui vẻ nhận lời. Từ đó, mặc dù chưa phải là giáo viên chính thức, An cũng đã trở thành cộng tác viên mật thiết của trường. Các phụ huynh cũng rất lấy làm phấn khởi được học tiếng Anh với An vì bà dạy vui và dễ hiểu, hơn nữa, còn được một điểm thuận lợi là học viên nào không có phương tiện đến lớp sẽ được chính giáo viên lái chiếc *van* đến tận nhà đưa đi học.

Như các thầy cô giáo ở trường, tôi cũng thắc mắc không hiểu sao An lại sử dụng chiếc *van* lớn như vậy, có lẽ gia đình bà đông người chẳng. Tôi chưa lần nào nghe An nói về chồng bà hoặc những đứa con khác của bà, và có khi tôi cũng muốn biết nhưng do phép lịch sự nên cũng chưa tiện hỏi. Cho đến một hôm, tình cờ có người giải đáp cho tôi cái thắc mắc này. Người đó là cô Thu Vân. Cô gọi đến để giới thiệu cho tôi một anh bạn có kinh nghiệm dạy học ở Việt Nam và muốn tới thăm trường cho biết để có thể tham gia công việc giảng dạy. Sau đó cô hỏi thăm về An, hỏi lúc này bà còn đưa con tới học tiếng Việt không. Cô nói tánh bà An

rất tốt, thích giúp đỡ người khác. Bà An từng là giáo viên, rồi là *social worker*, trước đây cô với bà ấy có làm việc chung với nhau một thời gian ở một cơ quan *welfare*, sau đó bà xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe. (Trông bà ấy còn khỏe hơn tôi nhiều, tôi nghĩ).

Thu Vân có vẻ biết khá rõ về An. Cô nói bà An từng tâm sự với cô nhiều chuyện, và bây giờ thì cô “tâm sự” lại với tôi (thể hiện đức tính rộng rãi của hầu hết mọi phụ nữ, không hề muốn cất giữ cho riêng mình những điều bí mật thầm kín của người khác). Những suy đoán của tôi trước đây không khác lắm với những điều Thu Vân tiết lộ. Bé Mai là con nuôi của An. Bà xin đứa bé ở một viện mồ côi bên Việt Nam (nói “mua” thì đúng hơn vì bà phải tốn khá nhiều tiền để đưa được con bé qua đây). Chồng của An trước đây là quân nhân, đã tham chiến và mất tích ở Việt Nam. Bà còn một người chị ở rất xa và không nghe nói có người thân nào khác ở đây ngoài bé Mai. Thu Vân cũng cho biết thêm là sau một thời gian đợi chờ lâu dài không có tin tức gì về số phận người chồng kém may mắn, An đã lấy ông chồng khác và ly dị ít năm sau đó vì hai người không hợp tính nhau. An có một con trai với người chồng sau. Đứa con này ở với bà nhưng đã bay ra khỏi nhà khi vừa tới tuổi trưởng thành, đang học hành gì đó ở một tiểu bang khác, lâu lâu mới mò về thăm bà một chuyến để xin tiền rồi lại bay đi.

“Bà ấy đâu có cần tới chiếc van lớn như vậy trong lúc chỉ có hai mẹ con,” tôi nói.

Thu Vân cho biết An mua lại chiếc xe ấy của một người bạn trong sở làm, bà nói là để tiện chở đồ đạc, nhưng thực ra không phải chở cho bà mà là cho những gia đình cần sự

giúp đỡ. Hàng tuần An lái xe chở quần áo, vật dụng từ những kho hàng của các hội từ thiện đến cho những gia đình mới tới định cư, những gia đình chỉ sống nhờ vào *welfare*. Chiếc *van* của bà cũng dùng để chở những người già yếu đến nhà thờ nhà nguyện, hay đưa họ đi thăm viếng, du ngoạn các nơi... Thu Vân nói có lần bà rủ cô đến thăm một trường dạy các trẻ em khuyết tật, những trẻ mù, câm và điếc. An ở đấy suốt buổi và lúc ra về bà đã *donate* cho trường này một khoản tiền khá lớn.

“Thế còn bé Mai, tình cảm giữa hai mẹ con thế nào?” tôi hỏi. “Con bé không thích bà,” Thu Vân nói. Theo cô thì lý do là bố mẹ nó chết hết trong chiến tranh, và ở Việt Nam nó được người ta giáo dục lòng thù hận người Mỹ. Tôi không tin là như vậy vì khi đó con bé còn nhỏ quá, đâu đã biết gì.

Những điều Thu Vân tiết lộ với tôi lại được kiểm chứng khá chính xác bằng chính lời bà An tại nhà tôi. Hôm ấy là sinh nhật của bé Tuấn, con tôi. Thoạt đầu, Kim chỉ muốn tổ chức đơn sơ cho Tuấn và mấy đứa bạn của nó vui chơi với nhau và không muốn mời người lớn. Nhưng sau đó không hiểu nghĩ sao Kim lại nảy ý muốn mời thêm hai mẹ con An. Có lẽ vì nàng thấy An tỏ vẻ thích thằng con tôi, và bé Tuấn cũng rất chịu bà. Trước giờ tôi vẫn không mấy hứng thú trong việc mời mọc người Mỹ đến nhà chơi, nhưng biết Kim quý bà An nên tôi cũng chiều nàng, và bé Tuấn khi được hỏi ý kiến cũng muốn có thêm bà như là một khách mời đặc biệt ngoài những bạn bè của nó.

Tôi đó An và bé Mai đến sớm. An rất tế nhị, bà chuyện trò vui vẻ, thân mật với thằng bé con tôi và đám bạn của nó, bà còn đệm đàn cho bọn trẻ hát những bài hát mừng sinh

nhật. Là một điều là bé Mai cũng có vẻ chịu nói chuyện với con tôi trong khi trước đó, lúc tập vẽ nghệ cũng như ở trong lớp học nó chẳng chịu chơi với ai hết đến mức các cô giáo phải nhận xét là con bé ít tuổi mà tính nết khó chịu.

Có lúc tôi thử lắng nghe xem An nói chuyện gì với mấy đứa nhỏ. Bé Tuấn khoe với bà một cuốn truyện bằng tranh mà một đứa bạn của nó mới tặng làm quà sinh nhật. Trang bìa của quyển sách vẽ khung cảnh một đêm Noel, đại khái có tuyết rơi, có những ngọn thông, có ngôi nhà thờ nhỏ và bầu trời có nhiều ngôi sao. Con tôi có vẻ chú ý đến những ngôi sao và không biết nghe ai nói mà nó lại hỏi An là có phải mỗi ngôi sao trên trời là một linh hồn không. An có hơi ngạc nhiên ngó thẳng bé, bà nghĩ ngợi một chút rồi gật đầu.

“Đúng vậy, nhưng chỉ có những người tốt sau khi chết đi thì linh hồn mới được hóa thành những ngôi sao. Những người tốt nhất là những vì sao sáng nhất, những vì sao đó sẽ chiếu rọi mãi đến tận ngôi nhà của những người thân yêu của mình trên mặt đất này.”

An có giọng nói thật êm dịu. Tôi tin là lũ trẻ phải mê lắm khi được nghe những câu chuyện thần tiên qua giọng kể của bà.

“Không có những ngôi sao của bọn ác, chỉ có những ngôi sao của bọn hiền thôi, phải không Bố?” bé Tuấn quay sang hỏi tôi.

“Đúng vậy con à,” tôi phải nói theo An. “Nhưng con đừng có gọi họ là ‘bọn hiền’. Ta chỉ gọi những kẻ xấu là ‘bọn’ thôi.”

Trẻ con hay có những câu hỏi bất ngờ khiến người lớn đôi lúc phải lúng túng để tìm câu trả lời. Những bạn bè tôi thường gọi bé Tuấn là “Chú bé hay hỏi tại sao”. Tuấn lại hỏi tiếp sau một thoáng nghĩ ngợi.

“Thế mấy ngôi sao của ông nội với lại ông bà ngoại có bay về gần nhà mình không Bố, sao con không thấy?”

“Có chứ con, thỉnh thoảng, vào lúc nửa đêm,” tôi gật gù. “Những ngôi sao ấy sẽ rơi vào cửa sổ phòng con, tỏa sáng căn nhà của mình... Nhưng mà con phải ngoan, phải đi ngủ sớm và cầu xin thật nhiều thì mới thấy được.”

Bé Tuấn quay lại hỏi An, “Is that true?” Hai bố con tôi nói với nhau bằng tiếng Việt nên An đâu có hiểu gì nhưng bà cũng mỉm cười, “Đúng đấy. Những gì bố cháu nói đều đúng cả.”

Thằng con tôi kể từ đêm ấy đã đem những vì sao vào trong giấc ngủ, và đã thêm vào lời cầu nguyện mỗi tối trên giường ngủ xin cho gặp một vì sao thấp sáng trong đêm.

* * *

Sau khi đã lo cho đám trẻ ăn uống đầy đủ, Kim mời An ngồi vào bàn, và bây giờ là những câu chuyện thật của người lớn. Tôi hỏi thăm ít câu về việc học tiếng Việt của bé Mai, về lớp học ELS của An. Bà nói lớp này rất là “fun” và mỗi tuần đều có thêm học viên mới. Tôi giơ một ngón tay cái lên, nói “Gr...e...a...t!”, bắt chước An, kéo thật dài tiếng này. An rất vui tính và dễ chịu, giọng cười tự nhiên của bà cho thấy bà là người rất thoải mái và cũng mang lại cảm giác thoải mái đó cho những người nói chuyện với bà. Tôi còn thích bà ở một điểm khác, An là một trong số rất ít

những người Mỹ sẵn sàng trả lời những câu hỏi tế nhị một cách thẳng thắn, không tránh né hoặc tỏ vẻ phiến lòng. Trong một lúc vui miệng, Kim hỏi bà:

“Có đúng là người Mỹ khi nói ‘Good’ thì không có nghĩa là ‘Good’, chỉ là ‘Ok’, mà ‘Ok’ thì... không có nghĩa gì cả?”

“Đôi khi là như vậy,” An cười, “đôi khi là ‘Good’ thực sự.”

“Thế thì làm sao biết được khi nào là ‘Good good’, khi nào là ‘Good ok’?” Kim thắc mắc.

“Tôi sẽ nói cho cô biết sau,” An lại cười.

Từ đó về sau, mỗi lần thốt ra tiếng “Good” trước mặt chúng tôi An lại nói thêm “‘Good good’, không phải ‘Good ok’ đâu nhé.”

“Có đúng là người Mỹ có hai bộ mặt trái ngược nhau không?” tôi hỏi An.

“Ông nói sao tôi không hiểu?”

“Một người bạn tôi nói như vậy,” tôi phải giải thích. “Khi tôi có nhận xét là người Mỹ rất văn minh lịch sự, anh ta nói không hẳn như vậy, mà thực ra người Mỹ có hai bộ mặt tương phản. Bộ mặt thứ nhất dễ chịu, thường thấy trong những lúc chuyện trò. Bộ mặt thứ hai khó chịu, thường thấy lúc chạy xe ngoài đường. Chạy quò quạng hoặc làm cản trở xe họ là thấy ngay bộ mặt này. Nhẹ nhàng lắm cũng là những hồi còi đình tai nhức óc thay cho tiếng chửi thề. Dữ dần hơn nữa, bộ mặt này sẽ thò hẳn ra ngoài cửa xe, nhe răng trợn mắt gầm gừ như muốn ăn tươi nuốt sống kẻ thù, hoặc ném vào mặt kẻ vô phúc những lời nguyên rủa tục tĩu

kèm với ngón tay giữa chia cong lên trời. Một chàng trai thanh lịch, một thiếu nữ duyên dáng trong chớp mắt hóa thành con gấu hung dữ. Thế rồi khi tới sở làm, bộ mặt thứ nhất lại được tái tạo với giọng nói ngọt ngào ‘Hôm nay trời đẹp quá nhỉ?’ hoặc ‘Nghỉ cuối tuần vui chứ?’..., như là trò ảo thuật vậy.”

“Người bạn ông nói đúng đấy,” An cười ngặt nghẽo.

“Tôi lái xe lạng quạng lắm,” tôi nói, “tôi mong sẽ không gặp bà trên đường lộ. Bà cũng làm giống như họ chứ?”

“Thỉnh thoảng,” An cười, “nhưng tôi chỉ nhấn còi thôi. Từ nay tôi phải nhìn kỹ xem người lái xe có phải là ông.”

Không khí chuyện trò khá vui vẻ. An khen ngợi những món ăn Kim nấu. Tôi nghĩ An khen thật vì bà ăn uống tận tình. Điều bất ngờ là bà còn hỏi xin chút nước mắm, và nói “Gr...e...a...t!” sau khi thử qua, trong khi Kim không muốn đưa ra vì sợ bà không dùng được. An khoe bà được các cô giáo dạy cho cách nấu mấy món ăn Việt Nam.

Vào một lúc nào đó cuối bữa ăn, An hỏi tôi ngày trước ở Việt Nam làm nghề gì. Tôi nói chẳng có nghề ngỗng chi cả, học hành dở dang rồi đi lính. Bà có vẻ chú ý đến chuyện lính tráng của tôi, hỏi tôi đi lính năm nào. Sau đó, An nghĩ ngợi một chút rồi mở túi xách của bà, chìa ra trước mặt tôi một tấm ảnh.

“Ông biết người này chứ?”

Tấm ảnh đen trắng, hơi mờ. Có ba người trong ảnh. Người lính Mỹ ngồi trên chiếc ghế đá cạnh một bồn hoa. Một đứa bé Việt Nam đứng sau lưng anh ta, hai tay ôm chàng qua cổ anh, và một đứa khác cởi trần đứng gần đó.

Sau lưng họ, phía xa, là một thân tàu lớn. Người lính Mỹ có nụ cười tươi, hai đứa bé có khuôn mặt láu lỉnh, cũng nhe răng cười. Tôi lắc đầu, nói:

“Chị. Tôi chỉ biết một điều. Anh chàng này đẹp trai hơn tôi.”

“Đấy là Dick, chồng tôi,” An nói.

Tôi không ngạc nhiên lắm. Chắc là Thu Vân chưa được nhìn thấy tấm ảnh này, tôi nghĩ. Nếu thấy, hẳn cô có cùng một nhận xét như tôi, Dick không phải chỉ đẹp trai hơn tôi mà còn hơn cả anh chồng Mỹ của cô nữa. Tôi nhìn kỹ tấm ảnh hơn. Khuôn mặt đó vừa lạ, vừa quen. Tôi không thể nhận ra được điều gì. Chàng GI nào hầu như cũng giống chàng GI nào tôi gặp trên đường phố thuở ấy. Cũng nét mặt tựa tựa như thế, cũng nụ cười hao hao như vậy, cũng điệu bộ na ná như nhau và cũng trẻ trung, hiếu động, tràn đầy sức sống. Còn khung cảnh nơi chốn ấy thì lại quá quen thuộc, cái bến tàu ở bờ sông Sài Gòn đó thì ai cũng có thể nhận ra được dễ dàng. Bức tượng Trần Hưng Đạo phía trước, nhà hàng nổi Mỹ Cảnh phía sau. Chàng thanh niên trong ảnh còn trẻ lắm, tuổi chàng có thể trên hai mươi một chút. Tôi không nhìn được cấp bậc của Dick vì hai cánh tay đứa bé choàng qua cổ chàng, và tôi cũng không hỏi An.

An nói tấm ảnh chụp khoảng cuối năm 1970, ít tháng trước ngày Dick được ghi nhận là mất tích. Người chụp tấm ảnh đó là Roy, một người bạn của Dick. Roy đã trở về yên lành. Roy nói với An rằng anh ta tin Dick vẫn còn sống. An vẫn còn giữ liên lạc với Roy, và mãi đến bây giờ anh ta vẫn cứ tin điều đó, vẫn cứ tin là Dick còn sống mà không cho được chứng cứ nào hay giải thích vì sao.

An không nói là bà cũng tin như vậy nhưng qua ánh mắt, qua giọng nói và qua nét mặt của bà khi nhắc lại lời của Roy, tôi như thấy được niềm tin đó. Dick mất tích nơi vùng biên giới Lào-Việt, trong một cuộc hành quân yểm trợ các đơn vị chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng Hòa ở mặt trận Hạ Lào vào tháng Hai, 1971. Không có Dick trong chuyến trực thăng đưa phi hành đoàn về lại hậu cứ. Mọi cố gắng tìm kiếm trước đó đều vô hiệu trong lúc chiến trận đang sôi sục.

“Tôi đã đến chỗ này,” An nói, đặt tấm ảnh xuống mặt bàn. “Tôi mang theo tấm ảnh này và tôi cũng ngồi xuống đúng trên chiếc ghế đá này, cạnh chiếc bồn hoa này, đúng ngay chỗ mà Dick ngồi xuống hai mươi mấy năm về trước. Cảnh vật có hơi khác một chút, nhưng không thay đổi nhiều lắm. Vẫn là bờ sông phía sau tôi. Vẫn những đứa trẻ đứng bên tôi. Những đứa trẻ của một thế hệ khác. Tôi ngồi đó suốt cả buổi chiều cho đến khi thành phố lên đèn. Có nhiều người qua lại trước mặt tôi, có những người tò mò nhìn tôi, nhiều nhất vẫn là những đứa trẻ. Lúc nào cũng có những đứa trẻ. Thịnh thoảng cũng có vài người Mỹ đi ngang qua đó. Họ chào tôi nhưng tôi làm như không thấy họ. Họ hỏi nhưng tôi không trả lời. Chắc họ tưởng tôi điên,” An khẽ cười. “Tôi nhìn dòng xe cộ trước mặt, dòng xe chuyển động không bao giờ dứt. Tôi quay nhìn bờ sông, nhìn những con tàu đến rồi đi. Những con tàu chắc phải đi xa lắm... Tất cả vẫn còn đó, nhưng không còn dấu vết gì của Dick nữa.”

Giọng An đều đều. Trong lúc nói An không nhìn tôi, không nhìn Kim, bà ngược nhìn chăm chăm vào chùm đèn treo lơ lửng phía trên bàn ăn, đôi mắt không chớp. Dưới

vùng ánh sáng màu vàng đục tỏa ra từ những ngọn đèn mờ, khuôn mặt An khi ấy trông mơ màng, thoảng chút gì bí ẩn và có một vẻ đẹp mê mẩn. Tôi đã nhìn thấy một An trong đêm nay khác hẳn với An thường ngày. Tôi cũng nhìn thấy mắt Kim đỏ hoe. Không khí lúc ấy như chìm lắng hẳn đi.

“Ông có nghĩ là Dick vẫn còn sống không?” An bỗng quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi, hỏi đột ngột.

Trời đất! Tại sao An lại hỏi tôi câu này? Làm sao mà tôi trả lời được. Tôi biết gì đâu mà trả lời... Tôi xoay xoay ly rượu trên mặt bàn, tránh ánh mắt An chiếu thẳng vào tôi, chờ đợi. Vài giọt rượu sóng sánh tràn ra ngoài. An lại cúi xuống chăm chú nhìn tấm ảnh.

“Tôi đã đặt chân đến nhiều đất nước, nhiều thành phố, nhưng cái đất nước này, cái thành phố này sao mà lạ lùng quá. Dick đã từng sống, từng có mặt ở đây. Chàng làm bạn với những đứa trẻ Việt Nam, những đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong một đất nước chiến tranh. Đối với Dick, chúng có một vẻ gì đó vừa tinh ranh ma mãnh, vừa ngây thơ hồn nhiên đến tội nghiệp. Những đứa trẻ vừa đáng yêu vừa đáng ghét. Tôi nhớ Dick từng nói anh ấy có ý định kiếm một đứa con nuôi ở Việt Nam, và tôi đã trở lại đây lần thứ hai, lần thứ ba, để thực hiện cho bằng được điều đó, cái điều mà Dick từng mong muốn... Ông bà có biết, Dick và tôi quen nhau từ lúc còn đi học, chúng tôi còn trẻ quá khi mới lấy nhau. Tôi vẫn ao ước có được một đứa con với Dick. Chuyện đó đâu có khó, vậy mà...”

An bỗng dừng lại, ngồi im một lát rồi lấy ra hai tấm ảnh khác, lần này là hai tấm ảnh màu, đưa cho Kim một tấm, tôi một tấm. Tấm ảnh trên tay tôi chụp hai mẹ con, An và bé

Mai đứng trước bức tường tưởng niệm bằng đá đen ghi danh tính quân nhân Mỹ của tiểu bang này tử trận và mất tích trong các cuộc chiến. Bức tường dài dựng lên ở đại lộ số Hai, *downtown Seattle*. Tôi tạt ngang qua đó mấy lần, nhưng chưa khi nào dừng lại để xem kỹ, có lẽ tôi không thích những dấu tích gọi lại những kỷ niệm buồn. Tấm ảnh kia, An một mình đứng dưới chân bệ đá *Flame of Hope* dựng lên tại Virginia Beach, khuôn mặt trông nghiêng, ngược nhìn ngọn lửa xanh chập chờn. Tấm biển gắn trên bệ đá cao có khắc hàng chữ “Don't let them be forgotten!” Ánh lửa chập chờn suốt ngày suốt đêm ấy là biểu tượng của nỗi nhớ thương không nguôi và niềm hy vọng chẳng bao giờ tắt ngúm về số phận của những người lính Mỹ còn mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Tấm ảnh làm tôi bỗng nhớ đến hình vẽ trong một cái *poster* ở viện bảo tàng thành phố. Cái bóng đen của người lính Mỹ, đầu cúi xuống buồn bã, những sợi kẽm gai, người lính cộng sản bồng súng trên chòi canh phía xa, những chữ POW/MIA ở bên trên, một nhánh hoa uốn cong và hàng chữ bên dưới, “You’re not forgotten”.

“Tôi xin lỗi, chắc ông bà không muốn nghe những chuyện ấy.” An cất những tấm ảnh vào túi xách, quay sang nói với Kim, “Món chả giò này ngon quá. Hôm nào bà phải dạy tôi cái bí quyết làm sao để chả giò nguội rồi mà ăn vẫn cứ giòn như thường.”

Câu hỏi của An đêm ấy và tấm ảnh đen trắng đó cứ luân quần theo tôi mãi. Tấm ảnh đó chắc đã được chia ra trước mặt nhiều người. Câu hỏi đó hẳn phải được lập đi lập lại nhiều lần cũng với nhiều người, đâu phải chỉ mình tôi. An đã nhận được những câu trả lời nào. Chắc họ đã không im

lặng như tôi. Tại sao tôi lại im lặng thay vì trả lời cách nào đó? Dick có thể vẫn còn sống, cứ hy vọng đi, một ngày nào chàng sẽ trở về. Có vẻ giả dối quá. Dick không thể nào còn sống, đừng hy vọng nữa, chàng sẽ chẳng bao giờ trở về. Có vẻ phũ phàng quá. Khi đặt câu hỏi vậy nghĩa là trong An vẫn còn chút tin tưởng. Điều gì khiến An tin tưởng như vậy? Có phải vì Roy? Điều gì khiến Roy tin tưởng như vậy? Có phải vì An? Tôi cố gắng tìm một lối giải thích nào đó bằng những suy đoán lờ mờ.

Số phận của hơn hai ngàn lính Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam vẫn còn là đề tài được mang ra thảo luận trong những chuyến viếng thăm Hà Nội của các quan chức Mỹ gần đây. Vấn đề MIA vẫn còn nhức nhối, vẫn còn được quan tâm, vẫn chưa chìm vào quên lãng, nghĩa là vẫn còn chút hy vọng cho những người chờ đợi. Hai phía vẫn còn tiếp tục những nỗ lực tìm kiếm, dù kết quả không mấy khích lệ. Vẫn cam kết hứa hẹn, vẫn bày tỏ thiện chí, vẫn đào đào bới bới, vẫn tặng phẩm tặng vật là những bộ hài cốt “mới phát hiện được”. Thế nhưng những tin tức thu lượm được chỉ có chừng đó. Người ta đi tìm những dấu vết của người chết hơn là tung tích của người sống. Như vậy thì liệu có chút gì hy vọng cho An? Liệu tôi có nên nói thẳng nói thật với An điều đó hay cứ để mặc cho bà tiếp tục đợi chờ trong vô vọng?

Dick, Dick, Dick. Chàng lính Mỹ đó thực ra là ai vậy? Làm sao tôi biết được. Dick, Dick, Dick. Đó chỉ là một cái tên gọi. Đôi lúc nhắm mắt lại tôi vẫn hình dung được khuôn mặt, nụ cười và ánh mắt tươi vui của Dick. Có lúc tôi thấy Dick trông thật quen, như đã từng gặp, từng chuyện trò ở

đâu đó một đôi lần. Có phải vì tôi cứ mãi nghĩ về Dick nên khuôn mặt chàng từ lúc nào đã in sâu trong tiềm thức tôi?

Dick lại còn len lỏi cả trong giấc ngủ tôi nữa. Có đêm tôi nằm mơ thấy Dick là một ông già hom hem, râu tóc bạc phơ, sống cô quạnh giữa núi rừng Bắc Việt. Có khi chàng lại hóa thành người rừng, hình thù kỳ dị, lông lá đầy mình trông như con khỉ đột, leo trèo chạy nhảy thoăn thoắt trong rừng Trường Sơn, thỉnh thoảng lại cất lên những tiếng hú lạ lùng. Có lúc tôi lại thấy Dick lọt chân xuống một bãi đầm lầy, chàng cố ngoi lên nhưng thân hình cứ từ từ lún xuống. Dick rần quơ quơ hai tay kêu cứu một cách tuyệt vọng, tiếng la hét hãi hùng. Rồi có lúc tôi lại thấy Dick đang dạo chơi trên đường phố Sài Gòn, thân mật ôm vai nói cười vui vẻ với những đứa bé ngồi với chàng ở công viên bên Bạch Đằng năm xưa. Những đứa bé ấy nay đã lớn, hóa thành những chàng trai trẻ khôi ngô bên cạnh Dick.

Qua đêm khác tôi lại thấy Dick ngồi bó gối, gục đầu giữa bốn bức tường trong một căn phòng trơ trụi đóng kín cửa, bóng tối quanh quẩn. Một vuông cửa nhỏ xíu, có những chấn song. Một đứa trẻ ở bên ngoài bước lại gần, tò mò mở to mắt nhìn qua ô cửa. Tôi nhận ra Dick vì thỉnh thoảng chàng chậm chạp ngược lên nhìn đứa bé rồi lại chậm chạp cúi xuống. Khuôn mặt Dick hốc hác, râu ria lởm chởm, đôi mắt như lạc thần. Rồi không hiểu sao tôi cũng ở đó, đứng bên cạnh đứa bé. Tôi cũng nhìn vào, tôi gọi nhỏ, “Dick! Dick! Dick!” Chàng vẫn ngồi thu lu, bất động... Dick có nghe tôi gọi? Sao chàng không lên tiếng?

Rồi qua đêm khác nữa tôi lại thấy Dick hóa thân thành người tù binh được phóng thích, bước khập khiễng xuống

thang máy bay trong tấm ảnh nổi tiếng được chụp lại trên tờ báo *Life*. Trong khoảnh khắc hạnh phúc ấy, đưa con gái là bé Mai dang rộng đôi cánh tay lao vào lòng người cha thân yêu, trong lúc người vợ trẻ là An ở phía sau đứng chết lặng trong nỗi sướng vui nghẹn ngào.



(Ảnh: AP Photo/Sal Veder)

Ôi những giấc mơ trái ngược! Tôi không hiểu gì cả. Dick ở đâu ra nhiều quá vậy? Khuôn mặt Dick, hình ảnh Dick tràn đầy trong giấc mơ tôi. Tôi chẳng bao giờ kể cho An, cho Kim, hay cho bất cứ ai nghe những giấc mơ kỳ lạ đó. Tôi chịu không biết được Dick hiện đang ở nơi đâu. Dick mà còn sống à? Làm gì có chuyện đó. Thật khó mà tin được.

Chiến tranh Việt Nam, một vũng lầy quái ác. Tôi đã nhảy vào đó, lặn hụp trong đó, rồi lóp ngóp lội được lên bờ. Dick cũng nhảy vào đó, lặn hụp trong đó, rồi mất tăm, không thấy nhảy ra nữa. Tôi may mắn sống sót, và đang sống trên quê hương của Dick, trong khi Dick lại không về được quê hương mình, nơi người vợ trẻ và bao người thân yêu của chàng đang ngày đêm mỏi mắt trông chờ. Ngày nào con trở

về con ơi, con ơi!..., * Dick cũng phải có một bà mẹ chứ. Nước Mỹ, người Mỹ hẳn là trông đợi Dick trở về hơn là trông đợi tôi mang vợ mang con tới đây. Tôi cảm thấy có điều chi bất ổn, có điều gì bất công.

Cứ mỗi lần trông thấy những người cựu chiến binh Mỹ trên đường phố, tôi lại nghĩ tới Dick. Có người từng tham chiến ở Việt Nam, từng là bạn bè, là chiến hữu của Dick, và họ đã trở về. Có người trở về không lành lặn, nhưng dù sao họ cũng đã trở về. Tôi chắc nhiều người trong số họ đã được nhìn thấy tấm ảnh của An. Họ có nhận ra Dick không, có thấy Dick ở đâu không?

Hết nghĩ tới Dick tôi lại nghĩ về An. Thực ra, trông bà đâu có khác gì những phụ nữ Mỹ tôi vẫn gặp thường ngày, những phụ nữ không hề biết đến, không hề dính dáng gì đến cuộc chiến tranh đó. An có lộ vẻ rầu rĩ gì đâu, bà còn vui vẻ nữa là khác, và còn mang sự vui vẻ đến cho mọi người. Tôi vẫn gặp An mỗi tuần, bà vẫn cười nói, vẫn dạy học, vẫn đưa con đến lớp, vẫn lái chiếc *van* đưa rước người này người nọ, nhưng cái nhìn của tôi về bà đã khác. Tôi đã nhìn thấy những dòng nước xoáy dưới mặt hồ yên tĩnh, phẳng lặng. Định mệnh của bà khi không lại gắn liền định mệnh rủi ro của đất nước tôi. Số phận của bà bỗng dừng lại gắn liền số phận nghiệt ngã của dân tộc tôi. Sợi dây xích oan khiên nào đã ràng buộc số phận của bà chung với số phận người chinh phụ Việt Nam. Bà cũng đã có những năm dài trong âu lo, khắc khoải, buồn bã, những đêm mong ngày nhớ, những năm chờ tháng đợi mỗi mòn.

Bà An, theo lối nói quen thuộc, là người phụ nữ Mỹ mang

* “Ngày nào con trở về”, Tuấn Khanh & Châu Ngân

trái tim Việt Nam. Hơn thế nữa, trái tim ấy đã từng hòa cùng nhịp đập thồn thức, đã từng chia sẻ những nỗi lòng chinh phụ. Cũng *đợi chàng một hai năm, hay là cả đời xuân xanh, ngày nao đầu pha tuyết sương vẫn mong tái ngộ một lần...** Trái tim ấy còn đau nỗi đau của người chinh phụ Việt Nam, còn mang vết thương Việt Nam (vết thương của một cuộc chiến tranh không xảy ra trên đất nước bà). Nỗi đau ấy có bao giờ nguôi, vết thương ấy có bao giờ lành.

Lớp học ESL chiều thứ Bảy đó không có giáo viên. Các học viên đợi mãi không thấy “bà Mỹ có chiếc xe van” đến lớp. Tôi phải nhờ “anh Phát”, tức Fred, một học viên của lớp “Tiếng Việt cho người Mỹ”, dạy thay cho An. Tôi có hơi ngạc nhiên vì trước giờ An làm việc rất đàng hoàng, đúng giờ, đúng hẹn. Thỉnh thoảng, nếu vì lý do nào đó không đến lớp được, bà đều có báo cho tôi hay trước để tiện việc sắp xếp, thông báo với lớp học, hoặc nhờ giáo viên khác dạy thế. Các học viên lớp ESL thì chỉ muốn học với An hơn bất cứ giáo viên Mỹ nào khác.

* * *

Ít hôm sau đó, tôi nhận được một cú điện thoại gọi tới khá muộn vào buổi tối, lúc tôi đang chuẩn bị lên giường ngủ. Khi ấy Kim đang nằm đọc sách trên giường và điện thoại lại ở ngay trước mặt tôi nên tôi không thể không trả lời. Liếc nhìn cái caller ID trên mặt bàn trong lúc nhắc ông điện thoại, tôi đọc thấy tên Thu Vân.

“Hê-lô, anh Hữu. Anh đã ngủ chưa?”

“Tôi mới ngủ dậy cô à. Cảm ơn cô đã đánh thức tôi.”

* “*Xa vắng*”, *Y Vân*

“Ồ ô, sorry... Đâu biết anh ngủ sớm vậy.”

“Không sao. Ngủ nhiều đâu có tốt. Cô có gì cho tôi vậy?”

“Anh biết chuyện gì chưa?”

“Sắp biết.”

“Anh nói sao?”

“Sắp được cô cho biết.”

“Anh cứ nói đùa. Anh hay tin bà An chưa?”

“Tin gì vậy cô? Vui hay buồn vậy?” Tôi hỏi và thoáng nghĩ tới Dick. Không lẽ... “Tuần rồi không thấy bà An đi dạy, tôi tính gọi cho bà ấy.”

“Vậy là anh chưa biết gì hết. Thôi anh khỏi phải gọi nữa, không gặp được đâu. Bà ấy mất rồi.”

Tôi sững người. Phải mất nhiều giây sau tôi mới định thần lại để hỏi tiếp:

“Cô không nói đùa chứ?”

“Đùa với anh làm gì. Chỉ có anh mới hay đùa. Tưởng anh biết rồi chứ. Bà ấy không nói gì với anh sao?”

“Nói gì là nói gì?!” tôi nóng ruột, hỏi tới. “Cô nói gì lạ... Chẳng lẽ An lại tin cho tôi hay là bà ấy sắp chết?”

“Đúng vậy. Mấy người bị heart attack như bà đâu có sống được lâu, dễ chết bất tử lắm. Trước đó bà cũng mấy lần phải gọi emergency chở đi nhà thương, tưởng xong rồi. Đâu có chỗ nào dám nhận cho bà làm việc. Bác sĩ bắt bà ấy phải nghỉ ngơi, kiêng cử đủ thứ. Bà có chịu nghe đâu... Bà ham làm việc quá. Tội nghiệp!”

Thu Vân còn nói thêm những gì nữa nhưng tôi chỉ nghe

được mấy tiếng “bé Mai..., bé Mai...” và cô gác điện thoại lúc nào tôi cũng không hay. Tin này đến với tôi quá đột ngột. “Tuồng anh biết rồi chứ!” Tôi nào có biết gì. Nếu biết, tôi đã chẳng dám nhờ An giúp cho việc này việc nọ, nhờ dạy học, nhờ đưa đón chuyên chở học trò, nhờ đủ thứ chuyện... Tôi thấy mình như kẻ có tội, như đã can dự phần nào vào cái chết của An. An chẳng hề nói cho ai biết, và tôi cũng thật vô tâm quá. Tôi nhớ ra có lần Thu Vân nói với tôi là trước đây An đã xin nghỉ việc ở sở làm vì lý do sức khỏe, nhưng cô không nói rõ và tôi cũng chỉ nghe qua vậy mà không hỏi kỹ.

Kim vẫn nằm đọc sách. Nàng không hỏi tôi ai gọi tới, nói chuyện gì. Tôi không muốn báo cho Kim biết tin đó bây giờ. Tính nàng dễ xúc động. Tôi không muốn làm Kim mất ngủ suốt đêm nay và không muốn phải trông thấy lại đôi mắt đỏ hoe của nàng một tối nào ngồi nghe An kể chuyện.

Bỗng dưng tôi cảm thấy rất thèm một hơi thuốc, tôi khẽ mở cánh cửa sau, bước ra ngoài. Trời gầy gầy lạnh. Đêm tối yên lặng quá. Tôi đốt một điếu thuốc, đứng nhìn thật lâu vào khoảng không. Cứ mỗi lần hay tin một người thân quen nào đó mới qua đời tôi lại có cảm giác thật hụt hẫng, và nhận rõ được cái vô nghĩa mệnh mông đến tột cùng của đời sống. Tôi cũng luôn có nỗi ray rứt ân hận là đã không nói được với người ấy khi còn sống những điều cần nói. Lẽ ra tôi đã phải nói với An tôi tin rằng Dick vẫn còn sống. An đã chẳng chờ đợi ở tôi câu nói ấy hay sao. Có đôi lúc người ta phải bám lấy chút hy vọng nào đó thật là mỏng manh để mà tiếp tục sống, vậy thì đừng có bao giờ nhẫn tâm dập tắt ngọn lửa hy vọng ấy, và bằng mọi cách, dầu có phải dối gạt đi nữa, hãy giữ cho chút hy vọng leo lét đó đừng trở thành

tuyệt vọng. Roy đã làm như vậy. Sao tôi lại không làm như vậy? Tôi thật ngu ngốc.

Tôi vẫn ít khi chịu tin vào những chuyện tình lãng mạn, những chuyện tình lâm ly có những đoạn kết đẹp và buồn. Tôi vẫn luôn luôn cho rằng những chuyện tình giả tưởng ấy chỉ có được ở trong tiểu thuyết và phim ảnh. Tôi cũng ít khi chịu tin chuyện kiếp sau kiếp trước và những lời hẹn thề “chờ nhau đến kiếp nào”. Vậy mà giờ đây, hơn lúc nào hết, tôi tin là Dick đã thực sự chết rồi và tôi cũng muốn tin là người chết có linh hồn, để cho hai kẻ yêu nhau và xa nhau sau cùng vẫn tìm lại được nhau ở bên kia thế giới, nơi ngưỡng cửa thiên đường.

Ném đi mẩu thuốc, tôi ngược nhìn bầu trời bát ngát những vì sao. Trời đêm nay nhiều sao quá. Có những vì sao thật sáng, trông thật gần. Tôi dõi mắt hướng về một ngôi sao xa nhất, khi ẩn khi hiện trên nền trời đen thẫm, trông xa vẫn thấy lấp lánh như có một linh hồn. Tôi bỗng nhớ lời An nói với con tôi một đêm nào, “Những người tốt khi chết đi thì linh hồn sẽ hóa thành những vì sao sáng. Những vì sao đó sẽ chiếu rọi mãi đến tận ngôi nhà những người thân yêu của mình.”

Tôi cũng nhớ đã phụ họa với An để con tôi tin câu chuyện ấy là có thực, và từ đó thằng con tôi đã thêm vào lời cầu nguyện hằng đêm trước giờ đi ngủ, xin cho được trông thấy một vì sao của người thân yêu nào đó bay về gần ngôi nhà mình. Thằng con tôi mai kia lớn lên sẽ thấy rằng những điều ông bố nói là không có thực, nhưng nó sẽ chẳng trách cứ gì tôi. Có thể là nó vẫn cất giữ những điều thêu dệt đó như cất giữ những giấc mơ, những câu chuyện cổ tích vậy.

Và tôi, vì đã trót nói với con như thế, tôi cũng muốn tin những lời ấy là có thật để tôi không phải là kẻ nói dối. Cũng như tôi vẫn muốn tin vào những điều tốt, vẫn muốn tin là thế gian này vẫn còn có những người tốt. Đâu đó trong cuộc sống vẫn còn rải rác những tấm lòng.

Cũng như thằng bé, tôi cũng nguyện cầu đêm nay có một vì sao.□

Nắng lạ

Người nằm ngủ thấy gì?

Thấy rất nhiều nắng lạ

(Bùi Giáng)

Lúc Phương và tôi bước ra khỏi bóng tối của rạp hát thì bên ngoài nắng đã lên cao. Nắng chói chang làm tôi lóa mắt. Phương khẽ nhắm mắt, mở xác tay lấy kính mát đeo vào. Khuôn mặt Phương với đôi mắt giấu sau cặp kính đen bí ẩn trông là lạ, ngò ngò, tựa khuôn mặt cô người mẫu trong một tạp chí thời trang nào đó. Tôi nói Phương nghe vậy. Nàng mỉm cười, khóe miệng hơi nhếch lên, trông lại càng giống.

Chúng tôi đi bộ dọc theo hè phố. Nắng loang trên vỉa hè, nắng tràn lan trên mặt đường, nắng chấp chới trên những ngọn cây. Nắng ngập tràn, giống như cảnh cuối kết thúc bộ phim. Màn ảnh sáng lên. Một khoảng trời ngập nắng và hoa phượng đỏ. Nắng rực rỡ, hoa phượng đỏ rực rỡ. Cô gái, trong tà áo trắng mềm mại, chạy tung tăng giữa đôi cỏ rộng dưới muôn ngàn tia nắng lung linh rọi xuyên qua những tán cây. Ống kính người đạo diễn dừng lại khá lâu ở nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt cô gái. Sau cùng cũng đã có được chút ánh nắng soi rọi xuống những mảnh đời rách nát, những phận người hèn mọn. Một lối kết thúc cổ điển. Phim

có vẻ thiếu ánh sáng và nhịp độ phim lại chậm chạp khiến tôi buồn ngủ. Người đạo diễn có chủ ý sử dụng những màu sắc tối trong suốt chiều dài cuốn phim nhằm mô tả những cảnh đời tăm tối.

Phương hỏi tôi nghĩ sao về cuốn phim. “Cảnh đẹp,” tôi tìm được một câu khen. Phương cười, “Xem phim mà chỉ có khen cảnh đẹp thôi thì đâu có hiểu gì phim.” Tôi cũng cười theo. Thực tình là tôi cũng chẳng hiểu gì lắm vì có xem được bao nhiêu đâu. Ngồi trong rạp, suốt từ đầu tới cuối phim tôi chỉ có mỗi việc ngả đầu vào vai Phương, lim dim ngủ, và màn ảnh sáng lên đánh thức tôi dậy cũng là lúc phim vừa kết thúc kịp cho tôi nhìn thấy một khoảng trời rộng và những cánh hoa phượng lung linh trong nắng.

“Vì sao lại gọi là ‘ba mùa’ nhỉ?” Phương hỏi.

“Chắc là cảm lọng cọng sao đó nên đánh rớt đầu mất một mùa xuân.”

Phương cười, gật gật đầu khen tôi trả lời hay. Lâu lâu nàng cũng khen tôi được vài tiếng. Tôi không nói Phương biết câu ấy đâu phải của tôi mà của ông thi sĩ nào đó. *Năm ngón tay có bốn mùa trái đất / Chúng tôi cảm rơi mất một mùa xuân.* Tôi khẽ nắm lấy bàn tay Phương, những ngón tay chúng tôi đan vào nhau. Bao năm rồi tôi mới gặp lại bàn tay ấy. Bao nhiêu là tang thương dâu bể, bao nhiêu là nước trôi qua cầu. Vẫn những ngón thon dài, vẫn lòng bàn tay mềm mại, nay đã có thêm những đường gân xanh nổi lò mờ. Những bàn tay không biết nói dối, dấu nhan sắc có khéo che đậy. Chúng tôi thật rủi ro đã làm rơi rớt không ít những mùa xuân ở dọc đường. Liệu trong lần tái ngộ này đây hai đứa tôi có vót vát lại được chút gì, như cô gái trong phim sau

cùng cũng tìm lại được chút nắng xuân, cho đủ bốn mùa. Liệu những mát mát rồi sẽ được đền bù, hay là sau cơn mưa, trời lại... bão. Những cơn bão cuồng nộ tàn phá, vùi dập, cuốn phăng đi tất cả. Tôi nghĩ lan man và cười một mình. Phương hỏi cười gì vậy. Tôi nói đang nhớ tới một tuồng cải lương cảm động.

“Không phải Thuyền Ra Cửa Biển chứ?”

“Không, tuồng cũ hơn. Áo Cưới Trước Cổng Chùa.”

“Đang nói chuyện phim ảnh lại nhảy qua chuyện cải lương,” Phương nói. “Có ăn nhập gì nhau đâu.”

“Có chứ em,” tôi nói. “Cái gọi là 'phim Việt Nam' chỉ là một sự pha trộn giữa cải lương và kịch, thu hình ở ngoài trời thay vì ở sân khấu, lồng vô ít bài nhạc thời trang, rồi đem chiếu cho bà con xem.”

“Anh chê diễn viên điện ảnh Việt Nam à?” Phương hỏi.

“Đâu dám chê, nhưng mà diễn xuất cứ như là đang... đóng phim vậy. Nửa Tây nửa Tàu, xem cứ thấy sượng sượng, nhất là những màn sexy cởi quần cởi áo. Phải quên cái ống kính đi thì mới truyền cảm xúc cho khán giả được.”

Cặp kính đen không cho thấy phản phát biểu ý kiến của tôi có được sự đồng tình nào.

“Anh nói giống ông chồng em. Ông ghét phim Việt Nam. Chẳng thà coi phim Ấn Độ, ông nói vậy. Còn phim này thì sao?”

“Có bớt sượng hơn,” tôi nói, “nhưng vẫn thấy giả tạo. Chuyện phim mà cứ như chuyện... xi-nê thì làm sao mà thuyết phục được khán giả. Trên đời này làm gì có nổi một

tay đập xích-lô vừa đẹp trai vừa hào hiệp lại vừa cù lần như vậy.”

“Có mấy bà Mỹ khóc, mắt đỏ hoe đỏ, anh không thấy sao?”

“Vì họ là người Mỹ,” tôi nói. “Họ chưa thấy những cái đó bao giờ. Người Việt mình thì quen quá rồi. Nhiều cảnh đời còn thâm hơn nhiều.”

Phương im lặng. Khác với hồi xưa, mỗi khi hai đứa bắt đồng ý kiến về chuyện gì là nàng cãi phăng phăng tới cùng, bất kể đúng sai phải trái, bất chấp chân lý sự thật, cho đến lúc nào đối phương là tôi phải im lặng vì quá nhứt đầu thì nàng đi tới kết luận gọn gàng “im lặng là đồng tình”. Cứ như vậy thì tôi luôn luôn là kẻ thua cuộc.

Chúng tôi đi ngang một góc phố nhộn nhịp, nhiều người đứng xếp hàng trước một quầy bán kem.

“Chờ em một chút,” Phương bỗng nói.

Không đợi tôi trả lời, nàng bước nhanh về phía quầy kem, đứng nối đuôi dãy người xếp hàng một. Tôi đốt một điếu thuốc, đứng nhìn trời đất vẫn vơ. Phương vẫn có những cái bất ngờ, đột ngột như vậy. Ngày xưa tôi cũng mệt mỏi vì cái tính mưa nắng bất thường rất khó mà dự báo thời tiết của nàng, giống như những cơn mưa Sài Gòn, những cơn mưa bất chợt, vội vàng đến vội vàng đi, không có gì báo trước. Còn mưa ở đây thì lại khác, mưa đều đều mưa dài dài, mưa hoài không biết chán, mưa như không biết mệt. Mưa suốt tuần lễ đầu tôi ở đây, mưa ngay từ phút đầu đặt chân xuống phi trường. Thành phố chào đón tôi bằng những cơn mưa dầm dề... Tôi không hiểu được vì sao Phương lại

chọn về sống ở chốn này. Và tôi nữa, vì sao tôi lại có mặt nơi đây?

Thành phố này có một đại lý cho công ty lắp ráp máy điện toán mà tôi đang làm việc, và họ cần người phụ giúp để giải quyết vài khó khăn nào đó trong công việc quản lý. Khi được hỏi ý kiến có bằng lòng tình nguyện đến đây làm việc trong thời gian ngắn, tôi đã nghĩ đến Phương. Một người bạn ở California cho tôi biết Phương hiện đang ở thành phố này và còn cho tôi số điện thoại của nàng. Tôi đã có những phút do dự. Tôi muốn gặp lại Phương để làm gì? Để bày tỏ sự hối tiếc, để chuộc lại những lỗi lầm? Để còn được trông thấy nàng một lần nữa, để nói được với nàng một đôi câu gì đó rồi... lặng lẽ ra đi? Tôi đâu có còn ở tuổi mới biết yêu, và cũng đã đi quá xa thời lãng mạn. Liệu có còn chút gì gọi là tình yêu giữa tôi và nàng? Phương đã có gia đình, tôi cũng vậy. Chẳng biết gia đình nào thực sự ấm êm hơn? Có lúc tôi đã nghĩ, chỉ cần biết được rằng nàng đang có hạnh phúc, tôi sẽ yên lòng và bỏ đi ngay. Còn nếu không, thì sao? Tôi đâu có làm được chuyện gì! Vậy thì tại sao phải gặp nàng? Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn và chẳng có câu trả lời nào, nhưng tôi biết một điều là tôi vẫn còn yêu Phương.

Sau cùng có lẽ chính là Thu, vợ tôi, đã đẩy tôi đến quyết định vừa hợp tình lại vừa hợp lý trong lúc tôi còn đang phân vân, do dự.

“Thì anh cứ đi thử một chuyến xem sao,” Thu nói. “Được trả thêm tiền, lại có chỗ ăn chỗ ở đàng hoàng. Có mất mát gì đâu.”

Đúng vậy, có mất mát gì đâu, sao tôi lại không thử một

chuyên? Nói gì thì nói, không phải là tôi đã đến đây vì Phương sao? Tôi đâu có yêu thích công việc đến mức bỏ nhà bỏ cửa đến một thành phố xa lạ để đánh vật với giàn computer thô tả này.

Qua tuần lễ đầu bận tui bụi, những lúc đêm xuống, ngồi một mình bên chiếc điện thoại là lúc tôi nghĩ đến Phương nhiều nhất. Máy lần tôi tính gọi cho nàng nhưng rồi lại ngần ngừ. Tôi nhắc ông điện thoại lên rồi lại bỏ xuống. Tôi phân vân, đắn đo không biết phải nói câu gì đầu tiên với nàng, hay với người đàn ông xa lạ đó (nếu nghe giọng đàn ông trả lời). Và, tôi lại cảm thấy ngượng ngập, sượng sùng như là đang toan tính, âm mưu một chuyện gì đó không được đứng đắn, không mấy lương thiện. Có lúc tôi tự nhủ mình thôi hãy từ bỏ ý định ấy, thôi hãy quên đi quên đi, thế nhưng ý nghĩ Phương hiện đang ở một nơi nào đó thật gần gũi quanh đây khiến lòng tôi cứ xôn xang, bứt rứt.

Sau cùng, đến một lúc nào đó không còn tự chủ được nữa, ngón tay tôi tự động bấm những con số, và tôi hồi hộp chờ đợi. Tôi nghe những tiếng chuông reo mãi, reo mãi..., và không ai nhắc điện thoại. Tôi gọi lại ngày hôm sau, hôm sau nữa, rồi hôm sau nữa. Vẫn không ai trả lời. Tôi hoang mang không rõ nhà vắng chủ, hay chủ nhà đã dọn đi nơi khác, hay số điện thoại ấy không còn được sử dụng. Chẳng lẽ cứ gọi hoài.

Cho đến một buổi chiều, thử gọi lại lần cuối với không chút hy vọng, tôi nghe tiếng nhắc ông điện thoại. “Hello?” giọng một phụ nữ. Tôi im lặng, lắng tai chờ nghe thêm lần nữa để biết chắc có phải là Phương. “Hello, who's calling?” giọng phụ nữ hỏi lần nữa. Tôi nín thở, tin đúng là giọng

nàng. Giọng lãnh lút và trong như tiếng suối ấy, đâu có dễ gì làm được, dầu cho nàng có nói tiếng... Nga đi nữa tôi vẫn cứ nhận ra được như thường. “Can I speak to Phuong, please?” tôi hỏi. Tiếng trả lời “Phuong đây.” Tim tôi thất lại... “Có nhận ra ai đây không?” tôi hỏi chậm rãi. Phuong có vẻ xúc động (tôi đoán chừng vậy), vài giây im lặng, rồi nàng trả lời “Làm sao quên được.” Nàng hỏi tôi hiện đang ở đâu, tôi nói địa chỉ và chỉ hơn một tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã ở trong vòng tay nhau.

Phuong trách tôi đã không gọi cho nàng sớm hơn, rồi nàng lại nói nếu có gọi cũng chẳng gặp được vì nàng mới từ Florida về. Phuong có thay đổi, nhưng không nhiều lắm. Không còn những nét mảnh mai thời con gái, nhưng chắc chắn là tôi vẫn nhận ra được nàng nếu có gặp nhau bất ngờ ngoài đường phố nào trên đất nước này. Thân hình có đầy đà hơn, đỏ da thắm thịt hơn, kiểu tóc khác, lối trang điểm cũng khác, nhưng vẫn giọng nói ấy, nụ cười ấy, và nhất là vẫn còn những nét gợi cảm, vẫn là Phuong của tôi một thời nào xa lắc.

Phuong khẽ đẩy lùi tôi, quan sát tôi từ đầu tới chân, nói “Anh thay đổi nhiều quá!” Tôi nói “Khi muốn tránh chữ ‘già’, người ta hay nói ‘thay đổi’.” Phuong cười, “Em cũng già vậy.” “Phụ nữ đến một tuổi nào đó cứ hay than vãn mình già rồi để được nghe người khác cải chính giùm,” tôi nói. “Vậy là em già thật rồi,” Phuong nói, ra vẻ thất vọng. Định cải chính giùm nàng thì chợt nhớ điều gì, tôi nhẹ nhàng gỡ những ngón tay Phuong, hỏi một câu ngớ ngẩn, “Chồng em đâu?” Phuong nói “Ông đứng ngoài chờ em.” Rồi ngó bộ mặt tôi có lẽ tức cười sao đó, nàng cười lớn, “Đùa chút thôi, làm gì mà nghech mặt ra vậy!”

Phương nói chuyện vợ chồng nàng ly dị nhau từ hơn một năm nay nghe giống như là chuyện của ai đó, và tôi cũng làm ra vẻ như là không chú ý gì đến chuyện đó lắm.

* * *

Phương trở ra với hai cây kem trên tay, đưa tôi một. Trông nàng thè lưỡi liếm cây kem thật ngon lành. Phương nhắc đến tên một tiệm kem quen thuộc ở Sài Gòn, nơi chúng tôi thường ghé vào mỗi khi ở rạp chiếu bóng ra. Những ly kem đủ màu và những muỗng kem mát lạnh đến tê cả lưỡi giữa cái nóng oi ả của thành phố. Phương nói bây giờ nàng không thể nào tìm lại được cảm giác ấy nữa. Chúng tôi đi về phía parking.

“Anh muốn đi đâu bây giờ?” Phương hỏi khi mở cửa xe.

“Tùy em thôi. Đi bất cứ nơi nào tổ quốc cần.”

“Anh học được câu ấy ở đâu vậy?”

“Trong tù.”

“Tội nghiệp anh. Ở tù thì đâu có gì vui, phải không?” Phương hỏi khi nổ máy xe.

“Cũng tạm tạm,” tôi nói, “có nhiều cái hay. Mỗi người đều nên ở tù qua một lần cho biết, miễn đừng ở lâu quá.”

“Khi đó chắc là anh đâu có nhớ em, phải không?”

“Nhớ em có mà chết sớm. Anh tập được tính quên. Có quên mới sống nổi. Nhiều người sống được tới mười năm, hai mươi năm ở trong tù là nhờ vậy.”

“Rồi sau đó anh làm gì?” Phương lại hỏi.

“Thì qua đây tìm em.”

“Xạo. Vợ con rồi còn tìm kiếm gì nữa.”

“Em lấy chồng rồi thì cũng phải cho anh lấy vợ chứ.”

“Em đang ở một mình, anh không thấy sao?”

“Không nên,” tôi nói. “Đàn bà ở một mình không tốt, Chúa nói vậy.”

“Xạo nữa. Em chỉ nghe Chúa nói là đàn ông ở một mình không tốt, vì vậy mới có thêm bà Eva.”

“Chịu thua em,” tôi cười trừ. “Đàn ông đàn bà gì cũng rứa, cũng không nên ở một mình.”

“Ai chịu ở với em?”

Tôi kịp ngăn được tiếng “Anh” vừa định thốt ra. Phương im lặng, làm ra vẻ chăm chú lái xe. Kể cũng khá thú vị được một phụ nữ quyến rũ vừa là tài xế vừa là hướng dẫn viên du lịch đánh xe đưa đi dạo chơi đây đó. Xe qua những đường phố chính đầy người đi bộ qua lại. Phương nói ở đây lâu lâu có được một ngày nắng là dân thành phố mừng lắm, đổ cả ra đường.

“Anh có thấy là nắng ở đây đẹp hơn nắng ở những nơi khác không?”

Nghe Phương hỏi tôi mới thực sự để ý đến màu vàng của nắng. Quả là so với những nơi tôi đã đi qua, màu nắng ở đây có tươi hơn, rực rỡ hơn, khiến cảnh trí thiên nhiên được phủ lên một màu vàng tươi thắm của đất trời như bức tranh phong cảnh sinh động và con người dễ có cảm giác ấm áp sau những ngày mưa lạnh lẽo.

“Nắng lên rồi, nắng lên rồi, đẹp bao mái tóc xanh người ơi!...”*

* “Hương nắng huy hoàng”, Hương Huyền Trinh

“Anh nói sao?”

“Không, anh hát.”

“Yêu đời quá ta. Hát nữa đi.”

“Thành phố của em buồn quá,” tôi nói. “Mưa sục sùi, mưa nồm nồm. Lâu thật lâu mới có một ngày nắng. Giá không gặp được em thì anh cũng đành bỏ về thôi. Nắng có đẹp cách mấy cũng chịu.”



(Ảnh: Getty Images)

Tôi thấy môi Phương điếm một nụ cười. Sau hơn hai tuần lễ thực tình tôi vẫn chưa làm quen được với thành phố lạ lùng này. Những dãy phố có nét gì tựa tựa San Francisco, nơi tôi từng sống và làm việc gần trọn một mùa hè, nhưng có vẻ hiền hòa hơn. Tôi hầu như không có lấy một người quen nào ở đây ngoài một hai tên bạn phát phơ chẳng lấy gì làm thân thiết nên cũng chẳng muốn liên lạc. Hai tay vòng phía sau gáy, đầu ngửa ra, tôi liếc nhìn khuôn mặt lạnh yên của Phương đang hướng nhìn về phía trước, chiếc cằm nhỏ hơi ngược lên, đôi mắt giấu sau cặp kính đen vẫn như mang vẻ gì bí ẩn, một bàn tay hờ hững đặt trên tay lái.

“Người Việt ở đây gọi nơi này là ‘cao nguyên tình xanh’,” Phương nói.

“Xanh với đỏ, bày đặt. Mấy anh chàng vô công rồi nghề là cứ hay chế ra tên này tên nọ.”

“Cái tên làm em nhớ tới mấy câu thơ của anh hồi xưa...,” Phương nói tiếp.

“Vậy sao? Đọc nghe cho vui.”

“Em chỉ nhớ câu cuối, ... Hồi em tình có còn xanh / Khi về sân trại nhìn quanh quá buồn.”

Kể cũng cảm động, nàng vẫn còn nhớ được mấy câu thơ vợ vẫn mà đến tác giả cũng chẳng buồn nhớ vì chẳng lấy gì làm hay ho. Bài thơ hồi mới vào lính, nằm bẹp trong một trại nhập ngũ. Tôi dám tặng nàng bài thơ đó lắm, tặng thứ gì nữa tôi còn dám hướng chi bài thơ rẻ tiền. Đúng ra thì tôi tặng lung tung chứ đâu có riêng gì nàng, thế nhưng những người đẹp kia thì lại quá vô tình và cũng chẳng có chút tâm hồn văn nghệ nào để mà yêu thơ yêu nhạc, yêu màu tím màu vàng như Phương.

“Anh còn làm thơ chứ?” Phương hỏi, giọng chế diễu.

“Hết rồi. Từ ngày em lấy chồng.”

“Nói nghe cảm động. Vợ anh đẹp không?”

“Cũng ok.”

“Anh có hạnh phúc không?”

“Thỉnh thoảng.”

“Vợ anh có hay ghen không?”

“Thỉnh thoảng.”

“Anh có khi nào ngoại tình không?”

“Thỉnh... Thôi đủ rồi em. Trả lời mệt quá.”

Phương mỉm cười, không nói gì thêm. Xe chạy chậm chậm ngang qua một công viên. Những tàn cây xanh mát, những pho tượng câm lặng, những chú bò câu hiền lành, những nghệ sĩ ôm đàn hát dạo, những gã homeless cuộn mình trên ghé đá, những cặp tình nhân nằm dài trên cỏ. Những công viên ở Mỹ đều giống nhau, đều mang một vẻ đẹp thanh bình, êm ả. Tôi khẽ nhắm mắt, hát nhỏ theo điệu nhạc trong xe, “Hai năm tình lộn xộn, hai đứa cùng hư hao...”

“Hai đứa mình lộn xộn thiệt,” Phương nói.

“Anh đói bụng. Kiếm cái gì ăn.”

“Trong khu phố Little Saigon có tiệm cơm Việt Nam ngon lắm, anh có muốn đi ăn không?”

“Muốn.”

Chạy lòng vòng một hồi, Phương lại đổi ý.

“Giờ này mà ăn trưa thì hơi sớm, mà ăn sáng thì hơi muộn. Hay là mình mua cái gì về ăn. Chỗ này bán thức ăn cũng được lắm. Anh chịu không?”

Vừa nghe “Chịu” một cái là Phương tắt xe vô lẽ liền. Ngày xưa mỗi lần muốn tôi làm chuyện gì cho nàng, Phương cũng hay hỏi “Anh chịu không?” Có điều hồi đó tôi đâu có biết nhường nhịn, chiều chuộng đàn bà con gái như bây giờ cho nên đâu có “chịu” dễ dàng vậy.

“Chỗ này không có parking,” Phương bước xuống, dặn dò. “Em để đèn emergency. Anh cứ ngồi trong xe, đọc báo. Cảnh sát có hỏi thì nói vợ tôi ra liền bây giờ, ok?”

“Ok.”

Vài chiếc xe đậu gần đây cũng để đèn chớp chớp như vậy. Cầm tờ báo chợ tiếng Việt, tôi đọc lướt qua. Không có gì đặc biệt, cũng những trang quảng cáo các cơ sở làm ăn buôn bán, cũng biểu tình treo cờ treo quạt... Tôi bỏ tờ báo xuống. Phương bước ra với những túi xách trên tay.

“Xong. Về nhà cái đã rồi tính.”

Tôi không rõ Phương nói “tính” là tính chuyện gì. Nàng nói như thể còn nhiều chuyện phải làm lắm. Tôi cũng không rõ nàng có chương trình gì đặc biệt theo sau vụ xem phim sáng nay. Dù sao thì tôi cũng chẳng thắc mắc lo nghĩ chi cả, tới đâu thì tới, miễn có nàng bên cạnh. Tôi thả trôi tôi dập dềnh bên cạnh nàng và tận hưởng cảm giác thoải mái, dễ chịu trong những ngày này.

“Nhà nào?” tôi hỏi.

“Nhà em, chứ không lẽ nhà anh.”

“Nhà anh thì cũng được chứ có sao đâu.” Ý tôi muốn nói đến căn apartment mà công ty thuê cho tôi ở tạm từ hôm lên đây.

“Em đâu có điên,” Phương nói, “theo anh về nhà cho vợ anh lột da em à.”

“Đừng nói vậy tội nghiệp vợ anh. Cô ấy hiền khô, đâu có như em.”

Phương lặng im, rồi từ từ quay sang tôi. Tôi tưởng nhìn thấy được đuôi mắt sắc như dao của nàng sau cặp kính đen.

“Anh có vẻ tiến bộ hơn trước nhiều,” lát sau Phương lên tiếng. “Nói biết nghe lời. Vợ chồng anh chắc ít khi nào cãi nhau.”

“Anh học được kinh nghiệm, đừng bao giờ cãi cọ với đàn bà. Chỉ thiệt thòi.”

Tôi nghĩ là Phương hiểu được câu ấy.

“Vì vậy mà em nói cái gì anh cũng đồng ý?”

“Hơn thế nữa. Anh đồng ý cả những gì em sắp sửa nói.”

Cặp kính đen lại từ từ quay sang tôi.

“Chồng em thì khác,” Phương nói. “Ông chỉ chờ em nói câu gì đó để nói một câu ngược lại.”

“Vì sao hai người chia tay?” tôi hỏi.

“Tại vì những cái khác nhau như vậy.”

“Ví dụ?”

“Em thích mưa, ông thích nắng.”

Phương có vẻ không muốn nói nhiều về người chồng của nàng. Thì thôi vậy, tôi cũng chẳng muốn tìm hiểu thêm vì vụ này xét ra đâu có dính dáng gì tới tôi, nhất là khi anh chồng đã nhẹ nhàng khăn gói bước ra khỏi đời nàng.

“Hồi trước anh cũng thích nắng,” tôi nói, “còn bây giờ anh thích mưa.”

“Thôi đủ rồi.”

Chúng tôi tiếp tục nói qua nói lại với nhau những câu chuyện không đầu không đuôi như vậy. Xe ra khỏi thành phố. Có một lúc nào đó chúng tôi ngồi bên nhau thật yên lặng như thể không còn chuyện gì để nói với nhau nữa. Tôi nhớ là trong những ngày trước đây tôi đã có sắp đặt trong đầu những điều sẽ nói với Phương khi gặp lại nàng. Vậy mà giờ đây, bên cạnh nàng, tôi lại chẳng còn nhớ bất cứ điều gì

hay là những điều ấy không còn thích hợp, không còn cần thiết nữa. Khi hết chuyện nói, tôi hướng tầm mắt ra phía ngoài dõi theo những ngọn thông xanh mướt chạy dài trên những sườn đồi thoải thoải. Bên tôi, Phương vẫn ngồi yên lặng. Tôi không thể đọc được những ý nghĩ trong đầu nàng lúc ấy.

* * *

Tôi nói với Phương là ngôi nhà này rộng quá, ở làm sao cho hết, cho tôi thuê bớt một phòng để thỉnh thoảng lên đây có nơi tá túc. Phương nói ý kiến hay đấy nhưng mà hơi muộn, nhà sắp bán rồi. Tôi tưởng nàng nói đùa, cho đến lúc tiếng chuông điện thoại reo, Phương trả lời vẫn tắt, rồi quay sang tôi.

“Họ xin cái hẹn đến xem nhà.”

Tôi khen phòng khách đẹp, bày biện trang trí mỹ thuật. Phương cho biết ngôi nhà là tài sản chung của hai vợ chồng, đã thuộc về nàng sau khi hoàn lại anh chồng một khoản tiền. Tiếng chuông điện thoại tiếp theo trong lúc Phương bày thức ăn ra bàn là của hai đứa con gái nàng, đang nghỉ hè ở Florida nơi gia đình người chị nàng. Phương cho biết nàng đang nhờ bà chị tìm mua giúp căn nhà ở Tampa để dọn về đây. Nàng cũng được hứa hẹn có một việc làm tốt nơi ấy sau khi vừa bỏ một cái job ở đây. Phương nói nàng không muốn rời bỏ nơi này, nhưng ngôi nhà giờ đây chỉ gọi cho nàng những kỷ niệm buồn. Nàng cần thay đổi cuộc sống. Muốn có cuộc sống mới người ta phải sống trong một khung cảnh mới, Phương nói vậy. Dù sao tôi nghĩ nàng đã có những năm sống hạnh phúc.

“Anh xem còn thiếu thứ gì không?” Phương nhìn qua một

lượt bàn ăn, hỏi.

“Sao không cắt ít bông hồng ngoài vườn, em vẫn thích hoa hồng mà?”

“Ý kiến hay,” Phương nói. “Anh làm việc đó đi trong lúc em đi tìm cái lọ cắm hoa.”

Lát sau Phương lại hỏi còn thiếu gì nữa không.

“Nên có thêm vài ngọn nến. Tắt bớt một ngọn đèn.”

“Có màu mè không? Em không thích mùi nến, nhưng cũng ok.”

Tôi ngồi vào bàn ăn, nhìn những ngón tay xinh xắn của Phương thấp lên những ngọn nến trắng.

“Lịch sự, âm cúng. Không đòi hỏi gì hơn. Thế này là ấm no hạnh phúc quá rồi.”

“Xong chưa?” Phương hỏi, thổi tắt que diêm. “Hoa lá cành đầy đủ. Sẵn sàng thỏa mãn mọi yêu cầu của khách quý.”

“Cám ơn. Một chút âm nhạc nữa thì tuyệt.”

“Có ngay thôi.”

Phương ngồi phía đối diện, hai tay chống cằm, và chúng tôi nhìn nhau qua ánh nến rung rung. Tôi thấy môi Phương phác một nụ cười, khóe miệng hơi nhếch lên, và tôi cũng thấy một giọt nước lặng lẽ ứa ra nơi khóe mắt nàng. Thật khó mà hiểu được tận cùng ý nghĩa của giọt nước mắt ấy. Vui sướng, buồn rầu, tiếc thương, hờn tủi!?... Những ngọn nến chập chờn, lung linh trước mắt tôi cũng nhòa đi trong phút ấy. *Đừng nhìn em nữa anh ơi, hoa xanh đã phai rồi, hương trinh đã tan rồi... Đôi mi đã buông xuôi, môi răn đã*

*quên cười. Kiếp nào có yêu nhau, thì xin tìm đến mai sau...**
 Tôi vói tay lấy chiếc remote, tắt đi giọng hát điệu nhạc rền rĩ ấy.

“Quên một thứ,” tôi nói, đứng dậy. “Mới thấy chai champagne đâu đây.”

Cầm chai rượu Phương đưa, tôi lắc lắc. Đã lâu lắm tôi không cầm đến chai champagne nào vì chẳng có chuyện chi để ăn mừng. Sau tiếng nổ nhỏ, rượu tràn ra như suối. Rượu và bọt bắn văng tung tóe vào ngực áo tôi, vào những lọn tóc Phương. Nàng vội nghiêng đầu tránh, đứng bật dậy. Chiếc ghế đổ xuống sau lưng và nàng loạng choạng muốn ngã theo. Tôi nhào người qua đỡ lấy Phương, tay kia vẫn giơ cao chai champagne, và rượu vẫn tiếp tục chảy tràn xuống đầu hai đứa tôi. Thêm một chiếc ghế nữa đổ xuống. Chúng tôi ôm nhau cười nghiêng ngửa, cười sặc sụa, cười thỏa thích như hai đứa trẻ. Dứt tiếng cười, tôi quay nhìn Phương, Phương nhìn tôi, chúng tôi nhìn nhau trong vài giây im lặng. Khuôn mặt Phương thật sát, hai mắt mở lớn. Đôi mắt Phương khi ấy thật lạ. Sau cùng, tôi đã nhìn ra Phương, nhìn ra đôi mắt ấy, nhìn thấy được cả tôi trong đó nữa. Tôi khẽ cúi xuống liếm láp những giọt rượu còn đọng trên má Phương, và trong lúc ngực nàng vẫn còn phập phồng sau trận cười ngả nghiêng ấy, môi chúng tôi gắn chặt vào nhau trong chiếc hôn dài tưởng như đến vô tận.

“Anh phải thay áo thôi,” Phương nói.

“Khỏi,” tôi lắc đầu, cởi mấy hột nút, phanh ngực áo.

Phương đã lau khô tóc. Chúng tôi ngồi lại vào bàn.

* “*Kiếp nào có yêu nhau*”, Phạm Duy & Hoài Trinh

“Trân trọng kính mời!” tôi nói, tay nâng ly rượu. “Nhân dịp kỷ niệm... ‘mười năm tình cũ’. Xin chúc mừng!”

“Phải hơn chứ, có mười năm thôi sao?” Phương nói, tay cũng nâng ly.

“Thôi thì... muôn năm tình cũ vậy,” tôi nói bừa. “Tình càng lâu càng nồng, rượu càng lâu càng ngon, thứ nào cũng dễ say cả. Cụng ly cái coi.”

Hai chiếc ly sóng sánh chạm nhau kêu lanh canh. Tôi thấy mắt Phương lấp lánh niềm vui.

Chúng tôi ăn ít, thức ăn còn đầy trên bàn.

“Vậy mà kêu đói,” Phương nói.

“Đúng là quả đất tròn,” tôi nói một câu cũ mèm.

“Nhưng mà quay chậm quá, giá mà nhanh hơn một chút thì không đến nỗi lỡ làng.”

Trong giọng nói đùa của Phương, tôi nghe ra có chút ngậm ngùi. Như là những câu chuyện chúng tôi trao đổi qua lại với nhau, ngay trong những lúc vui vẫn như có nhuốm chút gì buồn bã.

Vào một lúc nào đó cuối bữa ăn, chúng tôi cùng ngồi ôn chuyện cũ. Phương nhắc đến những tên tuổi, những khuôn mặt bạn bè của cả hai đứa. Những người còn sống những kẻ đã chết, những người chúng tôi yêu và ghét. Trí nhớ của Phương vẫn còn khá tốt, ít ra cũng hơn tôi, khi nàng nhắc lại những kỷ niệm riêng tư của chúng tôi từ những ngày tháng năm nào xa lơ xa lắc. Những lần hẹn hò, những nơi chôn gập gờ, những bài nhạc cũ chúng tôi đã cùng nghe mà không còn nhớ tên, những cuốn phim chúng tôi đã cùng xem mà không còn nhớ rõ đoạn kết như thế nào. Và cả đến

những kỷ niệm không mấy êm đềm, những lần học hặc, những lúc gây gổ đến không còn muốn nhìn mặt nhau nữa.

“Hai đứa mình mà lấy nhau hồi đó chắc sống với nhau được chừng sáu tháng,” Phương nói.

“Không nên... lạc quan quá.”

“Anh với em cũng như mưa với nắng,” Phương cười, “chẳng bao giờ gặp được nhau cả.”

“Có chứ em,” tôi nói. “Đôi lúc, nhưng mà ngắn ngủi, như những cơn mưa bóng mây.”

Ngồi bên nhau, chúng tôi cùng đánh thức, lay gọi kỷ niệm dậy... Rồi chúng tôi cũng nói đến những biến cố khốc liệt, những đổi thay lớn lao đến tận cùng của đất nước. Những cơn bão dữ dội, những trận lụt kinh khiếp đã cuốn phăng tất cả, cuốn phăng chúng tôi đi, cuốn phăng biết bao nhiêu số phận, mà chúng tôi chỉ là những cọng rơm. “Chỉ là những cọng rơm,” Phương nói, “thật nhỏ nhoi, vạt vãnh và tầm thường, chẳng có cách chi cưỡng lại được.” Và tôi cũng đồng ý với nàng rằng, sau hết, còn ngồi lại được bên nhau đây, chúng tôi dù sao vẫn còn là những kẻ may mắn.

Có một lúc tôi nghe Phương nói đến cái gì đó thật huyền hoặc giống như là số kiếp, như là bàn tay của định mệnh. “Không phải là ngẫu nhiên,” nàng nói, “mà mọi chuyện đều như đã sắp đặt từ trước.” Phương nói định mệnh ấy khiến chúng tôi gặp nhau, rồi yêu nhau nhưng lại không thể đến được với nhau, và rồi cũng lại định mệnh ấy xui khiến chúng tôi gặp lại nhau đây ở góc trời xa thẳm nơi xứ người, sau khi những cơn bão những trận lụt đã đi qua.

Tôi thực tình không mấy tin tưởng vào những chuyện

duyên kiếp, số phận lắm cảm như Phương nói. Mọi chuyện thành bại ở đời này, kể cả yêu nhau mà không lấy được nhau, đều là tại... mình chứ chẳng đổ thừa tại trời tại đất chi cả, tôi vẫn nghĩ vậy. Tuy nhiên, trong giây phút này đây, tôi đâu cần biết tới chuyện đúng sai, phải trái, tôi chỉ muốn yên lặng nghe Phương nói, chỉ muốn được nghe lại giọng nói quen thuộc ngọt ngào và êm dịu ấy. Giọng nói ấy xa tôi đã bao năm và mai đây biết có khi nào tôi còn nghe lại được. Dẫu cho Phương có nói điều gì trái ý tôi thì cũng không hề chi, tôi đâu có dại dột để phạm sai lầm lần nữa. Làm sao tôi có thể quên được chúng tôi đã xa nhau sau một trận cãi vã dữ dội về một chuyện bây giờ nghĩ lại chẳng có gì đáng để mà cãi vã. Tôi thật ngu dại. Ngày ấy tôi vẫn tự cho mình là khôn ngoan nhưng thực ra tôi chỉ là chú bé khù khờ và thật kém hiểu biết về tình yêu. “Cô nào điên lắm mới lấy anh,” Phương nói thế, và tôi đọc trong mắt nàng sự căm hận.

Sau đó có một khoảng thời gian dài thật là dài tôi đã sống trong nỗi ray rứt ân hận, và có lúc tôi đã nghĩ rằng tôi không thể nào sống mà thiếu nàng được. Vậy mà không hiểu sao tôi vẫn cứ gan lì, vẫn không chịu tìm tới Phương để nói một lời xin lỗi, có thể vì tôi cứ nhớ mãi câu nói ấy và tia mắt căm hận ấy. Tôi tin là nàng thù ghét tôi thực sự. Để tìm chút an ủi và quên được nàng tôi đã phải chạy theo cô gái khác, nhưng việc đó không giúp gì được cho tôi vì đó không phải là tình yêu và cô gái ấy không phải là Phương.

Thế rồi cơn bão tàn khốc năm bảy mươi lăm ập tới. Trong lúc tôi còn đang nằm bẹp trong tù để gặm nhấm nỗi buồn rầu tủi nhục của kẻ bại trận và kiểm điểm những mất mát thua thiệt của đời mình thì Phương và gia đình vượt thoát

được đến Mỹ. Ít năm sau đó, một người bạn tôi ở Mỹ cho biết có gặp Phương và nàng đã có gia đình. Cũng may mà sau cùng tôi còn được Thu, cô gái có trái tim nhân hậu, đã đến với tôi trong thời kỳ đen tối nhất của đời mình, đã mang lại cho tôi một niềm tin yêu mới sau khi tôi đã mất hết tất cả mọi thứ, và sau khi hiểu ra được tình yêu là gì.

Về phía Phương, từ lúc gặp lại nàng đến giờ, tôi cảm thấy dường như nàng có ý đền bù lại cho tôi phần nào những mất mát thiệt thòi tôi đã gánh chịu. Chúng tôi cố gắng gượng nhẹ với nhau, cố gắng vỗ về nhau qua từng ánh mắt nhìn, qua từng cử chỉ từng lời nói thật dịu dàng, như những con thú bị thương cần đến những vuốt ve, xoa dịu, dù biết cũng chẳng được bao lâu, dù biết cũng muộn màng. Chúng tôi đã mất nhau bao năm. Chúng tôi đã đi qua hết tuổi thanh xuân của đời mình. Làm sao chúng tôi có thể đẩy ngược lại chiếc bánh xe nặng nề của thời gian đã lăn đi mấy vòng? Chúng tôi như những cánh chim đã bay một vòng bay quá dài qua hết một mùa bão tuyết. Chúng tôi là những cánh chim đã mỏi.

Phương nói nàng có một món quà đặc biệt cho tôi và bảo tôi thử đoán xem là gì. Đến lúc tôi chịu thua thì nàng mang ra đặt lên bàn một chiếc bánh kem. Tôi không hiểu chiếc bánh đó có ý nghĩa gì, và tôi nói nếu Phương nghĩ hôm nay là sinh nhật của tôi thì giữa tôi và nàng chắc phải có một người nhầm lẫn. Phương mỉm cười, mở hộp bánh và hàng chữ tôi trông thấy không phải chúc mừng sinh nhật mà là những con số ghi năm, tháng chúng tôi đã xa nhau. Tôi không thể biết chắc những con số ấy có chính xác hay không nhưng chiếc bánh đặc biệt đó đã thực sự làm tôi xúc động cũng giống như khi nàng đọc tôi nghe những câu

thơ cũ kỹ ấy lúc sáng nay.

Những ngọn nến đã thổi tắt lại một lần nữa được thắp lên trên chiếc bánh kem có những nét vẽ tượng hình chiếc bánh xe của thời gian. Phương và tôi không ai muốn cắt chiếc bánh ấy. Chúng tôi đồng ý để dành vì còn muốn nhìn ngắm nó. Qua ánh nến lung linh, huyền ảo trên chiếc bánh kem ngộ nghĩnh ấy, tôi thấy đôi má Phương hồng hơn, ánh mắt Phương cũng long lanh hơn, tình tứ hơn. Ánh mắt ấy nhìn tôi còn mang ý nghĩa gì khác hơn lời mời gọi quyến rũ mà tất nhiên là tôi không thể nào không đáp ứng được. Tôi nhẹ nhàng bước lại phía sau Phương, nhẹ nhàng vòng hai cánh tay ôm lưng nàng, và chúng tôi cùng cúi xuống thổi tắt những ngọn nến. Khi Phương ngược lên nhìn tôi mỉm cười, môi chúng tôi lại gắn chặt vào nhau một lần nữa, và lễ kỷ niệm “mười năm tình cũ” của chúng tôi lại được tiếp tục cử hành trọng thể, chỉ hơi khác một chút là được lặng lẽ dòi sang địa điểm thích hợp và thuận tiện hơn nghĩa là từ phòng ăn chuyển sang phòng ngủ.

* * *

Tôi chỉ bắt đầu thực sự chú ý tới vệt nắng ấy sau khi chúng tôi đã buông nhau ra, nằm yên lặng bên nhau một lúc lâu. Chúng tôi đã hết chuyện nói, hay chỉ muốn lặng im để tận hưởng cảm giác no đủ tràn trề. Hơi thở chúng tôi đã trộn lẫn vào nhau. Những háo hức, thèm muốn chúng tôi đã truyền sang cho nhau. Phương nằm nghiêng, gối đầu lên ngực tôi, mắt khép hờ, lim dim như con mèo lười biếng. Vệt nắng chỉ dài bằng cây thước kẻ, xuyên qua bức màn cửa sổ ở cạnh giường, vắt ngang người Phương.

Điều làm tôi ngạc nhiên và chú ý là vệt nắng ấy dường

như không ở yên một chỗ mà di động nhẹ nhàng trên thân thể Phương. Tôi hiểu ra sau khi quan sát một lúc. Phương đã quên không kéo sát khung kính cửa sổ, hay nằng cố ý để vậy cho thoáng gió, và những làn gió nhẹ bên ngoài lay động bức màn làm vệt nắng di động, mon men đi lần từ bụng lên ngực, lên vai lên cổ như mon trón, vuốt ve da thịt nằng. Vệt nắng bò tới đầu, khoảng da thịt nơi ấy sáng lên màu vàng óng, soi rõ cả những sợi lông mịn trên lưng, những chân tóc trên gáy nằng. Có lúc Phương phải quay đầu, xoay mặt sang hướng khác để tránh vệt nắng nhột nhạt ấy. Màu vàng của nắng nhìn rõ trên da thịt Phương. Vệt nắng cũng cho tôi biết buổi chiều đang chậm chậm trôi qua ngoài kia, và tôi cũng như đang trôi đi trong một cảm giác bình bồng.

Không muốn phải theo dõi mãi vệt nắng nghịch ngợm ấy, tôi chuyển hướng nhìn sang hai chiếc khung ảnh ở đầu giường. Tấm thứ nhất chụp hai đứa con gái của Phương đứng giữa cánh đồng hoa tulip bạt ngàn phơi mình trong nắng sớm, trông tựa tấm thảm nhiều màu sắc rực rỡ chạy dài đến cuối chân trời. Hai bé gái có miệng cười và đôi mắt rất giống mẹ. Tôi chú ý bức ảnh thứ hai hơn, tấm ảnh màu được phóng lớn. Với tay lấy chiếc khung ảnh, tôi ngắm nghía một lúc.

“Bức ảnh này đẹp đây,” tôi nói.

Phương chỉ âm ừ. Ảnh chụp cảnh đồi thông vào buổi chiều. Những ngọn cây thưa thớt. Màu nắng vàng rực trải dài trên thảm cỏ dưới chân đồi. Góc trái ảnh là một thiếu nữ, đứng nghiêng không nhìn rõ mặt, chỉ thấy tấm lưng mềm mại, bờ vai thon và mái tóc xõa. Khuôn mặt thiếu nữ hơi ngược lên, trông về phía đồi cao. Gió làm tóc nằng bay,

và những vật nắng yếu ớt còn sót lại từ một mặt trời nơi sườn đồi phía xa chiếu xuyên qua những tán lá thông, soi rọi một bên vai và mái tóc thiếu nữ. Những lọn tóc óng ánh màu nắng nhạt bay trong gió chiều. Thiếu nữ trong ảnh là Phương, tôi biết chắc, dù chỉ thấy được một vài đường nét.

“Tấm ảnh đó chụp từ lâu lắm rồi,” Phương mở mắt, xoay người lại, nói. “Nó có một cái tên.”

Tôi hỏi tên gì, Phương nói “Chiều vàng.” Người chụp ảnh đó là chồng nàng, và ông ta đặt cho nó cái tên ấy. Nàng hỏi tôi thấy tấm ảnh có gì đặc biệt. Tôi chịu. Phương nói chồng nàng rất mê ảnh. Hôm nào trời nắng là anh chàng vác máy ảnh ra chụp lia lịa. Ảnh nào cũng phải có nắng.

“Một tấm ảnh mà không có nắng như biển không tiếng sóng, như rừng không tiếng chim, như ngôi nhà không người ở...,” Phương nói một hơi.

“Như gì nữa?” tôi cười, hỏi.

“Như chai bia không ướp lạnh..., em nhớ chừng đó. Ông nói vậy.”

Vừa phải thôi, tôi nghĩ, ảnh chụp ban đêm thì lấy đâu ra nắng. Tôi nhìn lại tấm ảnh, quả là có rất nhiều nắng. Rừng với biển mà thiếu tiếng chim, tiếng sóng thì không biết thế nào, chứ bia mà không ướp lạnh thì đúng là chán thật. Tôi khẽ nâng đầu Phương đặt lên chiếc gối, nhòm dậu.

“Anh đi đâu vậy?” Phương hỏi.

“Nghe em nói thèm chai bia quá.”

“Trong tủ lạnh,” Phương nói. “Cho em một ly luôn.”

Tôi rót một ly bia, cắt một miếng bánh, đặt lên chiếc

khay nhỏ, mang vào cho Phương. Nàng nói cảm ơn, vẫn không ngồi dậy. Chúng tôi chia nhau miếng bánh. Vệt nắng bây giờ nằm dưới chân Phương. Bức ảnh *Chiều vàng* nằm úp trên gối. Tôi nói Phương đọc tôi nghe hàng chữ nhỏ sau lưng khung ảnh.

“Anh không giữ trong tay một kho tàng hay một...”

“... danh vọng nào cả,” tôi tiếp lời Phương. “Anh chỉ giữ có hình ảnh một buổi chiều khi nắng vàng nhuộm mái tóc em.”

“Sao anh biết?” Phương ngạc nhiên.

“Đây là lời đề từ cho một bản nhạc cũ,” tôi nói. “Người viết những lời ấy là một nhà đạo diễn phim. Bản nhạc tên ‘Hình ảnh một buổi chiều’. Cả hai, người nhạc sĩ và người đạo diễn phim đều đã chết.”

Phương im lặng, nhìn lên trần nhà, vẻ mặt thoáng nét tư lự. Tôi không biết nàng nghĩ gì trong đầu. Người đàn ông nói thế và sau cùng ông ta đã bỏ đi. Còn lại người đàn bà trong ngôi nhà cũ, vẫn giữ tấm ảnh đó. Tôi chắc là ông ta vẫn chưa hết yêu người trong ảnh. Họ đã có với nhau những đứa con. Họ đã có những năm sống hạnh phúc. Họ đã có bên nhau những buổi chiều vàng. Rồi về sau thế nào? Làm sao mà họ lại xa nhau? Người đàn ông ấy bây giờ ở đâu?

* * *

Thư vẫn gọi cho tôi cách một đôi ngày, thường là vào buổi tối. Có lúc nàng hỏi thăm tình hình công việc của tôi, có lúc bảo tôi kể chuyện lạ thành phố cho nàng nghe. Mỗi hôm đầu tôi chỉ kể toàn chuyện mưa cho nàng phát ngán. Mưa dầm dề, mưa rả rích, mưa sục sùi. Bầu trời xám xịt, cứ

bước ra đường là thấy mưa. Biểu tượng của thành phố là chiếc dù, tôi nói. Đàn ông đàn bà, già trẻ lớn bé gì ra đường cũng đều cấp theo cây dù, đều che dù đi dưới mưa trông rất ngộ, giống như là vũ khúc múa dù trên sân khấu vậy. Những chiếc dù đủ kiểu, đủ màu rất vui mắt. Thư hỏi mưa thì cũng phải có mùa chứ, chả lẽ mưa quanh năm suốt tháng sao. Tôi nói chắc là vậy, đã gọi là “Thành phố mưa” mà.

Những chuyện nàng hay hỏi lại là những chuyện tôi ít quan tâm, đại khái khí hậu nóng lạnh ra sao, cảnh tượng phố xá thế nào, có đông người Việt không, có chợ búa, thức ăn Việt Nam không, có gặp ai quen không?... Tôi nói có gặp cô bạn cũ. Hai chiếc dù đụng nhau dưới cơn mưa thành phố, sau đó hai đứa che chung một chiếc dù cho tiện. “Rồi sao nữa?” Thư hỏi. Tôi nói rồi cũng đến lúc phải chia tay mỗi người mỗi ngả thôi, đâu có “đưa em về dưới mưa” hoài được. Thư cười khúc khích, nói tình cũ không rủ cũng đến, đâu có mà chia tay dễ dàng vậy. Rồi nàng kể chuyện nhà cho tôi nghe, thằng con trai tôi cứ hỏi Mẹ chừng nào Bố về. Thằng bé mới lên middle school, tuần rồi đi học về khoe với mẹ con mới có girl friend làm nàng hết hồn. Tôi nói phải để ý thằng bé, cần chuyện trò, giải thích khéo léo cho nó hiểu và đừng cho nó xem tivi nhiều quá.

Thực ra thành phố còn nhiều thứ khác nữa chứ đâu phải chỉ có những cơn mưa bất tận như là tôi nói với Thư. Đó còn là những vườn hoa kỳ ảo mà Phương và tôi đã phải đạp những chuyến phà, đi mãi đi mãi mới tới được chốn ấy để ngỡ như lạc vào vườn địa đàng nơi trần thế. Đó còn là ngọn núi bốn mùa tuyết phủ trắng xóa, từ xa chỉ nhìn thấy mờ mờ sương phủ như bức tranh thủy mặc mà Phương và tôi đã chạy xe men theo những con đường dốc vòng vèo hết nửa ngày trời mới lên tới được gần đỉnh núi đó. Chúng tôi

đứng bên nhau giữa cảnh thiên nhiên núi đồi lồng lộng, cùng phóng tầm mắt nhìn xuống chân núi xa để thấy mình nhỏ nhoi biết chừng nào giữa bao la vô cùng tận của đất trời. Chúng mình chỉ là những cọng rơm, tôi nhớ Phương nói, những cọng rơm thật nhỏ bé, vật vãnh và tầm thường mà cơn gió vô tình nào cũng có thể cuốn bay đi được.

Một ngày sau buổi đi chơi núi Mt. Rainier ấy, Phương nói nàng phải tạm xa thành phố ít hôm. Người chị từ Florida vừa gọi lên cho biết đã tìm được căn nhà đúng như ý nàng muốn và nàng cần có mặt để xúc tiến một vài thủ tục. Phương nói sẽ phone cho tôi và trở lên ngay sau khi hoàn tất những việc cần thiết, phần còn lại có thể nhờ bà chị lo liệu. Đưa tôi chiếc chìa khóa nhà, nàng nói, “Anh giữ lấy, em còn chiếc nữa. Tỉnh thoảng ghé vào xem chừng nhà, take care mấy chậu kiểng dùm em, chịu khó đi rồi lúc về em trả công cho.” Nàng cười cười và còn nháy mắt với tôi nữa.

Phương chỉ gọi cho tôi có một lần trong lúc tôi đi vắng. Mấy câu vắn tắt trong cái message, “Mọi chuyện tốt đẹp. Nhớ anh. Rán giữ sức khỏe. Có gì em sẽ tin thêm.” Vậy thôi. Phương đã vắng mặt ở thành phố này hơn một tuần lễ. Ý nghĩ Phương đã ở bên tôi những ngày vừa qua và rồi bây giờ lại xa tôi làm lòng tôi se lại.

Cứ hết giờ làm việc là tôi lại đánh chiếc xe thuê được ở đây chạy lòng vòng cho qua hết một ngày. Thường thì tôi gửi xe ở một nơi nào đó, đón một chiếc bus vào thành phố. Nơi xe ngừng có khi là một thư viện, một viện bảo tàng, một rạp hát, một công viên. Có lần chẳng biết đi đâu, tôi ngồi mãi trên xe bus cho đến lúc mọi người xuống hết và người tài xế đứng tuổi đến bên lịch sự nói “Trạm cuối, thưa

ông.” Tôi vội bước xuống khi trời còn đang mưa, đi loanh quanh một hồi mới biết là đã bỏ quên chiếc dù trên xe bus.

Có hôm tôi ngồi ở một góc thư viện thành phố, cầm cuốn sách trên tay mà không đọc gì cả, chỉ nhìn ra ngoài trời qua những ô kính xem mọi người đi lại trên đường và thành phố co ro dưới cơn mưa lạnh lẽo. Rồi tôi trông thấy một phụ nữ Á đông che dù đi trong mưa có mái tóc, dáng người tựa tựa như Phương, cũng những bước đi khoan thai không lúp xúp dưới mưa, khuôn mặt hơi ngước lên, nhìn thẳng về phía trước. Tôi vội bước ra, đi theo người phụ nữ ấy một quãng, dù biết không phải là Phương. Thiếu nữ dừng lại ở một ngã tư, đốt một điếu thuốc, chờ xe ngừng để băng qua đường. Tôi cũng dừng lại, châm điếu thuốc ở một chỗ khuất gió, và khi ấy chợt nhớ ra lại bỏ quên chiếc dù trong thư viện. Tôi không muốn quay lại, vẫn cứ đi tiếp để xem thử có được chút cảm giác thú vị nào của kẻ một mình lang thang dưới mưa như từng đọc ở những trang tiểu thuyết lãng mạn, nhưng không cảm thấy gì cả, ngoài sự ướt át và lạnh lẽo.

Một chiều nắng ấm tôi đi vào công viên, nơi có lần Phương lái xe chậm chậm ngang qua đó. Vẫn những gã homeless nằm cuộn mình trên ghế đá, vẫn những chú bò câu lững thững đi dạo, vẫn những đôi tình nhân nằm dài trên cỏ. Cảm thấy đói bụng, tôi ngồi xuống chiếc ghế đá, lấy ổ bánh mì quên ăn trong sở lúc trưa ra nhai ngấu nghiến. Vài chú bò câu lại gần, ghéch mỏ nhìn. Tôi bẻ vụn mẩu bánh, rải xuống chia phần cho chúng, rồi tiếp tục nhai. Bên trái tôi là pho tượng người đàn ông khóa thân, quỳ một chân, tay giương cung trong tư thế sắp sửa bắn đi một mũi tên. Tôi không hiểu ý nghĩa bức tượng đó.

Ăn xong, tôi đứng dậy, đi về hướng đám đông phía trước.

Một ban nhạc hát dạo gồm cô gái và hai chàng thanh niên da đen. Một chàng phùng miệng thổi loại kèn gì đó, phát ra những âm thanh nghèn nghẹn. Cô gái chơi guitar và hát phụ họa cho ca sĩ chính là anh chàng dáng vẻ bụi đời, râu ria xồm xoàm, vừa ôm đàn vừa hát. Người nghe tụ tập xung quanh. Có một lúc chàng ta vừa hát vừa ngược mặt lên trời, đôi mắt nhắm nghiền, vẻ mặt sầu thảm. Chắc là một bài tình buồn. Giọng hát khàn khàn, tôi nghe loáng thoáng một hai câu. *Tôi sẽ về lại để yêu em thêm một lần nữa...* Một lần đã đủ mệt rồi, còn đòi thêm lần nào nữa, tôi tự hỏi. Làm sao mà tôi có thể yêu Phương thêm một lần nữa? Và Phương, nàng có yêu tôi không? Nàng vẫn còn yêu tôi đấy chứ? Tôi bỗng thấy mình thật ngớ ngẩn. Tôi đã già chưa, tôi đã đi qua suốt những chặng đường nào để tới đây? Từ chú bé ngớ ngẩn đến chàng trai mới lớn vừa biết yêu, và rồi tới lúc này, sau khi đã bay hết một vòng bay quá dài để đáp xuống được nơi đây, tôi trở lại là chú bé ngớ ngẩn đến tội nghiệp.



(Ảnh: Alexis Malin)

Một vài người bước tới bỏ mấy đồng bạc lẻ vào chiếc giỏ mây. Tôi bắt chước làm theo, rồi bỏ đi. *Tôi sẽ về lại để yêu*

em thêm một lần nữa..., câu hát ấy và tiếng kèn nghèn nghèn ấy cứ đuổi theo, đuổi theo tôi. Tôi bỗng nhớ Phương hơn bao giờ, nhớ khuôn mặt lặng yên với đôi mắt giấu sau cặp kính đen bí ẩn, nhớ khóe miệng cười hơi nhếch lên.

* * *

Công việc của tôi ở đây kết thúc sớm hơn tôi tưởng. Họ nói tôi có thể về lại tuần tới. Có lẽ sự có mặt của tôi cũng chẳng mang lại lợi lộc gì nhiều cho họ. Đúng ra thì tôi vẫn có thể ở nán lại ít hôm, nhưng để làm gì, chỉ để gặp lại Phương sao? Có nứu kéo gì thêm nữa cũng chỉ là sự cố gắng vô ích thôi. Phương và tôi đã không đi chung được một đường. Chúng tôi đã chia tay nhau từ lâu lắm rồi và bây giờ chúng tôi lại sắp sửa chia tay nhau. Thế nào rồi chúng tôi cũng phải đến lúc chia tay nhau thôi. Không hôm nay thì ngày mai, không tuần này thì tuần sau, không tháng này thì tháng sau. Mọi chuyện sẽ phải kết thúc như thế, không thể khác hơn.

Chúng tôi còn chuyện gì để nói với nhau nữa? Không phải là trước đây tôi đã từng mong gặp được Phương để chỉ nói với nàng một đôi câu đó sao? Tôi còn muốn gì hơn nữa chứ? Tôi đâu có mang lại được gì cho nàng. Những ngày vui vừa qua còn lại được gì ngoài nỗi dần vật, giày vò. Quả là có thứ hạnh phúc buồn bã đến như vậy sao!? Không, đó không phải là hạnh phúc. Đó chỉ là chút nắng lạ hừng lên sau những cơn mưa dầm dề. Những vũng nước mưa vẫn còn đọng lại đó, chờ đón những cơn mưa tiếp theo. Tôi biết chắc rằng từ đây cho đến cuối đời, chúng tôi không còn ý định tìm gặp lại nhau. Chúng tôi sẽ cố gắng quên nhau, và chắc là sẽ làm được điều này như đã có một khoảng thời gian thật dài trong đời sống chúng tôi tưởng đã quên nhau rồi, tưởng

không bao giờ còn trông thấy nhau lần nữa.

Không phải Phương mà là Thu, gọi lên cho tôi vào chiều cuối tuần. Thu hỏi trời còn mưa không anh. Tôi nói hết rồi, cũng phải có lúc tạnh thôi, mưa miết chịu gì nổi. Nàng hỏi tiếp hôm nay anh tính đi đâu, làm gì. Tôi nói thì cũng một ngày như mọi ngày thôi, lang thang ngoài đường như anh chàng thất tình vậy. “Thế thì chán chết,” Thu nói. “Thôi về lại cho rồi anh à.” Tôi nói ok, về thì về. Nghe giọng nàng có vẻ như ân hận đã xúi tôi lên đây. Trước giờ nàng vẫn cho tôi thuộc dạng người dễ chịu, nói sao nghe vậy, bảo đi thì đi, kêu về thì về. Tôi nghĩ khi về lại, chắc tôi cũng khó tìm được chuyện gì vui vui để kể cho nàng nghe. Sau khi gác điện thoại, tôi khóa cửa, nổ máy xe, tìm đến nhà Phương.

Tám ảnh không có nắng như ngôi nhà không có người ở. Quả như lời Phương nói, ngôi nhà mới lạnh lẽo, trống trải làm sao. Mọi vật mọi thứ im lìm, vắng ngắt. Những chậu kiểng vẫn còn tươi tốt. Tôi mở tủ lạnh, thấy chiếc bánhkem vẫn còn ở đó. Những mẫu nến thừa còn nằm trên nóc tủ lạnh. Tôi lấy chai bia, ngửa cổ nốc một ngụm, ngừng một chút, nốc thêm ngụm nữa cạn chai.

Bước vào phòng ngủ của Phương, tôi nằm vật xuống giường trong một cảm giác mệt mỏi, cố gắng không suy nghĩ gì cả. Chỉ một chai bia mà đầu óc tôi đã thấy váng vất, nặng nề. Hai mắt nhắm lại, tôi mơ mơ màng màng trông thấy Phương và hai đứa con nàng dạo chơi trên bờ biển nào đó ở Florida. Tôi nghe thấy tiếng cười trong vắt của nàng lẫn trong tiếng sóng lúc nô đùa cùng các con. Nàng đã quên tôi. Phương đã quên tôi rồi. Tôi thấy bọt biển trắng xóa tràn

lên bờ, quần lầy bàn chân trần của nàng, và tiếng sóng biển vỗ mãi vào bờ dội lên những âm thanh rì rào buồn bã như câu hát của chàng nghệ sĩ lang thang trong công viên một chiều nào. *I'll be back to love you again...* * Tôi nghe lại âm thanh nghèn nghẹn của tiếng kèn. Tôi thấy lại vẻ mặt sâu thẳm, đôi mắt nhắm nghiền của chàng ca sĩ da đen ấy. Tiếng sóng rì rào, tiếng kèn nghèn nghẹn, giọng hát khàn khàn và đôi mắt nhắm nghiền ấy đưa tôi vào giấc ngủ chập chờn.

Rồi người đàn ông đó bỗng từ đâu xuất hiện, chặn Phương lại trên bãi biển. Tôi không nhìn rõ mặt người đàn ông. Ông ta đứng trước mặt Phương, giữ chặt cánh tay nàng, khẩn khoản nói những lời gì đó để cố ngăn nàng đừng mua căn nhà ấy nữa. Ông ta nói sẽ đưa nàng về lại ngôi nhà cũ. Tôi thấy Phương lắc lắc đầu liên tiếp, rồi vùng vẫy, rồi la hét, “Không, không. Trời ơi!” Tóc Phương xỏ ra, trèm lấp mặt nàng. Tiếng sóng biển vỗ lớn hơn, và sóng xô mạnh vào bờ, quần lầy chân hai người như muốn kéo cả hai xuống lòng biển. Người đàn ông vẫn tiếp tục nói lớn hơn, cố làm át tiếng sóng. Hai người giằng co, rồi Phương vùng ra được và bỏ chạy. Người đàn ông đuổi theo, đuổi theo trên cát. Tôi nghe tiếng người đàn ông gọi tên nàng, rồi tiếng sóng biển cũng gọi tên nàng, nhưng tôi không sao phân biệt được tiếng người đàn ông và tiếng sóng biển. Tôi cầu mong cho nàng chạy thoát.

Rồi tôi lại thấy Phương lạc vào cánh rừng thưa đầy hoa phượng đỏ, có tôi đứng nơi đó đợi nàng. Phương bây giờ trong chiếc áo dài trắng, đôi mắt giấu sau cặp kính đen. Tôi nhẹ nhàng đến bên Phương, nhẹ nhàng gỡ cặp kính ra cho

* “*Always somewhere*”, *Scorpions*

nàng nhìn thấy nắng rực rỡ, hoa phượng đỏ rực rỡ. Phương quay nhìn tôi, nụ cười rạng rỡ, rồi nàng vụt bỏ chạy, rồi tôi đuổi theo, đuổi theo, và chúng tôi chờn vờn đuổi bắt nhau trong cánh rừng đầy nắng và hoa phượng đỏ, hết như cảnh cuối trong khúc phim quay chậm mà chúng tôi đã cùng xem với nhau tháng trước. Những cánh phượng rơi rơi, rắc đầy trên thảm cỏ... Chạy mãi theo nàng cho tới lúc tôi mệt quá phải ngồi bệt xuống cỏ thở dốc. Nắng nhảy nhót, nắng lung linh, nắng chấp chới trên những ngọn cây, nắng rọi thẳng xuống mặt tôi. Nắng lóa mắt làm tôi không nhìn thấy Phương đâu nữa. Chúng tôi đã lạc mất nhau rồi. Chỉ còn nắng và nắng.

Tôi mở mắt, không có Phương bên cạnh, không thấy Phương đâu cả. Vệt nắng quái ác ấy rọi đúng vào mắt tôi nhức nhối, khó chịu. Lấy chiếc gối chụp lên mặt, tôi cố nhớ lại chuyện gì vừa xảy ra. Chẳng có chuyện gì cả. Tôi vừa ngủ được một giấc.

Ném chiếc gối xuống chân, tôi ngồi nhòm dậy, cúi nhìn vệt nắng lung linh trên nệm giường. Vệt nắng cho tôi biết buổi chiều đang trôi qua chậm chậm ngoài kia, và tôi cũng như đang trôi đi trong một cảm giác lênh đênh, bập bênh.

Rồi tôi nghe như có tiếng chuông điện thoại vào lúc ấy. Một hồi chuông nữa tiếp theo. Sao lại có tiếng chuông điện thoại lúc này? Phương biết tôi ở đây sao? Tôi chụp vội lấy ống điện thoại. Tiếng người đàn ông Mỹ, giọng lịch sự, hỏi lúc nào có thể đến xem nhà. Tôi nói xin vui lòng gọi lại vào lúc khác. Lúc khác là lúc nào, ông ta hỏi. Lúc nào mà chẳng được, tôi trả lời, có thể là ngày mai, ngày mốt, tuần sau, tháng tới. Rồi sẽ có một lúc... “What? What? Please say it

again, sir?” Giọng người đàn ông. Có vẻ ông ta không hiểu tôi nói gì, nhưng mặc kệ. Tôi cũng vậy, cũng đâu có hiểu gì hơn ông. Tôi chờ nghe tiếng ông ta cúp điện thoại, rồi gác máy. Khi ấy tôi nhìn thấy tên tôi trên mẫu giấy nhỏ nằm bên dưới chiếc điện thoại. Một cái note của Phương. Tôi cầm lên, đọc. Nét chữ mềm mại.

“Cám ơn anh đã cho em những ngày nắng ấm. Bỏ chiếc chìa khóa vào thùng thư cho em nếu anh không cần đến nữa. Ngày anh rời thành phố chắc trời không mưa đâu. Chịu khó giữ gìn sức khỏe, nghe lời em.” Chữ Ph. ký tắt quen thuộc.

Tôi trở ra phòng ngoài, mở tủ lạnh. Không còn chai bia nào. Chiếc bánh kem vẫn còn nằm đó.

Tắt ngọn đèn phòng khách, tôi mở cửa bước ra ngoài. Rồi đóng cửa, rồi xoay một vòng chìa khóa. Thọc tay vào túi áo, tôi lấy ra gói thuốc không còn điếu nào. Cầm bao thuốc rỗng trong tay, tôi đứng nhìn trời đất băng quơ. Nắng đã dịu. Vườn hồng trước sân nhà Phương nở những bông đỏ thắm, có những bông phơn phớt màu vàng nhạt là màu nàng vẫn yêu thích. Gió lay nhẹ nhẹ những cành hồng. Chiều xuống êm đềm quá. Tôi đứng im một lúc, đưa mắt nhìn cảnh vật lặng lẽ, tưởng chừng nghe được tiếng gió lướt thướt chạy trên sườn đồi phía xa.

Thả chiếc chìa khóa vào thùng thư, tôi nghe một tiếng động nhỏ.□

Thực, không đôi bờ

*Tôi vào chùa, tâm phân vân
Tiếng chuông vỡ giữa thực, không đôi bờ*
(Trần Mộng Tú)

“Tao mới đi Việt Nam về,” Hãn nói.

“Vậy sao? Có chuyện gì vui kể nghe chơi?” tôi hỏi.

Hãn không trả lời. Trông hãn có vẻ buồn, mặt mũi đăm đăm. Không rõ có chuyện gì xảy ra cho Hãn, ngó bộ mặt thần thờ, kém vui. Hãn im lặng nhưng lại có vẻ muốn nói chuyện. Cứ để từ từ coi sao.

“Uống tí gì nhé?”

“Thử thứ này coi.” Hãn quăng ra giữa bàn túi giấy. “Cà-phê Ban Mê Thuột đây. Còn cái này là trà Bảo Lộc.”

“Tuyệt. Thế là mày đã đi ít nhất hai nơi đó?”

“Chẳng đi đâu cả. Chỉ loanh quanh ở Sài Gòn.”

“Vậy nói chuyện Sài Gòn nghe?” tôi đề nghị.

“Có đ. gì mà nói,” Hãn văng tục.

Tên này bữa nay có vẻ khó chịu, tôi nghĩ. Trong lúc tôi loay hoay pha cà-phê, Hãn đứng dậy ngắm nghía mấy bức tranh treo tường.

“Tám tranh này hay đấy,” Hãn nói. “Ở đâu ra vậy?”

Tôi chỉ âm ừ không đáp.

“Sao mày chỉ treo toàn tranh ngựa vậy? Bộ không có con gì khác sao?”

“Có gì treo này,” tôi trả lời cho qua chuyện, “vợ tao tuổi ngựa.” Thằng này coi bộ không biết thưởng ngoạn nghệ thuật, nói chuyện với hãn chẳng hứng thú gì... Tôi đặt hai tách cà-phê lên mặt bàn kính.

“Xong rồi.”

“Một tách thôi. Tao có đời nào đựng tới cái của nợ đó.”

Tôi bực mình. Nhưng hãn nói đúng, tôi có thấy hãn uống cà-phê bao giờ đâu. Phải ngồi nhăm nháp tách cà-phê hay nốc lon bia một mình trước mặt một tên bạn không chơi những món này quả là chẳng thú vị gì. Tôi không thèm hỏi xem hãn có muốn uống trà không.

“Hút thuốc trong nhà được chứ?” Hãn móc ra gói thuốc từ trong túi áo jean đen.

Trời đất. Thằng này bữa nay mắc cái chứng gì vậy. Hãn bỏ thuốc lá lâu rồi mà. Tôi lại uống cà-phê mà không hút thuốc. Ở cái xứ gió mưa lạnh lẽo này nhà nào nhà nấy đóng kín mấy lớp cửa, mỗi lần muốn hút xách là phải bước ra đứng ngoài trời, vừa kéo bập bập mấy hơi thuốc vừa run lập cập như là bị trời hành.

“Cứ ngồi đấy đi, tao mở cửa sổ. Thằng con tao đi đâu với mẹ nó rồi.”

“Mẹ kiếp, mấy thằng bên Việt Nam cứ gập đầu là mời thuốc đấy. Không chịu hút thì chúng lại nói mình làm bộ

làm tịch... Riết rồi lại ngựa quen đường cũ.” Hãn nhả một hơi thuốc, nói như để giải thích.

Tôi hóp ngum cà-phê, làm như không nghe hãn nói gì. Chẳng dễ gì tin lời hãn, phải có lý do nào khác hơn.

“Cà phê được đấy. Gặp lại đây đủ bạn bè chứ?” Tôi gọi chuyện.

“Đâu vài ba thằng. Lốp chết, lốp biệt tích... Mà nhớ thằng Vĩnh không? Rồi thằng Tuấn ‘đen’ này. Khải ‘lưu đạn’ này. Rồi thằng Đức nữa, chắc mà không nhớ...”

“Hai ba Đức chẳng biết Đức nào.”

“Đức ‘địa’, dạy trường sinh ngữ quân đội. Bây giờ là Hiệu Trưởng trường Anh ngữ gì gì đó, cũng bảnh lắm.”

“Có gặp mối tình cũ nào không?”

“Bắt buộc. Mà nhớ Liên chứ?” Hãn hỏi.

“Làm sao quên được,” tôi nói, thoáng chút xao động.

“Trông tàn phai quá sức. Mối tình cũ không nhận ra tao... Đến lúc nhận ra, người đẹp nguyên rủa tao tàn bạo, không thiếu mỹ từ nào, còn hỏi tao ‘vác mặt về đây làm chi nữa?’”

“Cũng đúng thôi. Rồi mà làm gì?”

“Làm gì!? Tao lạng lẽ bỏ đi...” Hãn dụi tắt điếu thuốc hút dở. “Mà nói tao làm gì bây giờ? Tao chỉ đến để hỏi thăm thằng bé con tao.”

“Gặp nó chứ?”

“Gặp đ. gì được. Liên nói nó vượt biên với gia đình nào đó, chắc là đi tìm tao. Đi rồi mất biệt.” Hãn ngả người trên sofa, mắt nhắm lại, hay tay vòng ra sau gáy.

Tôi hóp trợn ngum cà-phê còn lại, thấy đặng đặng, chắc thiếu đường.

“Tình yêu biến thành tình hận,” tôi nói sau một phút im lặng. “Chỉ tại ngày đó mày ra đi mà không hề nói năng gì cho Liên biết. Đến âm thầm, đi lặng lẽ, giống như thằng ăn trộm.”

“Nàng phải hiểu cho hoàn cảnh tao lúc đó.”

Hoàn cảnh. Mọi người đều vay mượn hoàn cảnh để biện minh cho những việc làm sai quấy, để che giấu những mặc cảm hèn kém, tội lỗi của mình. Những hoàn cảnh trái ngang, éo le, trớ trêu. Rơi vào những hoàn cảnh ấy giống như rơi vào tấm lưới chằng chịt, nghiệt ngã của định mệnh, đành phải bó tay bó chân, không cách chi vùng vẫy, ngộ nguây. Hoàn cảnh lúc nào cũng sẵn có. Hoàn cảnh tôi bây giờ là gì? Hoàn cảnh Hãn bây giờ ra sao? Hoàn cảnh Liên bây giờ thế nào? Biết bao nhiêu số phận, biết bao nhiêu hoàn cảnh.

Tôi chẳng biết nói lời gì với Hãn. An ủi, vỗ về hãn, hay lại tiếp tục nguyên rửa, sỉ vả hãn giống như Liên, mối tình nghiệt ngã của hãn.

Liên, cô cashier xinh đẹp của quán cà-phê đường Đinh Tiên Hoàng ngày ấy, bao chàng trai đeo đuôi. Cái part-time job của nàng khá đơn giản: ngồi một chỗ ở quầy tính tiền, thay những bông hồng mới mỗi ngày trong chiếc bình hoa kiểu cọ trên mặt quầy, nở nụ cười tươi tắn đón chào khách bước vào quán và kiên nhẫn trả lời mấy câu hỏi vớ vẩn của những anh chàng lả lơi sán lại gần chuyện trò, tán tỉnh trong lúc trả tiền cà-phê. Liên ngồi đó, xinh xắn như con búp bê trong tủ kính. Hãn và tôi từng một dạo là đối thủ của nhau trên con đường tình chinh phục trái tim con búp bê ấy. Tôi

mê nhất là đôi môi nũng nịu, giọng nói ngọt ngào như rót mật của nàng. Hãn đẹp trai hơn tôi, có nhiều tài vật hơn tôi, lại chịu khó xông xáo, liều mạng hơn tôi. Liên chịu hãn là phải. Tôi nhớ mãi cái cảnh tình tứ giữa chàng và nàng diễn ra trước mắt tôi, ở nhà Liên. Hãn ngồi ôm cây đàn tập cho Liên bài hát mà hãn đã phải cạy cục nhờ tôi ghi chép lại đêm hôm trước, chỉ vì Liên nói nàng thích mấy câu hát nhưng không biết bài hát tên gì... *Rồi một hôm, có chàng trai trẻ đến nơi này. Đòi em có một lần, là lần tim em thấy yêu chàng.** Tiếng đàn bập bùng, giọng Hãn ấm áp, tia mắt chàng đắm đuối, ánh mắt nàng mơ màng...

Trải qua một cuộc bể dâu năm 1975, nhiều giá trị bị đảo ngược. Bây giờ thì “chàng trai trẻ” đẹp mã ấy đã biến thành “tên bội bạc” và đôi môi nũng nịu, giọng nói ngọt ngào kia cũng rít lên những lời nguyên rủa cay độc.

Hãn thấy tôi im lặng nên cũng chẳng nói gì thêm. Tôi và hãn là hai tên bạn thân thời còn cắp sách đến trường, từ những năm đầu trung học. Hai thằng đã có chung nhau một bề dày kỷ niệm, thân nhau đến mức biết rõ sở trường sở đoản, tính tốt tính xấu của nhau. Hãn vẫn nói hãn hiểu tôi hơn là hiểu chính hãn, chẳng biết có đúng không. Đến ngày vào lính, mỗi thằng một ngả. Hãn đi lính tác chiến, nay đây mai đó, đánh đấm nhiều trận, thương tích đầy mình nhưng vẫn cứ sống nhăn. Tôi là lính tâm lý chiến, suốt mấy năm lính không hề bắn một phát súng, chỉ chuyên việc dắt díu mấy em ca sĩ tới đàn địch hát hồng giúp vui văn nghệ cho lính tráng tiền đồn, ra rả những bài hát kiểu *Em hậu phương còn anh nơi tiền tuyến...* gọi là để động viên tinh thần binh

(*) “*Thơ ngây*”, *Anh Việt*

sĩ, hoặc đưa đón các em nữ sinh mặc áo dài trắng đến sân vận động tươi cười chào vòng hoa chiến thắng vào cổ các anh chiến sĩ xuất sắc lập được nhiều chiến công. Những “em gái hậu phương” áo dài trắng ấy, ít lâu sau đó lại phân khởi hồ hởi tràn xuống đường phố tươi cười chào vòng hoa chiến thắng vào cổ các anh... bộ đội nón cối dép râu ngày thành phố Sài Gòn thay tên đổi chủ.

Hãn kể ra cũng là một chiến sĩ xuất sắc nhưng lại không đi tù ngày nào. Hãn trốn chui trốn nhủi, có đạo ăn nhờ ở đậu hai mẹ con Liên, sau đó nhờ bạn bè móc nối vượt biên, chỉ một chuyến đầu là trót lọt. Những may mắn của hãn lắm lúc làm tôi phải ghen tị. Hầu như trong suốt cuộc hành trình của hai đứa, Hãn lúc nào cũng đến trước tôi, cũng bỏ lại tôi phía sau lưng một khoảng cách xa lơ xa lắc. Phải mất gần hai chục năm sau tôi mới loạng choạng chạy tới được mức để được hãn vươn tay đón bắt. “Mày chậm chân quá, mãi bây giờ mới tới.” Hãn gọi phone ngay cho tôi khi vợ chồng tôi vừa lò dò đến Arlington, Texas. “Phải move qua chỗ tao ngay thôi. Mày vẫn thích Đà Lạt, chỗ này gấp mấy lần Đà Lạt.” Hãn còn cẩn thận gửi tiền vé máy bay cho vợ chồng tôi. Hãn vẫn sốt sắng và tử tế với bạn bè như ngày nào. Tôi tự trách mình xấu xí vì đã có lúc ngờ vực hãn thay tâm đổi tánh.

* * *

Ngày đầu tiên đặt chân tới đây tôi thấy quả đúng như lời Hãn nói. Đà Lạt làm sao có thể sánh nổi chốn này. Seattle vào mùa thu, thành phố đẹp như tranh vẽ. Tôi đã gặp lại những buổi sáng sương mù dày đặc, những ngọn thông xanh mướt, những chùm hoa rực rỡ gọi lại trong ký ức xa xăm những ngày vui mơ hồ nơi thành phố cao nguyên lạnh lẽo

đầy ắp những kỷ niệm về những khuôn mặt bạn bè, những mối tình như gió thoảng.

Hãn lấy vợ Mỹ (hắn không nói trước nên lần đầu gặp mặt, tôi ngỡ ngỡ). Vợ Hãn cao hơn hắn một chút, vóc dáng đường nét trông cũng hấp dẫn, nhan sắc xếp hạng khá. Nhìn đàn bà Mỹ khó mà đoán được tuổi tác. Tôi ở tù ra mới lập gia đình, chỉ có mỗi đứa con trong lúc Hãn hai đứa, một trai một gái, không đứa nào nói được một câu tiếng Việt. Đứa con gái thứ nhì của Hãn kém thằng con trai tôi hai tuổi, tóc vẫn đen nhưng mắt thấy có pha chút màu xanh nhạt, chẳng có nét nào giống hắn. Hãn vẫn nói đùa mai một cho hai đứa, con tôi và con hắn, lấy nhau “để sanh ra những đứa con cà chớn như tao với mày”.

Tôi hoàn toàn không biết gì về Christine, vợ Hãn, trong khi hắn biết rõ Hằng, vợ tôi, em gái của người bạn học chung lớp với tôi và hắn ngày trước. Hãn chưa bao giờ kể cho tôi nghe về vợ hắn, gặp gỡ, tán tỉnh, lấy nhau trong trường hợp nào. Chỉ có đôi lần hắn nói, “ Tao chịu không nổi gái Việt Nam, ông à ông ẹo, đụng tới là giã giụa, mệt mỏi quá. Gái Mỹ thoải mái, chỉ yes hay no, dễ làm việc.” Hãn còn nói, “ Tao đ. có thằng bạn Việt Nam nào ở đây. Chơi không dzô. Chỉ có mày.” Tôi nghe bực mình, văng tục theo hắn, “ Mẹ kiếp, mấy thằng qua Mỹ lâu ngày bày đặt, mày cũng Vietnamese chứ đ. gì.” “ Chính vì vậy mới đau đớn,” Hãn nói. “ Mẻo thì đ. thêm chơi với mình, Vietnamese thì chơi đ. nổi. Tao là thằng cô đơn nhất xứ này.” Tuy Hãn nói vậy thình thoảng tôi cũng thấy hắn có mấy tên bạn người Việt, cũng thấy ngồi ăn nhậu, đấu láo vung vít, thân hay sơ chẳng biết. Tôi hỏi, hắn nói, “ Đây là bè, không phải bạn.”

Một người bạn Hãn nói cho tôi biết hãn từng có vợ Việt Nam trước khi lấy Christine, hình như cũng có một đứa con. Tôi nghe vậy thì biết vậy, không hỏi hãn làm gì, một phần biết tính hãn, một phần chuyện đó đâu có ăn nhậu gì tới mình. Ngày trước Hãn vẫn nói, “Tao yêu cái đẹp. Tất cả mọi phụ nữ trên đời này đều đẹp cả. Trái tim tao lại dạt dào, đa cảm. Nếu tao có yêu nhiều cái đẹp cùng một lúc thì cũng đâu có tội tình gì.” Không rõ giờ đây hãn có còn yêu cái đẹp theo lối ấy. Tôi thấy Hãn có nhiều thay đổi, có lần bảo hãn vậy, hãn nói, “Thằng đ. nào sống ở đây lâu mà chẳng thay đổi. Rồi mà cũng thế thôi.”

Tôi chẳng biết tôi có “cũng thế thôi” như hãn nói, có điều sau này tôi cũng lấy nhiệm phần nào cái thói xấu văng tục bừa bãi của hãn. Mỗi lần “bức xúc” chuyện gì là hãn mặc sức văng tục, chẳng hạn “Nhiều thằng qua đây đ. chịu học hành chi cả, cái học dễ nhất là bắt chước, cứ xem tụi Mỹ làm cái gì hay ho thì bắt chước theo chúng, cái gì chúng không làm thì đừng có làm. Cứ bê nguyên cái thói nhà quê ở Việt Nam qua đây, đ. giống ai, tụi Mỹ nó khinh cho là phải.” Hoặc, “Làm lung thì đ. chịu làm. Qua đây lại tiếp tục cà-phê thuốc lá, lại bài bạc rượu chè, lại phim bộ Đại Hàn Hồng Kông xem cả ngày thì qua Mỹ làm đ. gì, ở Việt Nam đâu có thiếu những món đó.”

Tôi chắc Hãn có thói quen xấu này từ khi sống chung với Christine, do mỗi lần hãn xỏ nho để xả stress thì Christine không hiểu chi cả nên không chút phản kháng. Được thế, hãn văng tục thoải mái cho tới lúc quen miệng.

Hãn thuê cho gia đình tôi một căn nhà hai phòng, khá rộng rãi, khó tìm được giá nào rẻ hơn. Hãn cũng giới thiệu

cho tôi một việc làm gần nhà, lương không cao nhưng cũng thích hợp và không đến nỗi vất vả. Ngôi nhà của vợ chồng Hãn đẹp hơn bất cứ ngôi biệt thự nào ở Đà Lạt, nội cái tấm thảm phòng khách nhà hãn cũng làm vợ chồng tôi lúng túng mỗi lần bước vào nhà mặc dầu hãn cứ bảo “Đừng có tháo giày”, còn đồ đạc bày biện trong nhà thì bóng loáng, sạch boong khiến vợ tôi cứ phải trông chừng thằng con, sợ nó chạy nhảy nghịch ngợm làm hư hỏng trầy trụa. Hãn có vẻ hãnh diện với những thành quả mà hãn gây dựng được.

“Quên hết mọi thứ đi,” Hãn nói, hôm ngồi nhậu lai rai ở nhà hãn. “Phải biết gấp lại những chương sách cũ. Trong đời sống, đôi lúc cần phải biết quên. Chuyện đi học đi hành, đi lính đi tráng của tụi mình là tập một, chuyện đi tù đi đày là tập hai. Còn bây giờ, trong lúc ngồi ung dung với ly rượu trên tay như thế này, hoặc ngày hôm qua, lúc hai thằng trên đường từ Vancouver về đây, phóng xe như bay trên những xa lộ thênh thang của nước Mỹ, đều là tập ba của cuốn sách đời. Còn dài lắm, chưa hết đâu, nhưng cứ được ngày nào hay ngày nấy... Sống, tức là enjoy cuộc sống đó.”

Tôi cũng muốn bắt chước hãn, enjoy cuộc sống, nhưng coi bộ không dễ dàng. Hãn qua đây trước tôi gần hai chục năm, tiền bạc của cải đầy đủ, gia đình ấm no hạnh phúc, trong lúc tôi còn đang lêu bêu, con thơ vợ đại, đầu óc thì ngổn ngang trăm mối, lấy gì mà enjoy. Tôi nói với Hãn vậy, hãn què, bèn nổi quạu, “Nói kiểu mày y chang mấy tên Việt Nam ở đây. Mẹ kiếp, lúc chưa có thì cầu xin cho có, lúc có rồi, thấy người khác có hơn, lại muốn có thêm nữa. Được voi đòi tiên, bao nhiêu cho đủ. Sống là ganh đua với đời chứ đâu phải là ganh đua với tay hàng xóm. Lúc ở tù Việt Cộng, đói nhần rãnh, rách rưới như thằng ăn mày, đồ thằng nào

dám kêu ca, hó hé gì. Qua được tới đây no cơm rưng mỡ là bắt đầu... Người Mỹ tuy xấu xí, nhưng cũng còn có chỗ tử tế, có ai bắt họ phải công vợ chồng con cái mà qua đây đâu. Bao nhiêu thằng còn đạp xích lô, chạy xe ôm bên đó. Phải thank you America thôi, đòi hỏi gì nữa bây giờ...”

Rồi hẳn chuyển sang ca ngợi người Mỹ hào phóng, nước Mỹ hào hiệp. Mỹ không thua, Mỹ thắng. Rồi sách lược, chiến lược gì gì đó. Tôi chẳng muốn cãi cọ chi với hẳn những chuyện chính trị chính em ấy vì đã đọc nhiều trên những tờ báo chợ ở đây, khi nói thế này, khi nói thế khác, chẳng biết đâu vào đâu.

Thường thì Hãn qua nhà tôi nhiều hơn là tôi qua bên hẳn, lúc đầu hẳn còn đi với Christine, sau chỉ thấy hẳn đi một mình. Vợ chồng tôi cũng thế, mỗi lần rủ Hằng qua thăm vợ chồng Hãn, nàng đều nói, “Thôi anh đi một mình đi, em nhưc đầu quá.” Càng về sau này tôi càng ít qua lại, nhất là từ khi tôi bắt đầu có thêm những người bạn mới. Lý do là ngồi với vợ chồng hẳn đôi lúc tôi chẳng biết nói gì, đúng ra là chẳng biết nói gì với vợ và con hẳn. Hai đứa nhỏ trông thấy tôi thì lễ phép lắm cũng chỉ “Hi bác” rồi chạy biến đi đâu mất, hoặc kéo nhau lên lầu chơi thứ gì đó, bỏ mặc thằng con tôi đứng lơ ngơ một mình. Christine thì quá ư chu đáo và lịch sự, khi dọn món này khi dọn món kia, cứ ngắm nghía và khen ngợi thằng con tôi hết lời, dắt thằng bé vô phòng trong chơi game, rồi trở ra ngồi nghe tôi và Hãn nói chuyện có khi cả giờ mặc dầu không hiểu chi cả. Thấy Hãn và tôi cười nàng cũng cười theo, thỉnh thoảng hỏi thăm vợ chồng tôi đôi ba câu. Có câu tôi nghe được, có câu chịu, câu nào không nghe ra thì “yeah, yeah” hoặc “ok” cho xong chuyện. Cả hai cùng cười cười gật gù ra vẻ hiểu biết thông

cảm, trong khi Hãn không có ý kiến và cũng chẳng thèm thông dịch lại những gì tôi và vợ hãn không hiểu. Lối nói chuyện như vậy tất nhiên là chẳng thú vị, hào hứng tí nào. Còn khi nói chuyện với vợ con thì Hãn nói toàn tiếng Mỹ.

Tôi không rõ có phút giây nào hai vợ chồng hãn tâm sự đầy vui vẻ với nhau, và nếu có thì hãn và Christine sẽ nói với nhau những chuyện gì, có giống những câu chuyện mà tôi với hãn thường chia sẻ với nhau không. Cũng không rõ Christine có sẵn sàng lắng tai nghe hãn nói như nàng đã tỏ vẻ chăm chú nghe tôi nói mặc dù không hiểu chi cả.

Có lần vợ chồng tôi đến chơi, Hãn có mang theo ít thức ăn Việt Nam làm ở nhà vì nghe bạn bè nói người Mỹ rất thích. Christine có thử vài miếng, khen rồi rít, hỏi cách làm thế nào, nhưng không thấy ăn thêm. Mấy hôm sau Hãn ghé chơi, nói với riêng tôi, “Lần sau bảo vợ mày đừng có mang bất cứ món gì Việt Nam tới, con vợ tao với mấy đứa nhỏ không biết ăn đâu. Bỏ thùng rác thì phí đi.” Từ đó tôi hiểu thêm chút ít về văn hóa và phép lịch sự của người Mỹ. May mà vợ chồng tôi chưa kịp mời gia đình Hãn đến dùng bữa cơm tối nào.

Riết rồi tôi cũng ngại đến nhà Hãn vì có cảm giác mỗi lần đến có vẻ như làm phiền vợ con hãn, và Hãn dạo sau này cũng ít thấy mời mọc gia đình tôi đến chơi vào những ngày cuối tuần như trước đây. Thành thử, trừ khi nào Hãn ghé lại tôi, có khi đến cả tháng hai tháng mới lại gặp nhau. Có điều, tình bạn giữa tôi và Hãn vẫn không có gì thay đổi, hãn vẫn cứ tốt với bạn bè, trước sau sao vậy. Kể ra, sống tha hương nơi đất khách quê người có được một tên bạn như vậy cũng là quý lắm rồi. Nói cho ngay, do công việc của hãn, đất đai nhà cửa gì đó, Hãn nhiều khi cũng rất bận rộn, không ghé

tôi và cũng chẳng gọi phone cho tôi. Hãn cũng không hề thông báo gì cho tôi về chuyến đi Việt Nam. Hãn còn bà mẹ già, sống dựa gia đình đưa em gái út ở bên đó. Đúng ra, có lần Hãn bộc lộ với tôi ý định về thăm mẹ hãn, đưa em cứ thúc giục mãi vì bà cụ nghe nói đau yếu sao đó, cũng gần đất xa trời.

Hãn về một mình trong chuyến đi ấy, không đưa vợ hoặc đưa con nào về thăm bà nội.

* * *

Hãn nói vì hoàn cảnh nên hãn đành lặng lẽ ra đi một mình, không thể báo tin hay mang theo Liên, người vợ không hôn thú và đưa con trai năm tuổi, kết quả mối tình vụng trộm của hãn. Điều này có thể chấp nhận được. Thế nhưng, hãn lại không thể giải thích được vì hoàn cảnh thế nào mà hãn phải đành lòng đóng vai người bỏ tội lỗi, người chồng vô trách nhiệm, đã không tìm mọi cách để liên lạc với Liên, cũng không cần quan tâm tới chuyện nàng và đưa con tội tình của hãn sống ra sao trong thời kỳ cả nước rách bươm, toi tả sau ngày miền Nam được hoàn toàn “giải phóng”. Rõ ràng là Hãn đã muốn chối bỏ trách nhiệm, chối bỏ những mối liên hệ, gọi là “gấp lại những chương sách cũ, đôi lúc cần phải biết quên” theo lối nói của hãn, để mà thoải mái “enjoy” cuộc sống.

Về phần Liên, nàng đã sống như thế nào trong nhiều năm qua, rồi nàng cũng phải có chồng có con chứ, liệu nàng có được một tấm chồng đàng hoàng không. Tôi không hỏi Hãn những chi tiết về cuộc sống của Liên bây giờ. Tôi có thể làm gì được cho nàng. Chắc gì nàng còn nhớ đến tôi. Liên với đôi mắt ướt, với giọng nói nũng nịu một thời làm trái

tim tôi nhức nhối. Giọng nói đó có đôi lúc nghe như tiếng khóc nghẹn, tiếng nấc tức tưởi, như điềm báo trước những rủi ro, những tai ương, bất hạnh. Giá ngày đó nàng chịu tôi mà không chịu Hãn thì sẽ ra sao? Liệu tôi có lấy nàng không? Liệu một tên cầu bơ cầu bất như tôi có đủ sức mang lại được hạnh phúc cho nàng? Liệu tôi có tài cán gì để có thể thay đổi một số phận? Liệu... Tôi lái câu chuyện sang hướng khác để tránh cho Hãn và cả cho tôi những cảm giác nặng nề.

“Sài Gòn có gì khác ngày xưa?”

Hãn lắc đầu.

“Thế nào lại chẳng có ít nhiều thay đổi. Cũng phải có xây dựng, có...”

“Vẫn y chang. Tên nào đi Việt Nam về cũng nói chuyện thay đổi, xây dựng, phát triển này nọ. Tao khác. Tao chả thấy gì cả, nếu có thì rất ít, không đáng kể. Những cao ốc, nhà hàng, khách sạn ba bốn năm sao, những siêu thị mới mở ra đó cũng đâu có nói được điều gì. Ai xây? Xây cho ai? Vài thằng giàu đâu có phải là cả nước giàu. Thử đi về nông thôn coi, ngoại thành thôi chứ đừng nói đâu xa, vẫn cứ nhà tranh vách đất, cửa nẻo trống hoác, vẫn những đứa nhỏ lem luốc cởi trần lòi rốn, không có nổi manh áo rách... Một thằng bạn tặng tao tấm tranh sơn mài có mấy túp lều tranh, mây nhịp cầu tre, đứa bé ngồi trên mình trâu. Tao quăng lại ở Việt Nam. Mẹ kiếp, mang về treo lên để triển lãm cái nghèo cho Mỹ nó coi à.”

Hãn tuôn ra một tràng. Trút ra được những nỗi ám ảnh chất chứa trong đầu, trông mặt mũi hẳn có vẻ dễ chịu hơn. Bình thường Hãn vốn làm lì ít nói, có khi một ngày không

nói quá mười câu, nhưng cứ gõ cho đúng tần số, chọn cho đúng đề tài, chọc cho hắn nói thì hắn sẵn sàng thuyết trình thao thao bất tuyệt hàng giờ liền không biết mệt.

“Ít năm nữa thế nào?” tôi hỏi, gọi cho hắn nói tiếp. “Năm hai ngàn chẳng hạn, liệu có khá hơn không?”

“Khá thế đ. nào đượ. Muốn biết có khá lên đượ hay không thì dễ thôi. Cứ nhìn vào lũ nhóc là biết ngay. Chúng nó có khá thì đất nước mới khá nổi. Mới bước vô tiệm ăn, vừa đặt đít xuống là mấy đứa trẻ ở đâu sán lại, đứa chìa tấm vé số, đứa xin đượ đánh giầy. Những đứa còn ít tuổi hơn con mày. Đành phải móc túi, nói cầm lấy, khỏi mua khỏi đánh. Thế là cả chục đứa bu lại. Tao đứng dậy, bỏ luôn tô phở.”

Hắn đứng dậy, mở tủ lạnh khui một lon bia, nốc một ngụm, lại thêm một tràng nữa.

“Tụi nhỏ đã không đượ học hành tử tế, dạy dỗ đàng hoàng lại hay bắt chước, mà cái xấu thì bao giờ cũng dễ học, cũng hấp dẫn hơn là cái tốt, thế là chúng nhanh chóng tiếp thu đượ những cái thói lưu manh, trộm cắp, chụp giựt, mánh mung, lừa đảo của đám đàn anh chúng bây giờ. Hậu sinh khả ố mà. Cả một thế hệ cứ hiên ngang tiếp bước cha anh mà đi lên như vậy thì đ. phải là thầy bói cũng thấy trước đượ tương lai đất nước rạng rỡ tới cỡ nào. Mấy chục năm, mấy trăm năm nữa thì cũng thế thôi... Sài Gòn bây giờ là cả một rừng người, một rừng xe hỗn loạn. Mạnh ai nấy sống. Đất nước thì cứ như là đất nước của ai, cái nhà là nhà của ai chứ đ. phải nhà của ta. Đã không phải nhà ta thì tủ lạnh, tivi, quạt máy, mái tôn, mái ngói, thứ gì tháo gỡ đượ, bán đượ là ta cứ bán sạch sẽ, không ‘banh’ làm sao đượ.”

Hãn nói văng nước bọt, vẻ giận dữ, hằn học. Lúc nói, mặt hãn đanh lại, có lúc lại hung hăng vung tay vung chân như thể đang găm gù cãi nhau với kẻ nào đang đứng trước mặt hãn vậy. Thuở còn đi học Hãn từng là một trong những lãnh tụ sinh viên hăng hái có mặt trong các cuộc hội thảo bốc lửa, các “đêm không ngủ”, các phong trào tranh đấu lên đường xuống đường rầm rộ, luôn luôn đi đầu, hò hét hoan hô đả đảo kiểu “Nước mắt rồi bà con ơi!” Sau này tỉnh người ra, chỉ một đám sinh viên bị lợi dụng.

Hãn luôn nói là phải “relax”, phải “enjoy” cuộc sống nhưng lối nói chuyện của hãn thì lúc nào cũng như sẵn sàng gây gổ, lúc nào cũng văng tục, chửi thề loạn xạ thì tôi không biết là hãn “enjoy” ở chỗ nào. Có đôi khi hãn nói dông dài quá, tôi không đủ kiên nhẫn nghe hết, chỉ ngồi gật gù ra vẻ đồng ý trong lúc đầu óc nghĩ tới những chuyện khác mặc tình cho hãn độc thoại, như lúc này tôi lại nghĩ tới Liên. Không biết giờ này nàng đang làm gì. Không biết trong lúc sĩ vả Hãn, nàng có giận dữ, hằn học, có mím môi trợn mắt, có khoa chân múa tay giống như hãn đang biểu diễn trước mặt tôi bây giờ. Không biết là sau khi trút hết được cơn bão phần nộ lên đầu hãn, nàng có cảm thấy dễ chịu hơn, có vui bớt nổi căm hận, có thấy lòng thanh thản được chút nào. Cầu cho sự bình an trong tâm hồn nàng.

Hãn vẫn tiếp tục nói, tôi nghe loáng thoáng “người Mỹ..., những đứa trẻ...”

“Trẻ con Mỹ không biết nói dối,” tôi chêm bừa một câu.

“Mày nói đúng. Nhưng chính vì vậy chúng lại dễ bị lừa bịp vì những điều dối trá. Chúng đâu có được chuẩn bị để đối phó với những trò ma mãnh, xảo quyệt. Người Mỹ có

bao giờ hiểu được Việt Nam. Có đời nào họ chịu tin rằng trên hành tinh này, ở một đất nước nào đó vẫn có những đứa trẻ không hề biết đến trường học là cái gì, những đứa trẻ đánh giày, chẵn trâu. ‘Chẵn trâu sướng lắm chứ!’... Mẹ kiếp, nói như thiệt!” Hãn lúc lắc đầu. “Cũng một kiếp người! Phải tự an ủi, tự đánh lừa mình theo kiểu ‘nghèo mà vui’ để mà an phận với cái nghèo cái khổ.”

Hãn thở ra một hơi dài, ngồi phịch xuống sofa. Tên này bữa nay sao bỗng dung lại động lòng bác ái “vì tương lai con em của chúng ta” đến vậy. Tôi nghĩ tới đứa con gái hãn, con bé có khuôn mặt xinh xắn giống Christine, đôi mắt sâu có pha một màu xanh mơ hồ, mỗi lần trông thấy tôi chỉ “Hi!” một tiếng rồi chạy vụt đi.

Đầu óc tôi bắt đầu cảm thấy lùng bùng sau phần tương trình và phát biểu cảm tưởng của Hãn về chuyến thăm Việt Nam. Có lẽ cũng chẳng cần đặt thêm câu hỏi gì nữa.

“Thôi bỏ cái vụ đó đi.” Hãn đứng dậy, vỗ vai tôi, hạ thấp giọng, “Ngày trước đã chẳng làm nên trò trống gì... Mà y có biết, lúc ngồi trên chuyến bay về lại đây, nhớ lại những cái đã trông thấy tận mắt ấy tao có cảm giác thật nặng nề giống như mình là thằng có lỗi vậy.”

Giống như mình là thằng có lỗi vậy. Hãn nói như nói với chính mình. Câu nói nghe như lời thú tội của một kẻ bắt lực. Lần đầu tôi nghe được cái cảm tưởng là lạ đó của một tên từ Việt Nam về. Liệu đấy có phải là lý do hãn vác bộ mặt u ám nặng nề đó lại đây. Tôi tin Hãn nói thật. Tỉnh thoảng hãn cũng nói một câu nghe được. Nhưng rồi hãn sẽ quên mau thôi. Chẳng có gì tồn tại được lâu trong khối óc đông đặc của hãn.

“Forget it! Tụi Mỹ hay nói vậy.” Hấn lại tiếp, vừa nói vừa vỗ vỗ vai tôi lần nữa. “Thế mà đúng. Có quên mới sống được. Cứ tin tao đi. Cứ sống thử vài năm ở Mỹ đi rồi sẽ thấy. Rán làm lại từ đầu. Rán lo cho vợ con mày. Thế hệ tao mày coi như bỏ đi rồi. Hãy lo cho mấy đứa nhóc. Con cái là ước mơ nối dài của bố mẹ. Rán nuôi dạy chúng, để chúng nó đi xây lại những ước mơ dang dở của những thằng cao bồi già như bọn mình. Rán mà ‘bảo trọng’, còn sức là còn cày được. Bên này cứ chịu cày là có tiền thôi. Đừng có tính chuyện mò về Việt Nam làm gì nữa, một chuyến như tao là quá đủ rồi.”

Chỉ toàn những “rán” và “rán”, hấn nói những lời ấy với tôi như vỗ về một đứa trẻ.

“Mày cứ nói vậy. Ai cũng cần có một quê hương...”

“Đẹp cái màn cái lương lắm cảm đó đi. Quê hương nào?! Cứ nơi nào trên mặt đất này con người đối xử với nhau đàng hoàng, tử tế thì nơi đó là quê hương thôi. Người với người cứ hàm hè, gặm gù với nhau như loài thú thì quê hương gì nổi. Một đất nước mà dạy cho con cái của tao với mày rằng bố của chúng nó là nguy quân, là phản động, là lính đánh thuê cho Mỹ, là chống phá nhân dân thì quê hương chỗ nào? ‘Chúng ta đi mang theo quê hương’ là quê hương ngày trước, quê hương trong chuyện cổ tích chứ có phải là quê hương bây giờ đâu. Cứ mơ mơ màng màng như mày coi bộ không xong rồi... Thôi tao dzọt!”

Hấn bóp mạnh lon bia không, ném rơi đúng vào giỏ rác, bước ra ngoài, khép cửa lại. Một lát, có tiếng bấm chuông, hấn lại thò đầu vào.

“Tuần sau vợ tao đi vacation. Nhà có mình tao. Ghé chơi,

nói chuyện tiếp.”

Tôi bước ra theo Hãn, ngó hãn mở cửa xe, nổ máy, tiếng máy xe êm ru. Chiếc xe Nhật đời mới màu đỏ chói, bóng loáng, quay đầu phóng vụt đi...

Tôi chẳng có dịp nào ghé lại Hãn để “nói chuyện tiếp” như lời hãn dặn dò. Trong tháng này hãn chỉ gọi phone cho tôi có hai lần, mỗi lần gọi là mỗi lần báo một tin xấu. Hai cái tin báo tử theo nhau đến từ Việt Nam. Cái tin đầu, đưa em gái Hãn báo sang, nói bà mẹ hãn qua đời. Cái tin sau, do Đức, bạn hãn cho hay, nói Liên tự tử, không rõ nguyên do.

Cái chết của mẹ Hãn có lẽ cũng không quá bất ngờ đối với hãn. Hãn đã chuẩn bị tinh thần từ trước đó. Hôm trước nói chuyện qua phone, tôi hỏi tình trạng bà già có hy vọng gì không, hãn nói bó tay. Tôi hỏi hãn có gửi thuốc men, tiền bạc gì về cho bà cụ, em út ở Việt Nam không, hãn nói thỉnh thoảng, Tết nào cũng gửi. Tôi không hỏi bao nhiêu, mấy ngàn, mấy trăm hay mấy chục. Bà cụ có lẽ đang lúc đau yếu, mới gặp được con rồi lại xa con nên rầu rĩ mà phát bệnh qua đời.

Khi báo tin Liên chết, Hãn cũng nói là tự tử không rõ nguyên do. Tôi tự hỏi có thực là Hãn “không rõ nguyên do”. Hãn nói thêm là trước ngày về lại Mỹ hãn có gửi lại Đức một số tiền, nhờ khéo léo trao lại cho Liên dịp nào thuận tiện. Không hiểu những đồng tiền đó có kịp đến tay Liên và không hiểu nàng có bằng lòng nhận khi biết là của hãn.

Tôi gọi cho Hãn mấy lần, hỏi xem hãn có nhà để ghé thăm, nói mấy lời an ủi, ít câu chia buồn, nhưng chẳng lần nào gặp được hãn, nhấn nghe gì cũng không thấy hãn gọi lại.

Có khi gặp Christine chỉ nghe nàng nói hă đi đâu suốt ngày, từ sáng sớm đến tối mịt, khuya lác khuya lơ mới về tới nhà. Có hôm tôi xộc đến nhà hă, chẳng gặp ai.

* * *

Hình ảnh sau cùng tôi còn nhớ được về Hă là vào một chiều hè, ngày Chủ Nhật thì phải, thằng con tôi bữa đó đòi ra park chơi. Hăng kêu mệt và thấy giờ đó cũng khá muộn nên ngại không muốn đi. Chiều con, tôi chăt cái xe đạp của thằng bé lên xe, hai bố con đánh một vòng ra cái park Alki gần bờ biển. Vợ chồng tôi vẫn thường đưa con ra đấy cho nó tập chạy xe đạp. Nắng chiều đã tắt, biển hôm ấy vắng người. Tôi chạy chậm chậm dọc theo bờ biển, tìm một chỗ tốt để gửi xe.



(Ảnh: LH)

“Bác Hă kia bố!” con tôi chỉ. Nó tinh mắt hơn tôi.

Tấp xe vào lề đường, sau lưng Hă, tôi tính gọi hă, nhưng kịp ngừng lại, cảm thấy có cái gì là lạ, bất thường. Tôi không thấy vợ con Hă đâu cả, chẳng lẽ hă đi một mình. Hă đứng đó, đúng là chỉ có một mình, không nhìn thấy tôi ngồi trên xe phía sau hă, vì hă đang chăm chú nhìn ra hướng biển. Tôi cũng nhìn theo hướng đó. Chẳng

thấy gì cả, chẳng có gì đặc biệt.

Từ chỗ này, nhìn sang phía bên kia bờ vịnh, trông thấy được bao quát cả khu phố chính downtown Seattle, trải rộng ra một góc chân trời. Một rừng building san sát, chen chúc nhau đủ màu sắc đen nâu xám trắng, sừng sững, cao nghêu, trông như đàn quái vật khổng lồ. Từ xa vẫn trông thấy rõ những lá cờ Mỹ to lớn chờn vờn trong gió. Nơi Hãn đang đứng cũng là nơi mà tôi vẫn bảo vợ con tôi đứng ngay đó, quay mặt lại để tôi chụp ít tấm ảnh kỷ niệm, lấy cái background là bức tranh toàn cảnh của một thành phố hiện đại, kiến trúc tân kỳ với những dãy nhà chọc trời ngạo nghễ, trông xa tưởng như trôi lên từ dưới lòng biển sâu. Những tấm ảnh hẳn phải đẹp lắm.

Hãn vẫn đứng đó, vẫn đứng nhìn về phía chân mây bờ biển. Hãn đứng như chôn chân dưới đất vậy. Thật kỳ lạ. Tên này trước giờ có khi nào chịu đứng yên một chỗ đâu. Tôi đã thấy hắn có những biểu hiện không được bình thường từ hôm ở Việt Nam về, hôm nay lại có thêm chuyện lạ.

Hãn đứng đó làm gì nhỉ? Ngắm nhìn trời trăng mây nước hay muốn tìm kiếm chi đó. Hãn cũng không phải thuộc dạng triết nhân lừng khừng hay thi sĩ lang thang tìm vần thơ. Tôi lại có cảm tưởng là hắn trông ra biển đó mà không nhìn thấy gì cả. Giá lúc này tôi có đến trước mặt hắn, cũng chưa chắc hắn đã nhận ra tôi. Nghĩ vậy, tôi thấy cần tôn trọng những giờ phút riêng tư của hắn, chẳng nên quấy rầy, cứ để mặc hắn muốn làm gì thì làm. Thế nhưng hắn lại không làm gì cả, cứ đứng như trời trồng, không nhúc nhích, không ngo nguậy, chỉ có cái đầu thỉnh thoảng thấy ngẩng lên một chút, rồi lại cúi xuống. Nếu muốn tĩnh tâm hay suy gẫm điều gì

sao hấn lại không vào một nhà nguyện, ngôi đền, ngôi chùa nào đó có phải tốt hơn không? Hình như Hấn lại chẳng theo đạo nào cả, chẳng bao giờ tôi thấy hấn bước vào đình chùa, nhà thờ, thánh thất nào ở đây. Bà mẹ hấn thì lại rất sùng đạo. Christine cũng vậy.

Hấn kể, có những lần vợ hấn đưa cả mục sư Tin Lành về nhà nói chuyện với hấn. Lúc nào vị mục sư cũng bắt đầu bằng câu hỏi, “Anh có sure là ngày mai nếu phải rời bỏ thế gian này anh sẽ được lên thiên đàng?” Hấn trả lời, “Tôi không care chuyện đó. Tôi làm những gì tôi thấy cần phải làm, không phải để book một tấm vé tốt trên thiên đàng.” Vị mục sư nói, “Con hãy tin Chúa.” Hấn hỏi lại, “Liệu Chúa có tin tôi?”

Tôi chưa gặp vị mục sư đó bao giờ nhưng tôi vẫn nhớ lời ông Cha già ở nhà thờ một sáng Chủ Nhật nào. Tôi muốn cầu cho sự bình an trong tâm hồn Hấn, trong tâm hồn tôi nữa, trong tâm hồn những kẻ luôn cần đến sự bình an trên cõi thế gian nhiều hệ lụy này. Có hôm tôi bước vào một nhà thờ Mỹ, trong buổi lễ có lúc ông Cha nói câu gì đó, những người đứng bên cạnh tôi, phía trước, phía sau tôi đều lần lượt chìa tay về phía tôi, nắm lấy bàn tay tôi và nói “Peace be with you!” Tôi cũng đáp lại, như một cái máy, “Peace be with you!” Những người Mỹ sống ngay trên đất nước họ mà cũng mong ước sự bình an đến thế ư? Nói chi đến những kẻ như Hấn đó, như tôi đây, như biết bao kẻ khác nữa vẫn đang sống lêu bêu nơi xứ người, vẫn có những lúc mơ mơ màng màng giữa sáng và tối, giữa mộng và thực, khi khóc khi cười, khi mê khi tỉnh, thì lại càng cần đến sự bình an biết chừng nào.

Có đôi lúc tôi còn không hiểu được chính mình. Tôi đứng thật là ai đây, làm sao mà lại có mặt nơi đây, làm sao mà lại đứng lơ ngơ, láo ngáo ở chôn này? Hãn đứng nơi đó, còn tôi đang đứng nơi đâu, trên những bến bờ nào đây, phía bên này hay phía bên kia bờ? Bên này trống không, bên kia có gì? Những bến bờ mênh mông, bát ngát, chập chùng... Tôi, nói như Hãn, còn đang ở chương nào trong cuốn sách dày cộm kia? Tập thứ mấy rồi đây? Liệu đã đến hồi kết thúc chưa? Liệu tôi còn phải miệt mài đi tiếp bao nhiêu tập nữa cho đến hết một bộ trường thiên tẻ nhạt?

Cho xe chạy tới trước một quăng, tôi dừng xe, tắt máy, ngoái đầu nhìn lại. Hãn vẫn còn đứng đó, ở một khoảng cách xa. Vẫn dõi mắt trông về phía chân mây bờ biển. Vẫn hai tay buông thõng, bất động. Biển vẫn mênh mông, khói sóng chập chờn. Những cụm mây vật vờ trên nền trời rộng dường như đã đổi sang màu tím thẫm. Bên kia vịnh, một vài tòa building đã thấy lấp lánh ánh đèn. Seattle, một trong những thành phố lớn nhất của nước Mỹ, trông xa mờ mờ ảo ảo như chìm trong màn sương mù huyền hoặc.

Thằng con tôi đòi xuống park chơi. Tôi nỏ lại máy xe, nói nhỏ với nó.

“Thôi mình về con à. Hôm khác đi, trời sắp tối rồi.” □